

PHỤ LỤC I

DANH MỤC THÀNH PHẦN HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHẢI THỰC HIỆN SỐ HÓA CỦA CÁC SỞ, BAN NGÀNH TỈNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

I. Thủ tục hành chính do Sở Công thương quản lý.....	2
II. Thủ tục hành chính do Sở Thông tin và Truyền thông quản lý	76
III. Thủ tục hành chính do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý.....	93
IV. Thủ tục hành chính do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.....	160
V. Thủ tục hành chính do Sở Nội vụ quản lý.....	192
VI. Thủ tục hành chính do Sở Kế hoạch và Đầu tư quản lý	208
VII. Thủ tục hành chính do Sở Giao thông vận tải quản lý.....	389
VIII. Thủ tục hành chính do Sở Y tế quản lý	419
IX. Thủ tục hành chính do Sở Khoa học và Công nghệ quản lý	430
X. Thủ tục hành chính do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý.....	455
XI. Thủ tục hành chính do Ban Dân tộc quản lý.....	478
XII. Thủ tục hành chính do Sở Ngoại vụ quản lý	479
XIII. Thủ tục hành chính do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý	479
XIV. Thủ tục hành chính do Sở Tư pháp quản lý.....	501
XV. Thủ tục hành chính do Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý.....	554
XVI. Thủ tục hành chính do Sở Xây dựng quản lý.....	597
XVII. Thủ tục hành chính do Ban Quản lý Khu kinh tế quản lý.....	637

I. Thủ tục hành chính do Sở Công thương quản lý					
STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
1.	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	2.002604. 000.00.00.H10	Xúc tiến thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 14/2024/NĐ-CP của Chính phủ; - Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước ngoài cho phép tổ chức xúc tiến thương mại thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam hoặc văn bản, tài liệu chứng minh về quyền thành lập Văn phòng đại diện tại nước ngoài của tổ chức; - Bản sao Giấy phép thành lập hoặc giấy tờ có giá trị tương đương; - Bản sao Điều lệ hoặc quy chế hoạt động của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài; - Điều lệ hoặc quy chế hoạt động dự kiến của Văn phòng đại diện tại Việt Nam; - Báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài trong 01 năm gần nhất; - Văn bản bổ nhiệm và lý lịch của người đứng đầu của các nhân sự thuộc Văn phòng đại diện tại Việt Nam 	
2.	Sửa đổi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	2.002605. 000.00.00.H10	Xúc tiến thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị sửa đổi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 14/2024/NĐ-CP do đại diện có thẩm quyền của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài ký; - Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam; - Văn bản, giấy tờ bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện mới của tổ chức xúc tiến thương mại được dịch ra tiếng Việt và hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam (áp dụng trong trường hợp sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, được sửa đổi tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 14/2024/NĐ-CP); 	

				- Bản sao Giấy đăng ký thành lập hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài thành lập hoặc đăng ký kinh doanh xác nhận.	
3.	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	2.002606. 000.00.00.H10	Xúc tiến thương mại	<p>- 01 văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 14/2024/NĐ-CP (áp dụng trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1a Điều 28 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, được bổ sung tại điểm a khoản 3 của Điều 1 Nghị định số 14/2024/NĐ-CP);</p> <p>- 01 văn bản đề nghị Sở Công Thương nơi dự kiến chuyển trụ sở Văn phòng đại diện đến cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 14/2024/NĐ-CP; bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam đang còn thời hạn hoạt động ít nhất 60 ngày; tài liệu chứng minh đã thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở của Văn phòng đại diện và đăng báo viết hoặc báo điện tử được phép phát hành tại Việt Nam trong 03 số liên tiếp về việc chuyển trụ sở của Văn phòng đại diện đến tỉnh, thành phố khác (áp dụng trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 1a Điều 28 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, được bổ sung tại điểm a khoản 3 của Điều 1 Nghị định số 14/2024/NĐ-CP)</p>	
4.	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	2.002607. 000.00.00.H10	Xúc tiến thương mại	<p>- Văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 14/2024/NĐ-CP do đại diện có thẩm quyền của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài ký;</p> <p>- Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương chứng minh sự tồn tại và hoạt động thực sự của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài trong năm tài chính gần nhất. Các giấy tờ này phải dịch ra tiếng Việt Nam và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam;</p> <p>- Báo cáo hoạt động của Văn phòng đại diện tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện;</p> <p>- Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.</p>	

5.	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	2.002608. 000.00.00.H10	Xúc tiến thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện theo mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 14/2024/NĐ-CP; - Tài liệu chứng minh đã thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở của Văn phòng đại diện và đăng báo viết hoặc báo điện tử được phép phát hành tại Việt Nam trong 03 (ba) số liên tiếp về việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện. 	
6.	Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ tại Hội đồng cấp tỉnh	1.012471. 000.00.00.H10	Nghề thủ công mỹ nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” theo Mẫu số 01 và Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 43/2024/NĐ-CP; - Có một trong các tài liệu chứng minh những đóng góp đối với việc giữ gìn, truyền nghề, dạy nghề: Bảng hoặc đĩa hình hoặc ảnh mô tả các kỹ năng, kỹ xảo đang nắm giữ hoặc bản chứng thực trong trường hợp cá nhân nộp hồ sơ qua đường bưu điện, bản photocopy (có bản gốc để đối chiếu) trong trường hợp cá nhân nộp trực tiếp giấy chứng nhận hoặc quyết định tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Giải thưởng, Bằng khen hoặc các tài liệu khác liên quan. 	
7.	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	2.001434. 000.00.00.H10	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp - Quyết định thành lập hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc bản sao giấy phép thầu do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật. - Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự. - Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản đối với doanh nghiệp hoạt động khoáng sản; bản sao quyết định trúng thầu thi công công trình, bản sao hợp đồng nhận thầu hoặc văn bản ủy quyền, giao nhiệm vụ thực hiện hợp đồng thi công công trình của tổ chức quản lý doanh nghiệp. - Thiết kế, bản vẽ thi công các hạng mục công trình xây dựng, thiết kế khai thác mỏ có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với công - trình quy mô công nghiệp; phương án thi công, khai thác đối với hoạt động xây dựng, khai thác thủ công. Thiết kế hoặc phương án do chủ đầu tư phê duyệt phải bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. 	

				<ul style="list-style-type: none"> - Phương án nổ mìn được lãnh đạo doanh nghiệp ký duyệt. Trường hợp nổ mìn trong khu vực dân cư, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khu vực có di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh, quốc phòng hoặc công trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác theo quy định của pháp luật thì phương án nổ mìn phải được cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ đồng ý bằng văn bản. - Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp và điều kiện bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (đối với các tổ chức có kho chứa vật liệu nổ công nghiệp). - Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không có kho hoặc không có phương tiện vận chuyên, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải có bản sao hợp đồng nguyên tắc thuê kho, phương tiện vận chuyên vật liệu nổ công nghiệp với tổ chức, doanh nghiệp có kho, phương tiện vận chuyên vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phòng cháy và khai thác đối với hoạt động xây dựng, khai thác thủ công. Thiết kế hoặc phương án do chủ đầu tư phê duyệt phải bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. - Phương án nổ mìn được lãnh đạo doanh nghiệp ký duyệt. Trường hợp nổ mìn trong khu vực dân cư, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khu vực có di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh, quốc phòng hoặc công trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác theo quy định của pháp luật thì phương án nổ mìn phải được cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ đồng ý bằng văn bản. - Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp và điều kiện bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (đối với các tổ chức có kho chứa vật liệu nổ công nghiệp). - Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép sử dụng vật liệu 	
--	--	--	--	---	--

				<p>nổ công nghiệp không có kho hoặc không có phương tiện vận chuyển, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải có bản sao hợp đồng nguyên tắc thuê kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp với tổ chức, doanh nghiệp có kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phòng cháy và chữa cháy hoặc bản sao hợp đồng nguyên tắc với tổ chức được phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp để cung ứng vật liệu nổ công nghiệp đến công trình theo hộ chiếu nổ mìn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn của lãnh đạo doanh nghiệp và danh sách thợ mìn, người có liên quan trực tiếp đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; giấy phép lao động của người nước ngoài làm việc có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (nếu có); bản sao chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của người chỉ huy nổ mìn và đội ngũ thợ mìn. - Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ. 	
8.	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	2.001433.000.00.00.H10	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	<p>* Nếu không có sự thay đổi về quy mô, địa điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp - Báo cáo hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp - Quyết định thành lập hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc bản sao giấy phép thầu do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật. - Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự. - Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản đối với doanh nghiệp hoạt động khoáng sản; bản sao quyết định trúng thầu thi công công trình, bản sao hợp đồng nhận thầu hoặc văn bản ủy quyền, giao nhiệm vụ thực hiện hợp đồng thi công công trình của tổ chức quản lý doanh nghiệp. 	

				<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế, bản vẽ thi công các hạng mục công trình xây dựng, thiết kế khai thác mỏ có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với công trình quy mô công nghiệp; phương án thi công, khai thác đối với hoạt động xây dựng, khai thác thủ công. Thiết kế hoặc phương án do chủ đầu tư phê duyệt phải bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. - Phương án nổ mìn được lãnh đạo doanh nghiệp ký duyệt. Trường hợp nổ mìn trong khu vực dân cư, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khu vực có di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh, quốc phòng hoặc công trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác theo quy định của pháp luật thì phương án nổ mìn phải được cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ đồng ý bằng văn bản. - Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp và điều kiện bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (đối với các tổ chức có kho chứa vật liệu nổ công nghiệp). - Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không có kho hoặc không có phương tiện vận chuyên, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải có bản sao hợp đồng nguyên tắc thuê kho, phương tiện vận chuyên vật liệu nổ công nghiệp với tổ chức, doanh nghiệp có kho, phương tiện vận chuyên vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phòng cháy và chữa cháy hoặc bản sao hợp đồng nguyên tắc với tổ chức được phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp để cung ứng vật liệu nổ công nghiệp đến công trình theo hộ chiếu nổ mìn. - Quyết định bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn của lãnh đạo doanh nghiệp và danh sách thợ mìn, người có liên quan trực tiếp đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; giấy phép lao động của người nước ngoài làm việc có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (nếu có); bản sao chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của người chỉ huy nổ mìn và đội ngũ thợ mìn. 	
--	--	--	--	---	--

				<ul style="list-style-type: none"> - Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ. * Nếu có sự thay đổi về quy mô, địa điểm - Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp - Quyết định thành lập hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc bản sao giấy phép thầu do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật. - Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự. - Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản đối với doanh nghiệp hoạt động khoáng sản; bản sao quyết định trúng thầu thi công công trình, bản sao hợp đồng nhận thầu hoặc văn bản ủy quyền, giao nhiệm vụ thực hiện hợp đồng thi công công trình của tổ chức quản lý doanh nghiệp. Bản sao - Thiết kế, bản vẽ thi công các hạng mục công trình xây dựng, thiết kế khai thác mỏ có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với công trình quy mô công nghiệp; phương án thi công, khai thác đối với hoạt động xây dựng, khai thác thủ công. Thiết kế hoặc phương án do chủ đầu tư phê duyệt phải bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. - Phương án nổ mìn được lãnh đạo doanh nghiệp ký duyệt. Trường hợp nổ mìn trong khu vực dân cư, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khu vực có di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh, quốc phòng hoặc công trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác theo quy định của pháp luật thì phương án nổ mìn phải được cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ đồng ý bằng văn bản. - Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp và điều kiện bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (đối với các tổ chức có kho chứa vật liệu nổ công nghiệp). - Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép sử dụng vật liệu 	
--	--	--	--	---	--

				<p>nổ công nghiệp không có kho hoặc không có phương tiện vận chuyển, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải có bản sao hợp đồng nguyên tắc thuê kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp với tổ chức, doanh nghiệp có kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phòng cháy và chữa cháy hoặc bản sao hợp đồng nguyên tắc với tổ chức được phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp để cung ứng vật liệu nổ công nghiệp đến công trình theo hộ chiếu nổ mìn.</p> <p>- Quyết định bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn của lãnh đạo doanh nghiệp và danh sách thợ mìn, người có liên quan trực tiếp đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; giấy phép lao động của người nước ngoài làm việc có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (nếu có); bản sao chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của người chỉ huy nổ mìn và đội ngũ thợ mìn. bản sao</p> <p>- Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ.</p>	
9.	Thu hồi giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	1.003401. 000.00.00.H10	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	<p>- Văn bản đề nghị thu hồi;</p> <p>- Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Chứng minh Công an nhân dân hoặc giấy chứng minh do Quân đội nhân dân cấp của người đến liên hệ.</p>	
10.	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	2.000229. 000.00.00.H10	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	<p>* Trường hợp hồ sơ đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp</p> <p>- Giấy đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn (Mẫu số 01 tại Phụ lục II);</p> <p>Danh sách người đề nghị được huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn (Mẫu số 02 tại Phụ lục II);</p> <p>02 ảnh (3×4 cm) của người trong danh sách đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn;</p> <p>Tài liệu chứng minh đáp ứng các quy định về trình độ chuyên môn theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 71/2018/NĐ-CP.</p>	

				<p>* Trường hợp hồ sơ đề nghị kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp</p> <p>Giấy đề nghị kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn (Mẫu số 01 tại Phụ lục II);</p> <p>Danh sách người đề nghị được kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn (Mẫu số 02 tại Phụ lục II);</p> <p>02 ảnh (3×4 cm) của người trong danh sách đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn;</p> <p>Tài liệu huấn luyện chi tiết phù hợp cho từng đối tượng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 71/2018/NĐ-CP;</p> <p>Tài liệu chứng minh đáp ứng các quy định về trình độ chuyên môn theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 71/2018/NĐ-CP.</p>	
11.	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	2.000210. 000.00.00.H10	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận (mẫusố 01 Phụ lục II); - 02 ảnh (cỡ 3×4 cm) của người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận; 	
12.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.001547. 000.00.00.H10	Hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh - Bản kê khai từng cơ sở địa điểm kinh doanh hóa chất - Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất - Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở kho chứa hóa chất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa 	

				<p>cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng kho chứa hóa chất không thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy</p> <p>Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng từng cơ sở địa điểm kinh doanh hóa chất, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí kho chứa, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào kho chứa hóa chất; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng kho chứa hóa chất hoặc Hợp đồng thuê kho đối với trường hợp thuê kho lưu trữ hoặc Hợp đồng hay thỏa thuận mua bán hóa chất trong trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của từng cơ sở kinh doanh hóa chất - Bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất của người phụ trách về an toàn hóa chất - Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 34 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP - Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở kinh doanh hóa chất theo quy định. 	
13.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.001175. 000.00.00.H10	Hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp - Giấy chứng nhận đã được cấp trong trường hợp Giấy chứng nhận bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân hoặc Phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng 	

14.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.001172. 000.00.00.H10	Hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; - Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp; - Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện sản xuất, kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh. 	
15.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	1.002758. 000.00.00.H10	Hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; - Bản kê khai từng cơ sở sản xuất hóa chất - Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất; - Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất không thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; - Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng từng cơ sở sản xuất hóa chất, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí nhà xưởng, kho chứa, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào nhà xưởng, khu vực sản xuất, kho chứa hóa chất; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất hoặc Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho chứa, Hợp đồng hay thỏa thuận mua bán hóa chất trong trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất (Bản chính); 	

				<ul style="list-style-type: none"> - Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của cơ sở sản xuất hóa chất; - Bằng đại học trở lên chuyên ngành hóa chất của Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất của cơ sở sản xuất; Bản sao bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất của người phụ trách về an toàn hóa chất. - Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 34 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP; - Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất theo quy định. 	
16.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.001161. 000.00.00.H10	Hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp - Giấy chứng nhận đã được cấp trong trường hợp Giấy chứng nhận bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân hoặc Phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng 	
17.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	2.000652. 000.00.00.H10	Hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp - Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp - Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh 	

18.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	1.011506. 000.00.00.H10	Hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc 	
				<p>Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản kê khai từng cơ sở sản xuất, địa điểm kinh doanh hóa chất - Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất - Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất không thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy - Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng từng cơ sở sản xuất, địa điểm kinh doanh hóa chất, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí nhà xưởng, kho chứa, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào nhà xưởng, khu vực sản xuất, kho chứa hóa chất; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất hoặc Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho chứa, Hợp đồng hay thỏa thuận mua bán hóa chất 	

				<p>trong trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất (Bản chính);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của từng cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất. - Bảng đại học trở lên chuyên ngành hóa chất của Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất của cơ sở sản xuất; Bản sao bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất của người phụ trách về an toàn hóa chất. - Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 34 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP. - Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất theo quy định 	
19.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	1.011507. 000.00.00.H10	Hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp - Giấy chứng nhận đã được cấp trong trường hợp Giấy chứng nhận bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân hoặc Phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng 	
20.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	1.011508. 000.00.00.H10	Hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp - Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp - Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện sản xuất và kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh 	

21.	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	1.001158. 000.00.00.H10	Công nghiệp nặng	<p>* Đối với dự án đang sản xuất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị xác nhận ưu đãi (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 55/2015/TT- BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương); - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; - Thuyết minh hiện trạng quy trình sản xuất, cơ sở vật chất (nhà xưởng), máy móc thiết bị (bảng kê danh mục và công suất máy móc, thiết bị chuyên ngành cho các công đoạn chính phù hợp với sản phẩm và quy mô đang sản xuất của cơ sở; thiết bị đo lường, kiểm tra chất lượng...); công suất sản xuất. - Báo cáo kiểm toán độc lập năm gần nhất trước thời điểm nộp hồ sơ xin xác nhận ưu đãi (hoặc báo cáo tài chính). - Dự án đầu tư mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và xây dựng. - Cam kết bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật bảo vệ môi trường hoặc xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường. - Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (các tiêu chuẩn do Ủy ban tiêu chuẩn hóa Châu Âu CEN - European Committee for Standardization ban hành) hoặc tương đương (nếu có) do tổ chức chứng nhận được phép hoạt động chứng nhận theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa cấp. <p>* Trường hợp dự án được thực hiện lần đầu hoặc hoạt động độc lập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị xác nhận ưu đãi; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; - Báo cáo (dự án) đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và xây dựng. 	
-----	---	----------------------------	------------------	--	--

				<p>- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (các tiêu chuẩn do Ủy ban tiêu chuẩn hóa Châu Âu CEN - European Committee for Standardization ban hành) hoặc trong tương lai (nếu có) do tổ chức chứng nhận được phép hoạt động chứng nhận theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa cấp.</p>	
--	--	--	--	--	--

22.	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	2.000331. 000.00.00.H10	Công nghiệp địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm của cơ sở công nghiệp nông thôn (theo mẫu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương) kèm theo bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương; - Bản thuyết minh, mô tả giới thiệu về sản phẩm đăng ký bình chọn (theo mẫu tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương) kèm theo tối thiểu 03 (ba) ảnh màu, cỡ (10 x 15) cm của sản phẩm được chụp tại các góc độ khác nhau (tối thiểu tại các góc: chính diện, các mặt bên, từ trên xuống); - Bản sao hợp lệ các tài liệu khác còn giá trị pháp lý liên quan đến sản phẩm (nếu có) như: Chứng chỉ, chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm; giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; giấy khen, bằng khen cho sản phẩm và các giấy tờ liên quan khác”. - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện còn giá trị; - Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện kèm theo danh sách trích ngang các sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn cấp tỉnh (theo mẫu tại Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương); 	
-----	---	----------------------------	------------------------	---	--

23.	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hoá nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	2.000046. 000.00.00.H10	Khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Bản công bố hợp quy theo mẫu CBHC/HQ quy định tại Thông tư số 28/2012/TT- BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Chứng chỉ chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hoá với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận hợp quy cấp; - Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hoá. - Các tiêu chuẩn liên quan trực tiếp đến sản phẩm, hàng hoá (tiêu chuẩn TCVN, TCCS hoặc áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài) hoặc quy định kỹ thuật khác. - Bản hướng dẫn sử dụng sản phẩm, hàng hoá. 	
24.	Cấp giấy phép hoạt động Tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền của địa phương	2.001561. 000.00.00.H10	Điện	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép. - Danh sách trích ngang chuyên gia tư vấn đảm nhiệm chức danh chủ nhiệm, chức danh giám sát trưởng và các chuyên gia tư vấn khác theo Mẫu 3a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT; bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (đối với các ngành nghề yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật xây dựng), tài liệu chứng minh thời gian làm việc trong lĩnh vực tư vấn (Bản khai lý lịch công tác có xác nhận của người sử dụng lao động hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương), hợp đồng lao động xác định thời hạn hoặc không xác định thời hạn của các chuyên gia tư vấn. - Tài liệu chứng minh kinh nghiệm của các chuyên gia tư vấn (Quyết định phân công nhiệm vụ hoặc giấy xác nhận của chủ đầu tư công trình, dự án đã thực hiện hoặc các tài liệu có giá trị tương đương). 	
25.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động Tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền của	2.001632. 000.00.00.H10	Điện	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp thay đổi tên hoặc địa chỉ trụ sở của đơn vị theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư 21/2020/TT-BCT, hồ sơ bao gồm các nội dung sau: + Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy 	

	địa phương			<p>định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT; + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép. - <i>Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhận chuyển giao tài sản hoặc giảm bớt một phần phạm vi hoạt động từ đơn vị đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực, hồ sơ đề nghị sửa đổi giấy phép hoạt động điện lực bao gồm:</i> + Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT; + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép; + Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản; tài liệu chứng minh việc chuyển giao nhân sự hoặc tài liệu về đội ngũ trực tiếp quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành, chuyên gia tư vấn theo các quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 6 Thông tư Thông tư số 21/2020/TT-BCT và Thông tư số 10/2023/TT-BCT trong trường hợp có sự thay đổi nhân sự.</p>	
26.	Cấp Giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 3MW đặt tại địa phương	2.001617. 000.00.00.H10	Điện	<p>- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép. - Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca nhà máy điện theo Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT; bản sao bằng tốt nghiệp và hợp đồng lao động với chủ đầu tư hoặc đơn vị quản lý vận hành của người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca nhà máy điện; tài liệu chứng minh thời gian làm việc trong lĩnh vực phát điện của người trực tiếp quản lý kỹ thuật (Bản khai lý lịch công tác có xác nhận của người sử dụng lao động hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương); tài liệu về kết quả tập huấn sát hạch đạt yêu cầu về an toàn và giấy chứng nhận vận hành được cấp điều độ có quyền điều khiển cấp theo Quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương ban hành của đội</p>	

				<p>ngũ trường ca nhà máy điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chấp thuận hoặc quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc bản sao Giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp pháp luật về đầu tư có quy định hoặc Quyết định đầu tư của chủ đầu tư; bản sao văn bản phê duyệt quy hoạch công trình của cơ quan có thẩm quyền. - Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường dự án đầu tư nhà máy điện của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về môi trường. - Quyết định phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa của cơ quan có thẩm quyền (đối với nhà máy thủy điện). - Biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt tổ máy hoặc hệ thống pin năng lượng mặt trời; - bản sao tài liệu xác định thông số chính củanà máy điện (thông số tua bin, máy phát, máy biến áp chính). - Biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng viễn thông phục vụ vận hành thị trường điện; bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống SCADA phục vụ vận hành hệ thống điện và thị trường điện (đối với nhà máy tham gia thị trường điện). - Đối với nhà máy thủy điện: Bản sao biên bản nghiệm thu đập thủy điện, phương án bảo vệ đập và hồ chứa nước, phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, báo cáo kiểm định an toàn đập (đối với trường hợp đập đã đến thời hạn kiểm định theo quy định). - Trường hợp nhà máy điện, tổ máy phát điện dự phòng không nối lưới và chỉ phát điện để bán điện cho khách hàng khi sự cố mất điện từ lưới điện quốc gia, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép không bao gồm nội dung quy định tại Khoản 8 Điều 7 Thông tư số 21/2020/TT- BCT, cụ thể không có "Bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng viễn thông phục vụ vận hành thị trường điện; bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống SCADA phục vụ vận hành hệ thống điện và thị trường điện (đối với nhà máy tham gia thị trường điện). 	
27.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động	2.001549.000.00.0 0.H10	Điện	- Trường hợp thay đổi tên hoặc địa chỉ trụ sở của đơn vị theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư 21/2020/TT-BCT, hồ sơ bao gồm	

	phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương.			<p>các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT- BCT; + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép. - Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhận chuyển giao tài sản hoặc giám bớt một phần phạm vi hoạt động từ đơn vị đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực, hồ sơ đề nghị sửa đổi giấy phép hoạt động điện lực bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT- BCT; + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép; + Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản; tài liệu chứng minh việc chuyển giao nhân sự hoặc tài liệu về đội ngũ trực tiếp quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành, chuyên gia tư vấn theo các quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 7 Thông tư Thông tư số 21/2020/TT-BCT và Thông tư số 10/2023/TT-BCT trong trường hợp có sự thay đổi nhân sự. 	
28.	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương.	2.001535.000.00.00.H10	Điện	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT- BCT. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép. - Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kinh doanh theo Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT- BCT; bản sao hợp đồng lao động và bản sao bằng tốt nghiệp của người có tên trong danh sách; tài liệu chứng minh thời gian làm việc trong lĩnh vực bán buôn, bán lẻ điện của người trực tiếp quản lý kinh doanh (Bản khai lý lịch công tác có xác nhận của người sử dụng lao động hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương). 	

29.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương.	2.001266. 000.00.00.H10	Điện	<p>- Trường hợp thay đổi tên hoặc địa chỉ trụ sở của đơn vị theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư 21/2020/TT-BCT, hồ sơ bao gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT; + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép. <p>- Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhận chuyên giao tài sản hoặc giảm bớt một phần phạm vi hoạt động từ đơn vị đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực, hồ sơ đề nghị sửa đổi giấy phép hoạt động điện lực bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT; + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép; + Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản; tài liệu chứng minh việc chuyển giao nhân sự hoặc tài liệu về đội ngũ trực tiếp quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành, chuyên gia tư vấn theo các quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 9 Thông tư Thông tư số 21/2020/TT-BCT và Thông tư số 10/2023/TT-BCT trong trường hợp có sự thay đổi nhân sự. 	
30.	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương.	2.001249. 000.00.00.H 10	Điện	<p>- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT.</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.</p> <p>- Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca vận hành theo Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT; bản sao hợp đồng lao động và bản sao bằng tốt nghiệp của người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca vận hành; tài liệu chứng minh thời gian làm việc trong lĩnh</p>	

				<p>vực truyền tải hoặc phân phối điện của người trực tiếp quản lý kỹ thuật (Bản khai lý lịch công tác có xác nhận của người sử dụng lao động hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương); tài liệu về kết quả tập huấn sát hạch đạt yêu cầu về an toàn hoặc thể an toàn điện theo quy định tại Điều 64 Luật Điện lực, giấy chứng nhận vận hành được cấp điều độ có quyền điều khiển cấp theo Quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương ban hành của đội ngũ trường ca vận hành.</p> <p>- Danh mục các hạng mục công trình lưới điện (trang thiết bị công nghệ, đường dây, trạm biến áp) và phạm vi lưới điện do tổ chức đang quản lý. Bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt các hạng mục công trình lưới điện (trang thiết bị công nghệ, đường dây, trạm biến áp). Trường hợp mua bán, sáp nhập, bàn giao tài sản lưới điện phải có Biên bản nghiệm thu theo quy định hoặc Biên bản bàn giao tài sản. Trường hợp tài sản lưới điện thuộc sở hữu chung của nhiều nhà đầu tư, phải có văn bản thỏa thuận hoặc ủy quyền của các chủ sở hữu cho một đơn vị quản lý vận hành.</p> <p>- Thỏa thuận đấu nối hoặc Hợp đồng đấu nối vào hệ thống điện quốc gia; Bản đồ ranh giới lưới điện và phạm vi hoạt động.</p>	
31.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương.	2.001724.000.00.00.H10	Điện	<p>- <i>Trường hợp thay đổi tên hoặc địa chỉ trụ sở của đơn vị theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư 21/2020/TT-BCT, hồ sơ bao gồm các nội dung sau:</i></p> <p>+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT- BCT;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.</p> <p>- <i>Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhận chuyển giao tài sản hoặc giảm bớt một phần phạm vi hoạt động từ đơn vị đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực, hồ sơ đề nghị sửa đổi giấy phép hoạt động điện lực</i></p> <p><i>bao gồm:</i></p> <p>+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT- BCT;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép;</p>	

				+ Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản; tài liệu chứng minh việc chuyển giao nhân sự hoặc tài liệu về đội ngũ trực tiếp quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành, chuyên gia tư vấn theo các quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 8 Thông tư Thông tư số 21/2020/TT-BCT và Thông tư số 10/2023/TT-BCT trong trường hợp có sự thay đổi nhân sự.
32.	Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện	2.000621. 000.00.00.H10	Điện	- Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động; - 02 ảnh (2x3)cm của người lao động.
33.	Cấp lại thẻ an toàn điện	2.000643. 000.00.00.H10	Điện	- Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động; - 02 ảnh (2x3)cm và thẻ an toàn điện cũ (nếu có) của người lao động.
34.	Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện	2.000638. 000.00.00.H10	Điện	- Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động; - 02 ảnh (2x3) cm và thẻ an toàn điện cũ (nếu có) của người lao động. 1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với các hoạt động: (i) Xây dựng công trình mới; (ii) Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; (iii) Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; (iv) Nuôi trồng thủy sản; (v) Xây dựng công trình ngầm bao gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP; - Bản vẽ thiết kế thi công đối với trường hợp (i) Xây dựng công trình mới (ii) Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; (iii) Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; (v) Xây dựng công trình ngầm;

35.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP).	2.001640. 000.00.00.H10	An toàn đập, hồ chứa thủy đập	<ul style="list-style-type: none"> - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép; - Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy điện; - Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy điện; - Văn bản thỏa thuận về sử dụng đất lâu dài hoặc có thời hạn với chủ sử dụng đất hợp pháp. <p>2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP; - Bản sao giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cơ giới đường bộ; phương tiện đường thủy nội địa; - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép; - Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy điện; - Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy điện. <p>3. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP; - Dự án đầu tư được phê duyệt; - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép; - Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy điện; - Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy điện. <p>4. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với hoạt động nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP; - Bản sao hộ chiếu nổ mìn 	
-----	--	----------------------------	-------------------------------	---	--

				<ul style="list-style-type: none"> - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép; - Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy điện; - Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy điện. <p>5. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với hoạt động trồng cây lâu năm bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép - Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy điện - Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy điện. <p>6. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với hoạt động xả nước thải vào công trình thủy điện, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP; - Bản đồ tỷ lệ 1/5.000 khu vực xử lý nước thải, vị trí xả nước thải vào hệ thống công trình thủy điện; - Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy điện; - Bản vẽ thiết kế thi công, quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải; - Kết quả phân tích chất lượng nước của công trình thủy lợi tại vị trí xả nước thải; kết quả phân tích chất lượng nước thải trước và sau khi xử lý đối với trường hợp đang xả nước thải vào công trình thủy điện; - Đề án xả nước thải vào công trình thủy điện đối với trường hợp chưa xả nước thải; báo cáo hiện trạng xả nước thải đối với trường hợp đang xả nước thải vào công trình thủy điện; - Bản sao giấy tờ quyền sử dụng đất khu vực đặt hệ thống xử lý nước thải. 	
--	--	--	--	--	--

36.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP).	2.001607. 000.00.00.H10	An toàn đập, hồ chứa thủy đập	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp giấy phép bị mất, bị rách, hư hỏng, hồ sơ bao gồm: + Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép. - Trường hợp tên của chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức, hồ sơ bao gồm: + Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép. + Tài liệu chứng minh việc thay đổi tên chủ Giấy phép trực tiếp. 	
37.	Cấp gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP).	2.001587. 000.00.00.H10	An toàn đập, hồ chứa thủy đập	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo mẫu quy định tại Mẫu 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP; - Bản vẽ thiết kế thi công bổ sung hoặc Dự án đầu tư bổ sung đối với trường hợp đề nghị Điều chỉnh nội dung giấy phép quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 6 và Khoản 10 Điều 13 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP; báo cáo phân tích chất lượng nước thải đối với trường hợp đề nghị Điều chỉnh nội dung giấy phép quy định tại Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP. - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp; Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy điện. 	
38.	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2.001322. 000.00.00.H10	An toàn đập, hồ chứa thủy đập	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị phê duyệt; - Dự thảo quy trình vận hành hồ chứa nước; - Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật; - Bản đồ hiện trạng công trình; - Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; - Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có). 	

39.	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2.001292. 000.00.00.H10	An toàn đập, hồ chứa thủy đập	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị điều chỉnh - Dự thảo quy trình - Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật - Bản đồ hiện trạng công trình; - Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; - Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có). 	
40.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2.001313. 000.00.00.H10	An toàn đập, hồ chứa thủy đập	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án; - Dự thảo phương án; - Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật; - Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; - Các tài liệu khác liên quan kèm theo (nếu có). 	
41.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2.001300.000.00.0 0.H10	An toàn đập, hồ chứa thủy đập	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị phê duyệt; - Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; - Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật; - Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; - Các tài liệu khác liên quan kèm theo (nếu có). 	
42.	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	2.001384. 000.00.00.H10	An toàn đập, hồ chứa thủy đập	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị phê duyệt; - Phương án cấm mốc chỉ giới. 	
43.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	2.000591. 000.00.00.H10	An toàn thực phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật. - Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm. - Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy 	

				<p>xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;</p> <p>- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của cơ sở.</p>
44.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	2.000535. 000.00.00.H10	An toàn thực phẩm	<p>- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất hoặc bị hỏng</p> <p>+ Đơn đề nghị cấp lại.</p> <p>- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực</p> <p>+ Đơn đề nghị cấp lại;</p> <p>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật;</p> <p>+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm;</p> <p>+ Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;</p> <p>+ Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của cơ sở.</p> <p>- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh</p> <p>+ Đơn đề nghị cấp lại;</p> <p>+ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);</p> <p>+ Tài liệu chứng minh sự thay đổi tên cơ sở.</p> <p>- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi chủ cơ sở</p>

				<p>nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị cấp lại; + Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở); + Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở). 	
45.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	2.001646.000.00.00.H10	Lưu thông hàng hóa trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. - Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc bản sao một trong các giấy chứng nhận sau: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (ISO 22000), Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (EFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000). - Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp. - Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà doanh nghiệp sản xuất hoặc dự kiến sản xuất. - Bằng cấp, giấy chứng nhận chuyên môn và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của cán bộ kỹ thuật. 	

46.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	2.001636. 000.00.00.H10	Lưu thông hàng hóa trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP. - Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp đã cấp. - Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung. 	
47.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	2.001630. 000.00.00.H10	Lưu thông hàng hóa trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực: Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới. - Trường hợp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp do bị mất hoặc bị hỏng: Hồ sơ đề nghị cấp lại bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 105/NĐ-CP và bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có); 	
48.	Cấp giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	1.010696. 000.00.00.H10	Lưu thông hàng hóa trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp, cấp lại Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ theo Mẫu số 3a tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ. - Giấy xác nhận làm thương nhân kinh doanh xăng dầu theo các loại hình tương ứng theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Nghị định số 95/2021/NĐ-CP. - Chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy của nhân viên kinh doanh trực tiếp. - Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ. 	
49.	Cấp Giấy xác nhận đủ			<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 7 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 	

	điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	2.000674. 000.00.00.H10	Lưu thông hàng hóa trong nước	83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ) - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Giấy tờ chứng minh đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh theo quy định tại Khoản 5 Điều 16 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP; - Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 16 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP), kèm theo các tài liệu chứng minh; - Danh sách hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP), kèm theo các tài liệu chứng minh; - Văn bản xác nhận của thương nhân cung cấp xăng dầu cho tổng đại lý có thời hạn tối thiểu một (01) năm, trong đó ghi rõ chủng loại xăng dầu.	
50.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	2.000666. 000.00.00.H10	Lưu thông hàng hóa trong nước	- Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 7 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ) - Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu đã được cấp; - Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.	
51.	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	2.000664. 000.00.00.H10	Lưu thông hàng hóa trong nước	- Đơn đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 7 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ) - Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (nếu có).	

52.	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	2.000673. 000.00.00.H10	Lưu thông hàng hóa trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (Mẫu số 9 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ) - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ môi trường, nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy của cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp kinh doanh; - Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu chứng minh; - Văn bản xác nhận của thương nhân cung cấp xăng dầu cho đại lý có thời hạn tối thiểu một (01) năm, trong đó ghi rõ chủng loại xăng dầu. 	
53.	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.	2.000669. 000.00.00.H10	Lưu thông hàng hóa trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (Mẫu số 9 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ) - Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu đã được cấp; - Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi. 	
54.	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.	2.000672. 000.00.00.H10	Lưu thông hàng hóa trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (Mẫu số 9 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ) - Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (nếu có). 	

55.	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	2.000648.000.00.00.H10	Lưu thông hàng hóa trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ) - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của thương nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu; - Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu. - Tài liệu chứng minh tính hợp pháp về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu (Giấy phép xây dựng hoặc văn bản thông báo thẩm định thiết kế bản vẽ thi công công trình cửa hàng xăng dầu và thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng cửa hàng xăng dầu); - Chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý và nhân viên cửa hàng (phòng cháy chữa cháy; bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu); - Văn bản xác nhận cung cấp hàng cho các cửa hàng xăng dầu của thương nhân cung cấp; - Giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên của thương nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng thuê đất và tài sản gắn liền với đất...). 	
56.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.	2.000645.000.00.00.H10	Lưu thông hàng hóa trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ). - Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu đã được cấp; - Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi. 	

57.	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	2.000647. 000.00.00.H10	Lưu thông hàng hóa trong nước	<p>* Đối với cấp lại do bị mất, bị cháy, bị rách..., hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ). - Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (nếu có). <p>* Đối với cấp lại khi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu hết hiệu lực, hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ). - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của thương nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu; - Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu. - Chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý và nhân viên cửa hàng (phòng cháy chữa cháy; bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu); - Văn bản xác nhận cung cấp hàng cho các cửa hàng xăng dầu của thương nhân cung cấp; - Giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên của thương nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng thuê đất và tài sản gắn liền với đất...). 	
58.	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	2.000190. 000.00.00.H10	Lưu thông hàng hóa trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (theo mẫu Phụ Lục 21 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương). - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế; - Văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc các 	

				<p>thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảng kê danh sách thương nhân, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá (nếu đã kinh doanh) của các thương nhân đã hoặc sẽ thuộc hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá trên địa bàn; 	
59.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	2.000176. 000.00.00.H10	Lưu thông hàng hóa trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung; (theo mẫu Phụ lục 44 Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương). - Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp; - Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp; - Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung. 	
60.	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	2.000167. 000.00.00.H10	Lưu thông hàng hóa trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá; Phụ Lục 21 theo mẫu (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương). - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế; - Văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh. - Bảng kê danh sách thương nhân, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá (nếu đã kinh doanh) của các thương nhân đã hoặc sẽ thuộc hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá trên địa bàn; - Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. 	

61.	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	2.000626.000.00.00.H10	Lưu thông hàng hóa trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (Bản chính - theo mẫu Phụ lục 8 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương). - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; - Bảng kê diện tích, sơ đồ kho tàng, văn phòng làm việc và các khu phụ trợ khác - Hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá. 	
62.	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	2.000622.000.00.00.H10	Lưu thông hàng hóa trong nước	<ul style="list-style-type: none"> * Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực: <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (Bản chính - theo mẫu Phụ lục 8 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương). - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; - Bảng kê diện tích, sơ đồ kho tàng, văn phòng làm việc và các khu phụ trợ khác - Hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá. * Trường hợp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (Bản chính - theo mẫu Phụ lục 8 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương). 	

				Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đặc cấp (nếu có).	
63.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	2.000204. 000.00.00.H10	Lưu thông hàng hóa trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá theo mẫu Phụ lục 28 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương. - Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đã được cấp; Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung. 	
64.	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2.001624. 000.00.00.H10	Lưu thông hàng hóa trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. - Tài liệu về hệ thống bán buôn rượu gồm một trong hai loại sau: <ul style="list-style-type: none"> + Hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống phân phối rượu kèm Giấy phép bán lẻ rượu của thương nhân dự kiến tham gia hệ thống bán buôn rượu; + Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh của doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp để kinh doanh rượu. - Tài liệu liên quan đến nhà cung cấp rượu: <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất trong nước, thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn khác, trong đó ghi rõ các loại rượu dự kiến kinh doanh phù hợp với hoạt động của thương nhân sản xuất, thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn khác; 	

				+ Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép phân phối hoặc Giấy phép bán buôn rượu của các nhà cung cấp rượu.	
65.	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2.000636. 000.00.00.H10	Lưu thông hàng hóa trong nước	<p>* Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. - Tài liệu về hệ thống bán buôn rượu gồm một trong hai loại sau: <ul style="list-style-type: none"> + Hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống phân phối rượu kèm Giấy phép bán lẻ rượu của thương nhân dự kiến tham gia hệ thống bán buôn rượu; + Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh của doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp để kinh doanh rượu. - Tài liệu liên quan đến nhà cung cấp rượu: <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất trong nước, thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn khác, trong đó ghi rõ các loại rượu dự kiến kinh doanh phù hợp với hoạt động của thương nhân sản xuất, thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn khác; 	

				<p>+ Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép phân phối hoặc Giấy phép bán buôn rượu của các nhà cung cấp rượu.</p> <p>* Trường hợp cấp lại do bị mất hoặc bị hỏng giấy phép:</p> <p>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.</p> <p>- Bản gốc hoặc Giấy phép đã được cấp (nếu có);</p>	
66.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2.001619. 000.00.00.H10	Lưu thông hàng hóa trong nước	<p>- Đơn đề nghị cấp sửa đổi Giấy phép bán buôn rượu theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.</p> <p>- Giấy phép đã được cấp;</p> <p>- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.</p>	
67.	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	1.001005. 000.00.00.H10	Lưu thông hàng hóa trong nước	- Biểu mẫu đăng ký giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ Công Thương.	
68.	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	2.000459. 000.00.00.H10	Lưu thông hàng hóa trong nước	- Biểu mẫu kê khai giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT hoặc Thông báo mức giá tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ Công Thương. .	
69.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	2.000073. 000.00.00.H10	Kinh doanh Khí	- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều	

				kiện trạm nạp - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh - Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng - Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy	
70.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	2.000207. 000.00.00.H10	Kinh doanh Khí	- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện	
71.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	2.000201. 000.00.00.H10	Kinh doanh Khí	- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện - Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.	
72.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	2.000194. 000.00.00.H10	Kinh doanh Khí	- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh - Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng - Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy	
73.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	2.000187. 000.00.00.H10	Kinh doanh Khí	- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện	
74.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	2.000175. 000.00.00.H10	Kinh doanh Khí	- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện	

				- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.	
75.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	2.000196. 000.00.00.H10	Kinh doanh Khí	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh - Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng - Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy 	
76.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	1.000425. 000.00.00.H10	Kinh doanh Khí	- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện	
77.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	2.000180. 000.00.00.H10	Kinh doanh Khí	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện - Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi. 	
78.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	2.000387. 000.00.00.H10	Kinh doanh Khí	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh - Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng - Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy 	
79.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	2.000376. 000.00.00.H10	Kinh doanh Khí	- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện	

80.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	2.000371. 000.00.00.H10	Kinh doanh Khí	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện - Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi. 	
81.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	2.000163. 000.00.00.H10	Kinh doanh Khí	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp (bản chính). - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh (bản sao). - Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng (Bản sao). - Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy (bản sao). 	
82.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	1.000444. 000.00.00.H10	Kinh doanh Khí	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện 	
83.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	2.000211. 000.00.00.H10	Kinh doanh Khí	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện - Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi. 	
84.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	2.000142. 000.00.00.H10	Kinh doanh Khí	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG theo Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh. 	

				<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bồn chứa. - Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật. - Đối với thương nhân kinh doanh mua bán LPG chỉ có chai LPG hoặc thuê chai LPG ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 87/2017/NĐ-CP phải bổ sung các giấy tờ sau: Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định chai LPG còn hiệu lực và Bản sao Giấy chứng nhận hợp quy đối với chai LPG. - Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 2,3,4 Điều 38 Nghị định số 87/NĐ-CP phải bổ sung tài liệu chứng minh có trạm cấp khí đáp ứng các quy định về an toàn theo quy định tại Nghị định 87/2017/NĐ-CP và pháp luật có liên quan. 	
85.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	2.000136. 000.00.00.H10	Kinh doanh Khí	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG theo mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP của Chính phủ; 	
86.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	2.000078. 000.00.00.H10	Kinh doanh Khí	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng theo mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP của Chính phủ; - Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội 	

				dung thay đổi.	
87.	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	2.000166. 000.00.00.H10	Kinh doanh Khí	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG theo Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh. - Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bồn chứa. - Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy gồm: Văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy và Biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp tỉnh; Hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định; Chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy của cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp kinh doanh. * Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 2,3,4 Điều 38 Nghị định số 87/NĐ- CP phải bổ sung tài liệu chứng minh có trạm cấp khí đáp ứng các quy định về an toàn theo quy định tại Nghị định 87/2017/NĐ-CP và pháp luật có liên quan. *Đối với thương nhân kinh doanh mua bán LNG ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 2, 3 Điều 38 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP phải bổ sung tài liệu chứng minh có trạm cấp LNG đáp ứng các quy định về an toàn theo quy định tại Chương IV Nghị định số 87/2018/NĐ-CP <p>hoặc trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải đã được cấp Giấy chứng nhận đủ còn hiệu lực.</p>	

88.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	2.000156. 000.00.00.H10	Kinh doanh Khí	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán khí thiên nhiên hóa lỏng theo mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ- CP của Chính phủ; 	
89.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	2.000390. 000.00.00.H10	Kinh doanh Khí	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán khí thiên nhiên hóa lỏng theo mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP của Chính phủ; - Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi. 	
90.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	2.000354. 000.00.00.H10	Kinh doanh Khí	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG theo Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh. - Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bồn chứa. - Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy gồm: Văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy 	

				<p>và Biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp tỉnh; Hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định; Chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy của cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 2,3,4 Điều 38 Nghị định số 87/NĐ-CP phải bổ sung tài liệu chứng minh có trạm cấp khí đáp ứng các quy định về an toàn theo quy định tại Nghị định 87/2017/NĐ-CP và pháp luật có liên quan. - Đối với thương nhân kinh doanh mua bán CNG ngoài giấy tờ quy định tại khoản 2,4 Điều 38 Nghị định 87/2017/NĐ-CP phải bổ sung: <ul style="list-style-type: none"> + Tài liệu chứng minh có xe bồn CNG đã được kiểm định còn hiệu lực; + Tài liệu chứng minh có trạm cấp CNG hoặc trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định 87/2017/NĐ-CP và pháp luật có liên quan; + Tài liệu chứng minh có trạm nén CNG đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định 87/2017/NĐ-CP và pháp luật có liên quan. 	
--	--	--	--	--	--

91.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	2.000279. 000.00.00.H10	Kinh doanh Khí	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG theo mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP của Chính phủ; 	
92.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	1.000481. 000.00.00.H10	Kinh doanh Khí	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán khí thiên nhiên nén theo mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP của Chính phủ; - Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi. 	
93.	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m ³ đến dưới 5.000m ³	2.000453. 000.00.00.H10	Dầu khí	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng kho xăng dầu của tổ chức, cá nhân theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công thương; - Văn bản chấp thuận về địa điểm đầu tư của cấp có thẩm quyền tại địa phương; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh xăng dầu; - Báo cáo sơ bộ sự cần thiết của dự án đầu tư, cân đối cung cầu xăng dầu khu vực, sự phù hợp về địa điểm, quy mô; dung tích; các yêu cầu về kỹ thuật an toàn: Phương án phòng cháy, chữa cháy, phương án bảo vệ môi trường; tiến độ của dự án đầu tư; tính toán phương án kinh doanh và hiệu quả dự án đầu tư; 	

				<ul style="list-style-type: none"> - Phương án công nghệ dự kiến áp dụng, các thiết bị công nghệ chính đối với công trình kho xăng dầu; - Hệ thống kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình; - Phương án thu xếp vốn đầu tư; - Cam kết tài trợ vốn vay của ngân hàng, tổ chức tín dụng (nếu có); - Báo cáo tài chính doanh nghiệp ba (03) năm gần nhất doanh nghiệp đã hoạt động trên ba (03) năm, báo cáo tài chính của doanh nghiệp hai (02) năm gần nhất hoặc một (01) năm gần nhất đối với doanh nghiệp mới hoạt động được hai (02) năm hoặc một (01) năm. Những doanh nghiệp mới thành lập hoặc hoạt động dưới một (01) năm không phải nộp báo cáo tài chính doanh nghiệp; - Danh mục các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) đã được áp dụng hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. - Các bản vẽ thiết kế chủ yếu của công trình (bản vẽ mặt bằng, bản vẽ sơ đồ công nghệ, bản vẽ kết nối với hạ tầng kỹ thuật khu vực (giao thông, đô thị...))
94.	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m ³	2.000433. 000.00.00.H10	Dầu khí	<p>Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chấp thuận về địa điểm đầu tư của cấp có thẩm quyền tại địa phương; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh LPG;

				<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo sơ bộ sự cần thiết của dự án đầu tư, cân đối cung cầu LPG khu vực, sự phù hợp về địa điểm, quy mô; dung tích; các yêu cầu về kỹ thuật an toàn: Phương án phòng cháy, chữa cháy, phương án bảo vệ môi trường, khoảng cách an toàn công trình kho LPG; tiến độ của dự án đầu tư; tính toán phương án kinh doanh và hiệu quả dự án đầu tư; - Phương án công nghệ dự kiến áp dụng, các thiết bị công nghệ chính đối với công trình kho LPG; - Hệ thống kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình; - Phương án thu xếp vốn đầu tư; - Cam kết tài trợ vốn vay của ngân hàng, tổ chức tín dụng (nếu có); - Báo cáo tài chính doanh nghiệp ba (03) năm gần nhất doanh nghiệp đã hoạt động trên ba (03) năm, báo cáo tài chính của doanh nghiệp hai (02) năm gần nhất hoặc một (01) năm gần nhất đối với doanh nghiệp mới hoạt động được Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương; - Văn bản chấp thuận về địa điểm đầu tư của cấp có thẩm quyền tại địa phương; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh LPG; - Báo cáo sơ bộ sự cần thiết của dự án đầu tư, cân đối cung cầu LPG khu vực, sự phù hợp về địa điểm, quy mô; dung tích; các yêu cầu về kỹ thuật an toàn: Phương án phòng cháy, chữa cháy, phương án bảo vệ môi trường, khoảng cách an toàn công trình kho LPG; tiến độ của dự án đầu tư; tính toán
--	--	--	--	--

			<p>phương án kinh doanh và hiệu quả dự án đầu tư;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương án công nghệ dự kiến áp dụng, các thiết bị công nghệ chính đối với công trình khoLPG; - Hệ thống kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình; - Phương án thu xếp vốn đầu tư; - Cam kết tài trợ vốn vay của ngân hàng, tổ chức tín dụng (nếu có); - Báo cáo tài chính doanh nghiệp ba (03) năm gần nhất doanh nghiệp đã hoạt động trên ba (03) năm, báo cáo tài chính của doanh nghiệp hai (02) năm gần nhất hoặc một (01) năm gần nhất đối với doanh nghiệp mới hoạt động được hai (02) năm hoặc một (01) năm. Doanh nghiệp mới thành lập hoặc hoạt động dưới một (01) năm không phải nộp báo cáo tài chính doanh nghiệp; - Danh mục các Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) đã được áp dụng hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương phù hợp với quy định pháp luật hiện hành; - Các bản vẽ thiết kế chủ yếu của công trình (bản vẽ mặt bằng, bản vẽ sơ đồ công nghệ, bản vẽ kết nối với hạ tầng kỹ thuật khu vực (giao thông, đô thị v.v..). 	
--	--	--	--	--

95.	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m ³	2.000427. 000.00.00.H10	Dầu khí	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị bổ sung quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LNG theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương; - Văn bản chấp thuận về địa điểm đầu tư của cấp có thẩm quyền tại địa phương; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh LNG; - Báo cáo sơ bộ sự cần thiết của dự án đầu tư, cân đối cung cầu LNG khu vực, sự phù hợp về địa điểm, quy mô; dung tích; các yêu cầu về kỹ thuật an toàn: Phương án phòng cháy, chữa cháy, phương án bảo vệ môi trường, khoảng cách an toàn công trình kho LNG; tiến độ của dự án đầu tư; tính toán phương án kinh doanh và hiệu quả dự án đầu tư; - Phương án công nghệ dự kiến áp dụng, các thiết bị công nghệ chính đối với công trình kho LNG; - Hệ thống kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình; - Phương án thu xếp vốn đầu tư; - Cam kết tài trợ vốn vay của ngân hàng, tổ chức tín dụng (nếu có); - Báo cáo tài chính doanh nghiệp ba (03) năm gần nhất doanh nghiệp đã hoạt động trên ba (03) năm, báo cáo tài chính của doanh nghiệp hai (02) năm gần nhất hoặc một (01) năm gần nhất đối với doanh nghiệp mới hoạt động được hai (02) năm hoặc một (01) năm. Doanh nghiệp mới thành lập hoặc hoạt động dưới một (01) năm không phải nộp báo cáo tài chính doanh nghiệp;
-----	---	----------------------------	---------	---

				<ul style="list-style-type: none"> - Danh mục các Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) đã được áp dụng hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương phù hợp với quy định pháp luật hiện hành; - Các bản vẽ thiết kế chủ yếu của công trình (bản vẽ mặt bằng, bản vẽ sơ đồ công nghệ, bản vẽ kết nối với hạ tầng kỹ thuật khu vực (giao thông, đô thị v.v..).
96.	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	2.000309. 000.00.00.H10	Quản lý bán hàng đa cấp	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương; - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp; - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (nếu có). - Trường hợp không có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa phương, doanh nghiệp cung cấp các giấy tờ liên quan đến đầu mối tại địa phương, bao gồm: 01 bản sao được chứng thực chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu; 01 bản chính hoặc bản sao có chứng thực Phiếu lý lịch tư pháp; 01 bản sao chứng thực xác nhận kiến thức cho đầu mối tại địa phương; 01 văn bản chỉ định quy định rõ phạm vi công việc, quyền và nghĩa vụ của các bên. - Danh sách người tham gia bán hàng đa cấp cư trú tại địa phương đến thời điểm nộp hồ sơ trong

				<p>trường hợp doanh nghiệp đã có hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương trước thời điểm Nghị định số 40/2018/NĐ-CP có hiệu lực (danh sách ghi rõ: Họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ nơi cư trú (thường trú hoặc tạm trú trong trường hợp không cư trú tại nơi thường trú), số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số người tham gia, điện thoại liên hệ của người tham gia bán hàng đa cấp) tới Sở Công Thương nơi doanh nghiệp dự kiến hoạt động. Quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 18/2023/NĐ-CP, tài liệu có liên quan đến nội dung sửa đổi, bổ sung bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương; + Văn bản ủy quyền cho người đại diện tại địa phương, kèm theo 01 bản sao được chứng thực chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện đó trong trường hợp doanh nghiệp không có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương.
97.	Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	2.000619. 000.00.00.H10	Quản lý bán hàng đa cấp	<p>*Trường hợp Doanh nghiệp tự chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ- CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ; - Báo cáo theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ. <p>* Trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp do xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương bị thu hồi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp

				<p>tại địa phương theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ- CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ;</p> <p>- Báo cáo theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ</p>
98.	<p>Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp</p>	<p>2.000609. 000.00.00.H10</p>	<p>Quản lý bán hàng đa cấp</p>	<p>- Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ- CP;</p> <p>- Các nội dung, tài liệu trình bày tại hội thảo, số lượng người tham gia dự kiến;</p> <p>- Danh sách báo cáo viên tại hội nghị, hội thảo, đào tạo kèm theo hợp đồng thuê khoán của doanh nghiệp, trong đó quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm, nội dung báo cáo của báo cáo viên;</p> <p>- 01 bản chính văn bản ủy quyền trong trường hợp doanh nghiệp ủy quyền cho cá nhân thực hiện đào tạo hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo;</p> <p>- Thông tin tài khoản hoặc đường dẫn truy cập vào hội nghị, hội thảo, đào tạo trong trường hợp tổ chức theo hình thức trực tuyến</p>
99.	<p>Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương</p>	<p>2.000191. 000.00.00.H10</p>	<p>Quản lý cạnh tranh</p>	<p>- Trong trường hợp gửi hồ sơ bằng phương tiện điện tử:</p> <p>+ 01 bản scan màu dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung được đóng dấu của Tổ chức, cá nhân kinh doanh vào trang đầu và giáp lai toàn bộ văn bản;</p> <p>+ 01 bản mềm dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung dạng</p>

				<p>Microsoft Word;</p> <p>- Trong trường hợp gửi hồ sơ bằng phương thức khác:</p> <p>+ 01 bản cứng Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung có đóng dấu của Tổ chức, cá nhân kinh doanh vào trang đầu và giáp lai toàn bộ văn bản;</p> <p>+ 01 bản mềm Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay điều kiện giao dịch chung dạng Microsoft Word.</p>
100.	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	2.000063. 000.00.00.H10	Thương mại quốc tế	<p>1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-1, Phụ lục I kèm theo Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương)</p> <p>2. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài;</p> <p>3. Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện;</p> <p>4. báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất;</p>

				<p>Điều lệ hoạt động của Chi nhánh;</p> <p>6. hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện;</p> <p>7. Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện; - tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 và quy định pháp luật có liên quan.
101.	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	2.000450. 000.00.00.H10	Thương mại quốc tế	<p>1. Trường hợp cấp lại như chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý khác, hồ sơ 01 bộ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-2, Phụ lục I kèm theo Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương)

				<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện gửi Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyên đi; - Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp; - Biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện; - Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện. <p>2. Trường hợp cấp lại theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới mọi hình thức, hồ sơ 01 bộ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-2, Phụ lục I kèm theo Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương) 	
102.	Cấp Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	2.000347. 000.00.00.H10	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-3, Phụ lục I kèm theo Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương) - Các tài liệu chứng minh về nội dung thay đổi, cụ thể: + Trường hợp điều chỉnh Giấy phép thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài: tài liệu pháp lý do cơ quan có 	

				<p>thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài.</p> <p>+ Trường hợp điều chỉnh Giấy phép Thay đổi nội dung hoạt động của thương nhân nước ngoài có liên quan trực tiếp đến nội dung hoạt động của Chi nhánh tại Việt Nam: tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi nội dung hoạt động của thương nhân nước ngoài.</p> <p>+ Trường hợp điều chỉnh Giấy phép Thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện, Chi nhánh: Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện; hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện; giấy tờ chứng minh người đứng đầu cũ của Văn phòng đại diện đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân đến thời điểm thay đổi.</p> <p>+ Trường hợp điều chỉnh Giấy phép Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc trong khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý và Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Chi nhánh: biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện; tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 và quy định pháp luật có liên quan.</p>	
--	--	--	--	--	--

				<ul style="list-style-type: none">- Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.- Các tài liệu chứng minh nội dung thay đổi tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 (đối với trường hợp văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện bằng tiếng nước ngoài và hộ chiếu của người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện là người nước ngoài) Điều 15 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. Các tài liệu chứng minh nội dung thay đổi tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 phải được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.	
--	--	--	--	--	--

103.	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000314. 000.00.00.H10	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-1, Phụ lục I kèm theo Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương). - Văn bản của Cơ quan cấp Giấy phép không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (đối với trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP) hoặc Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Cơ quan cấp Giấy phép (đối với trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP); - Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội; - Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động; - Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. 	
104.	Cấp gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	2.000327. 000.00.00.H10	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-4, Phụ lục I kèm theo Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương). - Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài; - Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất; - Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp. 	

				<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 phải dịch ra tiếng Việt và được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam. Tài liệu quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định pháp luật Việt Nam.
105.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	2.000255. 000.00.00.H10	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018). - Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).
106.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	2.000370. 000.00.00.H10	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018). - Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không

				<p>còn nợ thuế quá hạn;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).
107.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	2.000362. 000.00.00.H10	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018); - Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).
108.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	2.000351. 000.00.00.H10	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018); - Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt

				động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).
109.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	2.000340. 000.00.00.H10	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018); - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp cấp lại do tổ chức Chuyển địa điểm đặt trụ sở chính từ một tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương đến một tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương khác).
110.	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	2.000330. 000.00.00.H10	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018); - Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 trừ trường hợp chuyển địa điểm trụ sở chính: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nội dung điều chỉnh. - Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 11 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018: <ul style="list-style-type: none"> + Bản giải trình ghi các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 12 của Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018; + Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn; + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt

				động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).	
111.	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	2.000272. 000.00.00.H10	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018); - Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có). - Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP). - Bản giải trình có nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ; + Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch 	

				<p>kinh doanh;</p> <p>+ Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có)</p>
112.	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	2.000361. 000.00.00.H10	Thương mại quốc tế	<p>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).</p> <p>- Bản giải trình có nội dung:</p> <p>+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;</p> <p>+ Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;</p> <p>+ Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;</p> <p>- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn</p>

				<p>nợ thuế quá hạn.</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh.</p>	
113.	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	1.000774. 000.00.00.H10	Thương mại quốc tế	<p>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018).</p> <p>- Bản giải trình có nội dung:</p> <p>+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;</p> <p>+ Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;</p> <p>+ Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm</p>	

				<p>theo tài liệu về tài chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh. - Bản giải trình các tiêu chí ENT quy định tại điểm c, d và đ khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.
114.	<p>Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ</p>	<p>2.000339. 000.00.00.H10</p>	<p>Thương mại quốc tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018). - Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính: Giấy phép kinh doanh ghi nhận nội dung điều chỉnh. - Trường hợp thay đổi địa chỉ của cơ sở bán lẻ: văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phường, xã, thị trấn xác nhận việc thay đổi địa chỉ. - Trường hợp giảm diện tích cơ sở bán lẻ: Các giấy tờ có liên quan.
115.	<p>Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m²</p>	<p>2.000334. 000.00.00.H10</p>	<p>Thương mại quốc tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018). - Bản giải trình có nội dung: + Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán

				<p>lẽ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;</p> <p>+ Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trong năm gần nhất.</p> <p>- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.</p>	
116.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	2.000322. 000.00.00.H10	Thương mại quốc tế	<p>- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018).</p> <p>- Bản giải trình có nội dung:</p> <p>+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;</p> <p>+ Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trong năm gần nhất.</p> <p>- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.</p> <p>- Bản giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.</p>	
117.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	2.002166. 000.00.00.H10	Thương mại quốc tế	<p>- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018).</p> <p>- Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của</p>	

				<p>cơ sở bán lẻ trong năm gần nhất;</p> <p>- Bản giải trình có nội dung:</p> <p>+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 của Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;</p> <p>+ Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;</p> <p>+ Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;</p> <p>- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.</p> <p>- Bản giải trình các tiêu chí ENT quy định tại điểm c, d và đ khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.</p>	
118.	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	2.000665. 000.00.00.H10	Thương mại quốc tế	- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018).	

119.	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	1.001441. 000.00.00.H10	Thương mại quốc tế	<p>- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP)</p> <p>- Bản giải trình có nội dung:</p> <p>+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định này; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;</p> <p>+ Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;</p> <p>+ Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;</p> <p>- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh.</p>	
120.	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	2.000662. 000.00.00.H10	Thương mại quốc tế	<p>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ</p>	

				<p>(Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản giải trình cơ sở bán lẻ có nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; giải trình các tiêu chí ENT quy định tại các điểm c,d và đ khoản 2 Điều 23 Nghị định, trong trường hợp đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho cơ sở bán lẻ quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 9/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ; + Tình hình kinh doanh của cơ sở bán lẻ; kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh của cơ sở bán lẻ; + Kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất; - Báo cáo tổng hợp về kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức kinh tế trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất; kế hoạch tài chính; kèm theo tài liệu về tài chính; - Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh (nếu có). 	
--	--	--	--	---	--

121.	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	1.005190. 000.00.00.H10	Giám định thương mại	<p>Đơn đăng ký dấu nghiệp vụ (Mẫu tại Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương).</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Có chứng thực đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện + Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp <p>Các mẫu dấu nghiệp vụ hoặc bản thiết kế các mẫu dấu nghiệp vụ mà thương nhân đăng ký</p>
122.	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	2.000110. 000.00.00.H10	Giám định thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký dấu nghiệp vụ (Mẫu tại Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương). - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Có chứng thực đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện + Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp - Các mẫu dấu nghiệp vụ hoặc bản thiết kế các mẫu dấu nghiệp vụ mà thương nhân đăng ký

123.	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2.000004. 000.00.00.H10	Xúc tiến thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại (theo Mẫu số 02, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ). - Thẻ lệ chương trình khuyến mại (theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ). + Mẫu bằng chứng xác định trúng thưởng hoặc mô tả chi tiết về bằng chứng xác định trúng thưởng; + Giấy tờ về chất lượng của hàng hóa khuyến mại theo quy định của pháp luật. 	
124.	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2.000002. 000.00.00.H10	Xúc tiến thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại (theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP). 	
125.	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	2.000131. 000.00.00.H10	Xúc tiến thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại (theo Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ). - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập hoặc các quyết định khác có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật. 	

126.	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	2.000001. 000.00.00.H10	Xúc tiến thương mại	- Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại (theo Mẫu số 13 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ).
127.	Thông báo hoạt động khuyến mại	2.000033. 000.00.00.H10	Xúc tiến thương mại	- Thông báo thực hiện khuyến mại (theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ).
128.	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	2.001474. 000.00.00.H10	Xúc tiến thương mại	- Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương khuyến mại (theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ).

II. Thủ tục hành chính do Sở Thông tin và Truyền thông quản lý

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
129.	Cấp giấy phép bưu chính	1.003659.000.00.00.H10		<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp giấy phép bưu chính; - Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Điều lệ của doanh nghiệp (nếu có); - Phương án kinh doanh*; - Mẫu hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính phù hợp với quy định của pháp luật về bưu 	

			Bưu chính	<p>chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu biểu trưng, nhãn hiệu, ký hiệu đặc thù hoặc các yếu tố thuộc hệ thống nhận diện của doanh nghiệp được thể hiện trên bưu gửi (nếu có); - Bảng giá cước dịch vụ bưu chính phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính; - Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ bưu chính công bố áp dụng phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính; - Quy định về mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp phát sinh thiệt hại, quy trình giải quyết khiếu nại của khách hàng, thời hạn giải quyết khiếu nại phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính; - Thỏa thuận với doanh nghiệp khác, đối tác nước ngoài bằng tiếng Việt, đối với trường hợp hợp tác cung ứng một, một số hoặc tất cả các công đoạn của dịch vụ bưu chính đề nghị cấp phép; - Tài liệu về tư cách pháp nhân của đối tác nước ngoài đã được hợp pháp hóa lãnh sự; - Hợp đồng nhượng quyền thương mại với doanh nghiệp đang cung ứng dịch vụ bưu chính (nếu có). - Phương án kinh doanh, gồm các nội dung chính sau: <ul style="list-style-type: none"> + Thông tin về doanh nghiệp gồm tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ e-mail của trụ sở giao dịch, văn phòng đại diện, chi nhánh, địa điểm kinh doanh, website của doanh nghiệp (nếu có) và các thông tin liên quan khác; + Địa bàn dự kiến cung ứng dịch vụ; 	
--	--	--	-----------	--	--

				<ul style="list-style-type: none"> + Hệ thống và phương thức quản lý, điều hành dịch vụ; + Quy trình cung ứng dịch vụ gồm quy trình chấp nhận, vận chuyển và phát; + Phương thức cung ứng dịch vụ do doanh nghiệp tự tổ chức hoặc hợp tác cung ứng dịch vụ với doanh nghiệp khác (trường hợp hợp tác với doanh nghiệp khác, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép bưu chính phải trình bày chi tiết về phạm vi hợp tác, công tác phối hợp trong việc bảo đảm an toàn, an ninh, giải quyết khiếu nại và bồi thường thiệt hại cho người sử dụng dịch vụ); 	
130.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính	1.003687.000.00.00.H10	Bưu chính	<ul style="list-style-type: none"> + Giấy đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính. + Tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính. 	
131.	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn.	1.003633.000.00.00.H10	Bưu chính	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp lại giấy phép bưu chính; - Phương án kinh doanh trong giai đoạn tiếp theo, nếu doanh nghiệp bị lỗi 02 năm liên tiếp; - Các tài liệu sau nếu có thay đổi so với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bưu chính lần gần nhất: <ul style="list-style-type: none"> + Mẫu hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính; + Mẫu biểu trưng, nhãn hiệu, ký hiệu đặc thù hoặc các yếu tố thuộc hệ thống nhận diện của doanh nghiệp được thể hiện trên bưu gửi (nếu có); + Bảng giá cước dịch vụ bưu chính phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính; + Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ bưu chính công bố áp dụng phù hợp với quy định của pháp luật về 	

				<p>bưu chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quy định về mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp phát sinh thiệt hại, quy trình giải quyết khiếu nại của khách hàng, thời hạn giải quyết khiếu nại phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính. - Hợp đồng nhượng quyền thương mại với doanh nghiệp đang cung ứng dịch vụ bưu chính (nếu có). 	
132.	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	1.004379.000.00.00.H10	Bưu chính	Giấy đề nghị cấp lại giấy phép bưu chính	
133.	Cấp văn bản xác nhận văn bản thông báo hoạt động bưu chính	1.004470.000.00.00.H10	Bưu chính	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đề nghị xác nhận thông báo hoạt động bưu chính đối với trường hợp tự cung ứng dịch vụ: Cung ứng dịch vụ thư không có địa chỉ nhận có khối lượng đơn chiếc đến 02 kg, cung ứng dịch vụ thư có khối lượng đơn chiếc trên 02 kg và cung ứng dịch vụ gói, kiện hàng hóa gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản thông báo hoạt động bưu chính; + Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp + Mẫu hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính; + Mẫu biểu trưng, nhãn hiệu, ký hiệu đặc thù hoặc các yếu tố thuộc hệ thống nhận diện của doanh nghiệp được thể hiện trên bưu gửi (nếu có); 	

			<ul style="list-style-type: none"> + Bảng giá cước dịch vụ bưu chính phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính; + Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ bưu chính công bố áp dụng phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính; + Quy định về mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp phát sinh thiệt hại, quy trình giải quyết khiếu nại của khách hàng, thời hạn giải quyết khiếu nại phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính; + Hợp đồng nhượng quyền thương mại với doanh nghiệp đang cung ứng dịch vụ bưu chính (nếu có). + Các biện pháp bảo đảm an toàn đối với con người, bưu gửi, mạng bưu chính và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính; - Hồ sơ đề nghị xác nhận thông báo hoạt động bưu chính đối với các trường hợp làm chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính được thành lập theo pháp luật Việt Nam. + Văn bản thông báo hoạt động bưu chính; + Bản sao giấy phép thành lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp ược doanh nghiệp tự đóng dấu xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao.
--	--	--	---

134.	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	1.010902.000.00.00.H10	Bưu chính	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính - Tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính 	
135.	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được.	1.005442. 000.00.00.H10	Bưu chính	Giấy đề nghị cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	
136.	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.	2.001765.000.00.00.H10	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	<ul style="list-style-type: none"> + Tờ khai đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh; + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu các loại giấy tờ sau: Giấy phép thành lập hoặc văn bản pháp lý tương đương đối với các tổ chức quy định tại Khoản 2 Điều 29 Nghị định này; Thẻ thường trú hoặc giấy tờ pháp lý tương đương đối với hộ gia đình, cá nhân người nước ngoài quy định tại Khoản 3 Điều 29 Nghị định này; văn bản đăng ký hoạt động của khách sạn quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 29 Nghị định này; Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đối với doanh nghiệp quy định tại Khoản 6 Điều 29 Nghị định này; + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản thuê, mượn địa điểm lắp 	

				đặt thiết bị trong trường hợp thiết bị không được lắp đặt tại địa điểm ghi trong Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Thẻ thường trú, Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.	
137.	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	1.003384.000.00.00.H10	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	<ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đề nghị nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung. + Đối với trường hợp thay đổi địa điểm lắp đặt, cần có bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc chứng thực bản sao điện tử từ bản chính để đối chiếu văn bản chứng minh quyền sở hữu, thuê, mượn địa điểm mới 	
138.	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	2.001098.000.00.00.H10	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	<ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (theo mẫu); + Bản sao hợp lệ bao gồm bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc chứng thực bản sao điện tử từ bản chính một trong các loại giấy tờ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập (hoặc bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13); Điều lệ hoạt động (đối với các tổ chức hội, đoàn thể). Quyết định thành lập hoặc Điều lệ hoạt động phải có chức năng nhiệm vụ phù hợp với nội dung thông tin cung cấp trên trang thông tin điện tử tổng hợp; + Đề án hoạt động có chữ ký, dấu của người đứng 	

				<p>đầu tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép, bao gồm các nội dung chính: Mục đích cung cấp thông tin; nội dung thông tin, các chuyên mục dự kiến; nguồn tin chính thức, bản in trang chủ và các trang chuyên mục chính; phương án nhân sự, kỹ thuật, quản lý thông tin, tài chính nhằm bảo đảm hoạt động của trang thông tin điện tử tổng hợp phù thuộc với các quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 5 Điều 23 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP và khoản 1, khoản 2 điều 2 Nghị định 150/NĐ-CP; thông tin địa điểm đặt hệ thống máy chủ tại Việt Nam;</p> <p>+ Văn bản chấp thuận của các tổ chức cung cấp nguồn tin để đảm bảo tính hợp pháp của nguồn tin</p>	
139.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	1.005452.000.00.00.H10	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	<p>+ Văn bản đề nghị (nêu rõ nội dung, lý do cần sửa đổi, bổ sung);</p> <p>+ Các tài liệu chứng minh có liên quan. (bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc chứng thực bản sao điện tử từ bản chính).</p>	
140.	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.	2.001091.000.00.00.H10	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	+ Văn bản đề nghị gia hạn (nêu rõ thời gian gia hạn).	
141.	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.	2.001087.000.00.00.H10	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	+ Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép (nêu rõ số giấy phép, ngày cấp của giấy phép đã cấp và lý do đề nghị cấp lại giấy phép);	

142.	Thông báo thay đổi chủ sở hữu; địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.	2.001766.000.00.00.H10	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Thông báo thay đổi chủ sở hữu; địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, nội dung bao gồm: Tên tổ chức, doanh nghiệp; số giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; những nội dung thay đổi.
143.	Thông báo thay đổi địa chỉ trụ sở chính, văn phòng giao dịch, địa chỉ đặt hoặc cho thuê máy chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	2.001684.000.00.00.H10	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	- Thông báo thay đổi trụ sở chính, văn phòng giao dịch, địa chỉ đặt hoặc cho thuê máy chủ bao gồm các nội dung: Tên doanh nghiệp, số giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng; những nội dung thay đổi.
144.	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên	2.001681.000.00.00.H10	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên, bao gồm: Tên doanh nghiệp, số giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng; những nội dung thay đổi.
145.	Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt	1.000073.000.00.00.H10	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 đã được phê duyệt, bao gồm các nội dung: Tên doanh nghiệp; số giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng; những nội dung thay đổi.

146.	Thông báo thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động); thẻ loại trò chơi (G2, G3, G4); thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	2.001666.000.00.00.H10	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Thông báo thay đổi thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động); thẻ loại trò chơi (G2, G3, G4); thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng, nội dung bao gồm: Tên doanh nghiệp; số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng; những nội dung thay đổi.	
147.	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên	1.000067.000.00.00.H10	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4, bao gồm: Tên doanh nghiệp; số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng; những nội dung thay đổi.	
148.	Chấp thuận trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài	1.003888.000.00.00.H10	Báo chí	<ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị. + Nội dung thông tin, tranh, ảnh dự kiến trưng bày. 	

149.	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương).	1.009374.000.00.00.H10	Báo chí	<ul style="list-style-type: none"> + Tờ khai đề nghị cấp giấy phép xuất bản bản tin; + Bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc chứng thực bản sao điện tử từ bản chính quyết định thành lập, giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương (đối với tổ chức nước ngoài tại Việt Nam); + Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin; + Mẫu trình bày tên gọi của bản tin và bản dịch tiếng Việt được công chứng (đối với tên gọi bản tin thể hiện bằng tiếng nước ngoài). 	
150.	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	1.009386.000.00.00.H10	Báo chí	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thay đổi của cơ quan, tổ chức; - Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin (đối với trường hợp thay đổi người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin); - Mẫu trình bày tên gọi của bản tin và bản dịch tiếng Việt được công chứng (đối với trường hợp thay đổi tên gọi bản tin thể hiện bằng tiếng nước ngoài). 	
151.	Cho phép hợp báo (trong nước)	2.001171.000.00.00.H10	Báo chí	<p>Văn bản thông báo hợp báo gồm những thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm hợp báo - Thời gian hợp báo - Nội dung hợp báo 	

				- Người chủ trì họp báo	
152.	Cho phép họp báo (nước ngoài).	2.001173.000.00.00.H10	Báo chí	Đơn đề nghị/thông báo họp báo.	
153.	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	1.003868.000.00.00.H10	Xuất bản, in và phát hành	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh; - Hai (02) bản thảo tài liệu in trên giấy có đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản tại trang đầu và giáp lai giữa các trang bản thảo hoặc 01 bản thảo lưu trong thiết bị lưu trữ điện tử với định dạng không cho phép can thiệp, sửa đổi; Trường hợp tài liệu không kinh doanh xuất bản dạng điện tử thì nộp một (01) bản thảo điện tử có chữ ký số của thủ trưởng cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép xuất bản; - Đối với tài liệu bằng tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam phải kèm theo bản dịch tiếng Việt có đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản. - Ý kiến xác nhận bằng văn bản: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với tài liệu của các đơn vị quân đội nhân dân, công an nhân dân phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền. + Đối với tài liệu lịch sử Đảng, chính quyền địa 	

				phương; tài liệu phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương phải có ý kiến của tổ chức đảng, cơ quan cấp trên.	
154.	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	2.001594.000.00.00.H10	Xuất bản, in và phát hành	<p>- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm theo mẫu quy định;</p> <p>- Bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc chứng thực bản sao điện tử từ bản chính một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập cơ sở in;</p> <p>- Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in theo mẫu quy định;</p> <p>- Tài liệu chứng minh về việc có mặt bằng sản xuất và thiết bị để thực hiện một trong các công đoạn chế bản in, in và gia công sau in xuất bản phẩm; Giấy tờ, tài liệu chứng minh về người đứng đầu cơ sở in, có mặt bằng sản xuất và thiết bị trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm tại Khoản 2 Điều 32 Luật xuất bản được quy định cụ thể như sau:</p> <p>+ Đối với người đứng đầu cơ sở in xuất bản phẩm: Là người đại diện theo pháp luật được ghi tại một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư, quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền; văn bằng do cơ sở đào tạo chuyên ngành in cấp cho người đứng đầu phải là bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp cao đẳng về in trở lên hoặc giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in xuất bản phẩm do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp;</p> <p>+ Đối với tài liệu chứng minh về mặt bằng sản</p>	

				<p>xuất: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đổi chiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hay các loại giấy tờ khác chứng minh về việc giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng, nhà xưởng để sản xuất.</p> <p>+ Đối với tài liệu chứng minh về thiết bị: Phải là bản sao giấy tờ sở hữu hoặc thuê mua thiết bị; trường hợp chưa có thiết bị, trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải kèm theo danh mục thiết bị dự kiến đầu tư.</p> <p>Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, cơ sở in phải hoàn thành việc mua hoặc thuê mua đủ thiết bị theo danh mục dự kiến đầu tư, gửi bản sao chứng từ mua, thuê mua thiết bị cho cơ quan cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.</p> <p>- Bản sao có chứng thực văn bằng do cơ sở đào tạo chuyên ngành in cấp hoặc giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in xuất bản phẩm do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp;</p> <p>- Bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc chứng thực bản sao điện tử từ bản chính giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh - trật tự; vệ sinh môi trường do cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	
155.	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	2.001584.000.00.00.H10	Xuất bản, in và phát hành	<p>+ Đơn đề nghị cấp lại giấy phép.</p> <p>+ Bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc chứng thực bản sao điện tử từ bản chính giấy phép bị hư hỏng trong trường hợp bị mất.</p>	

156.	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	1.003729.000.00.00.H10	Xuất bản, in và phát hành	<ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị cấp đổi giấy phép. + Bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc chứng thực bản sao điện tử từ bản chính giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm. 	
157.	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	2.001564.000.00.00.H10	Xuất bản, in và phát hành	<ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị cấp giấy phép in gia công cho tổ chức, cá nhân nước ngoài. + Hai bản mẫu xuất bản phẩm đặt in. + Bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc chứng thực bản sao điện tử từ bản chính giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm. + Bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc chứng thực bản sao điện tử từ bản chính hợp đồng in gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài; trường hợp hợp đồng bằng tiếng nước ngoài thì phải kèm theo bản dịch tiếng Việt. + Bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc chứng thực bản sao điện tử từ bản chính hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người đặt in hoặc giấy ủy quyền, giấy chứng minh nhân dân của người được ủy quyền đặt in. 	
158.	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	1.003725.000.00.00.H10	Xuất bản, in và phát hành	<ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh. + Danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh. 	

159.	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	1.003483.000.00.00.H10	Xuất bản, in và phát hành	<ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị cấp giấy phép trong đó ghi rõ mục đích, thời gian, địa điểm và tên các đơn vị tham gia triển lãm, hội chợ. + Danh mục xuất bản phẩm để triển lãm, hội chợ theo mẫu quy định 	
160.	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	1.003114.000.00.00.H10	Xuất bản, in và phát hành	<ul style="list-style-type: none"> + Đơn đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm. + Bản sao (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực giấy tờ sở hữu trụ sở hoặc hợp đồng thuê, mượn trụ sở để làm địa điểm kinh doanh. + Bản sao (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh được phép thường trú lại Việt Nam của người đứng đầu cơ sở phát hành do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. + Bảo sao (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ về phát hành xuất bản phẩm của người đứng đầu cơ sở phát hành do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành phát hành xuất bản phẩm cấp 	
161.	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	1.008201.000.00.00.H10	Xuất bản, in và phát hành	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm. - Bản sao (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực giấy tờ sở hữu trụ sở hoặc hợp đồng thuê, mượn trụ sở để làm địa điểm kinh doanh. - Bản sao (xuất trình kèm theo bản chính để đối 	

				<p>chiếu) hoặc bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh được phép thường trú tại Việt Nam của người đứng đầu cơ sở phát hành do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.</p> <p>- Bản sao (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ về phát hành xuất bản phẩm của người đứng đầu cơ sở phát hành do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành phát hành xuất bản phẩm cấp.</p>	
162.	Cấp giấy phép hoạt động in	1.004153.000.00.00.H10	Xuất bản, in và phát hành	<p>+ Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in;</p> <p>+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký thuế, quyết định thành lập cơ sở in đối với cơ sở in sự nghiệp công lập.</p> <p>+ Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in theo mẫu quy định</p>	
163.	Cấp lại giấy phép hoạt động in	2.001744.000.00.00.H10	Xuất bản, in và phát hành	<p>- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in;</p> <p>- Các giấy tờ chứng minh sự thay đổi trong các trường hợp cụ thể như: Tên gọi của cơ sở in; địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh của cơ sở in; loại hình tổ chức hoạt động của cơ sở in; thành lập hoặc giải thể chi nhánh của cơ sở in và người đứng đầu cơ sở in;</p> <p>- Giấy phép hoạt động in (đối với trường hợp giấy phép bị hư hỏng);</p>	

III. Thủ tục hành chính do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý					
STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
164.	Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập	1.010590. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản của trường trung cấp đề nghị thành lập hội đồng trường nhiệm kỳ đầu tiên hoặc nhiệm kỳ kế tiếp. - Văn bản cử đại diện tham gia hội đồng trường của các tổ chức quy định tại điểm a khoản 3 Điều 11 Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Văn bản cử đại diện tham gia hội đồng trường của cơ quan chủ quản trường hoặc văn bản cử đại diện tham gia hội đồng trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan. - Biên bản họp bầu hội đồng trường (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH). - Bản sao văn bằng, chứng chỉ của người được đề nghị giữ chức danh chủ tịch hội đồng trường. 	
165.	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	1.010591. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản của hội đồng trường đề nghị thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường. - Biên bản họp hội đồng trường về việc thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH). - Trường họp thay thế chủ tịch hội đồng trường thì bổ sung bản sao văn bằng, chứng chỉ của người 	

				được đề nghị giữ chức danh chủ tịch hội đồng trường.	
166.	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	1.010592. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản của hội đồng trường đề nghị miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường, trong đó nêu rõ lý do miễn nhiệm, cách chức (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTĐBXH). - Biên bản họp hội đồng trường về việc miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường (Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTĐBXH). - Các văn bản, giấy tờ chứng minh liên quan. <p>* Chủ tịch, thư ký và thành viên hội đồng trường là công chức, viên chức: Chủ tịch, thư ký và thành viên hội đồng trường có quyết định thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, cách chức theo các quyết định về nhân sự thì hội đồng trường có văn bản đề nghị cơ quan chủ quản trường quyết định miễn nhiệm, cách chức trong hội đồng trường.</p>	
167.	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	2.001942. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách trẻ em cần được chuyển hình thức chăm sóc thay thế. - Hồ sơ trẻ em có nhu cầu tìm cá nhân, gia đình chăm sóc thay thế, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp theo quy định của pháp luật; + Báo cáo đánh giá của người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã về hoàn cảnh, tình trạng và nhu cầu, nguyện vọng của trẻ em (Mẫu số 10 - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP); 	

				<ul style="list-style-type: none"> + Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc công an cấp xã nơi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi; + Bản sao Quyết định tạm thời cách ly trẻ em khỏi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và áp dụng biện pháp chăm sóc thay thế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Tòa án nhân dân cấp huyện. 	
168.	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	2.000477. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	Đơn đề nghị dùng trợ giúp xã hội (theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP).	
169.	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	2.000282. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai của đối tượng hoặc người giám hộ (theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP); - Biên bản đối với trường hợp khẩn cấp có nguy cơ đe dọa đến an toàn của đối tượng. 	
170.	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	1.001978. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Việc làm	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Mẫu số 03 Trường hợp người lao động không có nhu cầu hưởng trợ cấp thất nghiệp thì đề nghị không hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH. 2. Một trong các giấy tờ sau đây xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc: <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đã hết hạn hoặc đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động; - Quyết định thôi việc; - Quyết định sa thải; - Quyết định kỷ luật buộc thôi việc; - Thông báo hoặc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc; - Xác nhận của người sử dụng lao động trong đó có nội dung cụ thể về thông tin của người lao 	

			<p>động; loại hợp đồng lao động đã ký; lý do, thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp hoặc hợp tác xã giải thể, phá sản hoặc quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh được bổ nhiệm trong trường hợp người lao động là người quản lý doanh nghiệp, quản lý hợp tác xã; - Trường hợp người lao động không có các giấy tờ xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động do đơn vị sử dụng lao động không có người đại diện theo pháp luật và người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền: <p>Đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh thực hiện các thủ tục để xác nhận việc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc.</p> <p>Văn bản yêu cầu Sở Kế hoạch và Đầu tư xác nhận đơn vị sử dụng lao động không có người đại diện theo pháp luật hoặc không có người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh.</p> <p>Kết quả xác minh nội dung đơn vị sử dụng lao động không có người đại diện theo pháp luật hoặc không có người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền (Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan công an, chính quyền địa phương nơi đơn vị sử dụng lao động đặt trụ sở chính thực hiện).</p> <p>Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư trả lời Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh về nội dung đơn vị sử dụng lao động</p>
--	--	--	---

				<p>không có người đại diện theo pháp luật hoặc không có người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu xác nhận của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh.</p> <p>- Giấy tờ xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng đối với trường hợp người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp khi làm việc theo hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng.</p> <p>3. Sổ bảo hiểm xã hội.</p>	
171.	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	1.001973. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Việc làm	Giấy tờ chứng minh về việc không thông báo tìm kiếm việc làm hằng tháng theo quy định của người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp.	
172.	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	1.001966. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Việc làm	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm	
173.	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	2.001953. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Việc làm	<p>Đối với trường hợp người lao động phải thông báo với trung tâm dịch vụ việc làm nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định:</p> <p>* Thông báo của người lao động về việc chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Mẫu số 23 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH.</p> <p>* Các giấy tờ chứng minh người lao động thuộc đối tượng chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp. Bao gồm một trong các giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp (để tính thời gian chấm dứt hưởng). - Quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc hoặc giấy 	

				<p>chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp chưa hết thời hạn hưởng nhưng đã tìm được việc làm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy triệu tập thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an đối với người thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an. - Quyết định hưởng lương hưu. - Giấy tờ chứng minh về việc 02 lần từ chối nhận việc làm do trung tâm dịch vụ việc làm giới thiệu mà không có lý do chính đáng. - Giấy tờ chứng minh về việc không thông báo về việc tìm kiếm việc làm trong 03 tháng liên tục. - Giấy tờ chứng minh người lao động định cư ở nước ngoài (xác minh của Xã, phường, thị trấn...). - Giấy báo nhập học đối với học tập trong nước. Trường hợp học tập ở nước ngoài thì phải có giấy tờ chứng minh về việc xuất cảnh. - Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm pháp luật bảo hiểm thất nghiệp của cơ quan có thẩm quyền. - Giấy chứng minh người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp bị chết (Giấy chứng tử, xác minh của Xã, phường, thị trấn...). - Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở cai nghiện bắt buộc của cơ quan có thẩm quyền. - Quyết định của tòa án tuyên bố mất tích. - Quyết định tạm giam, chấp hành hình phạt tù của cơ quan có thẩm quyền. 	
174.	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)	2.000178. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Việc làm	Đề nghị chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động.	

175.	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)	1.000401. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Việc làm	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH; - Giấy giới thiệu chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH; - Bản chụp quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp; - Bản chụp các quyết định hỗ trợ học nghề, quyết định tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp, quyết định tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp (nếu có); - Bản chụp thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng (nếu có), các giấy tờ khác có trong hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp. 	
176.	Giải quyết hỗ trợ học nghề	2.000839. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Việc làm	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với người lao động đang chờ kết quả giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp hoặc đang hưởng trợ cấp thất nghiệp mà có nhu cầu học nghề tại địa phương nơi đang chờ kết quả hoặc đang hưởng trợ cấp thất nghiệp: Đề nghị hỗ trợ học nghề theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 61/2020/NĐ-CP. - Đối với người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp mà có nhu cầu học nghề tại địa phương không phải nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp: Đề nghị hỗ trợ học nghề theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 61/2020/NĐ-CP và quyết định về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp. - Đối với người lao động không thuộc các trường hợp nêu trên bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH; + Đề nghị hỗ trợ học nghề theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 61/2020/NĐ-CP; + Một trong các giấy tờ xác nhận về việc chấm dứt 	

				hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc; + Sổ bảo hiểm xã hội.	
177.	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	2.000148. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Việc làm	Phiếu tư vấn, giới thiệu việc làm theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH.	
178.	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng	1.000362. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Việc làm	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm theo Mẫu số 16 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH.	
179.	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.001853. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Việc làm	<p>Đối với trường hợp thay đổi một trong các nội dung của giấy phép đã được cấp (gồm: tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính nhưng vẫn trên địa bàn cấp tỉnh đã được cấp giấy phép, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp); giấy phép bị mất; giấy phép bị hư hỏng không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép.</p> <p>* Thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ. - Trường hợp thay đổi tên doanh nghiệp hoặc giấy phép bị hư hỏng không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép thì bổ sung giấy tờ sau: Giấy phép đã được cấp trước đó. - Trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính nhưng vẫn trên địa bàn cấp tỉnh đã cấp giấy phép thì bổ sung các giấy tờ sau: <p>+ 01 bản sao Giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng thuê địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh để tổ chức hoạt động dịch vụ việc làm từ 03 năm (36 tháng trở lên).</p>	

			<p>+ Giấy phép đã được cấp trước đó.</p> <p>- Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thì bổ sung các giấy tờ sau:</p> <p>+ Bản lý lịch tự thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ.</p> <p>+ Phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo quy định của pháp luật về lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp người đại diện là người nước ngoài không thuộc đối tượng cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1 thì được thay thế bằng phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự của nước ngoài (văn bản này được cấp trước ngày nộp hồ sơ không quá 06 tháng; văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật).</p> <p>+ 01 bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản gốc để đối chiếu bằng cấp chuyên môn theo quy định: bằng đại học trở lên hoặc một trong các văn bản chứng minh thời gian trực tiếp làm chuyên môn hoặc quản lý dịch vụ việc làm hoặc cung ứng lao động từ đủ 02 năm (24 tháng) trở lên trong thời hạn 05 năm liền kề trước khi đề nghị cấp giấy phép của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp như sau:</p> <p>+ Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản gốc để đối chiếu hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc hoặc quyết định</p>
--	--	--	---

			<p>tuyển dụng, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.</p> <p>+ Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản gốc để đối chiếu quyết định bổ nhiệm (đối với người làm việc theo chế độ bổ nhiệm) hoặc văn bản công nhận kết quả bầu (đối với người làm việc theo chế độ bầu cử) của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm). Trường hợp văn bản là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ Giấy phép đã được cấp trước đó.</p> <p>Đối với trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép</p> <p>* Thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ. - 01 bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản gốc để đối chiếu Giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng thuê địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh để tổ chức hoạt động dịch vụ việc làm từ 03 năm (36 tháng) trở lên. - Giấy phép đã được cấp nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính trước đây.
--	--	--	---

180.	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.001823. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Việc làm	<p>- Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép của doanh nghiệp theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ.</p> <p>- 01 bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản gốc để đối chiếu Giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng thuê địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh để tổ chức hoạt động dịch vụ việc làm từ 03 năm (36 tháng) trở lên.</p> <p>- Trường hợp doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép đồng thời thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thì bổ sung các văn bản sau đây:</p> <p>+ Bản lý lịch tự thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.</p> <p>+ Phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo quy định pháp luật về lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp người đại diện là người nước ngoài không thuộc đối tượng cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1 thì được thay thế bằng phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự của nước ngoài (các văn bản này được cấp trước ngày nộp hồ sơ không quá 06 tháng; văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật).</p> <p>+ 01 bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản gốc để đối chiếu bằng cấp chuyên</p>
------	--	----------------------------	----------------------	---

				<p>môn theo quy định: bằng đại học trở lên hoặc một trong các văn bản chứng minh thời gian trực tiếp làm chuyên môn hoặc quản lý dịch vụ việc làm hoặc cung ứng lao động từ đủ 02 năm (24 tháng) trở lên trong thời hạn 05 năm liền kề trước khi đề nghị cấp giấy phép của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp như sau:</p> <p>+ Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản gốc để đối chiếu hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc hoặc quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp văn bản là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật. + Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản gốc để đối chiếu quyết định bổ nhiệm (đối với người làm việc theo chế độ bổ nhiệm) hoặc văn bản công nhận kết quả bầu (đối với người làm việc theo chế độ bầu cử) của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm). Trường hợp văn bản là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật.</p>
181.	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	1.000105. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Việc làm	Báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài theo Mẫu số 01/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 70/2023/NĐ-CP hoặc báo cáo giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài theo Mẫu số 02/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 70/2023/NĐ-CP.

182.	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	2.000219. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Việc làm	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài theo Mẫu số 04/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP hoặc điều chỉnh, bổ sung nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài theo Mẫu số 05/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.	
183.	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	1.001881. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Việc làm	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động. - Phương án thay đổi cơ cấu hoặc công nghệ hoặc sản xuất, kinh doanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và duy trì việc làm theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP. - Giấy tờ chứng minh không đủ kinh phí để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP. - Văn bản xác nhận của tổ chức bảo hiểm xã hội nơi người sử dụng lao động đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP. 	
184.	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.009873. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Việc làm	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thu hồi giấy phép theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ. - Giấy phép đã được cấp hoặc văn bản cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật của doanh nghiệp hoạt 	

				<p>động dịch vụ việc làm đối với trường hợp giấy phép bị mất.</p> <p>- Báo cáo tình hình hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ.</p>
185.	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.009874. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Việc làm	<p>Hồ sơ đề nghị rút tiền ký quỹ gửi đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</p> <p><i>* Thành phần hồ sơ gồm:</i></p> <p>- Văn bản đề nghị rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp.</p> <p>- Giấy chứng nhận tiền ký quỹ hoạt động dịch vụ việc làm tại ngân hàng nhận ký quỹ khác đối với trường hợp rút tiền ký quỹ khi doanh nghiệp đã thực hiện ký quỹ tại một ngân hàng nhận ký quỹ khác.</p> <p>- Báo cáo việc hoàn thành nghĩa vụ và văn bản chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ đối với trường hợp rút tiền ký quỹ khi doanh nghiệp bị thu hồi giấy phép hoặc không được gia hạn, cấp lại giấy phép.</p> <p>- Phương án sử dụng số tiền rút từ tài khoản ký quỹ gồm lý do, mục đích rút tiền ký quỹ; danh sách người lao động, người sử dụng lao động, số tiền, thời gian, phương thức thanh toán đối với trường hợp rút tiền ký quỹ khi doanh nghiệp gặp khó khăn, không đủ khả năng bồi thường cho người lao động, người sử dụng lao động do vi phạm quy định về dịch vụ việc làm sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày đến thời hạn bồi thường theo quy định của pháp luật.</p> <p>Hồ sơ rút tiền ký quỹ gửi ngân hàng nhận ký quỹ</p>

				<p><i>* Thành phần hồ sơ gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp theo quy định. - Văn bản đồng ý về việc rút tiền ký quỹ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 23/2021/NĐ- CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ. - Chứng từ rút tiền ký quỹ theo quy định của ngân hàng nhận ký quỹ (nếu có).
186.	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	1.005132. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập; - Bản sao hợp đồng nhận lao động thực tập kèm theo bản dịch tiếng Việt được chứng thực; - Tài liệu chứng minh việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề phù hợp với pháp luật của nước tiếp nhận lao động theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH. - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. - Giấy tờ chứng minh việc ký quỹ của doanh nghiệp.
187.	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	2.002105. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 01a - Giấy tờ chứng minh người lao động thuộc một trong các đối tượng: người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng. - Bản sao hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài ký giữa người lao động và doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (có xác nhận của doanh nghiệp) hoặc hợp đồng lao động trực tiếp

				<p>giao kết giữa người lao động với người sử dụng lao động ở nước ngoài (nếu hợp đồng bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch sang tiếng Việt và có chứng thực) và xác nhận đăng ký hợp đồng lao động của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Bản sao hộ chiếu và thị thực.</p> <p>- Bản sao chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo nghề, ngoại ngữ, giáo dục định hướng của người lao động làm cơ sở thanh toán chi phí ăn, ở trong thời gian đào tạo.</p> <p>- Hóa đơn hoặc biên lai thu tiền đào tạo nghề, ngoại ngữ, giáo dục định hướng, khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp.</p>	
188.	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	1.000502. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước	Báo cáo về việc đã thanh lý Hợp đồng đào tạo nghề ở nước ngoài với người lao động kèm theo tài liệu chứng minh.	
189.	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	1.000479. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Lao động	<p>- Văn bản đề nghị cấp giấy phép của doanh nghiệp (Mẫu số 05/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020).</p> <p>- Bản lý lịch tư thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 07/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020.</p> <p>- Phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo quy định pháp luật về lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài không thuộc đối tượng được cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1 thì được thay thế bằng phiếu lý lịch tư pháp tại quốc gia</p>	

			<p>mang quốc tịch (phiếu lý lịch tư pháp được cấp trước ngày nộp hồ sơ không quá 06 tháng; văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật).</p> <p>- Văn bản chứng minh thời gian trực tiếp làm chuyên môn hoặc quản lý về cho thuê lại lao động hoặc cung ứng lao động của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp từ đủ 03 năm (36 tháng) trở lên trong thời hạn 05 năm liền kề trước khi đề nghị cấp giấy phép là một trong các loại văn bản sau:</p> <p>+ Bản sao được chứng thực từ bản chính hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc hoặc quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp văn bản là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật.</p> <p>+ Bản sao được chứng thực từ bản chính quyết định bổ nhiệm (đối với người làm việc theo chế độ bổ nhiệm) hoặc văn bản công nhận kết quả bầu (đối với người làm việc theo chế độ bầu cử) của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp cho thuê lại hoặc cung ứng lao động). Trường hợp văn bản là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật.</p> <p>- Giấy chứng nhận tiền ký quỹ hoạt động cho thuê lại lao động theo Mẫu số 01/PL/III Phụ lục III ban</p>
--	--	--	--

				hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020.
190.	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	1.000464. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Lao động	<p>- Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép của doanh nghiệp theo Mẫu số 05/PLIII, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020.</p> <p>- Giấy chứng nhận tiền ký quỹ hoạt động cho thuê lại lao động theo Mẫu số 01/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020.</p> <p>- Trường hợp doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép đồng thời thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thì bổ sung thêm các văn bản sau đây:</p> <p>+ Bản lý lịch tự thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 07/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020.</p> <p>+ Phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo quy định pháp luật về lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài không thuộc đối tượng được cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1 thì được thay thế bằng phiếu lý lịch tư pháp tại quốc gia mang quốc tịch (phiếu lý lịch tư pháp được cấp trước ngày nộp hồ sơ không quá 06 tháng; văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật).</p> <p>+ Văn bản chứng minh thời gian trực tiếp làm chuyên môn hoặc quản lý về cho thuê lại lao động</p>

				<p>hoặc cung ứng lao động của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp từ đủ 03 năm (36 tháng) trở lên trong thời hạn 05 năm liền kề trước khi đề nghị cấp giấy phép là một trong các loại văn bản sau: (i) Bản sao được chứng thực từ bản chính hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc hoặc quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; (ii) Bản sao được chứng thực từ bản chính quyết định bổ nhiệm (đối với người làm việc theo chế độ bổ nhiệm) hoặc văn bản công nhận kết quả bầu (đối với người làm việc theo chế độ bầu cử) của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp cho thuê lại hoặc cung ứng lao động).</p>	
191.	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	1.000448. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Lao động	<p>Trường hợp 1: Đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép do thay đổi tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính nhưng vẫn trên địa bàn cấp tỉnh đã cấp giấy phép hoặc giấy phép bị hư hỏng không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép, hồ sơ gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 05/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP. - Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. - Giấy phép đã được cấp trước đó. <p>Trường hợp 2: Đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép do thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hồ sơ gồm có:</p>	

			<p>- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 05/PLIII, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.</p> <p>- Bản lý lịch tự thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 07/PLIII, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.</p> <p>- Phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo quy định pháp luật về lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài không thuộc đối tượng được cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1 thì được thay thế bằng phiếu lý lịch tư pháp tại quốc gia mang quốc tịch (phiếu lý lịch tư pháp được cấp trước ngày nộp hồ sơ không quá 06 tháng; văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật).</p> <p>- Văn bản chứng minh thời gian trực tiếp làm chuyên môn hoặc quản lý về cho thuê lại lao động hoặc cung ứng lao động của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp từ đủ 03 năm (36 tháng) trở lên trong thời hạn 05 năm liền kề trước khi đề nghị cấp giấy phép là một trong các loại văn bản sau:</p> <p>+ Bản sao được chứng thực từ bản chính hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc hoặc quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp văn bản là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật.</p>
--	--	--	--

			<p>+ Bản sao được chứng thực từ bản chính quyết định bổ nhiệm (đối với người làm việc theo chế độ bổ nhiệm) hoặc văn bản công nhận kết quả bầu (đối với người làm việc theo chế độ bầu cử) của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp cho thuê lại hoặc cung ứng lao động). Trường hợp văn bản là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật.</p> <p>Trường hợp 3: Đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép do giấy phép bị mất, hồ sơ gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 05/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP. - Bản lý lịch tự thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 07/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP. - Phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo quy định pháp luật về lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài không thuộc đối tượng được cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1 thì được thay thế bằng phiếu lý lịch tư pháp tại quốc gia mang quốc tịch (phiếu lý lịch tư pháp được cấp trước ngày nộp hồ sơ không quá 06 tháng; văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật).
--	--	--	--

			<p>- Văn bản chứng minh thời gian trực tiếp làm chuyên môn hoặc quản lý về cho thuê lại lao động hoặc cung ứng lao động của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp từ đủ 03 năm (36 tháng) trở lên trong thời hạn 05 năm liền kề trước khi đề nghị cấp giấy phép là một trong các loại văn bản sau:</p> <p>+ Bản sao được chứng thực từ bản chính hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc hoặc quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp văn bản là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật.</p> <p>+ Bản sao được chứng thực từ bản chính quyết định bổ nhiệm (đối với người làm việc theo chế độ bổ nhiệm) hoặc văn bản công nhận kết quả bầu (đối với người làm việc theo chế độ bầu cử) của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp cho thuê lại hoặc cung ứng lao động). Trường hợp văn bản là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật.</p> <p>- Giấy chứng nhận tiền ký quỹ hoạt động cho thuê lại lao động theo Mẫu số 01/PLIII, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.</p> <p><i>Trường hợp 4: Đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép do thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép, hồ sơ gồm có:</i></p>
--	--	--	--

				<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 05/PLIII, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP. - Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính mới cấp theo quy định của pháp luật. - Giấy phép đã được cấp bởi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính trước đây.
192.	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	1.000436. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thu hồi giấy phép theo Mẫu số 06/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP; - Giấy phép đã được cấp hoặc văn bản cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật của doanh nghiệp cho thuê lại đối với trường hợp giấy phép bị mất; - Báo cáo tình hình hoạt động cho thuê lại lao động của doanh nghiệp theo Mẫu số 09/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP. - Bản sao hợp đồng cho thuê lại lao động đang còn hiệu lực đến thời điểm đề nghị thu hồi giấy phép.
193.	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	1.000414. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Lao động	<p>Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng ý về việc rút tiền ký quỹ gửi đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</p> <p>* Thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại. - Phương án sử dụng số tiền rút từ tài khoản ký quỹ, gồm: lý do, mục đích rút tiền ký quỹ; danh sách, số lượng người lao động, số tiền, thời gian, phương

			<p>thức thanh toán đối với trường hợp rút tiền ký quỹ khi doanh nghiệp cho thuê lại gặp khó khăn, không đủ nguồn tài chính để thanh toán đủ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các chế độ khác đối với người lao động thuê lại theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy, quy chế của doanh nghiệp cho thuê lại sau thời hạn từ 30 ngày kể từ ngày đến thời hạn thanh toán theo quy định của pháp luật; (ii) doanh nghiệp cho thuê lại gặp khó khăn, không đủ khả năng bồi thường cho người lao động thuê lại do vi phạm hợp đồng lao động với người lao động thuê lại hoặc gây thiệt hại cho người lao động thuê lại vì không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động thuê lại sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày đến thời hạn bồi thường theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Báo cáo việc hoàn thành nghĩa vụ và văn bản chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ đối với người lao động thuê lại trong trường hợp rút tiền ký quỹ khi doanh nghiệp cho thuê bị thu hồi giấy phép hoặc không được gia hạn, cấp lại giấy phép.</p> <p>- Giấy chứng nhận tiền ký quỹ hoạt động cho thuê lại lao động tại ngân hàng thương mại khác đối với trường hợp rút tiền ký quỹ khi doanh nghiệp cho thuê đã thực hiện ký quỹ tại một ngân hàng thương mại của Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng thương mại nước ngoài tại Việt Nam khác.</p> <p>Hồ sơ rút tiền ký quỹ gửi ngân hàng nhận ký quỹ, gồm:</p> <p>* Thành phần hồ sơ gồm:</p>
--	--	--	---

				<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại theo quy định - Văn bản đồng ý về việc rút tiền ký quỹ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo Mẫu số 02/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ. - Chứng từ rút tiền ký quỹ theo quy định của ngân hàng nhận ký quỹ (nếu có).
194.	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	1.009466. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách dự kiến các doanh nghiệp tham gia thương lượng tập thể nhiều doanh nghiệp, trong đó ghi rõ tên doanh nghiệp; trụ sở chính; họ tên của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; họ tên người đại diện của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở; - Họ tên, chức vụ hoặc chức danh của người được các bên đồng thuận cử làm Chủ tịch Hội đồng thương lượng, kèm theo văn bản đồng ý của người được đề nghị làm Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể. Trường hợp trong văn bản không đề nghị người làm Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định; - Danh sách các thành viên đại diện của mỗi bên tham gia thương lượng trong Hội đồng thương lượng tập thể; - Dự kiến nội dung đã được các bên thống nhất về nội dung thương lượng, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể, kế hoạch thương lượng tập thể; hỗ trợ của Hội đồng thương lượng tập thể (nếu có).

195.	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể	1.009467. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Lao động	Văn bản đề nghị thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể để phù hợp với tình hình thực tế.	
196.	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp	2.000111. 000.00.00.H10	Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị hỗ trợ huấn luyện theo Mẫu số 11 tại Phụ lục của Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020. - Bản sao các hồ sơ, chứng từ chứng minh việc tổ chức huấn luyện theo quy định của pháp luật và các chi phí thực tế có liên quan đến việc huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho các đối tượng đề nghị hỗ trợ. 	
197.	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động	2.002341. 000.00.00.H10	Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động	<p>Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản của người sử dụng lao động đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo Mẫu số 03 tại Phụ lục của Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020. - Bản sao có chứng thực Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa. - Bản sao có chứng thực các chứng từ thanh toán các chi phí đào tạo theo quy định. <p>Hỗ trợ kinh phí khám bệnh nghề nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí khám bệnh nghề nghiệp theo Mẫu số 05 tại Phụ lục của Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020. 	

			<p>- Bản sao có chứng thực hồ sơ bệnh nghề nghiệp của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp.</p> <p>- Bản sao chứng từ thanh toán các chi phí khám bệnh nghề nghiệp theo quy định.</p> <p>Hỗ trợ kinh phí chữa bệnh nghề nghiệp</p> <p>- Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo Mẫu số 07 tại Phụ lục của Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020.</p> <p>- Bản sao có chứng thực hồ sơ xác định mắc bệnh nghề nghiệp của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp.</p> <p>- Bản sao giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án sau khi chữa bệnh nghề nghiệp.</p> <p>- Bản sao chứng từ thanh toán chi phí chữa bệnh nghề nghiệp.</p> <p>Hỗ trợ kinh phí phục hồi chức năng</p> <p>- Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí phục hồi chức năng lao động cho người lao động theo Mẫu số 09 tại Phụ lục của Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020.</p> <p>- Bản sao có chứng thực giấy chuyển viện đến đơn vị phục hồi chức năng lao động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đối với trường hợp phải chuyển viện; đối với trường hợp bệnh viện có khoa phục hồi chức năng, bản sao có chứng thực bệnh án có nội dung chuyển bệnh nhân về khoa phục hồi chức năng.</p>
--	--	--	--

				- Bản sao chứng từ thanh toán chi phí phục hồi chức năng, không bao gồm kinh phí cho trang thiết bị hỗ trợ phục hồi chức năng.	
198.	Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	2.002343. 000.00.00.H10	Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động	<p>- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp của người lao động theo Mẫu số 02 tại Phụ lục của Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 đối với người lao động đã nghỉ hưu hoặc thôi việc; hoặc văn bản của người sử dụng lao động nơi người lao động đang làm việc theo Mẫu số 5 của Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 và bản sao có chứng thực hồ sơ xác định mắc bệnh nghề nghiệp của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp, đối với trường hợp người lao động chuyển đến làm việc cho người sử dụng lao động khác.</p> <p>- Bản sao có chứng thực hồ sơ bệnh nghề nghiệp của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp và bản sao có chứng thực hồ sơ xác định mắc bệnh nghề nghiệp của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp.</p> <p>- Bản sao giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án sau khi điều trị bệnh nghề nghiệp.</p> <p>- Bản chính chứng từ thanh toán các chi phí khám, điều trị bệnh nghề nghiệp theo quy định.</p>	
199.	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B	1.005449. 000.00.00.H10	Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động	<p>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 140/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 8/10/2018;</p> <p>- Bản thuyết minh về quy mô huấn luyện và các điều kiện, giải pháp thực hiện theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ;</p>	

				<p>- Tài liệu huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động chỉ liệt kê danh mục vào Mẫu 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 140/2018/NĐ-CP của Chính phủ, xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thẩm định.</p>	
200.	<p>Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B</p>	<p>1.005450. 000.00.00.H10</p>	<p>Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động</p>	<p>a) Trường hợp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị gia hạn giấy chứng nhận huấn luyện. - Hồ sơ cập nhật thông tin theo mẫu hồ sơ cấp mới nếu có thay đổi thông tin so với hồ sơ đã được cấp giấy chứng nhận. <p>b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung phạm vi hoạt động Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 140/2018/NĐ-CP của Chính phủ. - Bản thuyết minh về quy mô huấn luyện và các điều kiện, giải pháp thực hiện theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 140/2018/NĐ-CP của Chính phủ. <p>c) Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động trong trường hợp bị hỏng, mất: Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận.</p> <p>d) Trường hợp cấp đổi tên tổ chức huấn luyện trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động: Văn bản đề nghị cấp đổi tên trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động</p>	

				và nộp lại bản chính giấy chứng nhận đủ điều kiện huấn luyện bản chính.
201.	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực	2.000632. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Công văn của tổ chức hoặc những người góp vốn thành lập trung tâm hoặc cá nhân là chủ sở hữu trung tâm đề nghị Cơ quan có thẩm quyền công nhận. - Biên bản họp của tổ chức hoặc những người góp vốn thành lập trung tâm. - Sơ yếu lý lịch của người được đề nghị công nhận giám đốc trung tâm tự khai. - Các văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng của người được đề nghị công nhận.
202.	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.000243. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<p>Trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thành lập, cho phép thành lập theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP). - Đề án thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP). - Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với ngành, nghề, quy mô, trình độ đào tạo và tiêu chuẩn diện tích sử dụng, diện tích xây dựng cho hoạt động học tập và giảng dạy. - Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất để xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kèm theo bản sao biên lai (nộp tiền sử dụng đất

			<p>hoặc tiền thuê đất) hoặc minh chứng đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định.</p> <p>Bản sao hợp đồng thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất còn thời hạn ít nhất là 05 năm kể từ ngày gửi hồ sơ đối với trường hợp thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất và giấy tờ chứng minh quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu của bên cho thuê.</p> <p>- Bản sao văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư hoặc văn bản phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công hoặc văn bản phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đầu tư xây dựng trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>Trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục</p> <p>- Văn bản đề nghị thành lập, cho phép thành lập theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p> <p>- Đề án thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p> <p>- Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với ngành, nghề, quy mô, trình độ đào tạo và tiêu chuẩn diện tích sử dụng, diện tích xây dựng cho hoạt động học tập và giảng dạy.</p> <p>- Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất để xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kèm theo bản sao biên lai (nộp tiền sử dụng đất</p>
--	--	--	--

			<p>hoặc tiền thuê đất) hoặc minh chứng đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định. Bản sao hợp đồng thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất còn thời hạn ít nhất là 05 năm kể từ ngày gửi hồ sơ đối với trường hợp thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất và giấy tờ chứng minh quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu của bên cho thuê.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư hoặc văn bản phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công hoặc văn bản phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đầu tư xây dựng trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập của cơ quan có thẩm quyền. - Văn bản xác nhận khả năng tài chính để đầu tư xây dựng trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. - Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu về tài sản kèm theo văn bản thẩm định giá tài sản góp vốn nếu góp vốn bằng tài sản <p>* Riêng đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp có từ 02 thành viên góp vốn trở lên, ngoài các hồ sơ trên cần bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Biên bản cử người đại diện đứng tên thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp của các thành viên góp vốn. + Danh sách trích ngang các thành viên Ban sáng lập. + Danh sách, hình thức và biên bản góp vốn của các thành viên cam kết góp vốn thành lập.
--	--	--	--

			<p>Trường trung cấp công lập công lập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thành lập, cho phép thành lập theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP). - Đề án thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP). - Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với ngành, nghề, quy mô, trình độ đào tạo và tiêu chuẩn diện tích sử dụng, diện tích xây dựng cho hoạt động học tập và giảng dạy. - Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong đó xác định rõ địa chỉ, diện tích, mốc giới của khu đất và thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định của pháp luật và các giấy tờ pháp lý liên quan còn thời hạn ít nhất là 05 năm kể từ ngày gửi hồ sơ. <p>Trường trung cấp tư thực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thành lập, cho phép thành lập theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP). - Đề án thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).
--	--	--	--

			<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với ngành, nghề, quy mô, trình độ đào tạo và tiêu chuẩn diện tích sử dụng, diện tích xây dựng cho hoạt động học tập và giảng dạy. - Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất để xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kèm theo bản sao biên lai (nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất) hoặc minh chứng đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định. <p>Bản sao hợp đồng thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất còn thời hạn ít nhất là 05 năm kể từ ngày gửi hồ sơ đối với trường hợp thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất và giấy tờ chứng minh quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu của bên cho thuê.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư hoặc văn bản phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công hoặc văn bản phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đầu tư xây dựng trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập của cơ quan có thẩm quyền. - Văn bản xác nhận khả năng tài chính để đầu tư xây dựng trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. - Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu về tài sản kèm theo văn bản thẩm định giá tài sản góp vốn nếu góp vốn bằng tài sản.
--	--	--	---

				<p>* Riêng đối với trường trung cấp tư thực có từ 02 thành viên góp vốn trở lên, ngoài các hồ sơ trên cần bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Biên bản cử người đại diện đứng tên thành lập trường trung cấp của các thành viên góp vốn. + Danh sách trích ngang các thành viên Ban sáng lập. + Danh sách, hình thức và biên bản góp vốn của các thành viên cam kết góp vốn thành lập. - Dự kiến Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị của trường trung cấp. 	
203.	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2.000099. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<p>*Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, Trường trung cấp công lập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị chia, tách, sáp nhập theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP); - Đề án chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP). <p>*Chia, tách, sáp nhập Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, Trường trung cấp tư thực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị chia, tách, sáp nhập theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP); - Đề án chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp theo Mẫu số 02 Phụ lục II 	

				<p>ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP);</p> <p>- Biên bản họp, nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc những người góp vốn thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp về việc chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp.</p>
204.	<p>Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</p>	<p>1.000234. 000.00.00.H10</p>	<p>Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp</p>	<p>- Văn bản đề nghị giải thể của cơ quan chủ quản đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập; văn bản đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc hội đồng quản trị đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p> <p>- Đề án giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p>
205.	<p>Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn</p>	<p>1.000266. 000.00.00.H10</p>	<p>Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp</p>	<p>- Văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p> <p>- Đề án chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p>

206.	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.000031. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<p>a) Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập</p> <p>Văn bản đề nghị đổi tên của cơ quan chủ quản theo Mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p> <p>b) Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục</p> <p>Văn bản đề nghị đổi tên của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc hội đồng quản trị đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục theo Mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p>	
207.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	2.000189. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<p>- Văn bản đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 04 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p> <p>- Báo cáo đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 05 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p> <p>- Bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) của doanh nghiệp đối với trường hợp đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố khác với nơi đặt trụ sở chính.</p>	

208.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	1.000389. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<p>- Đối với các trường hợp: (i) Bổ sung ngành, nghề, trình độ đào tạo mới (trừ trường hợp tự chủ quyết định mở ngành, nghề đào tạo theo quy định); (ii) Vượt quá 10% tổng quy mô tuyển sinh/năm của các ngành, nghề trong cùng nhóm ngành, nghề tại từng địa điểm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp; (iii) Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp</p> <p>Hồ sơ gồm:</p> <p>+ Văn bản đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 07 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP);</p> <p>+ Báo cáo đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 08 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP);</p> <p>+ Bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) của doanh nghiệp đối với trường hợp đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp khác với nơi đặt trụ sở chính.</p> <p>- Đối với trường hợp thành lập phân hiệu có tổ chức hoạt động đào tạo hoặc bổ sung địa điểm đào tạo ngoài địa điểm đào tạo được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy</p>
------	---	----------------------------	-------------------------------------	---

			<p>chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 07 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP); + Báo cáo đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 08 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP); + Bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp. <p><i>- Đối với trường hợp chuyển trụ sở chính hoặc phân hiệu hoặc địa điểm đào tạo đến nơi khác, mà phân hiệu hoặc địa điểm đào tạo là nơi trực tiếp tổ chức đào tạo. Hồ sơ gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 07 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP); + Báo cáo đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 08 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP); + Bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) của doanh nghiệp hoặc bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp đối với trường hợp đăng ký bổ sung hoạt
--	--	--	--

				<p>động giáo dục nghề nghiệp khác với nơi đặt trụ sở chính;</p> <p>+ Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc chuyển trụ sở chính hoặc phân hiệu hoặc địa điểm đào tạo.</p> <p>- Đối với trường hợp đổi tên doanh nghiệp, Hồ sơ gồm:</p> <p>+ Văn bản đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 07 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP);</p> <p>+ Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đổi tên doanh nghiệp.</p>	
209.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp	1.000167. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<p>- Văn bản đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài theo mẫu 3A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p> <p>- Báo cáo đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài theo Mẫu 3B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p> <p>- Bản sao quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) của doanh nghiệp đăng ký liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ sơ cấp.</p> <p>- Bản sao giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của cơ sở giáo dục, đào tạo nước ngoài hoặc giấy tờ công nhận chất lượng của cơ quan có thẩm quyền.</p>	

				- Bản sao thỏa thuận hợp tác hoặc hợp đồng liên kết đào tạo giữa các bên trong liên kết đào tạo.
210.	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	1.000160. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<p>- Đối với cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</p> <p>Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đề nghị cho phép thành lập theo Mẫu 1A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP. + Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với các trường hợp nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư). + Đề án thành lập theo Mẫu 1B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP. + Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất để xây dựng trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kèm theo bản sao biên lai (nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất) hoặc minh chứng đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định. <p>Bản sao hợp đồng thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất còn thời hạn ít nhất là 05 năm kể từ ngày gửi hồ sơ đối với trường hợp thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất và giấy tờ chứng minh quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu của bên cho thuê.</p> <p>+ Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính về vốn đầu tư thành lập bằng nguồn vốn hợp pháp, không bao gồm giá trị về đất đai, tối thiểu 05 tỷ đồng đối với</p>

			<p>trung tâm giáo dục nghề nghiệp; tối thiểu 50 tỷ đồng đối với trường trung cấp.</p> <p>+ Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với ngành, nghề, quy mô, trình độ đào tạo và tiêu chuẩn diện tích sử dụng, diện tích xây dựng cho hoạt động học tập và giảng dạy.</p> <p><i>* Trường hợp có từ 02 tổ chức, cá nhân nước ngoài góp vốn trở lên hoặc liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài, hồ sơ cần bổ sung:</i></p> <p>+ Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu về tài sản kèm theo văn bản thẩm định giá về tài sản là vốn góp của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc các bên liên doanh đề nghị thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;</p> <p>+ Biên bản cử người đại diện đứng tên thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc các bên liên doanh;</p> <p>+ Danh sách, hình thức và biên bản góp vốn của các thành viên liên doanh cam kết góp vốn thành lập.</p> <p>- Đối với cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận</p> <p>+ Văn bản đề nghị cho phép thành lập theo Mẫu 1A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.</p> <p>+ Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với các trường hợp nhà đầu tư nước ngoài phải thực</p>
--	--	--	--

			<p>hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư).</p> <p>+ Đề án thành lập theo Mẫu 1B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.</p> <p>+ Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất để xây dựng trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kèm theo bản sao biên lai (nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất) hoặc minh chứng đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định.</p> <p>Bản sao hợp đồng thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất còn thời hạn ít nhất là 05 năm kể từ ngày gửi hồ sơ đối với trường hợp thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất và giấy tờ chứng minh quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu của bên cho thuê.</p> <p>+ Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính về vốn đầu tư thành lập bằng nguồn vốn hợp pháp, không bao gồm giá trị về đất đai, tối thiểu 05 tỷ đồng đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp; tối thiểu 50 tỷ đồng đối với trường trung cấp.</p> <p>+ Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với ngành, nghề, quy mô, trình độ đào tạo và tiêu chuẩn diện tích sử dụng, diện tích xây dựng cho hoạt động học tập và giảng dạy.</p> <p>+ Văn bản cam kết của các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu nguồn vốn đầu tư cam kết việc sử dụng phần tài chính chênh lệch giữa thu và chi của cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy</p>
--	--	--	---

			<p>định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.</p> <p>+ Biên bản họp của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc những người góp vốn thành lập thông qua việc trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận. Biên bản này phải được sự đồng ý của đại diện tối thiểu 75% tổng số vốn góp của các thành viên góp vốn.</p> <p>+ Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận.</p> <p>+ Dự thảo Quy chế tài chính nội bộ của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận.</p> <p>* Trường hợp có từ 02 tổ chức, cá nhân nước ngoài góp vốn trở lên hoặc liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài, hồ sơ cần bổ sung:</p> <p>+ Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu về tài sản kèm theo văn bản thẩm định giá về tài sản là vốn góp của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc các bên liên doanh đề nghị thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận;</p> <p>+ Biên bản cử người đại diện đứng tên thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc các bên liên doanh;</p>	
--	--	--	--	--

				+ Danh sách, hình thức và biên bản góp vốn của các thành viên liên doanh cam kết góp vốn thành lập.	
211.	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	1.000154. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cho phép thành lập theo Mẫu 1A ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP. - Đề án thành lập theo Mẫu 1B ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP. - Bản sao các giấy tờ pháp lý chứng minh cơ sở vật chất và năng lực tài chính theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP). 	
212.	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.000138. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị chia, tách, sáp nhập theo Mẫu 2C tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP). - Đề án chia, tách, sáp nhập theo Mẫu 2D tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP). - Biên bản họp của các bên góp vốn hoặc liên doanh về việc chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. - Đối với trường hợp sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thì cần bổ sung: + Hợp đồng sáp nhập do người đại diện theo pháp luật của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cùng ký kết. 	

				<p>+ Hợp đồng phải có nội dung chủ yếu sau: Thông tin về trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sáp nhập, bị sáp nhập, thủ tục và điều kiện sáp nhập; phương án đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động; thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản, chuyển đổi phần vốn góp của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bị sáp nhập thành phần vốn góp của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhận sáp nhập; thời hạn thực hiện sáp nhập.</p>	
213.	Thành lập hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.010587. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<p>- Văn bản của trường cao đẳng đề nghị thành lập hội đồng trường nhiệm kỳ đầu tiên hoặc nhiệm kỳ kế tiếp (<i>Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BLĐT BXH</i>).</p> <p>- Văn bản cử đại diện tham gia hội đồng trường của các tổ chức quy định tại điểm a khoản 3 Điều 11 Luật Giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Văn bản cử đại diện tham gia hội đồng trường của cơ quan chủ quản trường hoặc văn bản cử đại diện tham gia hội đồng trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan.</p> <p>- Biên bản họp bầu hội đồng trường (<i>Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BLĐT BXH</i>).</p> <p>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ của người được đề nghị giữ chức danh chủ tịch hội đồng trường.</p>	

214.	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.010588. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<p>- Văn bản của hội đồng trường đề nghị thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường (Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTĐXH).</p> <p>- Biên bản họp hội đồng trường về việc thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTĐXH).</p> <p>- Trường hợp thay thế chủ tịch hội đồng trường thì bổ sung bản sao văn bằng, chứng chỉ của người được đề nghị giữ chức danh chủ tịch hội đồng trường.</p>	
215.	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.010589. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<p>- Văn bản của hội đồng trường đề nghị miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường, trong đó nêu rõ lý do miễn nhiệm, cách chức (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTĐXH).</p> <p>- Biên bản họp hội đồng trường về việc miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường (Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTĐXH).</p> <p>- Các văn bản, giấy tờ chứng minh liên quan.</p> <p>* Chủ tịch, thư ký và thành viên hội đồng trường là công chức, viên chức: Chủ tịch, thư ký và thành viên hội đồng trường có quyết định thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, cách chức theo các quyết định về nhân sự thì hội đồng trường có văn bản đề nghị cơ quan chủ quản trường quyết định miễn nhiệm, cách chức trong hội đồng trường.</p>	

216.	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực	1.010593. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<p>- Văn bản đề nghị công nhận hội đồng quản trị, nêu rõ quy trình xác định các thành viên hội đồng quản trị:</p> <p>+ Đối với nhiệm kỳ đầu tiên: Văn bản của người đại diện hợp pháp của thành viên đứng tên thành lập trường (Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐT BXH).</p> <p>+ Đối với nhiệm kỳ kế tiếp: Văn bản của hội đồng quản trị đối với đề nghị công nhận hội đồng quản trị nhiệm kỳ kế tiếp (Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐT BXH).</p> <p>- Văn bản cử đại diện tham gia hội đồng quản trị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi trường đặt trụ sở chính hoặc văn bản cử đại diện tham gia hội đồng quản trị của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan.</p> <p>- Văn bản cử đại diện tham gia hội đồng quản trị của các tổ chức đảng, đoàn thể, đội ngũ nhà giáo.</p> <p>- Biên bản họp bầu hội đồng quản trị (Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐT BXH).</p>	
217.	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị	1.010594. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<p>- Hồ sơ đề nghị thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị</p> <p>+ Văn bản đề nghị thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị (Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐT BXH).</p> <p>+ Biên bản họp hội đồng quản trị về việc thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị (Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐT BXH).</p>	

				<p>- Hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị</p> <p>+ Văn bản của thành viên duy nhất sở hữu trường đề nghị chấm dứt hoạt động của hội đồng quản trị (Mẫu số 11 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐT BXH).</p> <p>+ Các giấy tờ liên quan đến việc chuyển nhượng vốn.</p>	
218.	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực	1.010595. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<p>- Văn bản của hội đồng quản trị hoặc thành viên duy nhất sở hữu trường đề nghị công nhận hiệu trưởng (Mẫu số 12 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐT BXH).</p> <p>- Biên bản họp hội đồng quản trị đề nghị công nhận hiệu trưởng (Mẫu số 13 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐT BXH).</p> <p>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng của người được đề nghị công nhận giữ chức hiệu trưởng.</p>	
219.	Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực	1.010596. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<p>- Văn bản của hội đồng quản trị hoặc thành viên duy nhất sở hữu trường đề nghị thôi công nhận hiệu trưởng (Mẫu số 14 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐT BXH).</p> <p>- Biên bản họp hội đồng quản trị đề nghị thôi công nhận hiệu trưởng (Mẫu số 15 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐT BXH).</p>	
220.	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	1.000553. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<p>- Văn bản đề nghị giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài theo Mẫu 2E tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số</p>	

				<p>15/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p> <p>- Đề án giải thể giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài theo Mẫu 2G tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p>	
221.	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.000530. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<p>Văn bản đề nghị đổi tên của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc đại diện hợp pháp của những người góp vốn thành lập theo Mẫu 2H tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p>	
222.	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	1.000509. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<p>- Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP và Nghị định số 24/2022/NĐ-CP), gồm:</p> <p>+ Văn bản đề nghị cho phép thành lập theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP);</p> <p>+ Đề án thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP);</p> <p>+ Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với ngành, nghề, quy mô, trình độ đào tạo và tiêu chuẩn</p>	

			<p>diện tích sử dụng, diện tích xây dựng cho hoạt động học tập và giảng dạy;</p> <p>+ Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất để xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kèm theo bản sao biên lai (nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất) hoặc minh chứng đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định. Bản sao hợp đồng thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất còn thời hạn ít nhất là 05 năm kể từ ngày gửi hồ sơ đối với trường hợp thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất và giấy tờ chứng minh quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu của bên cho thuê;</p> <p>+ Văn bản xác nhận khả năng tài chính để đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;</p> <p>+ Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu về tài sản kèm theo văn bản thẩm định giá tài sản góp vốn nếu góp vốn bằng tài sản.</p> <p>* Đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục có từ 02 thành viên góp vốn trở lên, ngoài hồ sơ nêu trên, hồ sơ cần bổ sung:</p> <p>+ Biên bản cử người đại diện đứng tên thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục của các thành viên góp vốn;</p> <p>+ Danh sách trích ngang các thành viên Ban sáng lập;</p> <p>+ Danh sách, hình thức và biên bản góp vốn của các thành viên cam kết góp vốn thành lập;</p>
--	--	--	--

				<ul style="list-style-type: none"> + Dự kiến Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị của trường trung cấp. - Các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản cam kết của các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu nguồn vốn đầu tư cam kết việc sử dụng phần tài chính chênh lệch giữa thu và chi của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP; + Biên bản họp của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc những người góp vốn thành lập thông qua việc của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận. Biên bản này phải được sự đồng ý của đại diện tối thiểu 75% tổng số vốn góp của các thành viên góp vốn; + Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận; + Dự thảo Quy chế tài chính nội bộ của của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.
223.	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	1.000482. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận theo Mẫu 5E tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP). - Văn bản cam kết của các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu nguồn vốn đầu tư cam kết việc sử dụng phần

				<p>tài chính chênh lệch giữa thu và chi của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.</p> <p>- Biên bản họp của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc những người góp vốn thành lập thông qua việc trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận. Biên bản này phải được sự đồng ý của đại diện tối thiểu 75% tổng số vốn góp của các thành viên góp vốn.</p> <p>- Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất và báo cáo kiểm toán theo định kỳ của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.</p>	
224.	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn	1.010927. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<p>- Hồ sơ theo quy định tại các điểm a, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều 6 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP và Nghị định số 24/2022/NĐ-CP), gồm:</p> <p>+ Văn bản đề nghị thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP);</p> <p>+ Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với ngành, nghề, quy mô, trình độ đào tạo và tiêu chuẩn diện tích sử dụng, diện tích xây dựng cho hoạt động học tập và giảng dạy;</p>	

				<ul style="list-style-type: none"> + Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất để xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kèm theo bản sao biên lai (nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất) hoặc minh chứng đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định; - Bản sao hợp đồng thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất còn thời hạn ít nhất là 05 năm kể từ ngày gửi hồ sơ đối với trường hợp thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất và giấy tờ chứng minh quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu của bên cho thuê; + Bản sao văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư hoặc văn bản phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công hoặc văn bản phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của cơ quan có thẩm quyền; + Văn bản xác nhận khả năng tài chính để đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; + Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu về tài sản kèm theo văn bản thẩm định giá tài sản góp vốn nếu góp vốn bằng tài sản. - <i>Đề án thành lập phân hiệu của trường trung cấp theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</i>
225.	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	1.010928. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo của các bên liên kết, trong đó nêu rõ lý do đề nghị chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo. - Báo cáo chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo, trong đó nêu rõ lý do, nội dung chấm dứt, phương án giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động;

				thanh toán các khoản nợ thuê và các khoản nợ khác (nếu có).	
226.	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	1.001806. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị của cơ sở sản xuất, kinh doanh trong đó nêu rõ tổng số lao động hiện có, số lao động là người khuyết tật; - Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy phép hoạt động của cơ sở; - Danh sách lao động là người khuyết tật và bản sao giấy xác nhận khuyết tật của những người khuyết tật có trong danh sách; - Bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của lao động là người khuyết tật đang làm việc. 	
227.	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2.000141. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký thành lập theo Mẫu số 06 - Nghị định 103/2017/NĐ-CP. - Phương án thành lập cơ sở. - Dự thảo Quy chế hoạt động của cơ sở theo Mẫu số 03b - Nghị định 103/2017/NĐ-CP. - Bản sao có chứng thực đối với giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc hợp đồng cho thuê, mượn đất đai, cơ sở vật chất và tài sản gắn liền với đất phục vụ cho hoạt động của cơ sở. - Phiếu lý lịch tư pháp của các sáng lập viên. - Bản sao các giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với sáng lập viên là cá nhân nước ngoài, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của các sáng lập viên; 	

				+ Quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức và văn bản ủy quyền; hộ chiếu, chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức. Đối với sáng lập viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương phải được hợp pháp hóa lãnh sự.	
228.	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	2.000135. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	Văn bản đề nghị về việc đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở.	
229.	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2.000062. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị giải thể cơ sở của tổ chức, cá nhân đăng ký thành lập cơ sở, trong đó có nêu rõ lý do đề nghị giải thể (<i>Mẫu số 04b - Nghị định số 103/2017/NĐ-CP</i>). - Bản kê khai tài sản, tài chính và phương án xử lý. - Danh sách đối tượng và phương án giải quyết khi cơ sở giải thể. - Các tài liệu liên quan khác (nếu có). - Kiến nghị giải thể cơ sở của cơ quan có thẩm quyền (nếu có). 	
230.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2.000056. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	Tờ khai đề nghị cấp giấy phép hoạt động của cơ sở (<i>Mẫu số 09 - Nghị định số 103/2017/NĐ-CP</i>).	
231.	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp	2.000051. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh, cấp lại giấy phép. - Giấy phép hoạt động. 	

				- Giấy tờ chứng minh thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đứng đầu, loại hình cơ sở, nhiệm vụ và địa bàn hoạt động.
232.	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	1.010801. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Người có công	<p>- Bản khai có xác nhận của ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú theo Mẫu số 05.</p> <p>- Bản sao được chứng thực từ Bằng “Tổ quốc ghi công”.</p> <p>- Một trong các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, như sau:</p> <p>+ Trường hợp thân nhân là người có công nuôi liệt sĩ phải có văn bản đồng thuận của các thân nhân liệt sĩ; trường hợp liệt sĩ không còn thân nhân thì phải có văn bản đồng thuận của những người thuộc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự. Văn bản đồng thuận do ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về chữ ký, nơi thường trú và nội dung đồng thuận.</p> <p>+ Trường hợp thân nhân là con chưa đủ 18 tuổi phải có thêm bản sao được chứng thực từ giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh.</p> <p>+ Trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên đang đi học phải có thêm giấy xác nhận của cơ sở giáo dục nơi đang theo học.</p> <p>+ Trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng trước khi đủ 18 tuổi phải có thêm giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật.</p> <p>+ Trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng sau khi đủ 18 tuổi mà không có thu nhập hằng tháng</p>

				hoặc có thu nhập hàng tháng thấp hơn 0,6 lần mức chuẩn phải có thêm giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật, giấy xác nhận thu nhập theo Mẫu số 47 Phụ lục I Nghị định này của ủy ban nhân dân cấp xã.	
233.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	1.010802. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Người có công	<p>- Đơn đề nghị Mẫu số 17 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Trường hợp nuôi con liệt sĩ đến tuổi trưởng thành: Văn bản đồng thuận của con liệt sĩ có xác nhận về chữ ký và nơi thường trú của Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <p>- Trường hợp chăm sóc bố, mẹ liệt sĩ khi còn sống: + Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bố, mẹ liệt sĩ thường trú khi còn sống. + Biên bản họp đồng thuận của thân nhân liệt sĩ hoặc của những người thuộc hàng thừa kế thứ hai của liệt sĩ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự (ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của liệt sĩ; cháu ruột của liệt sĩ mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại) có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập biên bản theo Mẫu số 80.</p> <p>+ Biên bản họp đồng thuận của thân nhân liệt sĩ hoặc của những người thuộc hàng thừa kế thứ ba của liệt sĩ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự (cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của liệt sĩ; cháu ruột của người chết mà liệt sĩ là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; chắt ruột của liệt sĩ mà liệt sĩ là cụ nội, cụ ngoại) nếu những người thuộc hàng thừa kế thứ hai của liệt sĩ không còn.</p>	

				<p>+ Văn bản đồng thuận có xác nhận về chữ ký và nơi thường trú của Ủy ban nhân dân cấp xã của những thành viên vắng mặt không dự họp.</p> <p>- Trường hợp không chăm sóc được bố, mẹ liệt sĩ khi còn sống:</p> <p>+ Các Biên bản đồng thuận của thân nhân liệt sĩ hoặc của những người thuộc hàng thừa kế thứ hai hoặc thứ ba của liệt sĩ.</p> <p>+ Một trong các giấy tờ chứng minh lý do không chăm sóc được bố, mẹ liệt sĩ vì hoạt động cách mạng: lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân; hồ sơ bảo hiểm xã hội; các giấy tờ, tài liệu khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận trong thời gian tham gia cách mạng.</p>
234.	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	1.010806. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Người có công	<p>Các giấy tờ theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP:</p> <p>- Bản tóm tắt bệnh án điều trị vết thương của Bệnh viện tuyến huyện trở lên.</p> <p>- Giấy xác nhận trường hợp bị thương .</p> <p>- Giấy chứng nhận bị thương theo Mẫu số 35 Phụ lục I, Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p>
235.	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	1.010807. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Người có công	<p>- Đơn đề nghị giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh, người bị thương theo Mẫu số 33 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Bản sao Giấy chứng nhận bị thương.</p> <p>- Biên bản của các lần giám định trước.</p> <p>- Kết quả chụp, chiếu và chẩn đoán của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công</p>

				<p>an) đối với trường hợp người bị thương còn sót mảnh kim khí trong cơ thể.</p> <p>- Phiếu phẫu thuật hoặc tóm tắt hồ sơ bệnh án của của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) đối với trường hợp đã phẫu thuật lấy dị vật.</p>	
236.	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	1.010808. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Người có công	<p>- Đơn đề nghị giải quyết thêm chế độ trợ cấp theo Mẫu số 19 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Bản sao Giấy chứng nhận bị thương.</p> <p>- Bản sao Giấy chứng nhận bệnh binh.</p> <p>- Biên bản giám định y khoa.</p>	
237.	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	1.010809. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Người có công	<p>- Đơn đề nghị giải quyết thêm chế độ trợ cấp.</p> <p>- Bản sao Giấy chứng nhận bị thương.</p> <p>- Biên bản giám định y khoa.</p>	
238.	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	1.010813. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Người có công	Đơn đề nghị chuyển từ cơ sở nuôi dưỡng người có công về gia đình theo Mẫu số 23 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.	
239.	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hàng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	1.010822. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Người có công	<p>- Đơn đề nghị.</p> <p>- Bản tóm tắt bệnh án điều trị thể hiện cụt hoặc liệt hoàn toàn hai chi trở lên; mù hoàn toàn hai mắt; tâm thần nặng dẫn đến không tự lực được trong sinh hoạt của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an).</p>	

240.	Hưởng lại chế độ ưu đãi	1.010823. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Người có công	<p>- Đơn đề nghị theo Mẫu số 24 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Các giấy tờ chứng minh đã chấp hành xong hình phạt tù, thời điểm hưởng lại chế độ ưu đãi kể từ tháng liền kề sau tháng chấp hành xong hình phạt tù (đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 54 Pháp lệnh).</p> <p>- Giấy tờ nhập cảnh (đối với trường hợp người có công hoặc thân nhân xuất cảnh trái phép nay trở về nước thường trú). Nếu trong thời gian 01 tháng sau khi nhập cảnh không có đơn đề nghị hưởng lại chế độ thì phải kèm theo Phiếu lý lịch tư pháp số 1 quy định tại Luật Lý lịch tư pháp.</p> <p>- Phiếu lý lịch tư pháp số 1 quy định tại Luật Lý lịch tư pháp (đối với trường hợp người có công hoặc thân nhân mất tích nay trở về).</p>	
241.	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	1.010826. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Người có công	<p>- Đơn đề nghị theo Mẫu số 26 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p>	
242.	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công	1.010828. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Người có công	<p>Đơn đề nghị hoặc văn bản đề nghị cấp trích lục hoặc sao một số giấy tờ trong hồ sơ hoặc toàn bộ hồ sơ người có công.</p>	
243.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1.010829. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Người có công	<p>Đối với trường hợp chưa được hỗ trợ:</p> <p>+ Đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ theo Mẫu số 32 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p> <p>+ Giấy báo tin mộ liệt sĩ.</p>	

				<p>+ Văn bản ủy quyền đối với trường hợp thân nhân liệt sĩ ủy quyền di chuyển hài cốt liệt sĩ.</p> <p>Đối với trường hợp đã được hỗ trợ:</p> <p>+ Đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ theo Mẫu số 32 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p> <p>+ Bản sao được chứng thực từ giấy chứng nhận gia đình hoặc thân nhân liệt sĩ hoặc bản sao được chứng thực từ quyết định trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.</p> <p>+ Giấy báo tin mộ liệt sĩ.</p> <p>+ Văn bản ủy quyền đối với trường hợp thân nhân liệt sĩ ủy quyền di chuyển hài cốt liệt sĩ.</p>	
244.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1.010830. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Người có công	<p>- Đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ theo Mẫu số 32 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP</p> <p>- Bản sao được chứng thực từ biên bản bàn giao hài cốt liệt sĩ đối với trường hợp mộ liệt sĩ được cơ quan chức năng bàn giao cho gia đình quản lý.</p> <p>- Văn bản ủy quyền đối với trường hợp thân nhân liệt sĩ ủy quyền di chuyển hài cốt liệt sĩ.</p>	
245.	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh.	1.010831. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Người có công	Đơn đề nghị cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh	
246.	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công đã chuyển ra	1.011382. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Người có công	<p>- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung thông tin trong hồ sơ người có công (Mẫu số 26 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP).</p> <p>- Văn bản đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ của người có công.</p>	

247.	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	2.000025. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐT BXH . - Đề án thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐT BXH . - Sơ yếu lý lịch trích ngang của người dự kiến làm giám đốc cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo Mẫu số 26 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BLĐT BXH ngày 29/8/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là Thông tư số 08/2023/TT-BLĐT BXH). - Danh sách nhân sự dự kiến làm việc tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐT BXH . - Các giấy tờ và văn bản có liên quan: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc tài sản gắn liền với đất phục vụ cho hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân; + Ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở hỗ trợ nạn nhân đặt trụ sở hoạt động, trong đó nêu rõ đồng ý hay không đồng ý về việc đặt trụ sở của cơ sở hỗ trợ nạn nhân; + Các văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn của nhân sự làm việc dự kiến tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân. 	
------	---	----------------------------	---	--	--

248.	Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	2.000027. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân (<i>Phụ lục 1 - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH</i>). - Tài liệu, văn bản chứng minh Giấy phép thành lập bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy. 	
249.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	2.000032. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân (<i>Phụ lục 1 - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH</i>). - Bản sao Giấy phép thành lập đã được cấp. - Văn bản, tài liệu chứng minh việc thay đổi người đứng đầu; hoặc thay đổi địa điểm đặt trụ sở; hoặc thay đổi tên gọi, phạm vi hoạt động, dịch vụ hỗ trợ được cấp phép. 	
250.	Gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	2.000036. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân (<i>Phụ lục 1 - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH</i>). - Báo cáo về tình hình hỗ trợ nạn nhân của cơ sở tính đến thời điểm đề nghị gia hạn và phương hướng hoạt động tiếp theo của cơ sở (<i>Phụ lục 5 - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH</i>). - Bản gốc Giấy phép thành lập đã được cấp. 	
251.	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	1.000091. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân (<i>Phụ lục 10 - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH</i>). - Phương án giải quyết đối với nạn nhân, người lao động, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan của cơ sở hỗ trợ nạn nhân khi chấm dứt hoạt động (<i>Phụ lục 11 - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH</i>). 	

252.	Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	1.010935. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện. - 01 bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. - Văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc chấp thuận đặt trụ sở cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện. - Tài liệu chứng minh bảo đảm đủ các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị quy định tại Khoản 2, 3 Điều 9 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP. - 01 bản chính danh sách nhân viên, kèm theo bản sao văn bằng, chứng chỉ; 01 bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật, 01 bản sao giấy xác nhận đã được đào tạo, tập huấn về điều trị, cai nghiện ma túy hoặc giấy xác nhận thời gian làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy của người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật của cơ sở. - 01 bản phương án tài chính của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện để bảo đảm duy trì hoạt động cai nghiện ma túy. 	
253.	Cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	1.010936. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP. - 01 bản chính Biên bản của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện về việc xác nhận giấy phép hoạt động bị mất (hoặc hỏng) theo Mẫu số 07 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của cơ sở cai nghiện đối 	

				<p>với trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</p> <p>- 01 bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở cai nghiện theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định 116/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Các văn bằng, chứng chỉ theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP đối với trường hợp quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Tài liệu chứng minh bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 9 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP đối với trường hợp quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Báo cáo kết quả khắc phục việc đình chỉ hoạt động của cơ sở cai nghiện đối với trường hợp quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP theo Mẫu số 08 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</p>	
254.	Thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	1.010937. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội	- Văn bản của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện xin dừng hoạt động cai nghiện ma túy theo Mẫu số 11 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.	

255.	Xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội	1.005218. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Tổ chức cán bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Công văn đề nghị xếp hạng của đơn vị; - Bảng phân tích, đánh giá, chấm điểm các tiêu chí theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 18/2006/TT-BLĐTBXH (phụ lục 1, phụ lục 2) và các văn bản, tài liệu, hồ sơ chứng minh số điểm đã đạt được (số liệu của 2 năm trước liền kề và kế hoạch thực hiện của năm đề nghị đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt). 	
256.	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	1.012091. 000.00.00.H10	Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động chưa thành niên (sau đây gọi tắt là Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH). - Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định thành lập cơ quan, tổ chức hoặc hợp đồng hợp tác của tổ hợp tác, trong trường hợp người sử dụng lao động là doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã. - Bản sao phiếu lý lịch tư pháp của người giao kết hợp đồng lao động bên phía người sử dụng lao động được cấp không quá 06 tháng kể từ ngày cấp đến ngày giao kết hợp đồng lao động, trong đó không có án tích về hành vi xâm hại trẻ em. - Bản cam kết chưa từng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại trẻ em của người giao kết hợp đồng lao động 	

				<p>bên phía người sử dụng lao động theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH.</p> <p>- Hợp đồng lao động hoặc dự thảo hợp đồng lao động giữa người sử dụng lao động với người chưa đủ 13 tuổi và người đại diện theo pháp luật của người đó. Trong trường hợp dự thảo hợp đồng lao động thì phải có Phiếu đồng ý của người đại diện theo pháp luật của người chưa đủ 13 tuổi làm việc theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH .</p> <p>- Bản sao giấy khai sinh, giấy khám sức khỏe của người chưa đủ 13 tuổi. Thời khóa biểu hoặc chương trình học tập của cơ sở giáo dục nơi người chưa đủ 13 tuổi đang học tập nếu đang đi học</p>	
IV. Thủ tục hành chính do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý					
STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
257.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản	2.001827. 000.00.00.H10	Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; - Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. 	
258.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản (Trường hợp trước 6 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	2.001823. 000.00.00.H10	Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; - Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. 	

259.	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)	1.003397. 000.00.00.H10	Kinh tế hợp tác	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị của chủ dự án (theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP); - Dự án liên kết (theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP); - Bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau. 	
260.	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	2.001064. 000.00.00.H10	Thú y	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký cấp/gia hạn chứng chỉ hành nghề theo Phụ lục 3 Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 - Giấy chứng nhận sức khỏe; - 02 ảnh 4x6. 	
261.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	1.005319. 000.00.00.H10	Thú y	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký cấp lại; - Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất. - 02 ảnh 4x6. 	
262.	Cấp, Cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	2.002132. 000.00.00.H10	Thú y	* Trường hợp cấp, cấp lại do Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y hết hạn:	

				<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y theo Mẫu 01 của Phụ lục Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT; - Bản chính Mô tả tóm tắt về cơ sở theo Mẫu 02 của Phụ lục Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT. * <i>Trường hợp Giấy chứng nhận VSTY bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận VSTY:</i> - Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận VSTY theo Mẫu 01 của Phụ lục Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT. 	
263.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	1.001686. 000.00.00.H10	Thú y	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký cấp, gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT - Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT 	
264.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	1.004839. 000.00.00.H10	Thú y	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định. - Bản chứng thực điện tử Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất. 	

				- Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi trong trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	
265.	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	1.004022. 000.00.00.H10	Thú y	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y; - Sản phẩm quảng cáo (nội dung, hình thức quảng cáo được thể hiện bằng hình ảnh, âm thanh, tiếng nói, chữ viết, biểu tượng, màu sắc, ánh sáng và các hình thức tương tự); - Danh sách báo cáo viên ghi đầy đủ thông tin về bằng cấp chuyên môn hoặc chức danh khoa học của báo cáo viên đối với trường hợp hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hóa, thể thao (đóng dấu xác nhận của Doanh nghiệp). 	
266.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	1.011475. 000.00.00.H10	Thú y	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT; - Bản mô tả thông tin về cơ sở đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT. <p><i>Đối với trường hợp cơ sở phải thực hiện khắc phục nếu kiểm tra thực tế tại cơ sở không đạt yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT, thành phần hồ sơ bao gồm: Báo cáo khắc phục sai lỗi.</i></p>	

267.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	1.011477. 000.00.00.H10	Thứ y	<p>* Đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực hoặc cơ sở có Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin về cơ sở trên Giấy chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT. <p>* Đối với cơ sở đã thực hiện các biện pháp khắc phục sai lỗi và thực hiện các biện pháp duy trì điều kiện an toàn dịch bệnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT; - Báo cáo khắc phục sai lỗi. <p>* Đối với cơ sở đã xử lý dịch bệnh và thực hiện giám sát dịch bệnh theo quy định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT; - Báo cáo xử lý dịch bệnh và kết quả giám sát dịch bệnh. 	
268.	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	1.011478. 000.00.00.H10	Thứ y	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT; - Bản mô tả thông tin về vùng đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT. <p>Đối với trường hợp cơ sở phải thực hiện khắc phục nếu kiểm tra thực tế tại cơ sở không đạt yêu cầu theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 29 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT, thành phần hồ sơ bao</p>	

				gồm: báo cáo khắc phục sai lỗi.	
269.	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	1.011479. 000.00.00.H10	Thú y	<p>* Đối với vùng có Giấy chứng nhận hết hiệu lực hoặc cơ sở có Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin về cơ sở trên Giấy chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT. <p>* Đối với vùng đã thực hiện các biện pháp khắc phục sai lỗi và thực hiện các biện pháp duy trì điều kiện an toàn dịch bệnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT; - Báo cáo khắc phục sai lỗi. <p>* Đối với vùng đã xử lý dịch bệnh và thực hiện giám sát dịch bệnh theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT; - Báo cáo xử lý dịch bệnh và kết quả giám sát dịch bệnh. 	
270.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng.	1.008126. 000.00.00.H10	Chăn nuôi	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (theo Mẫu số 01.TĂCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi). - Bản thuyết minh điều kiện sản xuất (theo Mẫu số 02.TĂCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi). - Quy trình kiểm soát chất lượng của cơ sở sản xuất (theo Mẫu số 03.TĂCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi). 	

				<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao, chụp tài liệu chứng minh có biện pháp bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. - Bản tóm tắt quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn truyền thống và nguyên liệu đơn. 	
271.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng.	1.008127. 000.00.00.H10	Chăn nuôi	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (theo Mẫu số 01.TĂCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi). - Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân trong Giấy chứng nhận. 	
272.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn.	1.008128. 000.00.00.H10	Chăn nuôi	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (theo Mẫu số 01.ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi). - Bản thuyết minh về điều kiện chăn nuôi (theo Mẫu số 02.ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi). 	
273.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn.	1.008129. 000.00.00.H10	Chăn nuôi	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (theo Mẫu số 01.ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi). 	

				<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân trong Giấy chứng nhận. - Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đã được cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị mất. 	
274.	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	1.004359. 000.00.00.H10	Thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> * <i>Đối với cấp mới:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị theo Mẫu số 21 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP; * <i>Đối với cấp lại:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại (theo Mẫu số 03.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP); - Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đã cấp. 	
275.	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	1.004913. 000.00.00.H10	Thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị (theo Mẫu số 23.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP). - Sơ đồ vị trí đặt lồng bè/Sơ đồ khu vực nuôi. 	
276.	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)	1.004918. 000.00.00.H10	Thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> * <i>Đối với cấp mới:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP; - Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP. * <i>Đối với cấp lại:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP; - Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân; 	

				- Bản chính Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản đã được cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị mất.	
277.	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	1.004921. 000.00.00.H10	Thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị theo Mẫu số 07.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; - Thông tin về tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 04.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung tên tổ chức và tên người đại diện của tổ chức cộng đồng; - Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản mới đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; - Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo quy chế mới đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng; - Bản chính biên bản họp của tổ chức cộng đồng về các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 05.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP. 	
278.	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	1.004923. 000.00.00.H10	Thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị theo Mẫu số 01.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; - Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý theo Mẫu số 02.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; - Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 03.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; 	

				<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin về tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 04.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; - Bản chính biên bản họp tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 05.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP. 	
279.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	1.003650. 000.00.00.H10	Thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> * <i>Đối với tàu đóng mới:</i> - Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; - Bản chính Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng tàu cấp theo Mẫu số 03.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; - Bản chính văn bản chấp thuận đóng mới đối với tàu cá hoặc văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền đối với tàu công vụ thủy sản; - Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế; - Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu); * <i>Đối với tàu cải hoán:</i> - Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; - Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế; - Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu); - Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu theo Mẫu số 04.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; 	

			<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký cũ; - Văn bản chấp thuận cải hoán của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. * <i>Đối với tàu được mua bán, tặng cho:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; - Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế; - Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu); - Bản chính Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tàu theo quy định; - Văn bản chấp thuận mua bán tàu cá, trừ trường hợp tàu cá mua bán trong tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu; - Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký. * <i>Đối với tàu nhập khẩu:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; - Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế; - Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu); - Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá đã qua sử dụng; * <i>Đối với tàu thuộc diện thuê tàu trần:</i>
--	--	--	---

				<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; - Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế; - Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu); - Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá đã qua sử dụng; - Bản chính văn bản chấp thuận cho thuê tàu trần do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp; - Bản chính hợp đồng thuê tàu trần.
280.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.	1.003634. 000.00.00.H10	Thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo Mẫu số 07.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; - Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản cũ, trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do; - Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).
281.	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	1.004915. 000.00.00.H10	Thủy sản	<p><i>* Đối với cấp mới:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP; - Bản thuyết minh điều kiện cơ sở sản xuất theo Mẫu số 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP; <p><i>* Đối với cấp lại:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;

				<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân trong Giấy chứng nhận; - Bản chính Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đã được cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị mất. 	
282.	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	1.004692. 000.00.00.H10	Thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> * <i>Đối với cấp mới:</i> - Đơn đăng ký theo Mẫu số 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP - Sơ đồ mặt bằng vị trí ao/lồng nuôi có xác nhận của chủ cơ sở. * <i>Đối với cấp lại:</i> - Đơn đăng ký lại theo Mẫu số 27.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; - Bản chính giấy xác nhận đăng ký đã được cấp (trừ trường hợp bị mất); - Sơ đồ mặt bằng vị trí ao/lồng nuôi có xác nhận của chủ cơ sở (đối với trường hợp thay đổi quy mô sản xuất); trường hợp thay đổi chủ cơ sở phải có giấy tờ chứng minh sự thay đổi 	
283.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	1.007931. 000.00.00.H10	Bảo vệ thực vật	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP.	
284.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	1.007932. 000.00.00.H10	Bảo vệ thực vật	<ul style="list-style-type: none"> * <i>Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng:</i> - Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp (trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng). - Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP. * <i>Trường hợp thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận:</i> - Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp; 	

				<p>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP.</p> <p>* <i>Trường hợp thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón:</i></p> <p>- Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp;</p> <p>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP.</p>	
285.	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	1.008003. 000.00.00.H10	Trồng trọt	<p>- Hồ sơ Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng:</p> <p>+ Văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng theo Mẫu số 01.CĐD Phụ lục VI Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019.</p> <p>+ Báo cáo kết quả bình tuyển cây đầu dòng theo Mẫu số 02.CĐD Phụ lục VI Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019;</p> <p>+ Báo cáo kết quả thiết lập vườn cây đầu dòng theo Mẫu số 03.CĐD Phụ lục VI Nghị định số 94/2019/NĐCP ngày 13/12/2019.</p> <p>- Hồ sơ phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng:</p> <p>+ Văn bản đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng.</p>	

286.	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa (phân bón, thuốc BVTV) sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	1.009478. 000.00.00.H10	Khoa học, công nghệ và môi trường	<p>* Đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản công bố hợp quy. <p>* Đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tự đánh giá; - Bản công bố hợp quy.
287.	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	1.007933. 000.00.00.H10	Bảo vệ thực vật	Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo phân bón theo Mẫu số 20 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP
288.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	1.004363. 000.00.00.H10	Bảo vệ thực vật	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) - Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).
289.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	1.004346. 000.00.00.H10	Bảo vệ thực vật	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) - Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)
290.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	1.004493. 000.00.00.H10	Bảo vệ thực vật	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)

291.	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	1.012001. 000.00.00.H10	Trồng trọt	- Bản gốc Giấy chứng nhận đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ về giám định quyền đối với giống cây trồng; - Tài liệu có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người nộp hồ sơ đã trực tiếp làm công tác chuyên môn lĩnh vực giống cây trồng từ 05 năm trở lên; - Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên theo Mẫu số 09 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ.
292.	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	1.012002. 000.00.00.H10	Trồng trọt	Tờ khai yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên, làm theo Mẫu số 09 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ.
293.	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	1.012003. 000.00.00.H10	Trồng trọt	Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, làm theo Mẫu số 11 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ.
294.	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	1.012004. 000.00.00.H10	Trồng trọt	Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, làm theo Mẫu số 11 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ.
295.	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	1.011999. 000.00.00.H10	Trồng trọt	Đơn yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng.
296.	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	1.012000. 000.00.00.H10	Trồng trọt	Đơn yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.
297.	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	1.012074. 000.00.00.H10	Trồng trọt	Đơn đề nghị giao quyền đăng ký theo quy định tại Mẫu số 15 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ

298.	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	1.012075. 000.00.00.H10	Trồng trọt	- Đơn đề nghị sử dụng giống cây trồng theo quy định tại Mẫu số 16 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ; - Tài liệu chứng minh đề nghị khai thác, sử dụng giống cây trồng là có căn cứ xác đáng.
299.	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	1.000084 . 000.00.00.H10	Lâm nghiệp	- Tờ trình của chủ rừng (bản chính); - Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 (bản chính).
300.	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý	1.000081. 000.00.00.H10	Lâm nghiệp	- Tờ trình của chủ rừng (bản chính); - Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 (bản chính).
301.	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	1.000065. 000.00.00.H10	Lâm nghiệp	- Văn bản đề nghị của chủ rừng; - Phương án chuyển loại rừng.
302.	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	1.000058. 000.00.00.H10	Lâm nghiệp	<i>* Đối với hộ gia đình, cá nhân:</i> - Văn bản đề nghị miễn, giảm của bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng hoặc người giám hộ, người thừa kế của bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng phải nêu rõ nguyên nhân, nội dung rủi ro bất khả kháng; mức độ thiệt hại về vốn và tài sản; nội dung đề nghị miễn, giảm; thời gian đề nghị miễn, giảm; - Bản sao chụp quyết định của tòa án trong trường hợp mất năng lực hành vi dân sự; người thừa kế phải gửi bản sao chụp giấy chứng tử, chứng nhận mất tích trong trường hợp chết hoặc mất tích. <i>* Đối với tổ chức:</i> - Văn bản đề nghị miễn, giảm của bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng, trong đó nêu rõ nguyên nhân, nội dung rủi ro bất khả kháng; mức độ thiệt hại về

				<p>vốn và tài sản; nội dung đề nghị miễn, giảm; thời gian đề nghị miễn, giảm;</p> <p>- Bản kê tồn thất, thiệt hại về vốn và tài sản; bản sao chụp quyết định giải thể hoặc phá sản (nếu có) của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</p>	
303.	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	1.000055. 000.00.00.H10	Lâm nghiệp	<p>- Tờ trình của chủ rừng đề nghị phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Phụ lục VI của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phương án quản lý rừng bền vững;</p> <p>- Phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Phụ lục II của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018;</p> <p>- Các loại bản đồ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018.</p>	
304.	Phê duyệt Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	1.000047. 000.00.00.H10	Lâm nghiệp	<p>- Bản chính Đơn đề nghị phê duyệt Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT;</p> <p>- Bản chính Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT.</p>	
305.	Xác nhận bảng kê lâm sản (cấp tỉnh)	1.000045. 000.00.00.H10	Lâm nghiệp	<p>1. Hồ sơ xác nhận đối với gỗ loài thông thường khai thác tận dụng, tận thu từ rừng tự nhiên:</p> <p>1.1. Trường hợp khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên:</p>	

			<p>* Đối với khai thác trong phạm vi giải phóng mặt bằng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Đơn đề nghị xác nhận Bảng kê lâm sản theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT. - Bản chính Bảng kê lâm sản tương ứng với từng loại lâm sản đề nghị xác nhận theo Mẫu số 01, 03 hoặc 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TTBNNPTNT. <p>* Đối với khai thác trong quá trình thực hiện điều chỉnh tổ thành rừng, nuôi dưỡng rừng và áp dụng biện pháp lâm sinh khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Đơn đề nghị xác nhận Bảng kê lâm sản theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT. - Bản chính Bảng kê lâm sản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT. <p>1.2. Trường hợp khai thác tận thu gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Đơn đề nghị xác nhận Bảng kê lâm sản theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT. - Bản chính Bảng kê lâm sản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT. <p>2. Hồ sơ xác nhận đối với lâm sản sau xử lý tịch thu</p> <p>2.1. Đối với gỗ sau xử lý tịch thu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Đơn đề nghị xác nhận Bảng kê lâm sản theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT.
--	--	--	---

			<p>- Bản chính Bảng kê lâm sản tương ứng với từng loại lâm sản đề nghị xác nhận theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT.</p> <p>- Bản chính Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản đối với chủ lâm sản là tổ chức, hộ kinh doanh theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT.</p> <p>2.2. Đối với lâm sản sau xử lý tịch thu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT</p> <p>- Bản chính Đơn đề nghị xác nhận Bảng kê lâm sản theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT.</p> <p>- Bản chính Bảng kê lâm sản tương ứng với từng loại lâm sản đề nghị xác nhận theo Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT.</p> <p>- Bản chính Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản đối với chủ lâm sản là tổ chức, hộ kinh doanh theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT.</p> <p>3. Hồ sơ xác nhận đối với gỗ, thực vật ngoài gỗ có nguồn gốc từ tự nhiên, nhập khẩu hoặc trồng cây thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm hoặc Phụ lục CITES:</p> <p>3.1. Đối với gỗ có nguồn gốc từ tự nhiên, nhập khẩu thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm hoặc Phụ lục CITES:</p> <p>- Đơn đề nghị xác nhận Bảng kê lâm sản theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT.</p>
--	--	--	---

			<p>- Bảng kê lâm sản tương ứng với từng loại lâm sản đề nghị xác nhận theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT.</p> <p>- Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản đối với chủ lâm sản là tổ chức, hộ kinh doanh theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT.</p> <p>- Trường hợp lô hàng gỗ nhập khẩu không thuộc quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP: Bảng kê khai nguồn gốc gỗ nhập khẩu theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP.</p> <p>3.2. Đối với lâm sản ngoài gỗ có nguồn gốc từ tự nhiên, nhập khẩu thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm hoặc Phụ lục CITES:</p> <p>- Bản chính Đơn đề nghị xác nhận Bảng kê lâm sản theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT.</p> <p>- Bản chính Bảng kê lâm sản tương ứng với từng loại lâm sản đề nghị xác nhận theo Mẫu số 03, Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT.100</p> <p>- Bản chính Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản đối với chủ lâm sản là tổ chức, hộ kinh doanh theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT.</p> <p>4. Hồ sơ xác nhận đối với động vật rừng và bộ phận, dẫn xuất, sản phẩm của động vật rừng có nguồn gốc từ tự nhiên, nhập khẩu hoặc gây nuôi; động vật</p>
--	--	--	---

			<p>hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục CITES, trừ loài thủy sản</p> <p>4.1. Đối với khai thác động vật rừng thông thường, bộ phận, dẫn xuất của động vật rừng thông thường từ tự nhiên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Đơn đề nghị xác nhận Bảng kê lâm sản theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT. - Bản chính Bảng kê lâm sản theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT. - Bản chính Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản đối với chủ lâm sản là tổ chức, hộ kinh doanh theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT. <p>4.2. Đối với mua bán, chuyển giao quyền sở hữu, vận chuyển trong nước đối với bộ phận, dẫn xuất, sản phẩm của động vật rừng có nguồn gốc từ tự nhiên, nhập khẩu hoặc gây nuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Đơn đề nghị xác nhận Bảng kê lâm sản theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT. - Bản chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền Bảng kê lâm sản theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT. - Bản chính Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản đối với chủ lâm sản là tổ chức, hộ kinh doanh theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT. <p>4.3. Hồ sơ động vật rừng và bộ phận, dẫn xuất, sản phẩm của động vật rừng có nguồn gốc nhập khẩu;</p>
--	--	--	---

			<p>động vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục CITES, trừ loài thủy sản;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Đơn đề nghị xác nhận Bảng kê lâm sản theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT. - Bản chính Bảng kê lâm sản theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT. - Bản chính Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản đối với chủ lâm sản là tổ chức, hộ kinh doanh theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT. - Đối với loài thuộc Phụ lục CITES: Tờ khai hải quan theo quy định pháp luật; bản chính hoặc bản sao hoặc bản điện tử giấy phép CITES nhập khẩu; - Đối với loài không thuộc Phụ lục CITES: Tờ khai hải quan theo quy định pháp luật; bản chính Bảng kê lâm sản do chủ lâm sản lập hoặc packing-list/loglist do tổ chức, cá nhân lập theo quy định của nước xuất khẩu. <p>5. Hồ sơ lâm sản không thuộc các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, và d khoản 3 Điều 5 hoặc gỗ cây công nghiệp hoặc sản phẩm gỗ hoàn chỉnh theo đề nghị của chủ lâm sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Đơn đề nghị xác nhận Bảng kê lâm sản theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT. - Bản chính Bảng kê lâm sản tương ứng với từng loại lâm sản đề nghị xác nhận theo Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TTBNNPTNT.
--	--	--	---

				- Bản chính Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản đối với chủ lâm sản là tổ chức, hộ kinh doanh theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT.	
306.	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES	1.004815. 000.00.00.H10	Lâm nghiệp	- Đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi, trồng theo mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 06 - Bản chính Phương án nuôi theo Mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ (đối với động vật). Phương án trồng theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ (đối với thực vật).	
307.	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	1.007918. 000.00.00.H10	Lâm nghiệp	- Tờ trình đề nghị phê duyệt thiết kế, dự toán theo mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 - Thuyết minh thiết kế công trình lâm sinh được lập theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019. - Bản đồ thiết kế: Bản đồ thiết kế: xây dựng trên nền bản đồ địa hình theo hệ quy chiếu VN 2.000 với tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000. Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ áp dụng TCVN 11566:2016 về bản đồ quy hoạch lâm nghiệp. - Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc kế hoạch vốn được giao đối với hoạt động sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và các tài liệu khác có liên quan - Dự toán công trình lâm sinh được lập theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019	

308.	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác	1.007917. 000.00.00.H10	Lâm nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Bản chính văn bản đề nghị phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế quy định tại mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT; - Bản chính Phương án trồng rừng thay thế quy định tại mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT; - Bản chính dự toán, thiết kế trồng rừng thay thế theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT; 	
309.	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	3.000159. 000.00.00.H10	Lâm nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Đề nghị xác nhận nguồn gốc gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam; - Bản chính Bảng kê gỗ xuất khẩu/tạm nhập, tái xuất theo Mẫu số 05 hoặc Bảng kê sản phẩm gỗ xuất khẩu/tạm nhập, tái xuất theo Mẫu số 06 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam; 	
310.	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	3.000160. 000.00.00.H10	Lâm nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Đề nghị phân loại doanh nghiệp theo Mẫu số 01 kèm theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông. - Bản chính Bảng kê khai phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ theo Mẫu số 08 Phụ lục I kèm theo Nghị định 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam. - Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản đóng dấu treo theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo ban hành kèm theo Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông 	

				thôn Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản. Doanh nghiệp phải chốt số liệu, ký và đóng dấu điện tử.	
311.	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	3.000152. 000.00.00.H10	Lâm nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị của chủ đầu tư; - Báo cáo đề xuất dự án đầu tư; - Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của dự án; - Báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/2.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng dưới 500ha, tỷ lệ 1/5.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng từ 500ha trở lên); - Kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng); - Văn bản thẩm định báo cáo đề xuất dự án của các cơ quan liên quan (nếu có). 	
312.	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	1.011470. 000.00.00.H10	Lâm nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Đơn đề nghị phê duyệt Phương án khai thác theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT; - Bản chính Phương án khai thác theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT; 	
313.	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	1.007916. 000.00.00.H10	Lâm nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản của Chủ đầu tư đề nghị UBND tỉnh chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế; - Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Báo cáo về diện tích, hiện trạng rừng (theo mục đích sử dụng, nguồn gốc hình thành, chủ quản lý) dự kiến chuyển mục đích sử dụng; các tài liệu khác có liên quan (nếu có). 	

314.	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp.	3.000198. 000.00.00.H10	Lâm nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Bản chính văn bản đề nghị công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT; - Bản chính Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT. 	
315.	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	1.012413. 000.00.00.H10	Lâm nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng của chủ đầu tư dự án theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2024/NĐ-CP; - Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng do chủ đầu tư lập theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2024/NĐ-CP. 	
316.	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	1.000071. 000.00.00.H10	Lâm nghiệp	Văn bản đề nghị hỗ trợ, kèm theo văn kiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án.	
317.	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	2.001804. 000.00.00.H10	Thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị phê duyệt của tổ chức, cá nhân lập hồ sơ phương án cấm mốc chỉ giới; - Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của công trình thủy lợi; - Thuyết minh hồ sơ phương án cấm mốc chỉ giới (Căn cứ lập hồ sơ phương án cấm mốc chỉ giới; Đánh giá hiện trạng khu vực cấm mốc chỉ giới; Số lượng mốc chỉ giới cần cấm, phương án định vị mốc chỉ giới, khoảng cách các mốc chỉ giới, các mốc tham chiếu (nếu có); Phương án huy động nhân lực, vật tư, liệu, thi công, giải phóng mặt bằng; Tiến độ cấm mốc, bàn giao mốc chỉ giới, kinh phí thực hiện; Tổ chức thực hiện); 	

				- Bản vẽ phương án cắm mốc chỉ giới thể hiện phạm vi bảo vệ công trình, vị trí, tọa độ của các mốc chỉ giới trên nền bản đồ hiện trạng công trình thủy lợi.	
318.	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003232. 000.00.00.H10	Thủy lợi	- Tờ trình đề nghị phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa nước; - Dự thảo quy trình vận hành hồ chứa nước; - Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật; - Bản đồ hiện trạng công trình; - Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;	
319.	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003221. 000.00.00.H10	Thủy lợi	- Tờ trình đề nghị phê duyệt; - Dự thảo đề cương kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi.	
320.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003211. 000.00.00.H10	Thủy lợi	- Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập; - Dự thảo phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập; - Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật; - Văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan;	
321.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003203. 000.00.00.H10	Thủy lợi	- Tờ trình đề nghị phê duyệt; - Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; - Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật; - Văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan.	
322.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc	1.004427. 000.00.00.H10	Thủy lợi	- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018); - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị cấp phép; - Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi;	

	thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh			<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân; - Bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công được phê duyệt. 	
323.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2.001426. 000.00.00.H10	Thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu (Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018). - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép. - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân. - Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân. 	
324.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1.004385. 000.00.00.H10	Thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (quy định Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018); - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép; - Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi; - Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân. 	
325.	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2.001796. 000.00.00.H10	Thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu (Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018). - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép; 	

				<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi; - Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân; 	
326.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1.003880. 000.00.00.H10	Thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo Mẫu số 02 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018); - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân; - Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân; 	
327.	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh	2.001793. 000.00.00.H10	Thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu (Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018); - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép; - Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi; - Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân; 	
328.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa,	2.001401. 000.00.00.H10	Thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo mẫu (Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018); 	

	phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.			<ul style="list-style-type: none"> - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép. - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân; - Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân. 	
329.	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2.001791. 000.00.00.H10	Thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu (Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018). - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép; - Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi. - Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân. 	
330.	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2.001795. 000.00.00.H10	Thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu (Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018). - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép; - Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi; - Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến 	

				việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân;	
331.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nỗ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1.003870. 000.00.00.H10	Thủy lợi	- Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo mẫu (Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018); - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép. - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân; - Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân.	
332.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	1.003921. 000.00.00.H10	Thủy lợi	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 03 (quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023).	
333.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1.003893. 000.00.00.H10	Thủy lợi	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 03 (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023).	
334.	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	1.009972. 000.00.00.H10	Thủy lợi	Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo Mẫu số 1 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ	
335.	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	1.009973. 000.00.00.H10	Thủy lợi	- Tờ trình thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 4 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ - Đối với điều chỉnh thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, chủ đầu	

				tu phải nộp báo cáo tình hình thực tế thi công xây dựng công trình (trường hợp công trình đã thi công xây dựng).	
V. Thủ tục hành chính do Sở Nội vụ quản lý					
STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
336.	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.001894. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	- Văn bản đề nghị; - Bản tóm tắt giáo lý, giáo luật, lễ nghi; - Hiến chương của tổ chức; - Bản kê khai tài sản hợp pháp của tổ chức; - Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở; - Văn bản tóm tắt quá trình hoạt động của tổ chức từ khi được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; - Kết quả giải quyết.	
337.	Đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích	1.001854. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	- Văn bản đăng ký - Kết quả giải quyết	
338.	Đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	1.001843. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	- Văn bản đề nghị - Kết quả giải quyết	
339.	Đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.001807. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
340.	Đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	1.001797. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
341.	Đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.001775. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	

342.	Đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương	2.000713. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
343.	Đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	1.001550. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
344.	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	1.001610. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	- Văn bản đề nghị - Kết quả giải quyết	
345.	Thông báo thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	2.002167. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
346.	Thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	1.000788. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
347.	Thông báo tổ chức quyên góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP	1.000780. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
348.	Thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	1.000654. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
349.	Thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	1.000638. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	

350.	Đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.001886. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	- Văn bản đăng ký - Kết quả giải quyết	
351.	Đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.001875. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	- Văn bản đề nghị - Văn bản tóm tắt quá trình hoạt động của tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; - Hiến chương của tổ chức tôn giáo trực thuộc (nếu có); - Bản kê khai tài sản hợp pháp của tổ chức tôn giáo trực thuộc; - Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở; - Kết quả giải quyết.	
352.	Đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	1.001832. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	- Văn bản đề nghị - Kết quả giải quyết	
353.	Đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	1.001818. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	- Văn bản đề nghị - Kết quả giải quyết	
354.	Đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.000766. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	- Văn bản đề nghị - Kết quả giải quyết	
355.	Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	2.000269. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	- Văn bản đăng ký - Kết quả giải quyết	
356.	Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt	2.000264. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	- Văn bản đăng ký - Kết quả giải quyết	

	động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh				
357.	Đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo	2.000456. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	- Văn bản đăng ký - Kết quả giải quyết	
358.	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	1.001604. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	- Văn bản đề nghị - Kết quả giải quyết	
359.	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	1.001589. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	- Văn bản đề nghị - Kết quả giải quyết	
360.	Thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	1.000604. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
361.	Thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.000587. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
362.	Thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	1.000535. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
363.	Thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn	1.000517. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	

	hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo				
364.	Thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	1.000415. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
365.	Thông báo chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành	1.001642. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
366.	Thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	1.001640. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
367.	Thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.001637. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
368.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	1.001628. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
369.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	1.001626. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
370.	Thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	1.001624. 000.00.00.H10	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	

371.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh (cấp tỉnh)	1.012392	Thi đua, khen thưởng	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị khen thưởng; - Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng; - Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng; - Trường hợp cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh do lập được thành tích đột xuất hoặc xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ứng dụng tiên bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện, nhân đạo thì phải có chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về thành tích đề nghị khen thưởng 	
372.	Thủ tục tặng Cờ thi đua của bộ, ban, ngành, tỉnh (cấp tỉnh)	1.012393	Thi đua, khen thưởng	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh; - Báo cáo thành tích của tập thể; - Biên bản bình xét thi đua và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng 	
373.	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh (cấp tỉnh)	1.012395	Thi đua, khen thưởng	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua; - Báo cáo thành tích của cá nhân; - Biên bản bình xét thi đua và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng; - Chứng nhận hoặc xác nhận của người đứng đầu bộ, ban, ngành, tỉnh về sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc mưu trí, sáng tạo 	

				trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quân hoặc toàn lực lượng Công an nhân dân	
374.	Thủ tục tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" (cấp tỉnh)	1.012396	Thi đua, khen thưởng	- Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua; - Báo cáo thành tích của tập thể; - Biên bản bình xét thi đua của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.	
375.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh theo chuyên đề (cấp tỉnh)	1.012398	Thi đua, khen thưởng	- Tờ trình đề nghị khen thưởng; - Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng; - Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.	
376.	Thủ tục tặng Cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh theo chuyên đề (cấp tỉnh)	1.012399	Thi đua, khen thưởng	- Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua; - Báo cáo thành tích của tập thể; - Biên bản bình xét thi đua và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.	
377.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh về thành tích đột xuất (cấp tỉnh)	1.012401	Thi đua, khen thưởng	- Tờ trình đề nghị khen thưởng; - Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân, tập thể lập được thành tích hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng, quá trình công tác hoặc tóm tắt kết quả lập thành tích đối với khen thưởng thành tích có nội dung tối mật, tuyệt mật để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.	
378.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh cho hộ gia đình (cấp tỉnh)	1.012402	Thi đua, khen thưởng	- Tờ trình đề nghị khen thưởng; - Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng; - Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng;	

379.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh về thành tích đối ngoại (cấp tỉnh)	1.012403	Thi đua, khen thưởng	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị khen thưởng; - Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân, tập thể lập được thành tích.
380.	Phân loại đơn vị hành chính cấp xã	1.006694.00.00.00.H10	Xây dựng chính quyền	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản của UBND cấp huyện - Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã - Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã đối với việc phân loại đơn vị hành chính cấp xã - Báo cáo thuyết minh đánh giá các tiêu chuẩn phân loại đơn vị hành chính - Bảng thống kê số liệu tiêu chuẩn làm cơ sở xác định các tiêu chuẩn; - Bảng thống kê số liệu tiêu chuẩn làm cơ sở xác định các tiêu chuẩn - Bản đồ xác định vị trí đơn vị hành chính được phân loại; - Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc xác nhận về tiêu chuẩn của yếu tố đặc thù
381.	Thành lập thôn, ấp, khu phố mới	2.000465.000.00.00.H1	Xây dựng chính quyền	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện (kèm theo Tờ trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện
382.	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	2.001717.000.00.00.H10	Công tác thanh niên	<ul style="list-style-type: none"> + Văn bản của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp tỉnh gửi Sở Nội vụ đề nghị cho ý kiến về việc thành lập tổ chức thanh niên xung phong. Văn bản chấp thuận của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về việc thành lập tổ chức thanh niên xung phong. + Đề án thành lập tổ chức thanh niên xung phong.

				<p>Đối với việc thành lập Trung tâm, Trường giáo dục lao động xã hội: phải có văn bản của các cơ quan quản lý chuyên ngành liên quan cấp tỉnh.</p> <p>+ Tài liệu chứng minh điều kiện để được thành lập tổ chức thanh niên xung phong theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 12/2011/NĐ-CP.</p> <p>+ Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).</p>
383.	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	1.003999.000.00.00.H10	Công tác thanh niên	<p>+ Văn bản của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp tỉnh đề nghị Sở Nội vụ cho ý kiến việc giải thể tổ chức thanh niên xung phong. Văn bản chấp thuận của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về việc giải thể tổ chức thanh niên xung phong.</p> <p>+ Phương án giải thể tổ chức thanh niên xung phong;</p> <p>+ Đối với việc giải thể Trung tâm, Trường giáo dục lao động xã hội, hồ sơ đề nghị giải thể còn phải có ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quản lý chuyên ngành liên quan.</p> <p>+ Đối với trường hợp giải thể quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 11/2011/TT-BNV ngày 26/9/2011 của Bộ Nội vụ, hồ sơ đề nghị giải thể còn phải có văn bản của cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm của tổ chức thanh niên xung phong.</p> <p>+ Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).</p>
384.	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh.	2.001683.000.00.00.H10	Công tác thanh niên	<p>+ Văn bản của tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận phiên hiệu đơn vị thanh niên xung phong.</p>

				<p>+ Các giấy tờ cần thiết (bản chính hoặc bản sao) theo tiêu chí quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Chương II Thông tư số 18/2014/TT-BNV ngày 25/11/2014 của Bộ Nội vụ.</p>	
385.	Thủ tục cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề lưu trữ	1.010196.000.00.00.H10	Lĩnh vực lưu trữ	<p>- Hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, bao gồm:</p> <p>* Đối với hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề lưu trữ:</p> <p>+ Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề lưu trữ.</p> <p>+ Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận kết quả nghiệp vụ lưu trữ.</p> <p>+ Giấy xác nhận thời gian làm việc từ 05 năm trở lên trong lĩnh vực lưu trữ của cơ quan, tổ chức nơi cá nhân làm việc.</p> <p>+ Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ theo quy định;</p> <p>+ Bản sao chứng thực sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân, xã, phường, thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.</p> <p>* Đối với hồ sơ đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề lưu trữ.</p> <p>+ Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề lưu trữ;</p> <p>+ Chứng chỉ hành nghề lưu trữ cũ (trừ trường hợp Chứng chỉ bị mất);</p> <p>+ Bản sao chứng thực văn bằng, chứng chỉ và Giấy xác nhận thời gian làm việc trong lĩnh vực liên quan đến nội dung xin bổ sung hành nghề (đối với trường hợp xin bổ sung nội dung hành nghề).</p>	

				<ul style="list-style-type: none"> + Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân, xã, phường, thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. + Hai ảnh 3cm x 4cm (chụp trong thời hạn không quá 6 tháng). - Chứng chỉ hành nghề lưu trữ. 	
386.	Công nhận Ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh	1.003503. 000.00.00.H10	Công tác hội	Số hóa kết quả giải quyết	
387.	Xin phép đặt văn phòng đại diện của hội có phạm vi hoạt động trong cả nước hoặc liên tỉnh	1.003858. 000.00.00.H10	Công tác hội	Số hóa kết quả giải quyết	
388.	Phê duyệt Điều lệ hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện	1.00396. 000.00.00.H10	Công tác hội	Số hóa kết quả giải quyết	
389.	Thành lập Hội	2.001481. 000.00.00.H10	Công tác hội	Số hóa kết quả giải quyết	
390.	Cho phép đổi tên Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện	2.001678. 000.00.00.H10	Công tác hội	Số hóa kết quả giải quyết	
391.	Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện	2.001688. 000.00.00.H10	Công tác hội	Số hóa kết quả giải quyết	
392.	Báo cáo tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường của Hội	1.003900. 000.00.00.H10	Công tác hội	Số hóa kết quả giải quyết	
393.	Tự giải thể đối với Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện.	1.003918. 000.00.00.H10	Công tác hội	Số hóa kết quả giải quyết	
394.	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh	1.003920. 000.00.00.H10	Công tác hội	Số hóa kết quả giải quyết	
395.	Thay đổi giấy phép thành lập hoặc công nhận điều lệ quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh	1.003621. 000.00.00.H10	Công tác hội	Số hóa kết quả giải quyết	

396.	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh.	1.003822. 000.00.00.H10	Công tác hội	Số hóa kết quả giải quyết	
397.	Công nhận Quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.	2.001590. 000.00.H10	Công tác hội	Số hóa kết quả giải quyết	
398.	Công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.	2.001567. 000.00.00.H10	Công tác hội	Số hóa kết quả giải quyết	
399.	Đổi tên quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh.	1.003879. 000.00.00.H10	Công tác hội	Số hóa kết quả giải quyết	
400.	Tự giải thể đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh	1.003866. 000.00.00.H10	Công tác hội	Số hóa kết quả giải quyết	
401.	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ Quỹ	1.003916. 000.00.00.H10	Công tác hội	Số hóa kết quả giải quyết	
402.	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động.	1.003950. 000.00.00.H10	Công tác hội	Số hóa kết quả giải quyết	
403.	Thẩm định việc thành lập tổ chức sự nghiệp công lập	2.001946000. 00.00.H10	Tổ chức bộ máy	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định. - Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan về việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập. - Báo cáo của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan liên quan. - Các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực. 	
404.	Thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập.	2.001941000. 00.00.H10	Tổ chức bộ máy	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thẩm định được ký tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định. 	

				<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan (nếu có). 	
405.	Thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.	1.00373500.00.00.H10	Tổ chức bộ máy	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan, tổ chức đề nghị giải thể đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định. - Các văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan (nếu có). 	
406.	Thẩm định việc thành lập tổ chức hành chính nhà nước	1.00933100.00.00.H10	Tổ chức bộ máy	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập tổ chức hành chính nhà nước theo quy định. - Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan về việc thành lập tổ chức hành chính nhà nước. - Báo cáo của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan liên quan. - Các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực. 	
407.	Thẩm định việc tổ chức lại tổ chức hành chính nhà nước	1.00933200.00.00.H10	Tổ chức bộ máy	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan, tổ chức đề nghị tổ chức lại tổ chức hành chính nhà nước theo quy định. - Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan về việc tổ chức lại tổ chức hành chính nhà nước. - Báo cáo của cơ quan, tổ chức đề nghị tổ chức lại về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan liên quan. - Các văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan (nếu có). 	

408.	Thẩm định việc giải thể tổ chức hành chính nhà nước	1.00933300. 00.00.H10	Tổ chức bộ máy	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan, tổ chức đề nghị giải thể tổ chức hành chính nhà nước theo quy định. - Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan về việc giải thể tổ chức hành chính nhà nước. - Báo cáo của cơ quan, tổ chức đề nghị giải thể về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan liên quan. - Các văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan (nếu có). - Các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực. 	
409.	Thủ tục hành chính về thẩm định đề án vị trí việc làm (viên chức)	1.009339. 000.00.00.H10	Tổ chức bộ máy	Số hóa kết quả giải quyết	
410.	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm (viên chức)	1.009352. 000.00.00.H10	Tổ chức bộ máy	Số hóa kết quả giải quyết	
411.	Thủ tục hành chính về thẩm định số lượng người làm việc (viên chức)	1.009354. 000.00.00.H10	Tổ chức bộ máy	Số hóa kết quả giải quyết	
412.	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh số lượng người làm việc thuộc thẩm quyền quyết định của bộ, ngành, địa phương	1.009353. 000.00.00.H10	Tổ chức bộ máy	Số hóa kết quả giải quyết	
413.	Thủ tục hành chính về thẩm định đề án vị trí việc làm (công chức)	1.009339. 000.00.00.H10	Tổ chức bộ máy	Số hóa kết quả giải quyết	
414.	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm (công chức)	1.009352. 000.00.00.H10	Tổ chức bộ máy	Số hóa kết quả giải quyết	

415.	Thủ tục tiếp nhận vào làm công chức	1.005385.000.00.00.H10	Công chức	<p>a) Sơ yếu lý lịch công chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước ngày nộp hồ sơ tiếp nhận, có xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác;</p> <p>b) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển;</p> <p>c) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp chậm nhất là 30 ngày trước ngày nộp hồ sơ tiếp nhận;</p> <p>d) Bản tự nhận xét, đánh giá của người được đề nghị tiếp nhận về phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quá trình công tác có xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác.</p>	
416.	Thủ tục thi nâng ngạch công chức	2.002157.000.00.00.H10	Công chức	<p>a) Sơ yếu lý lịch công chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi nâng ngạch, có xác nhận của cơ quan quản lý, sử dụng công chức;</p> <p>b) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan, tổ chức sử dụng công chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi theo quy định;</p> <p>c) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi;</p> <p>d) Các yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn nghiệp vụ của ngạch công chức dự thi.</p>	
417.	Thủ tục tiếp nhận vào làm viên chức	1.012301.000.00.00.H10	Viên chức	<p>a) Sơ yếu lý lịch cá nhân theo quy định hiện hành được lập trong thời hạn 30 ngày trước ngày nộp hồ sơ tiếp nhận, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền;</p>	

				<p>b) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển;</p> <p>c) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày trước ngày nộp hồ sơ tiếp nhận;</p> <p>d) Bản tự nhận xét, đánh giá của người được đề nghị tiếp nhận về phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quá trình công tác có xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác (nếu có).</p>	
--	--	--	--	---	--

VI. Thủ tục hành chính do Sở Kế hoạch và Đầu tư quản lý

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
418.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	1.009491. 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi bao gồm: + Văn bản đề nghị thẩm định; + Dự thảo tờ trình đề nghị quyết định chủ trương đầu tư; + Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; + Văn bản chấp thuận việc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; + Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án PPP theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (trường hợp dự án sử dụng tài sản công làm vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng); + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án. - Hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP bao gồm: + Tờ trình đề nghị quyết định chủ trương đầu tư; + Dự thảo quyết định chủ trương đầu tư; + Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; + Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; báo cáo thẩm tra đối với dự án do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư; + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án. 	
419.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	1.009492. 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất bao gồm: + Văn bản đề nghị thẩm định; + Dự thảo tờ trình đề nghị phê duyệt dự án; + Báo cáo nghiên cứu khả thi; + Quyết định chủ trương đầu tư; + Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư (trường hợp dự án ứng dụng công nghệ cao, công 	

				<p>nghệ mới);</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản thỏa thuận giữa cơ quan có thẩm quyền với nhà đầu tư về việc giao nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm trường hợp dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới); + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án. <p>- Hồ sơ đề nghị phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tờ trình đề nghị phê duyệt dự án; + Dự thảo quyết định phê duyệt dự án; + Báo cáo nghiên cứu khả thi; + Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi; + Quyết định chủ trương đầu tư; + Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư (trường hợp dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới); + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án. 	
420.	Thẩm định nội dung điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	1.009493. 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư	<p>- Hồ sơ đề nghị thẩm định điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đề nghị thẩm định; + Dự thảo tờ trình đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư; + Nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; + Văn bản chấp thuận nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; + Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án PPP theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (trường hợp dự án sử dụng tài sản công làm vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng); + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án. <p>- Hồ sơ đề nghị quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP bao gồm:</p>	

				<ul style="list-style-type: none"> + Tờ trình đề nghị phê duyệt nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư; + Dự thảo quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư; + Nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; + Báo cáo thẩm định, thẩm tra đối với các nội dung điều chỉnh. + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.
421.	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	1.009494. 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đề nghị thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất bao gồm: + Văn bản đề nghị thẩm định; + Dự thảo tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án; + Nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi; + Quyết định chủ trương đầu tư (hoặc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, nếu có); + Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư (trường hợp dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới); + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án. - Hồ sơ đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất bao gồm: + Tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án; + Dự thảo quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án; + Nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi; + Báo cáo thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi; + Quyết định chủ trương đầu tư (hoặc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, nếu có); + Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư (trường hợp dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới); + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

422.	Phê duyệt hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu	1.006679. 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư	<p>- Tờ trình đề nghị thẩm định Hồ sơ mời sơ tuyển; kết quả sơ tuyển; kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư; hồ sơ mời thầu; hồ sơ yêu cầu; danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và kết quả lựa chọn nhà đầu tư.</p> <p>- Hồ sơ đề nghị thẩm định.</p> <p>- Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan.</p> <p>Ghi chú: Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.</p>	
423.	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)	2.002283. 000.00.00.H10	lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	<p>Hồ sơ đề xuất dự án do nhà đầu tư chuẩn bị bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, bao gồm cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu hồ sơ đề xuất dự án không được chấp thuận;</p> <p>- Nội dung đề xuất dự án đầu tư gồm: Tên dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, vốn đầu tư, phương án huy động vốn, thời hạn, tiến độ đầu tư; phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển bền vững của dự án đầu tư;</p> <p>- Đề xuất dự kiến nhu cầu sử dụng đất; thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án (nếu có); mục đích sử dụng đất; các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt;</p> <p>- Các tài liệu cần thiết khác để giải trình hồ sơ đề xuất dự án (nếu có).</p>	
424.	Công bố dự án Đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất	2.002603. 000.00.00.H10	lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	<p>a) Hồ sơ đề xuất dự án đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư gồm thông tin quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều 47 của Luật Đấu thầu, cụ thể gồm:</p> <p>- Tên dự án; mục tiêu; quy mô đầu tư; vốn đầu tư;</p> <p>- Địa điểm thực hiện dự án; hiện trạng sử dụng đất, diện tích khu đất thực hiện dự án; mục đích sử dụng đất; các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt;</p>	

				<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án; sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có); tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (nếu có); - Nội dung khác có liên quan (nếu có). <p>b) Các thành phần hồ sơ theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư, cụ thể gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận; (ii) Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; (iii) Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. 	
425.	Chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	1.009642 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư; - Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; - Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; - Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC; - Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu 	

				về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).	
426.	Điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	1.009644. 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư; - Hợp đồng hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư; - Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có); - Bản sao Hợp đồng BCC (đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BCC); - Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. 	
427.	Chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	1.009645. 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận; + Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; + Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam 	

			<p>kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;</p> <p>+ Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.</p> <p>Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì nhà đầu tư nộp báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư;</p> <p>+ Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;</p> <p>+ Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;</p> <p>+ Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;</p> <p>+ Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).</p> <p>+ Tài liệu, giấy tờ giải trình đề xuất hình thức lựa</p>
--	--	--	--

			<p>chọn nhà đầu tư theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 33 Luật Đầu tư gồm:</p> <p>i) Bản sao Danh mục dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; giấy tờ chứng minh đất đã được giải phóng mặt bằng (nếu có), tài liệu giải trình khác (nếu có) trong trường hợp đề xuất lựa chọn nhà đầu tư thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;</p> <p>ii) Bản sao Danh mục dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; giấy tờ chứng minh đất chưa được giải phóng mặt bằng (nếu có), tài liệu giải trình khác (nếu có) trong trường hợp đề xuất lựa chọn nhà đầu tư thông qua đấu thầu dự án có sử dụng đất. Trong trường hợp này, đề xuất dự án đầu tư xác định sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư của dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng, không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về xã hội hóa, pháp luật chuyên ngành, tài liệu giải trình căn cứ pháp lý và điều kiện áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư thông qua đấu thầu theo quy định của pháp luật về xã hội hóa, pháp luật chuyên ngành;</p> <p>iii) Tài liệu chứng minh dự án không thuộc Danh mục dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; bản sao hợp lệ Quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất, hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất trong trường hợp đề xuất chấp thuận chủ</p>	
--	--	--	---	--

			<p>trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư có quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 29 của Luật Đầu tư;</p> <p>iiii) Bản sao hợp lệ văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền chấp thuận việc nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư và bản sao hợp lệ các giấy tờ, văn bản khác thỏa thuận sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư trong trường hợp đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 của Luật Đầu tư.</p> <p>+ Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, ngoài các nội dung quy định tại điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư, đề xuất dự án đầu tư bổ sung các nội dung: thuyết minh việc triển khai dự án đầu tư đáp ứng mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có); sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư bảo đảm yêu cầu đồng bộ; sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội; sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án. Đối với các dự án đầu tư xây dựng còn lại thì bổ sung dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có);</p> <p>+ Trường hợp dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập, trong đó đề xuất lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu, ngoài các nội dung quy định tại điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 33 Luật Đầu</p>	
--	--	--	---	--

				<p>tu, đề xuất dự án đầu tư bổ sung sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án theo quy định pháp luật về đầu tư. Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư của dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng, không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.</p> <p>- Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập bao gồm:</p> <p>+ Tờ trình chấp thuận chủ trương đầu tư;</p> <p>+ Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án, điều kiện thu hồi đất đối với dự án thuộc diện thu hồi đất, dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nếu có); đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; dự kiến hình thức lựa chọn nhà đầu tư và điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có); cơ chế, chính sách đặc biệt (nếu có).</p> <p>Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền được sử dụng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư.</p>	
428.	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	1.009646. 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam	<p>+ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</p> <p>+ Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh;</p> <p>+ Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức;</p> <p>+ Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (nếu có).</p>	

429.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	1.009647. 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với Trường hợp 1: + Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; + Tài liệu liên quan đến việc thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư. - Đối với Trường hợp 2: + Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; + Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh; + Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức; + Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có). 	
430.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1.009649. 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư; - Hợp đồng hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư; - Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có); - Bản sao Hợp đồng BCC (đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BCC); - Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà 	

				đầu tư.	
431.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1.009650. 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư tại việt nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư giữa bên nhận bảo đảm và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng; - Hợp đồng cho vay hoặc hợp đồng cấp tín dụng hoặc hợp đồng mua bán nợ (nếu có); - Hợp đồng hoặc văn bản xác nhận giao dịch bảo đảm (nếu có); - Văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp bên nhận bảo đảm, cơ quan thi hành án dân sự bán đấu giá tài sản (nếu có); - Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư chuyển nhượng và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có); - Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; - Văn bản xác nhận của bên nhận bảo đảm về tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm. 	
432.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1.009652. 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư tại việt nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư; - Quyết định của nhà đầu tư về việc chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương; 	

				<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có); - Bản sao Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có); - Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có); 	
433.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1.009653. 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư tại việt nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức kinh tế sau khi tổ chức lại; - Bản sao nghị quyết hoặc quyết định của nhà đầu tư là tổ chức kinh tế bị tổ chức lại về việc tổ chức lại, trong đó có nội dung về việc xử lý tài sản, quyền và nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư; - Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có); - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có). 	
434.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1.009654. 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư tại việt nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm góp vốn; - Thỏa thuận của các cổ đông, thành viên về việc sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đang hoạt động; - Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư góp vốn, nhà đầu tư nhận góp vốn; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết 	

				<p>định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) của bên góp vốn;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất. 	
435.	<p>Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh</p>	<p>1.009655. 000.00.00.H10</p>	<p>lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm hợp tác kinh doanh; - Bản sao hợp đồng hợp tác kinh doanh; - Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của các bên tham gia hợp tác kinh doanh; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) của nhà đầu tư sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh; - Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất; - Bản sao một trong các tài liệu sau của bên tham gia hợp tác kinh doanh: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. 	
436.	<p>Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số</p>	<p>1.009656. 000.00.00.H10</p>	<p>lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; - Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trọng tài; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết 	

	31/2021/NĐ-CP)			định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có).	
437.	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	1.009657. 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư tại việt nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; - Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trọng tài; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có). 	
438.	Gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009659. 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư tại việt nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư; - Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; - Quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương; - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương; - Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. 	

439.	Ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009661. 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư tại việt nam	Văn bản thông báo ngừng hoạt động của dự án đầu tư;	
440.	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009662. 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư tại việt nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thông báo chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư; - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có). - Tài liệu ghi nhận việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư. 	
441.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	1.009664. 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư tại việt nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận; - Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; - Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; - Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. <p>Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo</p>	

				<p>cáo nghiên cứu tiền khả thi thì nhà đầu tư được nộp báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; - Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC; - Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có). <p>(*) Đối với dự án đầu tư đã triển khai hoạt động, nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, trong đó đề xuất dự án đầu tư được thay bằng báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư từ thời điểm triển khai đến thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p>	
442.	Cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009665. 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư tại việt nam	Văn bản đề nghị cấp lại hoặc hiệu đính.	
443.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009671. 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư tại việt nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. - Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. 	

444.	Thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	1.009729. 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư tại việt nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp gồm những nội dung: thông tin về đăng ký doanh nghiệp của tổ chức kinh tế mà nhà đầu tư nước ngoài dự kiến góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; ngành, nghề kinh doanh; danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông sáng lập, danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (nếu có); tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trước và sau khi góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào tổ chức kinh tế; giá trị giao dịch dự kiến của hợp đồng góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; thông tin về dự án đầu tư của tổ chức kinh tế (nếu có); - Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân, tổ chức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; - Văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp giữa nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp hoặc giữa nhà đầu tư nước ngoài với cổ đông hoặc thành viên của tổ chức kinh tế đó; - Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp (đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 65 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. 	
445.	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	1.009731. 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư tại việt nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành gồm: tên và địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC; tên, địa chỉ văn phòng điều hành; nội dung, thời hạn, phạm vi hoạt động của văn phòng điều hành; họ, tên, nơi cư trú, số Giấy chứng minh nhân 	

				<p>dân, thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của người đứng đầu văn phòng điều hành;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC về việc thành lập văn phòng điều hành; - Bản sao quyết định bổ nhiệm người đứng đầu văn phòng điều hành; - Bản sao hợp đồng BCC. 	
446.	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	1.009736. 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành trong trường hợp văn phòng điều hành chấm dứt hoạt động trước thời hạn; - Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán; - Danh sách người lao động, quyền và lợi ích của người lao động đã được giải quyết; - Xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ về thuế; - Xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về việc đã hoàn thành nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội; - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; - Bản sao hợp đồng BCC. 	
447.	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	1.010010. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký 	

				<p>doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.
448.	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	1.010023. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p>(i) Thông báo về việc hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể.</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể. <i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký

				<p>doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>	
449.	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	2.001610. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p><i>Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân:</i></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. (ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ doanh nghiệp tư nhân. Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh: (i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. (ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ doanh nghiệp tư nhân. (iii) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; (iv) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trường hợp đăng ký doanh nghiệp xã hội: (i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. (ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ doanh nghiệp tư nhân.</p>	

			<p>(iii) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của chủ doanh nghiệp tư nhân (phải có chữ ký của chủ doanh nghiệp tư nhân).</p> <p><i>Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp xã hội trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện:</i></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ doanh nghiệp tư nhân.</p> <p>(iii) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của chủ doanh nghiệp tư nhân (phải có chữ ký của chủ doanh nghiệp tư nhân).</p> <p>(iv) Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện;</p> <p>(v) Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện;</p> <p>(vi) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế;</p> <p>(vii) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được</p>
--	--	--	---

				<p>ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức. 	
450.	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	2.001583. 000.00.00.H10	<p>lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp</p>	<p><i>Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên:</i></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. (ii) Điều lệ công ty (iii) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản 	

			<p>hướng dẫn thi hành. <i>Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh:</i> (i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. (ii) Điều lệ công ty. (iii) Bản sao các giấy tờ sau đây: - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự; (iv) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; (v) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trường hợp doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ kinh doanh có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư thì hồ sơ phải có văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. <i>Trường hợp đăng ký doanh nghiệp xã hội:</i> (i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. (ii) Điều lệ công ty. (iii) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p>	
--	--	--	---	--

			<p>- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>(iv) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (phải có chữ ký của thành viên là cá nhân; người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với thành viên là tổ chức).</p> <p><i>Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp xã hội trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện:</i></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>(ii) Điều lệ công ty.</p> <p>(iii) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p>
--	--	--	---

			<p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(iv) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (phải có chữ ký của thành viên là cá nhân; người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với thành viên là tổ chức).</p> <p>(v) Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện;</p> <p>(vi) Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện;</p> <p>(vii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế.</p> <p><i>Trường hợp đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng:</i></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>(ii) Điều lệ công ty.</p> <p>(iii) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước
--	--	--	---

			<p>ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>(iv) Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.</p> <p><i>Trường hợp đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán:</i></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>(ii) Điều lệ công ty.</p> <p>(iii) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. <p>(iv) Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký
--	--	--	---

				<p>doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>	
451.	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	2.001199. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p><i>Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên</i></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. (ii) Điều lệ công ty. (iii) Danh sách thành viên. (iv) Bản sao các giấy tờ sau đây: - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền; Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p>	

			<p>- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p><i>Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh:</i></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. (ii) Điều lệ công ty. (iii) Danh sách thành viên. (iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền; - Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự; <p>(v) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, (vi) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế.</p> <p>Trường hợp doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ kinh doanh có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư thì hồ sơ phải có văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.</p>
--	--	--	---

			<p><i>Trường hợp đăng ký doanh nghiệp xã hội:</i></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. (ii) Điều lệ công ty. (iii) Danh sách thành viên. (iv) Bản sao các giấy tờ sau đây: - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền; - Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự; - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. (v) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (phải có chữ ký của các thành viên là cá nhân; người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với thành viên là tổ chức).</p> <p><i>Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp xã hội trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ từ thiện:</i></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. (ii) Điều lệ công ty. (iii) Danh sách thành viên. (iv) Bản sao các giấy tờ sau đây: - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên</p>
--	--	--	--

			<p>công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>- Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(v) Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện;</p> <p>(vi) Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện;</p> <p>(vii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế;</p> <p>(viii) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><i>Trường hợp đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng:</i></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>(ii) Điều lệ công ty.</p> <p>(iii) Danh sách thành viên.</p> <p>(iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền;</p>
--	--	--	---

			<p>- Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>(v) Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.</p> <p><i>Trường hợp đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán:</i></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>(ii) Điều lệ công ty.</p> <p>(iii) Danh sách thành viên.</p> <p>(iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>- Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>(v) Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng</p>
--	--	--	---

				<p>khoản Nhà nước.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.
452.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	2.002043. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p><i>Đăng ký thành lập công ty cổ phần:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp; (ii) Điều lệ công ty; (iii) Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. (iv) Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; - Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý

			<p>của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p><i>Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh:</i></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Điều lệ công ty;</p> <p>(iii) Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>(iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>- Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(v) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh,</p>
--	--	--	--

			<p>(vi) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trường hợp doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ kinh doanh có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư thì hồ sơ phải có văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.</p> <p><i>Trường hợp đăng ký doanh nghiệp xã hội:</i></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp; (ii) Điều lệ công ty; (iii) Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. (iv) Bản sao các giấy tờ sau đây: - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; - Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự; - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p>	
--	--	--	--	--

			<p>(v) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (phải có chữ ký của cổ đông sáng lập là cá nhân, cổ đông khác là cá nhân, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập; người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông sáng lập là tổ chức, người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông khác là tổ chức, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập);</p> <p><i>Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp xã hội trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ từ thiện:</i></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Điều lệ công ty;</p> <p>(iii) Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>(iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; - Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(v) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (phải có chữ ký của cổ đông sáng lập là cá nhân, cổ</p>
--	--	--	--

			<p>đồng khác là cá nhân, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập; người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông sáng lập là tổ chức, người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông khác là tổ chức, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập;</p> <p>(vi) Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện;</p> <p>(vii) Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện;</p> <p>(viii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế;</p> <p><i>Trường hợp đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng:</i></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Điều lệ công ty;</p> <p>(iii) Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>(iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; - Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.
--	--	--	--

			<p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành</p> <p>(v) Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.</p> <p><i>Trường hợp đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán:</i></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Điều lệ công ty;</p> <p>(iii) Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>(iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>- Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại</p>
--	--	--	---

				<p>Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. (v) Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. <i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức. 	
453.	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	2.002042. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p><i>Đăng ký thành lập công ty cổ phần:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp; (ii) Điều lệ công ty; (iii) Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. (iv) Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện 	

			<p>theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. <p><i>Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp; (ii) Điều lệ công ty; (iii) Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. (iv) Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; - Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa</p>
--	--	--	---

			<p>lãnh sự; (v) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, (vi) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trường hợp doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ kinh doanh có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư thì hồ sơ phải có văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. <i>Trường hợp đăng ký doanh nghiệp xã hội:</i> (i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp; (ii) Điều lệ công ty; (iii) Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. (iv) Bản sao các giấy tờ sau đây: - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; - Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự; - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia</p>	
--	--	--	---	--

			<p>thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>(v) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (phải có chữ ký của cổ đông sáng lập là cá nhân, cổ đông khác là cá nhân, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập; người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông sáng lập là tổ chức, người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông khác là tổ chức, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập);</p> <p><i>Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp xã hội trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ từ thiện:</i></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Điều lệ công ty;</p> <p>(iii) Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>(iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; - Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa</p>
--	--	--	--

			<p>lãnh sự;</p> <p>(v) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (phải có chữ ký của cổ đông sáng lập là cá nhân, cổ đông khác là cá nhân, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập; người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông sáng lập là tổ chức, người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông khác là tổ chức, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập;</p> <p>(vi) Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện;</p> <p>(vii) Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện;</p> <p>(viii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế;</p> <p><i>Trường hợp đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng:</i></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Điều lệ công ty;</p> <p>(iii) Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>(iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; - Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối 	
--	--	--	---	--

			<p>với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành</p> <p>(v) Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.</p> <p><i>Trường hợp đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán:</i></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Điều lệ công ty;</p> <p>(iii) Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>(iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>- Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường</p>
--	--	--	---

				<p>hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>(v) Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức. 	
454.	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2.002041. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký.</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty</p>	

				<p>đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chuyển địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức. 	
455.	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1.005169. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký.</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty</p>	

				<p>đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chuyển địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức. 	
456.	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	2.002011. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký.</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty</p>	

				<p>đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chuyển địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức. 	
457.	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	2.002010. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p><i>Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần:</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật.</p>	

			<p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật mới.</p> <p>(iii) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật; nghị quyết và bản sao biên bản họp Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật làm thay đổi nội dung Điều lệ công ty; nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật không làm thay đổi nội dung của Điều lệ công ty ngoài nội dung họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty quy định tại Điều 24 Luật Doanh nghiệp.</p> <p><i>Trường hợp đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật theo quy định tại khoản 6 Điều 12 Luật Doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên:</i></p> <p>Hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 50 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, trong đó, nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên được thay thế bằng bản sao văn bản xác nhận việc người đại diện theo pháp luật của công ty chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực</p>
--	--	--	--

			<p>hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định:</p> <p>(i) Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật.</p> <p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật mới.</p> <p>(iii) Bản sao văn bản xác nhận việc người đại diện theo pháp luật của công ty chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao
--	--	--	---

				giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.	
458.	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2.002009. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p><i>Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh đăng ký thay đổi vốn điều lệ:</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thay đổi vốn điều lệ;</p> <p>(iii) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><i>Trường hợp công ty đăng ký thay đổi phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp của thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của thành viên hợp danh công ty hợp danh:</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; danh sách thành viên</p>	

			<p>công ty hợp danh, trong đó không bao gồm nội dung kê khai về thành viên góp vốn. Các danh sách phải bao gồm chữ ký của các thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi.</p> <p>(iii) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp;</p> <p>(iv) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><i>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ, đồng thời giao Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc mỗi đợt bán cổ phần</i></p> <p>(i) Thông báo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 51 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP: Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký.</p> <p>(ii) Nghị quyết và bản sao biên bản họp Đại hội đồng cổ đông về việc chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ, trong đó nêu rõ số lượng cổ phần chào bán và giao Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc mỗi đợt bán cổ phần;</p> <p>(iii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị công ty cổ phần về việc đăng ký tăng vốn điều lệ công ty sau khi kết thúc mỗi đợt</p>
--	--	--	--

			<p>bán cổ phần. <i>Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên giảm vốn điều lệ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 68 Luật Doanh nghiệp:</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên về việc thay đổi vốn điều lệ;</p> <p>(iii) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>(iv) Báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ
--	--	--	--

				<p>tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức. 	
459.	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	2.002008. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p><i>Trường hợp tiếp nhận thành viên mới dẫn đến tăng vốn điều lệ công ty:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký; (ii) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi; (iii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới; (iv) Giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới của công ty; (v) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao 	

			<p>giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(vi) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><i>Trường hợp thay đổi thành viên do chuyển nhượng phần vốn góp:</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>(iii) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng;</p> <p>(iv) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp</p>
--	--	--	---

			<p>hóa lãnh sự;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><i>Trường hợp thay đổi thành viên do thừa kế:</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>(iii) Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế;</p> <p>(iv) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người thừa kế là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người thừa kế là tổ chức.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự.</p> <p><i>Trường hợp đăng ký thay đổi thành viên do có thành viên không thực hiện cam kết góp vốn theo quy định tại Điều 47 Luật Doanh nghiệp:</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p>	
--	--	--	--	--

			<p>(ii) Danh sách thành viên còn lại của công ty. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>(iii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc thay đổi thành viên do không thực hiện cam kết góp vốn. <i>Đăng ký thay đổi thành viên do tặng cho phần vốn góp:</i></p> <p>(i) Trường hợp người được tặng cho phần vốn góp thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 6 Điều 53 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 52 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, trong đó, hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng được thay bằng hợp đồng tặng cho phần vốn góp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký; - Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi; - Hợp đồng tặng cho phần vốn góp; - Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức. 	
--	--	--	--	--

			<p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư. (ii) Trường hợp người được tặng cho phần vốn góp thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 6 Điều 53 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 52 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, trong đó, giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới của công ty được thay bằng hợp đồng tặng cho phần vốn góp: <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký; - Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi; - Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới; - Hợp đồng tặng cho phần vốn góp; - Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong
--	--	--	---

			<p>trường hợp thành viên mới là tổ chức. Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>- Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><i>Đăng ký thay đổi thành viên trong trường hợp thành viên sử dụng phần vốn góp để trả nợ:</i></p> <p>(i) Trường hợp công ty đăng ký thay đổi thành viên do thành viên sử dụng phần vốn góp để trả nợ và người nhận thanh toán được Hội đồng thành viên chấp thuận trở thành thành viên công ty theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 53 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 52 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, trong đó, giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới của công ty được thay bằng hợp đồng về việc vay nợ và các giấy tờ thể hiện việc sử dụng phần vốn góp để trả nợ:</p> <p>- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>- Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>- Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên</p>	
--	--	--	--	--

			<p>mới;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng về việc vay nợ và các giấy tờ thể hiện việc sử dụng phần vốn góp để trả nợ; - Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức. <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư. <p>(ii) Trường hợp công ty đăng ký thay đổi thành viên do thành viên sử dụng phần vốn góp để trả nợ và người nhận thanh toán sử dụng phần vốn góp đó để chào bán và chuyển nhượng cho người khác theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 53 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 52 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP kèm theo hợp đồng về việc vay nợ và các giấy tờ thể hiện việc sử dụng phần vốn góp để trả nợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký; - Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên
--	--	--	--

			<p>có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng; - Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức. <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư. - Hợp đồng về việc vay nợ và các giấy tờ thể hiện việc sử dụng phần vốn góp để trả nợ. <p><i>Trường hợp thay đổi thành viên theo quyết định chia, tách công ty:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký; (ii) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi; (iii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp
--	--	--	--

			<p>Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới;</p> <p>(iv) Nghị quyết, quyết định chia công ty (trong trường hợp thay đổi thành viên do chia công ty); Nghị quyết, quyết định tách công ty (trong trường hợp thay đổi thành viên do tách công ty);</p> <p>(v) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức. Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(vi) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><i>Trường hợp thay đổi thành viên theo quyết định hợp nhất công ty:</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>(iii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên</p>
--	--	--	--

			<p>mới;</p> <p>(iv) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức. Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>(vi) Hợp đồng hợp nhất theo quy định tại Điều 200 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(vii) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng hợp nhất công ty của các công ty bị hợp nhất và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng hợp nhất để thành lập công ty mới.</p> <p><i>Trường hợp thay đổi thành viên theo quyết định sáp nhập công ty:</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải</p>
--	--	--	--

			<p>có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>(iii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới;</p> <p>(iv) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức. Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>(vi) Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(vii) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập.</p> <p>(viii) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập, trừ</p>
--	--	--	--

				<p>trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hoặc cổ phần có quyền biểu quyết đối với công ty cổ phần của công ty bị sáp nhập.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức. 	
460.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	1.005114. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p><i>Trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức:</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và</p>	

			<p>chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;</p> <p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyên nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyên nhượng là tổ chức.</p> <p>Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(iii) Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;</p> <p>(iv) Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng phần vốn góp;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><i>Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước:</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;</p> <p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyên nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao</p>
--	--	--	---

			<p>giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.</p> <p>Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(ii) Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;</p> <p>(iv) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi chủ sở hữu công ty;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><i>Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thay đổi chủ sở hữu do thừa kế:</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;</p> <p>(ii) Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;</p> <p>(iii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người thừa kế là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người thừa kế là tổ chức.</p> <p>Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(iv) Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế.</p>
--	--	--	---

			<p><i>Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp:</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;</p> <p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.</p> <p>Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(iii) Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;</p> <p>(iv) Hợp đồng tặng cho phần vốn góp;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><i>Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định chia, tách công ty:</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;</p>
--	--	--	--

			<p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyên nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyên nhượng là tổ chức.</p> <p>Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(iii) Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;</p> <p>(iv) Nghị quyết, quyết định chia công ty; nghị quyết, quyết định tách công ty;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><i>Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định hợp nhất công ty:</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;</p> <p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyên nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyên nhượng là tổ chức.</p>	
--	--	--	---	--

			<p>Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(iii) Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;</p> <p>(iv) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>(v) Hợp đồng hợp nhất theo quy định tại Điều 200 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(vi) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng hợp nhất công ty của các công ty bị hợp nhất và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng hợp nhất để thành lập công ty mới.</p> <p><i>Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định sáp nhập công ty:</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;</p> <p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyên nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyên nhượng là tổ chức.</p>
--	--	--	---

			<p>Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(iii) Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;</p> <p>(iv) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>(v) Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(vi) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập;</p> <p>(vii) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập, trừ trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hoặc cổ phần có quyền biểu quyết đối với công ty cổ phần của công ty bị sáp nhập.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký</p>
--	--	--	---

				<p>doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>	
461.	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	2.002000. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp có chữ ký của người bán, người tặng cho và người mua, người được tặng cho doanh nghiệp tư nhân đối với trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp tư nhân; chữ ký của người thừa kế đối với trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân chết;</p> <p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người mua, người được tặng cho doanh nghiệp tư nhân, người thừa kế;</p> <p>(iii) Hợp đồng mua bán hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc mua bán trong trường hợp bán doanh nghiệp tư nhân; hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho doanh nghiệp tư nhân; bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký</i></p>	

				<p><i>doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.
462.	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2.001996. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân</i></p>

				<p><i>khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức. 	
463.	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	2.001993. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p>Thông báo về việc thay đổi vốn đầu tư của doanh nghiệp tư nhân</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ 	

				<p>tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
464.	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	2.002044. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần, trong đó không bao gồm thông tin về cổ đông sáng lập chưa thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ</p>

				<p>tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>	
465.	<p>Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết</p>	<p>2.001992. 000.00.00.H10</p>	<p>lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp</p>	<p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài sau khi đã thay đổi. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài phải bao gồm chữ ký của cổ đông có giá trị cổ phần thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông có giá trị cổ phần không thay đổi;</p> <p>(iii) Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần hoặc các giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng;</p> <p>(iv) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân; bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký</i></p>	

				<p><i>doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.
466.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	2.001954. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p>Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ

				<p>tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>	
467.	<p>Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)</p>	<p>2.002069. 000.00.00.H10</p>	<p>lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp</p>	<p><i>Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)</i></p> <p>(i) Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Bản sao nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; bản sao nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p>(iii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p><i>Trường hợp đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp xã hội, ngoài các giấy tờ tại mục (i), (ii), (iii) nêu trên thì hồ sơ phải có thêm Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.</i></p>	

			<p>(i) Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Bản sao nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; bản sao nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p>(iii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p>(iv) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.</p> <p><i>Trường hợp đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng, ngoài các giấy tờ tại mục (i), (ii), (iii) nêu trên thì phải có bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.</i></p> <p>(i) Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Bản sao nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; bản sao nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p>(iii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p>(iv) Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do</p>
--	--	--	--

			<p>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.</p> <p><i>Trường hợp đăng ký hoạt động chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, ngoài các giấy tờ tại mục (i),(iii) nêu trên thì phải có bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.</i></p> <p>(i) Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p>(iii) Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.</p> <p><i>Trường hợp đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ngoài các giấy tờ tại mục (i), (ii), (iii) nêu trên thì phải có bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</i></p> <p>(i) Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Bản sao nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; bản sao nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p>(iii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</p>
--	--	--	--

			<p>(iv) Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ
--	--	--	---

				chức.	
468.	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2.002070. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p>(i) Thông báo về việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.</p> <p>(ii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như trường hợp ủy quyền cho tổ chức. 	

469.	<p>Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.</p>	2.002031. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p><i>Đối với hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:</i> hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.</p> <p>(i) Hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký. - Bản sao nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; bản sao nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện. - Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện. <p>(ii) Thông báo lập địa điểm kinh doanh Thông báo lập địa điểm kinh doanh. Thông báo lập địa điểm kinh doanh do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp hoặc do người đứng đầu chi nhánh ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.</p> <p><i>Đối với hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:</i></p> <p>(i) Hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. 	
------	--	----------------------------	--	--	--

			<p>- Trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p>(ii) Văn bản đề nghị bổ sung cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;</p> <p>(iii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo Giấy này;</p> <p>(iv) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p><i>Đối với hồ sơ đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo:</i></p> <p>(i) Hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP:</p> <p>- Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.</p> <p>- Trường hợp doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, kèm theo thông báo phải có nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc tạm ngừng kinh doanh.</p> <p>(ii) Văn bản đề nghị bổ sung cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;</p> <p>(iii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký</p>
--	--	--	--

			<p>đầu tư cấp đổi với trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo Giấy này;</p> <p>(iv) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuê của chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p><i>Đối với hồ sơ chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</i></p> <p>(i) Hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 72 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. - Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện. <p>(ii) Văn bản đề nghị bổ sung cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;</p> <p>(iii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đổi với trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo Giấy này;</p> <p>(iv) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuê của chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân
--	--	--	--

				<p>thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>	
470.	<p>Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính</p>	<p>2.002075. 000.00.00.H10</p>	<p>lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp</p>	<p>(i) Văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>(ii) Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.</p> <p>(iii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp.</p> <p>(iv) Văn bản đề nghị bổ sung cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p> <p>(v) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo Giấy này.</p> <p>(vi) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện.</p>	

				<p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.
471.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	2.002072. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p><i>Thông báo lập địa điểm kinh doanh</i></p> <p>Thông báo lập địa điểm kinh doanh do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp hoặc do người đứng đầu chi nhánh ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.</p> <p><i>Thông báo lập địa điểm kinh doanh trường hợp doanh nghiệp là tổ chức tín dụng</i></p> <p>(i) Thông báo lập địa điểm kinh doanh do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trong</p>

			<p>trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp hoặc do người đứng đầu chi nhánh ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.</p> <p>(ii) Trường hợp doanh nghiệp là tổ chức tín dụng, kèm theo bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp. <i>Thông báo lập địa điểm kinh doanh trường hợp doanh nghiệp là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán</i></p> <p>(i) Thông báo lập địa điểm kinh doanh do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp hoặc do người đứng đầu chi nhánh ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.</p> <p>(ii) Trường hợp doanh nghiệp là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, kèm theo bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. <i>Thông báo lập địa điểm kinh doanh trường hợp doanh nghiệp là doanh nghiệp xã hội</i></p> <p>(i) Thông báo lập địa điểm kinh doanh do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp hoặc do người đứng đầu chi nhánh ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.</p> <p>(ii) Trường hợp doanh nghiệp là doanh nghiệp xã hội, hồ sơ phải có thêm Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP. <i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký</i></p>	
--	--	--	---	--

				<p><i>doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức. 	
472.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	2.002045. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p><i>Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</i> Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. <i>Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</i> <i>trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. (ii) Trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh,</p>	

			<p>văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p><i>Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p> <p>(ii) Trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p>(iii) Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, ngoài hai loại giấy tờ tại mục 1 và 2 nêu trên, kèm theo hồ sơ phải có bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.</p> <p><i>Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p> <p>(ii) Trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh,</p>
--	--	--	--

			<p>văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p>(iii) Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, ngoài hai loại giấy tờ tại mục 1 và 2 nêu trên, kèm theo hồ sơ phải có bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.
--	--	--	---

473.	<p>Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính</p>	1.005176. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p><i>Đối với hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:</i></p> <p>(i) Hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện: + Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký. + Bản sao nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; bản sao nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện. + Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện. - Thông báo lập địa điểm kinh doanh: + Thông báo lập địa điểm kinh doanh. Thông báo lập địa điểm kinh doanh do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp hoặc do người đứng đầu chi nhánh ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh. <p>(ii) Văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(iii) Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</p> <p>(iv) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp;</p>	
------	--	----------------------------	--	---	--

			<p><i>Đối với hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:</i></p> <p>(i) Hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. - Trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện. <p>(ii) Văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(iii) Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</p> <p>(iv) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp;</p> <p>(v) Văn bản đề nghị bổ sung cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;</p> <p>(vi) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo giấy này;</p> <p>(vii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p><i>Đối với hồ sơ tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:</i></p> <p>(i) Hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP:</p>
--	--	--	--

				<p>- Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.</p> <p>- Trường hợp doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, kèm theo thông báo phải có nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc tạm ngừng kinh doanh.</p> <p>(ii) Văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(iii) Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</p> <p>(iv) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp;</p> <p>(v) Văn bản đề nghị bổ sung cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;</p> <p>(vi) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo giấy này;</p> <p>(vii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p><i>Đối với hồ sơ chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:</i></p> <p>(i) Hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 72 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP:</p> <p>- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh,</p>
--	--	--	--	---

			<p>văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p> <p>- Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p>(iii) Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</p> <p>(iv) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp;</p> <p>(v) Văn bản đề nghị bổ sung cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;</p> <p>(vi) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo giấy này;</p> <p>(vii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc</p>
--	--	--	---

				<p>phải công chứng, chứng thực.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức. 	
474.	<p>Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền</p>	<p>1.010026. 000.00.00.H10</p>	<p>lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp</p>	<p><i>Trường hợp thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, hồ sơ gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. - Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. <p>Thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. - Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài. <p><i>Trường hợp thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, hồ sơ gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân; (ii) Bản sao hợp đồng cho thuê có công chứng. <p><i>Trường hợp thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền, hồ sơ gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. 	

				<p>- Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>	
--	--	--	--	---	--

475.	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	2.002085. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p><i>Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty</i></p> <p>(i) Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần của công ty mới (Điều 23, Điều 24 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP).</p> <p><i>* Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Điều lệ công ty. - Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. <p><i>* Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Điều lệ công ty. - Danh sách thành viên. - Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;
------	---	----------------------------	--	--

			<p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>+ Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p><i>* Đăng ký thành lập công ty cổ phần:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp; - Điều lệ công ty; -Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. - Bản sao các giấy tờ sau đây: <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức</p>
--	--	--	--

			<p>kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định về việc chia công ty theo quy định tại Điều 198 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>(iii) Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chia công ty.</p> <p><i>Trường hợp thành lập doanh nghiệp xã hội mới trên cơ sở chia doanh nghiệp, hồ sơ phải có thêm Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP</i></p> <p>(i) Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần của công ty mới (Điều 23, Điều 24 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP).</p> <p><i>* Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Điều lệ công ty. - Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư
--	--	--	---

			<p>nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p><i>* Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Điều lệ công ty. - Danh sách thành viên. - Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền; + Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự; + Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. <p><i>* Đăng ký thành lập công ty cổ phần:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp; - Điều lệ công ty; - Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. - Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; + Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý
--	--	--	--

			<p>của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định về việc chia công ty theo quy định tại Điều 198 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>(iii) Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chia công ty.</p> <p>(iv) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký
--	--	--	--

				<p>doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.
476.	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	2.002083. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p><i>Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty</i></p> <p>(i) Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần của công ty được tách (công ty mới) (Điều 23, Điều 24 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP).</p> <p><i>* Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Điều lệ công ty. - Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> +Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; +Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối

			<p>với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p><i>* Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Điều lệ công ty. - Danh sách thành viên. - Bản sao các giấy tờ sau đây: <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>+ Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p><i>* Đăng ký thành lập công ty cổ phần:</i></p>	
--	--	--	---	--

			<p>- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp; - Điều lệ công ty; -Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. - Bản sao các giấy tờ sau đây: + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; + Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự; + Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. (ii) Nghị quyết, quyết định về việc tách công ty theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp. (iii) Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc tách công ty. <i>Trường hợp thành lập doanh nghiệp xã hội mới trên cơ sở tách doanh nghiệp, hồ sơ phải có thêm Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.</i> (i) Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty</p>	
--	--	--	---	--

			<p>trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần của công ty được tách (công ty mới) (Điều 23, Điều 24 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP).</p> <p><i>* Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Điều lệ công ty. - Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự; + Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. <p><i>* Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Điều lệ công ty. - Danh sách thành viên. - Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại
--	--	--	--

			<p>diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>+ Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p><i>* Đăng ký thành lập công ty cổ phần:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp; - Điều lệ công ty; -Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. - Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; + Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định về việc tách công ty theo</p>	
--	--	--	---	--

			<p>quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>(iii) Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc tách công ty.</p> <p>(iv) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức. 	
--	--	--	---	--

477.	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	2.002059. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p><i>Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)</i></p> <p>(i) Các giấy tờ quy định tại Điều 22, 23, 24 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.</p> <p><i>* Đăng ký thành lập công ty hợp danh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Điều lệ công ty. - Danh sách thành viên. - Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên công ty là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. <p><i>* Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Điều lệ công ty. - Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền
------	--	----------------------------	--	--

			<p>và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự; + Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. <i>* Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên</i> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Điều lệ công ty. - Danh sách thành viên. - Bản sao các giấy tờ sau đây: + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền; + Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự; + Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. <i>* Đăng ký thành lập công ty cổ phần:</i> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp; - Điều lệ công ty; -Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông</p>
--	--	--	--

			<p>là nhà đầu tư nước ngoài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao các giấy tờ sau đây: + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; + Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. <p>(ii) Hợp đồng hợp nhất theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 200 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(iii) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng hợp nhất công ty của các công ty bị hợp nhất;</p> <p>(iv) Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng hợp nhất để thành lập công ty mới;</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký
--	--	--	---

				<p>doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>	
478.	<p>Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)</p>	<p>2.002060. 000.00.00.H10</p>	<p>lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp</p>	<p>Hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của công ty nhận sáp nhập phải có các giấy tờ tương ứng quy định tại Chương VI Luật Doanh nghiệp và các giấy tờ khác như sau:</p> <p><i>Trường hợp công ty nhận sáp nhập đăng ký thay đổi thành viên hợp danh</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách thành viên công ty hợp danh quy định tại Điều 25 Luật Doanh nghiệp, trong đó không bao gồm nội dung kê khai về thành viên góp vốn;</p> <p>(iii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên hợp danh mới;</p> <p>(iv) Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 201</p>	

			<p>Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(v) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập;</p> <p>(vi) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập.</p> <p><i>Trường hợp công ty nhận sáp nhập (công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh) đăng ký thay đổi vốn điều lệ:</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thay đổi vốn điều lệ;</p> <p>(iii) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>(iv) Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(v) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng</p>
--	--	--	---

			<p>thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập;</p> <p>(vi) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập, trừ trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hoặc cổ phần có quyền biểu quyết đối với công ty cổ phần của công ty bị sáp nhập.</p> <p><i>Trường hợp công ty nhận sáp nhập đăng ký thay đổi phân vốn góp, tỷ lệ phân vốn góp của thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của thành viên hợp danh công ty hợp danh:</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; danh sách thành viên công ty hợp danh, trong đó không bao gồm nội dung kê khai về thành viên góp vốn. Các danh sách phải bao gồm chữ ký của các thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>(iii) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp;</p>
--	--	--	--

			<p>(iv) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>(v) Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(vi) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập;</p> <p>(vii) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập, trừ trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hoặc cổ phần có quyền biểu quyết đối với công ty cổ phần của công ty bị sáp nhập.</p> <p><i>Trường hợp thay đổi thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quyết định sáp nhập công ty</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành</p>
--	--	--	--

			<p>viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>(iii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới;</p> <p>(iv) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức. Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>(vi) Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(vii) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập;</p> <p>(viii) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông</p>
--	--	--	--

			<p>qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập, trừ trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hoặc cổ phần có quyền biểu quyết đối với công ty cổ phần của công ty bị sáp nhập.</p> <p><i>Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định sáp nhập công ty</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;</p> <p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.</p> <p>Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(iii) Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;</p> <p>(iv) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>(v) Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(vi) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp</p>
--	--	--	---

			<p>đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập;</p> <p>(vii) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập, trừ trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hoặc cổ phần có quyền biểu quyết đối với công ty cổ phần của công ty bị sáp nhập.</p> <p><i>Trường hợp thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài theo quyết định sáp nhập công ty</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài sau khi đã thay đổi. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài phải bao gồm chữ ký của cổ đông có giá trị cổ phần thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông có giá trị cổ phần không thay đổi;</p> <p>(iii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân; bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.</p> <p>(iv) Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản</p>
--	--	--	---

			<p>sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>(vi) Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(vii) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập;</p> <p>(viii) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập, trừ trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hoặc cổ phần có quyền biểu quyết đối với công ty cổ phần của công ty bị sáp nhập.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân
--	--	--	--

				<p>thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>	
479.	<p>Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)</p>	<p>2.002057. 000.00.00.H10</p>	<p>lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp</p>	<p>Trường hợp tách công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần mà công ty bị tách thay đổi vốn điều lệ, số lượng thành viên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài tương ứng với phần vốn góp, cổ phần và số lượng thành viên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài giảm xuống, hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của công ty bị tách phải có các giấy tờ tương ứng quy định tại Chương VI Luật Doanh nghiệp và các giấy tờ khác như sau:</p> <p><i>Trường hợp tách công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần mà công ty bị tách thay đổi vốn điều lệ</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành</p>	

			<p>viên; nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thay đổi vốn điều lệ;</p> <p>(iii) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>(iv) Nghị quyết, quyết định về việc tách công ty theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(v) Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc tách công ty.</p> <p><i>Trường hợp công ty bị tách đăng ký thay đổi phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp của thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, trong đó không bao gồm nội dung kê khai về thành viên góp vốn. Các danh sách phải bao gồm chữ ký của các thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>(iii) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp;</p>
--	--	--	---

			<p>(iv) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>(v) Nghị quyết, quyết định về việc tách công ty theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(vi) Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc tách công ty.</p> <p><i>Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên theo quyết định tách công ty:</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>(iii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới;</p> <p>(iv) Nghị quyết, quyết định về việc tách công ty theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(v) Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên.</p> <p>(vi) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền</p>
--	--	--	--

			<p>trong trường hợp thành viên mới là tổ chức. Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(vii) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn</p> <p><i>Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định tách công ty:</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;</p> <p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.</p> <p>Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(iii) Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;</p> <p>(iv) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua</p>
--	--	--	--

			<p>phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư. (v) Nghị quyết, quyết định về việc tách công ty theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp; (vi) Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc tách công ty. <i>Trường hợp thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài theo quyết định tách công ty:</i> (i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký; (ii) Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài sau khi đã thay đổi. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài phải bao gồm chữ ký của cổ đông có giá trị cổ phần thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông có giá trị cổ phần không thay đổi; (iii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân; bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức. (iv) Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự; (v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư. (vi) Nghị quyết, quyết định về việc tách công ty</p>	
--	--	--	---	--

				<p>theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp; (vii) Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc tách công ty. <i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức. 	
480.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	2.002034. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Các giấy tờ quy định tại Điều 23 và Điều 24 Nghị định 01/2021/NĐ-CP, trong đó không bao gồm Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại điểm c khoản 4 Điều 23 và điểm c khoản 3 Điều 24 Nghị định 01/2021/NĐ-CP và các giấy tờ kèm theo khác	

			<p>như sau:</p> <p><i>Trường hợp chuyển đổi công ty TNHH thành công ty cổ phần:</i></p> <p>(i) Hồ sơ đăng ký thành lập công ty cổ phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp; - Điều lệ công ty; - Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. - Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; + Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc nghị quyết và bản sao biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chuyển đổi công ty;</p> <p>(iii) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho cổ phần, phần vốn góp; Bản sao văn bản xác nhận</p>	
--	--	--	--	--

			<p>quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>(iv) Giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên, cổ đông mới;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><i>Trường hợp chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty TNHH một thành viên:</i></p> <p>(i) Hồ sơ đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Điều lệ công ty. - Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc nghị quyết và bản sao biên bản họp của Đại hội đồng cổ</p>
--	--	--	---

			<p>đồng đối với công ty cổ phần về việc chuyển đổi công ty;</p> <p>(iii) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho cổ phần, phần vốn góp; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>(iv) Giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên, cổ đông mới;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><i>Trường hợp chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty TNHH hai thành viên trở lên:</i></p> <p>(i) Hồ sơ đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Điều lệ công ty. - Danh sách thành viên. - Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền; <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp</p>
--	--	--	---

			<p>hóa lãnh sự;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc nghị quyết và bản sao biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chuyển đổi công ty;</p> <p>(iii) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho cổ phần, phần vốn góp; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>(iv) Giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên, cổ đông mới;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</i></p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc</p>	
--	--	--	---	--

				<p>phải công chứng, chứng thực.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức. 	
481.	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	2.002032. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p>Hồ sơ đăng ký chuyển đổi bao gồm các giấy tờ quy định tại các Điều 22, 23 và 24 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, trong đó không bao gồm Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại điểm b khoản 4 Điều 22, điểm c khoản 4 Điều 23 và điểm c khoản 3 Điều 24 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.</p> <p><i>Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh:</i></p> <p>(i) Hồ sơ đăng ký thành lập công ty hợp danh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Điều lệ công ty. 	

			<p>- Danh sách thành viên. - Bản sao các giấy tờ sau đây: + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên công ty là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự; (ii) Cam kết bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả khoản nợ chưa thanh toán và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn; (iii) Thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty được chuyển đổi tiếp nhận và tiếp tục thực hiện các hợp đồng đó; (iv) Cam kết bằng văn bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân; (v) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp tư nhân; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho vốn của doanh nghiệp tư nhân; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật; (vi) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực</p>	
--	--	--	---	--

			<p>hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><i>Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty cổ phần:</i></p> <p>(i) Hồ sơ đăng ký thành lập công ty cổ phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp; - Điều lệ công ty; - Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. - Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; + Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(ii) Cam kết bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả khoản nợ chưa thanh toán và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn;</p> <p>(iii) Thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty được chuyển đổi tiếp nhận và tiếp tục thực hiện các hợp đồng đó;</p> <p>(iv) Cam kết bằng văn bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân;</p>	
--	--	--	---	--

			<p>(v) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp tư nhân; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho vốn của doanh nghiệp tư nhân; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>(vi) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><i>Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH một thành viên:</i></p> <p>(i) Hồ sơ đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Điều lệ công ty. - Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(ii) Cam kết bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ</p>
--	--	--	---

			<p>tài sản của mình đối với tất cả khoản nợ chưa thanh toán và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn;</p> <p>(iii) Thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty được chuyển đổi tiếp nhận và tiếp tục thực hiện các hợp đồng đó;</p> <p>(iv) Cam kết bằng văn bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân;</p> <p>(v) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp tư nhân; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho vốn của doanh nghiệp tư nhân; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>(vi) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><i>Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH hai thành viên trở lên:</i></p> <p>(i) Hồ sơ đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Điều lệ công ty. - Danh sách thành viên. - Bản sao các giấy tờ sau đây: <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p>	
--	--	--	--	--

			<p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(ii) Cam kết bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả khoản nợ chưa thanh toán và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn;</p> <p>(iii) Thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty được chuyển đổi tiếp nhận và tiếp tục thực hiện các hợp đồng đó;</p> <p>(iv) Cam kết bằng văn bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân;</p> <p>(v) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp tư nhân; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho vốn của doanh nghiệp tư nhân; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>(vi) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p>
--	--	--	--

				<p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức. 	
482.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	2.002033. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p>(i) Hồ sơ đăng ký chuyển đổi bao gồm các giấy tờ quy định tại Điều 23 Nghị định số 01/2020/NĐ-CP, trong đó không bao gồm Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại điểm c khoản 4 Điều 23 Nghị định số 01/2020/NĐ-CP.</p> <p><i>* Hồ sơ đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Điều lệ công ty. - Danh sách thành viên. 	

			<p>- Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(ii) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>(iii) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty về việc huy động thêm vốn góp của cá nhân, tổ chức khác và giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới trong trường hợp huy động vốn góp của thành viên mới;</p> <p>(iv) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</i></p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ</p>
--	--	--	--

				<p>tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
483.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	1.010027. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p>(i) Hồ sơ đăng ký chuyển đổi bao gồm các giấy tờ quy định tại Điều 24 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, trong đó không bao gồm Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại điểm c khoản 3 Điều 24 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP;</p> <p><i>* Hồ sơ đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Điều lệ công ty. - Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; + Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp

			<p>chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(ii) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật; Hợp đồng sáp nhập, hợp đồng hợp nhất trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất công ty;</p> <p>(iii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên về việc chuyển đổi hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;</p> <p>(iv) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</i></p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh</p>
--	--	--	--

				<p>nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>	
484.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	2.002018. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p>Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</i></p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được</p>	

				<p>ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức 	
485.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	2.002017. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p>(i) Giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế</p> <p>(ii) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. 	

				<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức. 	
486.	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	2.002015. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p>Thông báo đề nghị cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. 	

				- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.	
487.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	2.002029. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p>(i) Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;</p> <p>(ii) Trường hợp doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, kèm theo Thông báo phải có nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc tạm ngừng kinh doanh.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</i></p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu</p>	

				<p>của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức. 	
488.	Giải thể doanh nghiệp	2.002023. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p>Giải thể doanh nghiệp:</p> <p><i>*Thủ tục Thông báo giải thể doanh nghiệp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp; (ii) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc giải thể doanh nghiệp; (iii) Phương án giải quyết nợ (nếu có). <p><i>*Thủ tục đăng ký giải thể doanh nghiệp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp; (ii) Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp 	

			<p>cho người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có); Trường hợp giải thể đối với doanh nghiệp xã hội còn số dư tài sản hoặc tài chính đối với nguồn viện trợ, tài trợ đã nhận:</p> <p><i>*Thủ tục Thông báo giải thể doanh nghiệp</i></p> <p>(i) Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp; (ii) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc giải thể doanh nghiệp; (iii) Phương án giải quyết nợ (nếu có).</p> <p><i>*Thủ tục đăng ký giải thể doanh nghiệp</i></p> <p>(i) Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp; (ii) Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có); (iii) Bản sao tài liệu về việc xử lý số dư tài sản hoặc tài chính đối với nguồn viện trợ, tài trợ mà doanh nghiệp xã hội đã nhận.</p> <p>Trường hợp doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đăng ký giải thể:</p> <p><i>*Thủ tục Thông báo giải thể doanh nghiệp</i></p> <p>(i) Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp; (ii) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Hội</p>
--	--	--	---

			<p>đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc giải thể doanh nghiệp;</p> <p>(iii) Phương án giải quyết nợ (nếu có).</p> <p>(iii) Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp.</p> <p><i>*Thủ tục đăng ký giải thể doanh nghiệp</i></p> <p>(i) Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có).</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp
--	--	--	--

				<p>dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>	
489.	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	2.002022. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p><i>Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án</i></p> <p>(i) Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp; (ii) Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có);</p> <p><i>Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án đối với doanh nghiệp xã hội:</i></p> <p>Trường hợp doanh nghiệp xã hội còn số dư tài sản hoặc tài chính đối với nguồn viện trợ, tài trợ đã nhận, thì hồ sơ giải thể phải có thêm bản sao tài liệu về việc xử lý số dư tài sản hoặc tài chính đối với nguồn viện trợ, tài trợ mà doanh nghiệp xã hội đã nhận:</p> <p>(i) Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp; (ii) Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp</p>	

				<p>cho người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có);</p> <p>(iii) Bản sao tài liệu về việc xử lý số dư tài sản hoặc tài chính đối với nguồn viện trợ, tài trợ mà doanh nghiệp xã hội đã nhận.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức. 	
490.	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	2.002020. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p><i>Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước:</i></p> <p>(i) Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp</p>	

			<p>của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p><i>Trường hợp chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh ở trong nước:</i></p> <p>Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p> <p><i>Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài:</i></p> <p>Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.
--	--	--	---

				- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.
491.	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	2.002016. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p>Trường hợp hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh: Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin.</p> <p>Trường hợp doanh nghiệp phát hiện nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bị thiếu hoặc chưa chính xác so với bản giấy của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh), Giấy phép đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương, Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp:</p> <p>(i) Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin; (ii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh), Giấy phép đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương, Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán.</p> <p>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo</p>

				<p>quy định sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức. 	
492.	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	2.000368. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p>(i) Thông báo về việc chấm dứt cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách</p>	

			<p>nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về việc chấm dứt Cam kết, trong đó nêu rõ lý do chấm dứt.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức. <p>Doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trong giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, nghị quyết,</p>
--	--	--	---

				quyết định, biên bản họp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Việc đóng dấu đối với các tài liệu khác trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.	
493.	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	2.000416. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p>(i) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thông qua nội dung Cam kết.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch 	

				<p>vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p> <p>Doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trong giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, nghị quyết, quyết định, biên bản họp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Việc đóng dấu đối với các tài liệu khác trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p>	
494.	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	2.000375. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p>(i) Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường;</p> <p>(ii) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường đã được sửa đổi, bổ sung do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(iii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thông qua nội dung thay đổi của Cam kết.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</i></p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p>	

				<p>- Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p> <p>Doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trong giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, nghị quyết, quyết định, biên bản họp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Việc đóng dấu đối với các tài liệu khác trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p>	
495.	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	1.010029. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p>(i) Thông báo chấm dứt tồn tại của công ty bị sáp nhập;</p> <p>(ii) Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(iii) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</i></p>	

				<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức. 	
496.	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	1.010030. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p><i>Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp; (ii) Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương; (iii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp. <p><i>Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh:</i></p>	

				<p>(i) Giấy tờ tương ứng với nội dung đăng ký, thông báo quy định tại Nghị định 01/2021/NĐ-CP;</p> <p>(ii) Văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(iii) Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</p> <p>(iv) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức. 	
--	--	--	--	--	--

497.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.010031. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	<p>(i) Văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh;</p> <p>(ii) Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>(iii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
------	---	----------------------------	--	--

				- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.	
498.	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	2.000024. 000.00.00.H10	lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo Mẫu số 01a và Mẫu số 01b tại Phụ lục kèm theo của Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định các mẫu văn bản sử dụng trong thông báo thành lập và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. - Điều lệ quỹ; - Hợp đồng thuê công ty thực hiện quản lý quỹ (nếu có); - Giấy xác nhận của ngân hàng về quy mô vốn đã góp; - Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân, hộ chiếu, thẻ căn cước đối với nhà đầu tư là cá nhân; quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác đối với nhà đầu tư là tổ chức; - Biên bản họp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị, quyết định của Hội đồng thành viên hoặc của chủ sở hữu phù hợp với quy định tại Điều lệ công ty của nhà đầu tư là tổ chức góp vốn về việc tham gia góp vốn vào quỹ, về việc cử người đại diện Phân vốn góp theo ủy quyền kèm theo hồ sơ cá nhân của người này. 	
499.	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	1.000016. 000.00.00.H10	lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	- Thông báo việc tăng, giảm vốn quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định các mẫu văn bản sử dụng trong thông báo thành lập và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.	

				<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản họp và nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư về việc tăng, giảm vốn và các tài liệu liên quan; - Điều lệ quỹ sửa đổi; - Biên bản thỏa thuận góp vốn và danh sách các nhà đầu tư góp vốn, số vốn góp, tỷ lệ sở hữu vốn góp trước và sau khi tăng, giảm vốn góp của quỹ; - Giấy chứng nhận của công ty thực hiện quản lý quỹ về Phần vốn đã góp thêm, danh Mục tài sản góp vào quỹ. Trường hợp giảm vốn: Giấy xác nhận của công ty thực hiện quản lý quỹ về việc phân bổ tài sản 	
500.	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	2.000005. 000.00.00.H10	lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo Biểu mẫu 03 của Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định các mẫu văn bản sử dụng trong thông báo thành lập và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. - Biên bản họp và nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư của quỹ về việc gia hạn thời gian hoạt động của quỹ, trong đó nêu rõ thời gian gia hạn hoạt động của quỹ; - Chi tiết danh Mục đầu tư và báo cáo giá trị tài sản ròng của quỹ tại ngày định giá gần nhất tính tới ngày nộp hồ sơ gia hạn; - Các thay đổi về nhà đầu tư, Điều lệ quỹ (nếu có). 	
501.	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	2.002005. 000.00.00.H10	lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	<p>(1) Trường hợp thông báo việc giải thể quỹ, hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo việc giải thể quỹ cho cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty đặt trụ sở theo Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP. - Biên bản họp và nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, kèm theo phương án, lộ trình thanh lý và phân phối tài sản đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua, trong đó nêu rõ nguyên tắc xác 	

				<p>định giá trị tài sản tại ngày giải thể và thời gian quỹ thanh lý tài sản phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ và sổ tay định giá; phương thức phân phối tài sản cho nhà đầu tư và cung cấp thông tin cho nhà đầu tư về hoạt động thanh lý và phân phối tài sản;</p> <p>- Cam kết bằng văn bản được ký bởi đại diện theo pháp luật của công ty thực hiện quản lý quỹ về việc chịu trách nhiệm hoàn tất các thủ tục thanh lý tài sản để giải thể quỹ.</p> <p>(2) Trường hợp thông báo đã hoàn tất việc giải thể, hồ sơ gồm:</p> <p>Thông báo việc giải thể quỹ cho cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty đặt trụ sở theo Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP.</p>
502.	Thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư.	2.002004. 000.00.00.H10	lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	<p>- Thông báo về việc chuyển nhượng Phần vốn góp của các nhà đầu tư theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định các mẫu văn bản sử dụng trong thông báo thành lập và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, trong đó nêu rõ thông tin về các bên giao dịch, tỷ lệ sở hữu của các bên (trước và sau khi giao dịch), giá trị giao dịch;</p> <p>- Bản sao hợp đồng chuyển nhượng của các nhà đầu tư có xác nhận của công ty thực hiện quản lý quỹ.</p>
503.	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	2.002418. 000.00.00.H10	lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	<p>- Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa và đề xuất nhu cầu hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, trong đó ghi rõ nội dung và mức ngân sách đề nghị được hỗ trợ, báo giá của bên cung cấp (nếu có).</p> <p>- Tài liệu xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo: Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo trên căn cứ có giải</p>

			<p>thường cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo hoặc sản phẩm, dự án về đổi mới sáng tạo; hoặc được cấp văn bằng bảo hộ đối với sáng chế; hoặc được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ, Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Khoản 1, Điều 21 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP), tài liệu xác định bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy chứng nhận đạt giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo hoặc sản phẩm, dự án về đổi mới sáng tạo. Giấy chứng nhận có thời gian không quá 05 năm tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ; + Văn bằng bảo hộ đối với sáng chế hoặc giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ hoặc giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao với điều kiện các tài liệu này vẫn còn thời hạn tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ. <p>Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo trên căn cứ đã được đầu tư hoặc cam kết đầu tư bởi các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; được hỗ trợ hoặc cam kết hỗ trợ bởi các khu làm việc chung, các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở ươm tạo, cơ sở thúc đẩy kinh doanh, các trung tâm đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về đầu tư (Khoản 2, Điều 21 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP), tài liệu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hợp đồng góp vốn hoặc văn bản xác nhận khoản đầu tư của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo có giá trị tối thiểu 01 tỷ đồng; thời điểm đầu tư không quá 05 năm đến khi DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ;
--	--	--	--

				<p>+ Văn bản cam kết của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo với khoản đầu tư tối thiểu 500 triệu đồng và thời điểm cam kết không quá 01 năm đến khi DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ;</p> <p>+ Văn bản xác nhận hoặc hợp đồng thể hiện đang thực hiện hỗ trợ cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo của các khu làm việc chung, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở ươm tạo, cơ sở thúc đẩy kinh doanh, trung tâm đổi mới sáng tạo; hoặc văn bản cam kết hoặc hợp đồng thể hiện sẽ hỗ trợ cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo. Thời điểm xác nhận, cam kết hỗ trợ không quá 06 tháng tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề xuất hỗ trợ.</p> <p>- Tài liệu xác định DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị thuộc lĩnh vực sản xuất, chế biến.</p> <p>+ Đối với DNNVV là doanh nghiệp đầu chuỗi được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam: Tài liệu xác định quy mô là DNNVV.</p> <p>+ DNNVV đang thực hiện hợp đồng mua, bán sản phẩm, dịch vụ hoặc hợp đồng hợp tác, liên kết với doanh nghiệp đầu chuỗi: Tài liệu là tối thiểu 01 hợp đồng mua hoặc bán sản phẩm hoặc hợp tác, liên kết với doanh nghiệp đầu chuỗi.</p> <p>+ DNNVV được các doanh nghiệp đầu chuỗi hoặc cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV đánh giá có tiềm năng trở thành nhà cung ứng cho doanh nghiệp đầu chuỗi: tài liệu là xác nhận của doanh nghiệp đầu chuỗi.</p> <p>- Các tài liệu liên quan trực tiếp khác (nếu có)</p>	
--	--	--	--	--	--

504.	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp	2.001999. 000.00.00.H10	lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ Giấy đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế; - Bản sao hợp lệ chứng từ nộp lệ phí môn bài, các loại thuế và khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có), ở khai thuế trong thời hạn 01 năm trước khi chuyển đổi. 	
505.	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	1.005125. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Giấy đề nghị đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã; - Điều lệ; - Phương án sản xuất kinh doanh; - Danh sách thành viên hợp tác xã; - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên; - Nghị quyết Hội nghị thành lập; - Trường hợp đăng ký liên hiệp hợp tác xã là tổ chức tín dụng kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 	

506.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	2.002013. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Thông báo về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã; - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã; - Quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc cử người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; - Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; - Trường hợp thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã là tổ chức tín dụng, kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 	
------	---	----------------------------	--	---	--

507.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	1.005003. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo pháp luật của liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của liên hiệp hợp tác xã; - Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã. 	
508.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	1.005047. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã; - Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã; - Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với trường hợp thay đổi người đại diện. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc 	

				văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.	
509.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	1.005122. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã	<p>- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>- Giấy đề nghị đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã;</p> <p>- Điều lệ;</p> <p>- Phương án sản xuất kinh doanh;</p> <p>- Danh sách hợp tác xã thành viên;</p> <p>- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên;</p> <p>- Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc chia liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>- Trường hợp đăng ký liên hiệp hợp tác xã là tổ chức tín dụng kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p>	
510.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	2.001979. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã	<p>- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy</p>	

				<p>giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã; - Điều lệ; - Phương án sản xuất kinh doanh; - Danh sách hợp tác xã thành viên; - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên; - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc tách liên hiệp hợp tác xã. <p>- Trường hợp đăng ký liên hiệp hợp tác xã là tổ chức tín dụng kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p>	
511.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	2.001957. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Giấy đề nghị đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã; - Điều lệ; - Phương án sản xuất kinh doanh; - Danh sách hợp tác xã thành viên; 	

				<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên; - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc hợp nhất liên hiệp hợp tác xã. - Trường hợp đăng ký liên hiệp hợp tác xã hợp nhất là tổ chức tín dụng kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 	
512.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	1.005056. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của liên hiệp hợp tác xã; - Điều lệ; - Phương án sản xuất kinh doanh; - Danh sách hợp tác xã thành viên; - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên; - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc sáp nhập liên hiệp hợp tác xã. 	
513.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	1.005072. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy 	

				<p>giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh 	
514.	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	2.001962. 000.00.00.H10	<p>lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền tiến hành thủ tục giải thể. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Thông báo về việc giải thể liên hiệp hợp tác xã; - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc giải thể liên hiệp hợp tác xã; - Biên bản hoàn thành việc giải thể liên hiệp hợp tác xã; - Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của hợp tác xã; - Thông báo của cơ quan thuế về hoàn thành nghĩa vụ về thuế; - Giấy biên nhận của cơ quan thông tin đại chúng về việc nhận đăng thông báo về việc giải thể liên hiệp hợp tác xã hoặc bản in 03 số báo liên tiếp đã đăng thông báo về việc giải thể liên hiệp hợp tác xã. 	

515.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	1.005064. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Giấy thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã; - Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã. - Trường hợp thay đổi điều lệ thì liên hiệp hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của liên hiệp hợp tác xã sau khi thay đổi; - Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên sau khi thay đổi; - Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của liên hiệp hợp tác xã thì liên hiệp hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi. 	
516.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	1.005124. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết 	

				<p>quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã; - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã.
517.	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	1.005046. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; - Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã; - Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, tạm ngừng hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.
518.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	1.005283. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ

				<p>chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã; - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã; - Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. 	
519.	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	2.002125. 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; - Giấy đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã; - Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã hoặc bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp trước đây và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế 	

520.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2.002333. 000.00.00.H10	lĩnh vực vốn hỗ trợ phát triển chính thức (oda) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho việt nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thẩm định và trình xem xét, quyết định phê duyệt chương trình, dự án - Văn bản đề nghị phê duyệt chương trình, dự án; - Văn bản nhất trí cung cấp viện trợ của Bên cung cấp viện trợ. - Văn kiện chương trình, dự án; - Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng với trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài). + Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp; + Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao công chứng hộ chiếu còn hiệu lực; + Đối với các bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao công chứng giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức. 	
521.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2.002334. 000.00.00.H10	lĩnh vực vốn hỗ trợ phát triển chính thức (oda) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho việt nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thẩm định và trình xem xét, quyết định phê duyệt chương trình, dự án - Văn bản đề nghị phê duyệt chương trình, dự án; - Văn bản nhất trí cung cấp viện trợ của Bên cung cấp viện trợ. - Văn kiện chương trình, dự án; - Văn kiện chương trình, dự án phải được xây dựng theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công và đầu tư xây dựng công trình. - Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng với trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài). + Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã 	

				<p>đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;</p> <p>+ Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao công chứng hộ chiếu còn hiệu lực;</p> <p>+ Đối với các bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao công chứng giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức.</p>	
522.	<p>Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p>	<p>2.002335. 000.00.00.H10</p>	<p>lĩnh vực vốn hỗ trợ phát triển chính thức (oda) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam</p>	<p>- Văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thẩm định và trình xem xét, quyết định phê duyệt phi dự án;</p> <p>- Văn bản đề nghị phê duyệt phi dự án;</p> <p>- Văn bản nhất trí cung cấp viện trợ của Bên cung cấp viện trợ.</p> <p>- Văn kiện phi dự án;</p> <p>- Chứng thư giám định chất lượng hàng hóa được cấp bởi tổ chức giám định hợp pháp và đủ năng lực được Việt Nam hoặc nước sở tại công nhận. Chứng thư giám định phải nêu kết luận về chất lượng của hàng hóa, thiết bị, phương tiện vận tải đạt yêu cầu của tiêu chuẩn Việt Nam hoặc đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn tương đương được Việt Nam chấp nhận.</p> <p>- Đối với khoản viện trợ phi dự án là các phương tiện vận tải đã qua sử dụng, cần có thêm các văn bản sau: bản dịch tiếng Việt đã được công chứng của bản đăng ký hoặc Giấy chứng nhận sở hữu phương tiện của Bên cung cấp viện trợ; bản dịch tiếng Việt đã được công chứng của giấy Chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của nước Bên cung cấp viện trợ. Trong trường hợp có phương tiện tạm nhập tái xuất thì cần có Giấy Chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.</p> <p>- Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng với trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các</p>	

				<p>cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài).</p> <p>+ Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;</p> <p>+ Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao công chứng hộ chiếu còn hiệu lực;</p> <p>+ Đối với các bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao công chứng giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức.</p>	
523.	<p>Quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài</p>	<p>2.002551. 000.00.00.H10</p>	<p>lĩnh vực vốn hỗ trợ phát triển chính thức (oda) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam</p>	<p>Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi gồm:</p> <p>(a) Tờ trình đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục IVa kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.</p> <p>(b) Văn bản phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án của cấp có thẩm quyền;</p> <p>(c) Báo cáo kết quả thẩm định nội bộ của Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi;</p> <p>(d) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục IIa, Ib, Ic kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP;</p> <p>(đ) Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chương trình, dự án trong giai đoạn trước (đối với các chương trình, dự án thực hiện giai đoạn trước, tiếp tục thực hiện trong giai đoạn mới).</p>	

				(e) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).	
524.	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	1.008423 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (oda) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài	- Tờ trình thẩm định chương trình, dự án - Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án - Các tài liệu khác có liên quan	
525.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án	2.001991 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (oda) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài	- Văn bản lấy ý kiến. - Văn bản trình phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án của chủ dự án. - Dự thảo Văn kiện dự án, phi dự án. - Văn bản góp ý của các cơ quan liên quan. - Các tài liệu liên quan khác (nếu có) như: văn bản của nhà tài trợ thống nhất với nội dung dự án, phi dự án, thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ, văn bản ghi nhớ với nhà tài trợ, báo cáo của đoàn chuyên gia thẩm định thực hiện theo yêu cầu của nhà tài trợ.	
526.	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	2.002053. 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (oda) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài	Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án được lập cho toàn bộ thời gian thực hiện chương trình, dự án và phải bao gồm tất cả hợp phần, hạng mục, nhóm hoạt động, nguồn vốn tương ứng (vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng) và tiến độ thực hiện dự kiến kèm theo	

527.	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm	2.002050 000.00.00.H10	lĩnh vực đầu tư sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (oda) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài	Nội dung của kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hàng năm phải có thông tin chi tiết về các hợp phần (chia theo hợp phần hỗ trợ kỹ thuật và đầu tư xây dựng), các hạng mục và hoạt động chính, các nguồn vốn, kể cả vốn đối ứng và tiến độ thực hiện dự kiến kèm theo	
528.	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập	2.000529 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị thành lập doanh nghiệp. - Đề án thành lập doanh nghiệp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau: <ul style="list-style-type: none"> (a) Căn cứ pháp lý, mục tiêu, sự cần thiết thành lập doanh nghiệp; (b) Tên gọi, mô hình tổ chức quản lý doanh nghiệp và thời gian hoạt động; (c) Địa điểm trụ sở chính của doanh nghiệp, địa điểm xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh và diện tích đất sử dụng; chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có); (d) Nhiệm vụ do Nhà nước giao; ngành, nghề kinh doanh; danh mục sản phẩm, dịch vụ do doanh nghiệp cung ứng; (đ) Đánh giá sự phù hợp của việc thành lập doanh nghiệp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành quốc gia; (e) Tình hình thị trường, nhu cầu và triển vọng thị trường về từng loại sản phẩm, dịch vụ do doanh nghiệp cung ứng; công nghệ dự kiến áp dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm sau khi thành lập; (g) Mức vốn điều lệ; dự kiến tổng vốn đầu tư (trường hợp thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ gắn với thực hiện dự án 	

				<p>đầu tư); nguồn và hình thức huy động số vốn còn lại ngoài nguồn vốn đầu tư ban đầu của Nhà nước; phương án hoàn trả vốn huy động; nhu cầu và biện pháp tạo vốn lưu động đối với doanh nghiệp;</p> <p>(h) Dự kiến hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội;</p> <p>(i) Dự kiến khả năng cung ứng nguồn lao động, nguyên liệu, vật liệu, năng lượng, công nghệ và các điều kiện cần thiết khác để hoạt động sau khi thành lập.</p>	
529.	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	2.001061 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	<p>- Tờ trình đề nghị hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp;</p> <p>- Đề án hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>(a) Tên, địa chỉ các doanh nghiệp trước và sau khi hợp nhất, sáp nhập;</p> <p>(b) Sự cần thiết của việc hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp; sự phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành quốc gia;</p> <p>(c) Mức vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi hợp nhất, sáp nhập;</p> <p>(d) Phương án sắp xếp, sử dụng lao động;</p> <p>(đ) Phương án xử lý tài chính, chuyên đổi, bàn giao vốn, tài sản và giải quyết các quyền, nghĩa vụ của các doanh nghiệp liên quan đến việc hợp nhất, sáp nhập;</p> <p>(e) Thời hạn thực hiện hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp;</p> <p>- Báo cáo tài chính năm trước liền kề của doanh nghiệp đã được kiểm toán và báo cáo tài chính quý gần nhất với thời điểm hợp nhất, sáp nhập;</p> <p>- Dự thảo Điều lệ của doanh nghiệp mới được hình thành sau khi hợp nhất, sáp nhập;</p> <p>- Dự thảo Hợp đồng hợp nhất, sáp nhập theo quy định tại Điều 200, Điều 201 Luật Doanh nghiệp đối với trường hợp sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp;</p>	

				- Các tài liệu khác có liên quan đến việc hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp (nếu có).	
530.	Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	2.001025 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị chia, tách doanh nghiệp; - Đề án chia, tách doanh nghiệp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau: <ul style="list-style-type: none"> + Tên, địa chỉ các doanh nghiệp trước và sau khi chia, tách; + Sự cần thiết của việc chia, tách doanh nghiệp; sự phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành quốc gia; + Mức vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi chia, tách; + Phương án sắp xếp, sử dụng lao động; + Phương án xử lý tài chính, chuyển đổi, bàn giao vốn, tài sản và giải quyết các quyền, nghĩa vụ của các doanh nghiệp liên quan đến việc chia, tách; + Thời hạn thực hiện chia, tách doanh nghiệp; + Trường hợp chia, tách doanh nghiệp để hình thành các doanh nghiệp mới thì Đề án chia, tách doanh nghiệp bao gồm thêm các nội dung khác quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định 23/2022/NĐ-CP - Báo cáo tài chính năm trước liền kề của doanh nghiệp đã được kiểm toán và báo cáo tài chính quý gần nhất với thời điểm chia, tách; - Dự thảo Điều lệ của doanh nghiệp mới được hình thành sau khi chia, tách; - Các tài liệu khác có liên quan đến việc chia, tách doanh nghiệp (nếu có). 	

531.	Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	1.002395 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	<p>(i) Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;</p> <p>(ii) Trường hợp doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, kèm theo Thông báo phải có nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc tạm ngừng kinh doanh.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký 	
------	---	---------------------------	--	--	--

				<p>doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>	
532.	Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	2.001021 000.00.00.H10	lĩnh vực thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Văn bản đề nghị giải thể doanh nghiệp	

VII. Thủ tục hành chính do Sở Giao thông vận tải quản lý

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
533.	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	1.000703	Đường bộ	- Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải bao gồm:	

				<ul style="list-style-type: none"> + Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định (<i>mẫu của Nghị định 10/2020/NĐ-CP</i>); + Bản sao văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải; + Bản sao hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử). - Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đối với hộ kinh doanh vận tải gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định (<i>mẫu của Nghị định 10/2020/NĐ-CP</i>); + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
534.	Đăng ký khai thác tuyến	2.002285	Đường bộ	<ul style="list-style-type: none"> + Đăng ký khai thác tuyến theo mẫu quy định (<i>mẫu II của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP</i>); + Bản sao Biên bản thống nhất giữa bên xe hai đầu tuyến với doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia khai thác tuyến (áp dụng đối với trường hợp tuyến mới).
535.	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	2.002288	Đường bộ	<ul style="list-style-type: none"> + Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định (<i>mẫu Phụ lục V của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP</i>); + Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân

				<p>hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.</p>	
536.	<p>Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)</p>	2.002289	Đường bộ	<p>- Đối với trường hợp hết hạn, khi bị mất hoặc bị hư hỏng, khi thay đổi chủ sở hữu phương tiện hoặc thay đổi đơn vị kinh doanh vận tải, hồ sơ gồm:</p> <p>+ Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định (<i>mẫu Phụ lục V của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP</i>);</p> <p>+ Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.</p> <p>- Đối với trường hợp khi bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng, hồ sơ gồm:</p> <p>+ Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định (<i>mẫu Phụ lục V của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP</i>);</p> <p>+ Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.</p> <p>+ Tài liệu chứng minh việc khắc phục vi phạm là nguyên nhân bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng phù hiệu.</p>	

537.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	2.002287	Đường bộ	<p>- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (<i>mẫu của Nghị định 10/2020/NĐ-CP</i>).</p>	
538.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng	2.002286	Đường bộ	<p>- Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh, bao gồm:</p> <p>+ Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại theo mẫu quy định (<i>mẫu của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP</i>);</p> <p>+ Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh:</p> <p>(1) Tên và địa chỉ đơn vị kinh doanh;</p> <p>(2) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) bao gồm: Số, ngày, tháng, năm, cơ quan cấp;</p> <p>(3) Người đại diện theo pháp luật;</p> <p>(4) Các hình thức kinh doanh;</p> <p>(5) Cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh.</p> <p><i>(việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).</i></p> <p>- Trường hợp cấp lại Giấy phép kinh doanh do bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng, hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh:</p> <p>+ Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải:</p> <p>(1) Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định (<i>mẫu của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP</i>);</p> <p>(2) Bản sao văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;</p>	

				<p>(3) Bản sao hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử).</p> <p>+ Đối với hộ kinh doanh vận tải:</p> <p>(1) Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định (<i>mẫu của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP</i>);</p> <p>(2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Tài liệu chứng minh việc khắc phục vi phạm là nguyên nhân bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh.</p>
539.	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	1.002856	Đường bộ	<p>- Thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với phương tiện thương mại gồm:</p> <p>+ Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.</p> <p>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;</p> <p>+ Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung</p>

				<p>phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bên xe khách ở Việt Nam và bên xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào).</p> <p>- Thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên lãnh thổ Lào:</p> <p>+ Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.</p> <p>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân;</p> <p>+ Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác);</p> <p>+ Bản sao hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào).</p>
540.	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	1.002852	Đường bộ	<p>- Thành phần hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đối với phương tiện thương mại gồm:</p> <p>+ Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.</p> <p>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương</p>

				<p>tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;</p> <p>+ Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào).</p> <p>- Thành phần hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên lãnh thổ Lào:</p> <p>+ Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.</p> <p>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân;</p> <p>+ Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác);</p> <p>+ Bản sao hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào).</p>	
541.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	1.002063	Đường bộ	<p>- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu;</p> <p>- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào</p>	
542.	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	1.001023	Đường bộ	<p>- Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;</p> <p>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe</p>	

				<p>ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện;</p> <p>- Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ.</p>	
543.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	1.001577	Đường bộ	<p>- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu.</p> <p>- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia</p>	
544.	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1.002877	Đường bộ	<p>- Thành phần hồ sơ đối với phương tiện thương mại:</p> <p>+ Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.</p> <p>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;</p> <p>+ Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào, Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia).</p> <p>- Thành phần hồ sơ đối với phương tiện phi thương mại:</p> <p>+ Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.</p>	

				<p>+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó;</p> <p>+ Đối với doanh nghiệp thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).</p>
545.	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1.002869	Đường bộ	<p>- Thành phần hồ sơ đối với phương tiện thương mại:</p> <p>+ Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.</p> <p>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;</p> <p>+ Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào, Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia).</p>

				<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần hồ sơ đối với phương tiện phi thương mại: + Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu. + Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó; + Đối với doanh nghiệp thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực). 	
546.	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1.002268	Đường bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh; - Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu; - Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia. 	

547.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	1.002286	Đường bộ	- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu; - Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	
548.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	1.010707	Đường bộ	- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu; - Giấy phép liên vận ASEAN	
549.	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1.010708	Đường bộ	- Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh; - Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu; - Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia.	
550.	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1.010709	Đường bộ	- Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu; - Thông báo khai thác tuyến; - Ký hiệu phân biệt quốc gia;	

				- Giấy phép liên vận của các phương tiện ngừng khai thác.
551.	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia	1.010710	Đường bộ	- Giấy đề nghị tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu
552.	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	1.010711	Đường bộ	- Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện; - Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ.
553.	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	1.002861	Đường bộ	- Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo mẫu; - Phương án kinh doanh vận tải theo mẫu
554.	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	1.002859	Đường bộ	- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo mẫu; - Phương án kinh doanh vận tải theo mẫu
555.	Cấp mới Giấy phép lái xe	1.002835	Đường bộ	* Đối với người dự sát hạch lái xe lần đầu: - Hồ sơ do người học lái xe nộp: + Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại phục lục I kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT; + Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

				<p>+ Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;</p> <p>+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.</p> <p>- Hồ sơ do cơ sở đào tạo lái xe nộp:</p> <p>+ Hồ sơ của người học lái xe;</p> <p>+ Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo đối với người dự sát hạch lái xe hạng A4, B1, B2 và C;</p> <p>+ Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch.</p> <p>* Đối với người dự sát hạch nâng hạng giấy phép lái xe lên hạng B1 số, B2, C, D, E và các hạng F:</p> <p>- Hồ sơ do người học nâng hạng giấy phép lái xe nộp:</p> <p>+ Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại phụ lục I kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT;</p> <p>+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;</p> <p>+ Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;</p>	
--	--	--	--	--	--

				<ul style="list-style-type: none"> + Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định; + Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn theo mẫu quy định tại phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT và phải chịu trách nhiệm về nội dung khai trước pháp luật; + Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D, E. - Hồ sơ do cơ sở đào tạo lái xe nộp: + Hồ sơ của người học nâng hạng giấy phép lái xe; + Chứng chỉ đào tạo nâng hạng; + Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch nâng hạng. (Người học lái xe khi đến nộp hồ sơ được cơ sở đào tạo chụp ảnh trực tiếp lưu giữ trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe).
556.	Đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp	1.002809	Đường bộ	<ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (<i>Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT</i>); + Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3. + Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).

557.	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác	1.005210	Đường bộ	Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô và nêu rõ lý do hỏng, mất hoặc nội dung cần thay đổi.	
558.	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo	1.001001	Đường bộ	<p>+ Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế bản chính hoặc biểu mẫu điện tử (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT;</p> <p>+ 02 bộ hồ sơ thiết kế (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan thẩm định thiết kế hoặc qua hệ thống bưu chính) hoặc 01 hồ sơ dạng điện tử (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) có thành phần theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT;</p> <p>+ Bản sao có xác nhận của đơn vị thiết kế hoặc bản sao điện tử (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo, thay thế;</p> <p>+ Bản sao có xác nhận của đơn vị thiết kế hoặc bản sao điện tử (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) của một trong các giấy tờ sau: Giấy Đăng ký xe ô tô; Phiếu sang tên, di chuyển (đối với trường hợp đang làm thủ tục sang tên, di chuyển); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu hoặc giấy tờ chứng nhận đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu (đối với xe cơ giới đã qua sử dụng được phép nhập khẩu, chưa có biển số đăng ký).</p>	

559.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất	2.000847	Đường bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu số 8 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT; - Bản thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương đăng ký theo mẫu số 17 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT đối với trường hợp bị mất Giấy chứng nhận đăng ký. 	
560.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	1.001919	Đường bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng theo mẫu số 4 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT; - Giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng là một trong những giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> + Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật; + Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính; + Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật; + Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật; + Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; + Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. - Giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng là một trong những giấy tờ sau: 	

				<p>+ Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước.</p> <p>+ Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu.</p> <p>+ Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biên số theo mẫu số 1 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BGTVT.</p> <p>+ Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước:</p> <p>* Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</p> <p>* Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử</p>	
--	--	--	--	---	--

				<p>lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng</p> <p>* Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật;</p> <p>* Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại).</p>	
561.	<p>Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác.</p>	2.001921	Đường bộ	<p>+ Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu (<i>Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT</i>);</p> <p>+ Bản vẽ thiết kế của dự án đầu tư, hồ sơ thiết kế công trình thiết yếu (thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công), báo cáo kinh tế - kỹ thuật bao gồm các thông tin về vị trí và lý trình công trình đường bộ tại nơi xây dựng công trình thiết yếu; bản vẽ thể hiện diện tích, kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; bản vẽ thể hiện mặt đứng và khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ, khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ; bộ phận công trình đường bộ phải đào, khoan khi xây dựng công trình thiết yếu; thiết kế kết cấu và biện pháp thi công hoàn trả công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường</p>	

				<p>bộ bị đào hoặc ảnh hưởng do thi công công trình thiết yếu;</p> <p>+ Đối với công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ, ngoài hồ sơ quy định tại các điểm a và b khoản này phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu đến bề mặt dải phân cách giữa, từ công trình thiết yếu đến mép ngoài dải phân cách giữa;</p> <p>+ Công trình thiết yếu lắp đặt vào cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ có kết cấu phức tạp khác ngoài hồ sơ quy định tại các điểm a và b khoản này phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế;</p>
562.	<p>Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác.</p>	2.001963	Đường bộ	<p>+ Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu (<i>Phụ lục 1a ban hành kèm theo Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT</i>)</p> <p>+ Hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công và biện pháp tổ chức thi công thể hiện phương án thi công, phương án bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng, an toàn giao thông và tổ chức giao thông đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bản chính). Nội dung bản vẽ thiết kế thi công thể hiện quy mô công trình, hạng mục công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ Bản vẽ thiết kế của dự án đầu tư, hồ sơ thiết kế công trình thiết yếu (thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công), báo cáo kinh tế - kỹ thuật bao gồm các thông tin về vị trí và lý trình công trình đường bộ tại nơi xây dựng công trình thiết yếu; bản vẽ thể hiện diện tích, kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; bản vẽ thể hiện mặt đứng và khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình</p>

				<p>thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ, khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ; bộ phận công trình đường bộ phải đào, khoan khi xây dựng công trình thiết yếu; thiết kế kết cấu và biện pháp thi công hoàn trả công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ bị đào hoặc ảnh hưởng do thi công công trình thiết yếu;</p> <p>+ Đối với công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ, ngoài hồ sơ quy định tại các điểm a và b khoản này phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu đến bề mặt dải phân cách giữa, từ công trình thiết yếu đến mép ngoài dải phân cách giữa;</p> <p>+ Công trình thiết yếu lắp đặt vào cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ có kết cấu phức tạp khác ngoài hồ sơ quy định tại các điểm a và b khoản này phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế</p>
563.	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác.	2.001919	Đường bộ	<p>+ Đơn đề nghị cấp phép thi công xây dựng các công trình thiết yếu (<i>Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT</i>);</p> <p>+ Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền;</p> <p>+ Hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công và biện pháp tổ chức thi công thể hiện phương án thi công, phương án bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng, an toàn giao thông và tổ chức giao thông đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bản chính). Nội dung bản</p>

				<p>vẽ thiết kế thi công thể hiện quy mô công trình, hạng mục công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Hồ sơ, bản vẽ thiết kế của dự án đầu tư hoặc hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình có đầy đủ các thông tin sau: vị trí, lý trình đường bộ xây dựng công trình thiết yếu; kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ; khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ; Biện pháp tổ chức thi công thể hiện phương án thi công phương án bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng, an toàn giao thông và tổ chức giao thông;</p> <p>+ Đối với công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu đến mặt đất, từ công trình thiết yếu đến mép ngoài dải phân cách giữa.</p> <p>+ Công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế</p>	
564.	Gia hạn Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác.	2.001915	Đường bộ	<p>- Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của chủ công trình theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo;</p> <p>- Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của Sở GTVT (đối với trường hợp đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu)</p>	

				- Giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu của Sở GTVT (đối với trường hợp đề nghị gia hạn Giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu)
565.	Chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác.	1.009620	Đường bộ	+ Đơn đề nghị xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường địa phương và quốc lộ được ủy thác quản lý (<i>Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT</i>); + Hồ sơ thiết kế trong đó có bình đồ, trắc dọc, trắc ngang vị trí đoạn tuyến có xây dựng công trình. Nếu hồ sơ là hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, đối với công trình thiết yếu xây lấp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác, phải có Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế (bản sao có công chứng)
566.	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác.	1.001035	Đường bộ	+ Đơn đề nghị cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường địa phương và quốc lộ được ủy thác quản lý (<i>Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT</i>); + Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền; + Bản thiết kế bản vẽ thi công, trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt
567.	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh.	1.001046	Đường bộ	+ Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (<i>Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT</i>); + Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; hoặc văn bản thỏa thuận của Bộ Giao thông vận tải cho phép đầu

				<p>nối đường nhánh vào quốc lộ đối với các trường hợp quốc lộ chưa có quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ được phê duyệt);</p> <p>+ Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tổ chức, cá nhân làm chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao;</p> <p>+ Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập</p>	
568.	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh.	1.001061	Đường bộ	<p>+ Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (<i>Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT</i>);</p> <p>+ Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế nút giao của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền;</p> <p>+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt</p>	
569.	Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh.	1.000583	Đường bộ	<p>- Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào tuyến quốc lộ (QL.13 và QL.14C) và hệ thống đường tỉnh, đường quy hoạch đường tỉnh của chủ công trình theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo;</p> <p>- Văn bản chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào tuyến quốc lộ (QL.13 và QL.14C) và hệ thống đường tỉnh, đường quy hoạch đường tỉnh của Sở GTVT.</p>	

570.	Cấp phép thi công công trình quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác.	1.001087	Đường bộ	<ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (<i>Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT</i>); + Văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền; + Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính). 	
571.	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh.	1.000314	Đường bộ	<ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối tạm thời có thời hạn, trong đó nêu rõ lý do, vị trí, lý trình điểm đầu nối, thời gian sử dụng điểm đầu nối tạm thời (<i>Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT</i>) + Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tổ chức, cá nhân làm chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao; + Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính). + Văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về hiện trạng đoạn tuyến có điểm thỏa thuận đầu nối tạm thời, ảnh hưởng đến an toàn giao thông nếu mở điểm đầu nối tạm thời, đề xuất phương án xử lý; + Bản vẽ bình đồ đoạn tuyến có điểm đầu nối tạm thời và phương án tổ chức giao thông của nút giao. 	
572.	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo	1.009972	Đường bộ	- Văn bản pháp lý:	

	<p>cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.</p>			<ul style="list-style-type: none"> + Tờ trình thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh theo Mẫu số 01 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; + Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác); + Quyết định lựa chọn phương án thiết kế thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có); + Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án; + Báo cáo tổng hợp về hồ sơ trình thẩm định của chủ đầu tư; + Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có); + Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có); + Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị; + Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có). - Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư: + Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án; + Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi; + Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh; - Hồ sơ năng lực của các nhà thầu: 	
--	--	--	--	---	--

				<ul style="list-style-type: none"> + Thông tin năng lực của nhà thầu tư vấn khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở; + Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế. 	
573.	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.	1.009973	Đường bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản pháp lý: + Tờ trình đề nghị thẩm định thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán (Phụ lục 01-Biểu mẫu 04 ban hành kèm theo Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng); + Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; + Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng; + Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có); + Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có); + Báo cáo tổng hợp về hồ sơ trình thẩm định của chủ đầu tư; + Các văn bản khác có liên quan. - Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán: + Hồ sơ khảo sát xây dựng; + Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ; 	

				<ul style="list-style-type: none"> + Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách. - Hồ sơ năng lực của các nhà thầu: + Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình; + Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có); + Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế. 	
574.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	1.009442	Đường thủy nội địa	<ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa theo mẫu; + Bản sao văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của cơ quan có thẩm quyền (nếu có); + Hồ sơ thiết kế sơ bộ luồng đường thủy nội địa. 	
575.	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	1.009447	Đường thủy nội địa	Đơn đề nghị đóng bến thủy nội địa của chủ bến thủy nội địa.	
576.	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa.	1.009451	Đường thủy nội địa	<ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị thỏa thuận thiết lập báo hiệu theo mẫu. + Sơ đồ dự kiến vị trí báo hiệu. 	
577.	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương.	1.009459	Đường thủy nội địa	<ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị công bố mở luồng đường thủy nội địa theo mẫu. + Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng, bản vẽ hoàn công công trình luồng, hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa đối với luồng có dự án đầu tư xây dựng mới hoặc luồng được cải tạo, nâng cấp; + Bình đồ hiện trạng luồng đề nghị công bố thể hiện địa danh, lý trình, vị trí báo hiệu, các công 	

				trình hiện có trên luồng đối với luồng không có dự án đầu tư xây dựng.	
578.	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng.	1.009460	Đường thủy nội địa	+ Đơn đề nghị công bố đóng luồng đường thủy nội địa theo mẫu; + Phương án thu hồi báo hiệu đường thủy nội địa do cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý luồng lập.	
579.	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng.	1.009461	Đường thủy nội địa	Đơn đề nghị công bố thông báo luồng theo mẫu	
580.	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa.	1.009463	Đường thủy nội địa	+ Đơn đề nghị thỏa thuận xây dựng công trình theo mẫu; + Bản vẽ mặt cắt công trình thể hiện trên mặt cắt ngang sông. + Bản vẽ khu vực xây dựng công trình trên hệ tọa độ quốc gia VN2000, hệ cao độ nhà nước. Trên bản vẽ thể hiện vị trí công trình và cao độ tự nhiên, địa hình, địa vật của sông, kênh đối với khu vực xây dựng công trình, các công trình liền kề (nếu có) và các tài liệu sau: • Đối với cầu vĩnh cửu, cầu tạm: số liệu về kích thước khoang thông thuyền (vị trí, chiều rộng, chiều cao tính không); mặt cắt dọc công trình thể hiện trên mặt cắt ngang sông, kênh; • Đối với cầu quay, cầu cát, cầu phao, cầu nâng hạ, công trình thủy điện kết hợp giao thông: số liệu về khoang thông thuyền (vị trí, chiều rộng, chiều cao tính không, chiều dài, độ sâu ngưỡng âu); phương án và công nghệ đóng, mở; bản vẽ thiết kế	

			<p>vị trí, vùng nước dự kiến bố trí cho phương tiện neo đậu khi chờ đợi qua công trình;</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đối với đường ống, đường dây, công trình vượt qua luồng trên không: bản vẽ, các số liệu về chiều cao tính không, thể hiện điểm cao nhất của đường ống, đường dây (điểm thấp nhất của đường dây điện, tính cả hành lang an toàn lưới điện), công trình vượt qua luồng; • Đối với công trình ngầm, đường dây, đường ống dưới đáy luồng: bản vẽ thể hiện khoảng cách, cao trình đỉnh công trình đến cao trình đáy thiết kế luồng, phạm vi luồng và hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa; • Đối với công trình đập, thủy điện, thủy lợi: bình đồ và bản vẽ khu vực cảng, bến thủy nội địa hoặc khu vực chuyển tải tại thượng lưu và hạ lưu công trình; phương án bốc xếp, chuyển tải; • Đối với công trình phục vụ quốc phòng, an ninh; công trình phong điện, nhiệt điện; bến phà, kè: bản vẽ thể hiện mặt bằng khu vực cảng; công trình kè, chỉnh trị khác; kích thước, kết cấu các cầu cảng, kè, công trình chỉnh trị khác và các công trình phụ trợ; vùng nước của cảng. <p>* Đối với các hoạt động : Hoạt động thi công công trình (bao gồm hoạt động nạo vét vùng nước bến thủy nội địa, khu neo đậu); khai thác tài nguyên, khoáng sản; Khu vực nuôi trồng thủy sản (bè cá,</p>
--	--	--	--

				<p>lồng cá, đặng, đáy cá, bãi nuôi trồng thủy sản); tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí, diễn tập, thể thao, lễ hội; họp chợ, làng nghề, thực hành đào tạo nghề, hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị thỏa thuận theo mẫu; - Bản vẽ thể hiện phạm vi khu vực hoạt động, phạm vi luồng và hành lang bảo vệ luồng, khoảng cách đến các công trình liên quan ở khu vực và phương án bố trí báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa; - Bản vẽ các mặt cắt ngang và hồ sơ mốc để xác định phạm vi, cao trình nạo vét, khai thác tài nguyên, khoáng sản (đối với hoạt động nạo vét cải tạo vùng nước bên thủy nội địa, luồng chuyên dùng vào bến thủy nội địa, khu neo đậu; khai thác tài nguyên, khoáng sản). 	
581.	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa.	1.009464	Đường thủy nội địa	<p>+ Văn bản đề nghị công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa (ghi rõ vị trí, thời gian hạn chế thi công).</p> <p>+ Phương án đảm bảo đảm an toàn giao thông được phê duyệt.</p>	
582.	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông.	1.009465	Đường thủy nội địa	<p>+ Đơn đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông theo mẫu;</p> <p>+ Phương án thi công, thời gian, tiến độ thi công công trình, tổ chức hoạt động;</p> <p>+ Phương án bảo đảm an toàn giao thông;</p>	

				+ Bản sao bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể của công trình, phạm vi khu vực tổ chức thi công công trình, tổ chức hoạt động.	
583.	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	1.002883	Đường bộ	+ Giấy đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác theo mẫu (Phụ lục 5 của Thông tư 48/2012/TT-BGTVT). + Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật các công trình xây dựng, cải tạo trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước; bản chính). + Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước; bản chính). + Biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước; bản chính). + Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn này với các công trình của trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước; bản chính). + Báo cáo kết quả hoạt động theo mẫu (Phụ lục 6 của Thông tư 48/2012/TT-BGTVT)	

VIII. Thủ tục hành chính do Sở Y tế quản lý

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
584.	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y,	1.012259. 000.00.00.H10	Khám chữa bệnh	- Văn bản xác nhận đạt kết quả tại kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh - Giấy phép hành nghề đã được thừa nhận theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP	

	đinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng				
585.	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1.012265. 000.00.00.H10	Khám chữa bệnh	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã được cấp (nếu có)	
586.	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1.012269. 000.00.00.H10	Khám chữa bệnh	Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã được cấp	
587.	Điều chỉnh giấy phép hành nghề	1.012270. 000.00.00.H10	Khám chữa bệnh	- Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã được cấp - Bản sao hợp lệ văn bằng đào tạo chuyên khoa theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP	
588.	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	1.012271. 000.00.00.H10	Khám chữa bệnh	Bản sao hợp lệ của một trong các giấy tờ sau đây: - Giấy chứng nhận là lương y do cơ quan có thẩm quyền cấp; - Giấy chứng nhận là người có bài thuốc gia truyền do cơ quan có thẩm quyền cấp; - Giấy chứng nhận là người có phương pháp chữa bệnh gia truyền do cơ quan có thẩm quyền cấp.	
589.	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	1.012272. 000.00.00.H10	Khám chữa bệnh	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã được cấp	
590.	Gia hạn giấy phép hành nghề	1.0012273.000.00.	Khám chữa	- Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã được cấp	

	đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	00.H10	bệnh		
591.	Thu hồi giấy phép hành nghề trong trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 Luật Khám bệnh, chữa bệnh	1.012276.000.00.0 0.H10	Khám chữa bệnh	- Bản gốc Giấy phép hành nghề	
592.	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	1.012278000.00.00 .H10	Khám chữa bệnh	- Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc văn bản có tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài - Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề và giấy xác nhận quá trình hành nghề theo Mẫu 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP	
593.	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	1.012279.000.00.0 0.H10	Khám chữa bệnh	Bản sao bị mất hoặc bản gốc giấy phép hoạt động bị hư hỏng (nếu có)	
594.	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	1.012280.000.00.0 0.H10	Khám chữa bệnh	Bản gốc giấy phép hoạt động	
595.	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	1.012281.000.00.0 0.H10	Khám chữa bệnh	Bản sao hợp lệ giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	
596.	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	1.012260.000.00.0 0.H10	Khám chữa bệnh	Bản sao hợp lệ Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở	
597.	Cho phép thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	1.012261.000.00.0 0.H10	Khám chữa bệnh	Bản sao hợp lệ Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở	

598.	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1.012289.000.00.0 0.H10	Khám chữa bệnh	- Bản sao hợp lệ văn bằng chuyên môn hoặc giấy phép hành nghề đã được thừa nhận theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP - Bản sao hợp lệ của một trong các văn bằng đào tạo chuyên khoa theo quy định tại điểm b, c, d, đ hoặc e khoản 1 Điều 127 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP (không áp dụng đối với trường hợp văn bằng chuyên khoa đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế
599.	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1.012290.000.00.0 0.H10	Khám chữa bệnh	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã được cấp (nếu có)
600.	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1.012291.000.00.0 0.H10	Khám chữa bệnh	Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã được cấp
601.	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển	1.012292.000.00.0 0.H10	Khám chữa bệnh	- Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã cấp.

	tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng			- Bản sao hợp lệ văn bằng đào tạo hoặc chứng chỉ đào tạo chuyên khoa	
602.	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TTBYT ngày 12 tháng 3 năm 2024.	1.012415. 000.00.00. H10	Y, dược cổ truyền	- Bản sao hợp pháp các chứng chỉ học phần theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024. - Bản sao hợp pháp bằng tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc tương đương đối với người sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 1960 trở về sau.	
603.	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TTBYT ngày 12 tháng 3 năm 2024.	1.012416. 000.00.00. H10	Y, dược cổ truyền	- Bản sao hợp pháp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề được cấp theo quy định của Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân có phạm vi hành nghề khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền. - Bản xác nhận quá trình khám bệnh, chữa bệnh của Trưởng Trạm y tế xã hoặc của người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024. - Bản sao hợp pháp kết quả kiểm tra sát hạch theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024	
604.	Cấp lại giấy chứng nhận lương y theo quy định tại Thông tư số 02/2024/TTBYT ngày 12 tháng 3 năm 2024.	1.012417. 000.00.00. H10	Y, dược cổ truyền	- Bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đã được cấp (nếu có)	
605.	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền y	1.012418. 000.00.00. H10	Y, dược cổ truyền	- Bản sao hợp pháp giấy tờ chứng minh quyền sở hữu bài thuốc gia truyền, phương pháp chữa bệnh gia truyền.	

	theo quy định tại Thông tư số 02/2024/TTBYT ngày 12 tháng 3 năm 2024.				
606.	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền y theo quy định tại Thông tư số 02/2024/TTBYT ngày 12 tháng 3 năm 2024.	1.012419. 000.00.00.H10	Y, dược cổ truyền	- Bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đã được cấp (nếu có)	
607.	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng	1.006780. 000.00.00.H10	Khám chữa bệnh		
608.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.002464. 000.00.00.H10	Khám chữa bệnh		
609.	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	1.003332. 000.00.00.H10	An toàn thực phẩm	- Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế (bản chính hoặc bản sao chứng thực); - Bảng chứng khoa học chứng minh công dụng của sản phẩm hoặc của thành phần tạo nên công dụng đã công bố (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân). Khi sử dụng bằng chứng khoa học về công dụng thành phần của sản phẩm để làm công dụng cho sản phẩm thì liệu sử dụng hàng ngày	

				<p>của sản phẩm tối thiểu phải lớn hơn hoặc bằng 15% lượng sử dụng thành phần đó đã nêu trong tài liệu;</p> <p>- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong trường hợp cơ sở thuộc đối tượng phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định (bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân);</p> <p>- Các tài liệu trong hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm phải được thể hiện bằng tiếng Việt; trường hợp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt và được công chứng. Tài liệu phải còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm.</p>
610.	<p>Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi</p>	<p>1.003348. 000.00.00.H10</p>	<p>An toàn thực phẩm</p>	<p>- Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale) hoặc Giấy chứng nhận xuất khẩu (Certificate of Exportation) hoặc Giấy chứng nhận Y tế (Health of Certificate) của cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ/ xuất khẩu cấp có nội dung bảo đảm an toàn cho người sử dụng hoặc được bán tự do tại thị trường của nước sản xuất/ xuất khẩu (hợp pháp hóa lãnh sự).</p> <p>- Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế (<i>bản chính hoặc bản sao chứng thực</i>);</p>

				<p>- Bảng chứng khoa học chứng minh công dụng của sản phẩm hoặc của thành phần tạo nên công dụng đã công bố (<i>bản chính hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân</i>). Khi sử dụng bảng chứng khoa học về công dụng thành phần của sản phẩm để làm công dụng cho sản phẩm thì liều sử dụng hàng ngày của sản phẩm tối thiểu phải lớn hơn hoặc bằng 15% lượng sử dụng thành phần đó đã nêu trong tài liệu;</p> <p>Các tài liệu trong hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm phải được thể hiện bằng tiếng Việt; trường hợp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt và được công chứng. Tài liệu phải còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm</p>
611.	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng	1.001386. 000.00.00.H10	Y tế dự phòng	<p>- Giấy chứng tử (trong trường hợp bị tử vong)</p> <p>- Giấy ra viện, hóa đơn thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, vận chuyển bệnh nhân (<i>bản chính hoặc bản sao có chứng thực</i>)</p>
612.	Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện	1.004488. 000.00.00.H10	Y tế dự phòng	Bản sao quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao giấy chứng nhận đầu tư hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác của cơ sở
613.	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.	1.012096. 000.00.00. H10	Y tế dự phòng	<p>- Bản chính hoặc bản sao kết quả xét nghiệm HIV âm tính;</p> <p>- Bản chính hoặc bản sao kết quả xét nghiệm HIV dương tính của nguồn gây phơi nhiễm HIV (nếu có).</p>
614.	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.	1.012097. 000.00.00. H10	Y tế dự phòng	- Bản chính hoặc bản sao một trong các giấy tờ sau: kết quả xét nghiệm HIV dương tính, tóm tắt hồ sơ bệnh án của người nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.
615.	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp	1.004616. 000.00.00.H10	Dược phẩm	<p>- Bản sao có chứng thực văn bằng chuyên môn</p> <p>- Lý lịch tư pháp.</p>

	cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ				
616.	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	1.004604. 000.00.00.H10	Dược phẩm	- Bản chính hoặc bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề dược đã được cấp (nếu có)	
617.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	1.004599. 000.00.00.H10	Dược phẩm	- Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề dược đã được cấp (nếu có)	
618.	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	1.004596. 000.00.00.H10	Dược phẩm	- Bản chính chứng chỉ hành nghề dược đã được cấp (nếu có)	
619.	Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	1.004593. 000.00.00.H10	Dược phẩm	- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở. - Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược	
620.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh	1.004585. 000.00.00.H10	Dược phẩm	- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở.	

	doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh, thay đổi địa điểm kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)			- Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược	
621.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	1.004576. 000.00.00.H10	Dược phẩm	Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đã được cấp	
622.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	1.004571. 000.00.00.H10	Dược phẩm	Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đã được cấp	
623.	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức	1.003963. 000.00.00.H10	Dược phẩm	- Mẫu nhãn và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc hiện hành đã được Bộ Y tế phê duyệt (Bản sao);	

	hội thảo giới thiệu thuốc			- Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của công ty nước ngoài tại Việt Nam đối với cơ sở nước ngoài đứng tên đề nghị xác nhận nội dung thông tin thuốc (Bản sao có chứng thực) hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với cơ sở kinh doanh dược của Việt Nam đứng tên đề nghị xác nhận nội dung thông tin thuốc (Bản sao có đóng dấu của cơ sở đề nghị xác nhận nội dung thông tin thuốc) Miễn nộp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược do Bộ Y tế cấp đối với cơ sở kinh doanh dược của Việt Nam đứng tên đề nghị xác nhận nội dung thông tin thuốc.	
624.	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc	1.001893. 000.00.00.H10	Dược phẩm	- Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ký, đóng dấu xác nhận của cơ sở đó; - Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ sơ cấp dược trở lên của người chịu trách nhiệm chuyên môn; Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở. - Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược	
625.	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	1.003001. 000.00.00.H10	Dược phẩm	Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở. - Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược	
626.	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	1.002952. 000.00.00.H10	Dược phẩm	- Bản chính Giấy đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP).	
627.	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc	1.002258. 000.00.00.H10	Dược phẩm	- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở. - Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược	
628.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.002399. 000.00.00.H10	Dược phẩm	- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở. Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược	

629.	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu.	1.009566. 000.00.00.H10	Mỹ phẩm	- Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
630.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	1.003055. 000.00.00.H10	Mỹ phẩm	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài;
631.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	1.003064. 000.00.00.H10	Mỹ phẩm	- Bản gốc Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm
632.	Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	1.003073. 000.00.00.H10	Mỹ phẩm	- Bản gốc Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm
633.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	1.002483. 000.00.00.H10	Mỹ phẩm	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài
634.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	1.000990. 000.00.00.H10	Mỹ phẩm	- Bản sao giấy xác nội dung quảng cáo đã cấp (nếu có)

IX. Thủ tục hành chính do Sở Khoa học và Công nghệ quản lý

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
635.	Thủ tục Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	2.002385.000.00.H10	An toàn bức xạ và hạt nhân	Phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế theo mẫu.	
636.	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	2.002380.000.00.H10	An toàn bức xạ và hạt nhân	+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ theo mẫu. + Bản sao của một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập tổ chức, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư,	

				<p>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Các loại giấy tờ khác có giá trị tương đương. Trường hợp giấy tờ bị thất lạc phải có xác nhận của cơ quan ban hành hoặc cấp loại giấy tờ đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phiếu khai báo nhân viên bức xạ và người phụ trách an toàn theo mẫu. + Bản sao Chứng chỉ nhân viên bức xạ của người phụ trách an toàn. Trường hợp người phụ trách an toàn chưa có chứng chỉ, phải nộp hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ theo quy định tại Điều 35 của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP cùng hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ. + Bản sao Giấy chứng nhận đào tạo an toàn bức xạ của nhân viên bức xạ. + Phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế theo mẫu. + Bản sao tài liệu của nhà sản xuất có thông tin về thiết bị X-quang chẩn đoán y tế như trong phiếu khai báo. Trường hợp không có tài liệu của nhà sản xuất về các thông tin này, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép phải nộp kết quả xác định thông số kỹ thuật của thiết bị. + Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị X-quang chẩn đoán y tế. + Báo cáo đánh giá an toàn chứng minh đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ Quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. Báo cáo đánh giá an toàn thực hiện theo Mẫu. + Bản sao Biên bản kiểm xạ. + Kế hoạch ứng phó sự cố theo mẫu. 	
--	--	--	--	---	--

637.	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	2.002381.000.00.H10	An toàn bức xạ và hạt nhân	<ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ theo mẫu. + Bản sao Giấy phép đã được cấp và sắp hết hạn. + Kết quả đo liều kế cá nhân trong thời gian hiệu lực của giấy phép đề nghị gia hạn. + Bản sao kết quả kiểm xạ. + Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị. + Phiếu khai báo đối với nhân viên bức xạ hoặc người phụ trách an toàn bức xạ theo mẫu (nếu có thay đổi so với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép gần nhất); + Báo cáo đánh giá an toàn bức xạ theo mẫu (nếu có thay đổi so với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép gần nhất). 	
638.	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	2.002382.000.00.H10	An toàn bức xạ và hạt nhân	<ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ theo mẫu. + Bản gốc Giấy phép. + Các văn bản xác nhận thông tin sửa đổi cho các trường hợp thay đổi tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax. + Bản sao hợp đồng chuyển nhượng đối với trường hợp giảm số lượng thiết bị bức xạ do chuyển nhượng. + Các văn bản chứng minh các thông tin về thiết bị bức xạ trong giấy phép đã cấp khác với thông tin thiết bị bức xạ trên thực tế và cần hiệu đính. 	
639.	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	2.002383.000.00.H10	An toàn bức xạ và hạt nhân	<ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ theo mẫu. + Bản gốc giấy phép cần bổ sung. + Phiếu khai báo thiết bị bức xạ mới theo mẫu đối với trường hợp bổ sung thiết bị bức xạ; kèm theo bản sao tài liệu của nhà sản xuất cung cấp các thông tin như trong phiếu khai báo. 	

				<ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo đánh giá an toàn đối với công việc bức xạ bổ sung theo mẫu. + Bản sao Chứng chỉ nhân viên bức xạ của nhân viên trong trường hợp nhân viên đảm nhiệm công việc bức xạ được bổ sung yêu cầu phải có Chứng chỉ nhân viên bức xạ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Năng lượng nguyên tử (Trường hợp chưa có chứng chỉ, phải nộp hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ theo quy định tại Điều 35 của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP cùng hồ sơ đề nghị bổ sung giấy phép). 	
640.	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	2.002384. 000.00.H10	An toàn bức xạ và hạt nhân	<ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép tiến hành công việc bức xạ theo mẫu. + Trường hợp giấy phép bị rách, nát: Bản gốc giấy phép bị rách, nát. 	
641.	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	2.002379. 000.00.H10	An toàn bức xạ và hạt nhân	<ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ theo mẫu. + Bản sao văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhiệm. + Giấy chứng nhận đào tạo an toàn bức xạ. + Phiếu khám sức khỏe tại cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên được cấp không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ. + 03 ảnh cỡ 3 cm x 4 cm trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện; tệp tin ảnh cỡ 3 cm x 4 cm trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến. 	
642.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (cấp tỉnh)	2.002278. 000.00.00.H10	Hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (theo Mẫu); - Văn bản xác nhận, công nhận kết quả khoa học và công nghệ của cơ quan có thẩm quyền (Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền), thuộc một trong các văn bản sau: + Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ 	

				<ul style="list-style-type: none"> + Quyết định công nhận giống cây trồng mới, giống vật nuôi mới, giống thủy sản mới, giống cây lâm nghiệp mới, tiến bộ kỹ thuật; + Bằng chứng nhận giải thưởng đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ đã đạt được các giải thưởng về khoa học và công nghệ do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chủ trì, phối hợp tổ chức xét tặng giải thưởng hoặc đồng ý cho tổ chức xét tặng giải thưởng; + Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; Giấy xác nhận hoặc giấy thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước; + Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; + Các văn bản xác nhận, công nhận khác có giá trị pháp lý tương đương. - Phương án sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ (theo Mẫu).
643.	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	2.001525. 000.00.00.H10	Hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (theo Mẫu số 04); - Đối với trường hợp thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp: Văn bản, tài liệu chứng minh về việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp; - Đối với trường hợp bổ sung danh mục sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ: <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản xác nhận, công nhận kết quả khoa học và công nghệ của cơ quan có thẩm quyền (Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền) thuộc một trong các văn bản đã quy định; + Phương án sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ (theo Mẫu

644.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyên giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của bộ khoa học và công nghệ)	2.002248. 000.00.00.H10	Hoạt động khoa học và công nghệ	số 02). + Văn bản đề nghị đăng ký chuyên giao công nghệ; + Bản gốc hoặc Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền văn bản giao kết chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt hoặc bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với văn bản giao kết chuyển giao công nghệ bằng tiếng nước ngoài; + Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép kinh doanh...) của các bên tham gia chuyển giao công nghệ; + Giấy xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện các bên tham gia hợp đồng; + Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền Văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với chuyển giao công nghệ có sử dụng vốn nhà nước; + Giấy ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ).
645.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của bộ khoa học và công nghệ)	2.002249. 000.00.00.H10	Hoạt động khoa học và công nghệ	+ Văn bản đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; + Bản gốc hoặc Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt hoặc bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ bằng tiếng nước ngoài; + Trong trường hợp trước ngày 01/7/2018, tổ chức, cá nhân chưa đăng ký hợp đồng chuyển giao công

				<p>nghệ hoặc đã đăng ký tại cơ quan không phải là cơ quan mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ: Bản gốc hoặc Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt được gia hạn, sửa đổi, bổ sung hoặc bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng nước ngoài được gia hạn, sửa đổi, bổ sung;</p> <p>+ Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép kinh doanh...) của các bên tham gia chuyển giao công nghệ; bản sao chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) (đối với cá nhân).</p> <p>+ Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với chuyển giao công nghệ có sử dụng vốn nhà nước;</p> <p>+ Bản gốc hoặc Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền Giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ).</p>
646.	<p>Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của bộ khoa học và công nghệ)</p>	<p>2.002544. 000.00.00.H10</p>	<p>Hoạt động khoa học và công nghệ</p>	<p>- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận chuyên gia công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg;</p> <p>- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt hoặc bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với văn bản thỏa thuận bằng tiếng</p>

				<p>nước ngoài;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh nội dung chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao trong văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg; - Bản sao văn bằng bảo hộ hoặc đơn đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp (trong trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ), giấy chứng nhận chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (trong trường hợp có chuyển giao quyền đối với đối tượng sở hữu công nghiệp); - Báo cáo triển khai hoạt động chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo nội dung trong văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ có xác nhận của đầy đủ các bên tham gia chuyển giao công nghệ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg; - Bản sao một trong các giấy tờ sau: Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương của các bên tham gia chuyển giao công nghệ.
647.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của bộ khoa học và công nghệ)	2.002546. 000.00.00.H10	Hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg; - Bản chính Giấy chứng nhận; - Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ sửa đổi, bổ sung bằng tiếng Việt hoặc bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với văn bản thỏa

				<p>thuận bằng tiếng nước ngoài;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh nội dung chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao trong văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg; - Bản sao văn bằng bảo hộ hoặc đơn đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp (trong trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ), giấy chứng nhận chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (nếu có bổ sung); - Báo cáo triển khai hoạt động chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo nội dung trong văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg.
648.	<p>Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của bộ khoa học và công nghệ)</p>	<p>2.002548. 000.00.00.H10</p>	<p>Hoạt động khoa học và công nghệ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg; - Bản chính Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị mất); - Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương của các bên tham gia chuyển giao công nghệ (nếu thay đổi tên, địa chỉ của các bên tham gia chuyển giao công nghệ).
649.	<p>Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ</p>	<p>2.001179. 000.00.00.H10</p>	<p>Hoạt động khoa học và công nghệ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị xác nhận. - Thuyết minh về hàng hóa thuộc Danh mục hoặc đáp ứng tiêu chí theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh

				<p>ngành khoa học và công nghệ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng ủy thác (Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền) hoặc các tài liệu khác liên quan để xác định giao dịch mua bán, nhập khẩu. - Ngoài các tài liệu trên, tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nộp các giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu có); + Danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ (đối với trường hợp đề nghị xác nhận hàng hóa là máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ).
650.	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	1.011812. 000.00.00.H10	Hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân theo mẫu BM I.1 tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BKHCHN; - Bản cam kết về quyền sở hữu hợp pháp đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (Đối với trường hợp không có tài liệu chứng minh) theo mẫu BM I.2 tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BKHCHN; - Bản mô tả đặc tính, hiệu quả về kỹ thuật, kinh tế - xã hội, môi trường của kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo mẫu BM I.3 tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BKHCHN; - Bản thể hiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát

				<p>triển công nghệ đã được chuyển giao, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn theo mẫu BM I.4 tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN;</p> <p>- Các tài liệu sau (nếu có): Văn bản nhận xét của tổ chức, cá nhân về hiệu quả ứng dụng thực tiễn, giải thưởng, tài liệu về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, tài liệu khác</p>
651.	<p>Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu</p>	<p>1.011814. 000.00.00.H10</p>	<p>Hoạt động khoa học và công nghệ</p>	<p>- Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo mẫu BM II.1 tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN.</p> <p>- Thuyết minh về kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo mẫu BM II.2 tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN.</p> <p>- Bản thể hiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đưa vào ứng dụng, chuyển giao không quá 03 năm (Đối với trường hợp đề nghị hỗ trợ) theo mẫu BM II.3 tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN.</p> <p>- Bản kiến nghị của cơ quan, tổ chức về sự cần thiết mua và phương án quản lý, khai thác, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Đối với trường hợp đề nghị mua) theo mẫu BM II.4 tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN.</p>
652.	<p>Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực</p>	<p>1.011816. 000.00.00.H10</p>	<p>Hoạt động khoa học và công nghệ</p>	<p>- Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực theo mẫu BM II.1 tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN.</p> <p>- Thuyết minh về kết quả nghiên cứu khoa học và</p>

				<p>phát triển công nghệ theo mẫu BM II.2 tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN.</p> <p>- Bản thể hiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đưa vào ứng dụng, chuyên giao không quá 03 năm (Đối với trường hợp đề nghị hỗ trợ) theo mẫu BM II.3 tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN.</p> <p>- Bản kiến nghị của cơ quan, tổ chức về sự cần thiết mua và phương án quản lý, khai thác, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Đối với trường hợp đề nghị mua) theo mẫu BM II.4 tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN.</p>
653.	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên	1.012353. 000.00.00.H10	Hoạt động khoa học và công nghệ	<p>- Văn bản đề nghị xác định công nghệ theo mẫu số 01.pdf tại Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg</p> <p>- Thuyết minh hiện trạng công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư theo mẫu số 02.pdf tại Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg</p> <p>- Chứng thư giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư còn hiệu lực theo mẫu số 03.pdf tại Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg</p>
654.	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	2.001143. 000.00.00.H10	Hoạt động khoa học và công nghệ	<p>+ Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ;</p> <p>+ Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức khác phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ (nếu có);</p> <p>+ Tài liệu khác liên quan đến nhiệm vụ (nếu có);</p>
655.	Thủ tục đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	1.006427. 000.00.00.H10	Hoạt động khoa học và công nghệ	<p>- Đối với trường hợp đặc cách cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ;</p> <p>+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ;</p>

				<ul style="list-style-type: none"> + Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền Bằng khen, Giấy khen, Văn bản cho phép áp dụng của cơ quan có thẩm quyền - Đối với trường hợp không phải là đặc cách cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ: + Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ; + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và các tài liệu liên quan (bản vẽ, thiết kế, sơ đồ, ảnh chụp mẫu sản phẩm, báo cáo phân tích...); + Các tài liệu khác (nếu có) liên quan đến kết quả thực hiện nhiệm vụ (giải thưởng về khoa học và công nghệ, hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, quyết định giao nhiệm vụ...).
656.	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ.	1.002690. 000.00.00.H10	Hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> + Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ; + Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức khác phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ (nếu có); + Tài liệu khác liên quan đến nhiệm vụ (nếu có);
657.	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.011818. 000.00.00.H10	Hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước. - Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ có xác nhận hợp pháp của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu. - Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ. - Dữ liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, tài liệu đa phương tiện, phần mềm (bao gồm mã nguồn và dữ liệu) và các tài liệu khác (nếu có) nghiệm thu chính thức. - Văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có). - Đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp

				(nếu có). - Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu. - Phiếu mô tả công nghệ theo Mẫu 8 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 14/2014/TT-BKHHCN đối với nhiệm vụ KH&CN mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.	
658.	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	1.011820.000.00.0 0. H10	Hoạt động khoa học và công nghệ	- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước theo Mẫu 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN theo Mẫu 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN. - Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có xác nhận của tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ và các báo cáo, tư liệu liên quan khác (nếu có). - Văn bản xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng NSNN của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền	
659.	Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.011819.000.00.0 0. H10	Hoạt động khoa học và công nghệ	Phiếu đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước theo Mẫu 7 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN.	
660.	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	1.011815.000.00.0 0. H10	Hoạt động khoa học và công nghệ	+ Đơn đề nghị Nhà nước mua sáng chế, sáng kiến theo mẫu BM III.1 tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BKHHCN. + Bản thể hiện hiệu quả áp dụng sáng chế, sáng kiến trong thực tiễn và khả năng mở rộng quy mô áp dụng theo mẫu BM III.2 tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BKHHCN.	

				+ Bản kiến nghị của cơ quan, tổ chức về sự cần thiết mua sáng chế, sáng kiến và phương án quản lý, khai thác, chuyển giao theo mẫu BM III.3 tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN.
661.	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	3.000259. 000.00.00. H10	Hoạt động khoa học và công nghệ	- Đơn đăng ký đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ. - Dự thảo Quy chế xét tặng giải thưởng quy định về tên giải thưởng, đối tượng, nguyên tắc, điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục xét tặng giải thưởng, quyền lợi của tổ chức, cá nhân được tặng giải thưởng, thời gian tổ chức xét tặng giải thưởng.
662.	Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ (Cấp Tỉnh)	1.008377. 000.00.00.H10	Hoạt động khoa học và công nghệ	- Phiếu đăng ký xét tiếp nhận vào viên chức; - Bản Sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ; - Lý lịch khoa học của người đề nghị tiếp nhận vào viên chức.
663.	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác (Cấp Tỉnh)	1.008379. 000.00.00.H10	Hoạt động khoa học và công nghệ	- Đơn đề nghị xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác; - Sơ yếu lý lịch của viên chức có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý hồ sơ viên chức; - Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan quản lý viên chức.
664.	Thủ tục xem xét kéo dài thời gian công tác khi đủ tuổi nghỉ hưu cho cá nhân giữ chức danh khoa học, chức danh công nghệ tại tổ chức khoa	2.000461. 000.00.00.H10	Hoạt động khoa học và công nghệ	+ Đơn đề nghị kéo dài thời gian công tác của cá nhân; + Văn bản đề nghị kéo dài thời gian công tác của tổ chức khoa học và công nghệ nơi cá nhân làm việc (trường hợp trình cơ quan có thẩm quyền quyết

	học và công nghệ công lập.			định).	
665.	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ.	2.001137. 000.00.00.H10	Hoạt động khoa học và công nghệ	+ Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ; + Hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ) + Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức khác phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ (nếu có); + Tài liệu khác liên quan đến nhiệm vụ (nếu có);	
666.	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	2.001643. 000.00.00.H10	Hoạt động khoa học và công nghệ	+ Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ; + Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương phối hợp thực hiện nhiệm vụ. + Tài liệu chứng minh quyền sở hữu hợp pháp kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc văn bản cam kết trong trường hợp không có tài liệu chứng minh; + Tài liệu chứng minh quyền sở hữu hợp pháp kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc văn bản cam kết trong trường hợp không có tài liệu chứng minh (Tài liệu là một trong các biểu mẫu: Mẫu 4 (Thông tư 15/2014/TT-BKHCN); Mẫu 11 (Thông tư 11/2014/TT-BKHCN); Phụ lục 6 – GXNKQKHCN (Thông tư 02/2015/TT-BKHCN).	
667.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	1.011937.000.00.0 0. H10	Sở hữu trí tuệ	+ Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (Mẫu số 05 - Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP); + Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên sở hữu công	

				<p>ngành hoạt động cho tổ chức (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực);</p> <p>+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục).</p>	
668.	<p>Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh). Mã số TTHC:</p>	1.011938.000.00.0 0. H10	Sở hữu trí tuệ	<p>+ Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền Trả khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (Mẫu số 06 - Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP);</p> <p>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được sửa đổi của tổ chức giám định sở hữu công nghiệp trong trường hợp có sự thay đổi thông tin của tổ chức (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực), trừ trường hợp trong Trả khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp đã có thông tin về Mã số doanh nghiệp;</p> <p>+ Bản sao quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động hoặc quyết định chấm dứt hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên sở hữu công nghiệp hoạt động cho tổ chức trong trường hợp có sự thay đổi về giám định viên sở hữu công nghiệp (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực);</p> <p>+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục).</p>	
669.	<p>Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)</p>	1.011939.000.00.0 0. H10	Sở hữu trí tuệ	<p>+ Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền Đơn yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp;</p>	

				+ Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền Chứng cứ chứng minh căn cứ đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.
670.	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (cấp tỉnh).	1.001392. 000.00.00.H10	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	- Văn bản đề nghị miễn kiểm tra với các thông tin sau: Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại; đặc tính kỹ thuật; xuất xứ, nhà sản xuất; số lượng, khối lượng nhập khẩu theo đăng ký; đơn vị tính. - Bản sao kết quả đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của 03 lần liên tiếp.
671.	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	2.001209. 000.00.00.H10	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	+ Bản công bố hợp chuẩn. + Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền giấy tờ chứng minh về việc thực hiện sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn (Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc giấy tờ khác theo quy định của pháp luật). + Tiêu chuẩn sử dụng làm căn cứ để công bố. + Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền Giấy chứng nhận hợp chuẩn do tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp kèm theo mẫu dấu hợp chuẩn.
672.	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	2.001207. 000.00.00.H10	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	+ Bản công bố hợp chuẩn. + Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền giấy tờ chứng minh về việc thực hiện sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn (Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật).

				<ul style="list-style-type: none"> + Tiêu chuẩn sử dụng làm căn cứ để công bố. + Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn chưa được tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý (ISO 9001, ISO 22000, HACCP...), thì hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn của tổ chức, cá nhân phải có quy trình sản xuất kèm theo kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng, áp dụng và kế hoạch giám sát hệ thống quản lý. + Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn được tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý (ISO 9001, ISO 22000, HACCP...), thì hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn của tổ chức, cá nhân phải có bản sao y bản chính Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý còn hiệu lực. + Báo cáo đánh giá hợp chuẩn kèm theo bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn của tổ chức thử nghiệm đã đăng ký.
673.	<p>Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.</p>	2.001277. 000.00.00.H10	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	<ul style="list-style-type: none"> + Bản công bố hợp quy. + Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền giấy tờ chứng minh về việc thực hiện sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy (Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập hoặc Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật). + Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy chưa được tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý (ISO 9001, ISO 22000, HACCP...), thì hồ sơ đăng ký công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân phải

				<p>có quy trình sản xuất kèm theo kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng, áp dụng và kế hoạch giám sát hệ thống quản lý.</p> <p>+ Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy được tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý (ISO 9001, ISO 22000, HACCP...), thì hồ sơ đăng ký công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân phải có bản sao y bản chính giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý còn hiệu lực.</p> <p>+ Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy của tổ chức thử nghiệm đã đăng ký.</p> <p>+ Báo cáo đánh giá hợp quy kèm theo mẫu dấu hợp quy và các tài liệu có liên quan; trong quá trình xem xét hồ sơ, nếu cần thiết sẽ xem xét, đối chiếu với bản gốc hoặc yêu cầu bổ sung bản sao có công chứng.</p>
674.	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (cấp tỉnh)	2.001259. 000.00.00.H10	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	<p>+ Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu (Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018).</p> <p>+ Bản sao Hợp đồng, Danh mục hàng hóa (nếu có).</p> <p>+ Bản sao (có xác nhận của người nhập khẩu) vận đơn, hóa đơn, tờ khai hàng hóa nhập khẩu (nếu có).</p> <p>+ Bản sao y bản chính có chứng thực (hoặc bản sao điện tử nếu gửi trực tuyến) của cơ quan có thẩm quyền Chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm) (nếu có).</p> <p>+ Giấy chứng nhận xuất xứ (nếu có).</p> <p>+ Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt</p>

				<p>buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).</p> <p>+ Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có).</p> <p>+ Người nhập khẩu hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng hàng hóa do mình nhập khẩu. Nếu hồ sơ là bản tiếng nước ngoài thì phải gửi kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam; và phải cam kết và chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với bản dịch.</p>
675.	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển, xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	2.001269. 000.00.00.H10	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia theo quy định tại Mẫu số 19 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP; - Báo cáo giới thiệu chung về tổ chức, doanh nghiệp; - Báo cáo tự đánh giá theo 07 tiêu chí của Giải thưởng chất lượng quốc gia; - Tài liệu chứng minh về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp), chứng chỉ hoặc tài liệu liên quan; - Tài liệu chứng minh về sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa chính với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (bản sao y bản chính có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp); - Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt và các kết quả quan trắc hằng năm hoặc báo cáo giám sát môi trường định kỳ theo quy định của pháp luật trong 03 năm gần nhất (bản sao y bản chính có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp); - Xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước và thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động hằng năm trong 03 năm gần nhất

				(bản sao y bản chính có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp); - Bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp), các tài liệu chứng minh khác về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất (nếu có).	
676.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân	2.002253. 000.00.00.H10	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	- Giấy đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá; - Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền Quyết định thành lập hoặc bản sao Giấy phép kinh doanh/Giấy đăng ký hoạt động (đối với tổ chức); - Văn bản, quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép tổ chức giải thưởng (nếu có); - Danh sách cán bộ, nhân viên tham gia tổ chức hoạt động xét tặng giải thưởng (tên, chức danh, trình độ, kinh nghiệm tổ chức hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá, Quyết định tuyển dụng/Hợp đồng lao động); - Kế hoạch và thời gian xét tặng giải thưởng; - Quy chế xét thưởng; - Dự kiến danh sách thành viên Hội đồng xét thưởng (trình độ, chuyên môn); - Báo cáo về khả năng tài chính để bảo đảm tổ chức thành công hoạt động xét tặng giải thưởng, gồm các nội dung sau: dự kiến kinh phí chi cho toàn bộ hoạt động xét tặng giải thưởng, mức chi cho từng hoạt động và nguồn kinh phí sử dụng; - Mẫu hồ sơ mời đăng ký để được xét tặng giải thưởng.	
677.	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh	2.001208.	Tiêu chuẩn đo	- Đơn đăng ký chỉ định đánh giá sự phù hợp theo	

<p>giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận</p>	<p>000.00.00.H10</p>	<p>lượng chất lượng</p>	<p>quy định tại <i>Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 154/2018/NĐ-CP</i>;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận; - Danh sách thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia đánh giá theo quy định tại <i>Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP</i> có Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền chứng chỉ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ; - Danh mục tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình, thủ tục thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng theo quy định tại <i>Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP</i>, có bản sao Quy trình, thủ tục thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng với sản phẩm, hàng hóa, quá trình, môi trường đăng ký chỉ định kèm theo; - Danh mục máy móc, thiết bị thử nghiệm đối với lĩnh vực đăng ký chỉ định (đối với tổ chức thử nghiệm, kiểm định) theo quy định tại <i>Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP</i>, có bản sao Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn còn hiệu lực kèm theo; - Bản sao Chứng chỉ công nhận năng lực thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận do tổ chức công nhận hợp pháp cấp (nếu có); - Bản sao kết quả thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng đối với phương pháp thử của sản phẩm, hàng hóa đăng ký chỉ định (đối với tổ chức thử nghiệm). - Đối với các phép thử không có đơn vị tổ chức thử nghiệm thành thạo hoặc không thể thực hiện so sánh liên phòng do không có phòng thử nghiệm nào
--	----------------------	-------------------------	--

				<p>trong nước phân tích thì phải bổ sung hồ sơ phương pháp thử, xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp thử và chất chuẩn để kiểm soát chất lượng thử nghiệm</p> <p>- Trường hợp tổ chức đánh giá sự phù hợp đồng thời nộp hồ sơ đăng ký hoạt động (theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp) và hồ sơ đăng ký chỉ định thì tổ chức đánh giá sự phù hợp không phải nộp kèm theo các thành phần hồ sơ quy định tại điểm b, c, d, đ, e của khoản 1 Điều 18b Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.</p>	
678.	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định	2.001100. 000.00.00.H10	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	<p>- Đơn đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định theo quy định tại Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP;</p> <p>- Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận; bản sao Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp;</p> <p>- Danh sách thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia đánh giá đối với phạm vi, lĩnh vực đăng ký thay đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, có bản sao Chứng chỉ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ kèm theo;</p> <p>- Danh mục tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng đối với phạm vi, lĩnh vực đăng ký thay đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP có bản sao Quy trình, thủ tục thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng kèm theo;</p>	

				<ul style="list-style-type: none"> - Danh mục máy móc, thiết bị thử nghiệm đối với phạm vi, lĩnh vực đăng ký thay đổi, bổ sung (đối với tổ chức thử nghiệm, kiểm định) theo quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, có bản sao Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm còn hiệu lực kèm theo; - Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền Chứng chỉ công nhận năng lực thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận do tổ chức công nhận hợp pháp cấp (nếu có) đối với phạm vi, lĩnh vực đăng ký thay đổi, bổ sung; - Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền kết quả thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng đối với phương pháp thử của sản phẩm, hàng hóa đăng ký thay đổi, bổ sung (đối với tổ chức thử nghiệm). <p>Đối với các phép thử chưa có điều kiện để thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng do không có phòng thử nghiệm nào trong nước phân tích thì phải bổ sung hồ sơ phương pháp thử, xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp thử và chất chuẩn để kiểm soát chất lượng thử nghiệm.</p>
679.	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (cấp tỉnh)	2.001501. 000.00.00.H10	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại quyết định chỉ định theo quy định tại Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP; - Bản chính Quyết định chỉ định bị hư hỏng (đối với trường hợp quyết định chỉ định bị hư hỏng).
680.	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng.	2.000212. 000.00.00.H10	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn.
681.	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định	1.000449. 000.00.00.H10	Tiêu chuẩn đo lường chất	<ul style="list-style-type: none"> - Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn.

	lượng.		lượng		
X. Thủ tục hành chính do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý					
STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
682.	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	2.001631	Di sản Văn hoá	- Đơn đề nghị đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
683.	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	1.003838	Di sản Văn hoá	- Đơn đề nghị Cấp giấy phép nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể; - Đề án Nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể; - Quyết định (Kết quả).	
684.	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	2.001613	Di sản Văn hoá	- Đơn đề nghị xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập; - Đề án hoạt động bảo tàng; - Văn bản xác nhận (Kết quả).	
685.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	1.003793	Di sản Văn hoá	- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập; - Văn bản xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động bảo tàng của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Quyết định của Chủ tịch UBND (Kết quả).	
686.	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khảo cổ	2.001591	Di sản Văn hoá	- Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai quật khảo cổ của tổ chức chủ trì thăm dò, khai quật khảo cổ; - Quyết định của Chủ tịch UBND (Kết quả).	
687.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	1.003738	Di sản Văn hoá	- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; - Bản sao hợp pháp các văn bằng chuyên môn có liên quan; - Chứng chỉ hành nghề (Kết quả).	

688.	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	1.003646	Di sản Văn hoá	- Văn bản đề nghị công nhận bảo vật quốc gia; - Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Kết quả).
689.	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	1.003835	Di sản Văn hoá	- Đơn đề nghị thẩm định và làm thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia; - Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Kết quả)
690.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	1.001106	Di sản Văn hoá	- Đơn đề nghị; - Danh sách kèm theo lý lịch khoa học; - Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa cơ sở kinh doanh giám định cổ vật và các chuyên gia; - Danh mục trang thiết bị, phương tiện để thực hiện giám định; - Giấy chứng nhận đủ điều kiện (Kết quả).
691.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	1.001123	Di sản Văn hoá	- Đơn đề nghị; - Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật (Kết quả).
692.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	1.001822	Di sản Văn hoá	- Đơn đề nghị; - Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích (Kết quả).
693.	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	1.002003	Di sản Văn hoá	- Đơn đề nghị; - Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích (Kết quả).
694.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	1.003901	Di sản Văn hoá	- Đơn đề nghị; - Giấy chứng nhận hành nghề tu bổ di tích (Kết quả).
695.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	2.001641	Di sản Văn hoá	- Đơn đề nghị; - Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh. - Giấy chứng nhận hành nghề tu bổ di tích (Kết quả).

696.	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim	1.011454	Điện ảnh	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp Giấy phép phân loại phim; - Bản sao văn bản chứng minh quyền sở hữu phim hoặc quyền sử dụng phim hợp pháp; - Giấy phép phân loại phim (Kết quả). 	
697.	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	1.001833	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	<ul style="list-style-type: none"> - Đề án tổ chức, thể lệ cuộc thi; - Trường hợp phối hợp với tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế phải kèm theo văn bản thỏa thuận giữa các bên; - Văn bản trả lời (Kết quả). 	
698.	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1.001809	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép; - Danh sách tác giả, tác phẩm, chất liệu, kích thước tác phẩm, năm sáng tác; - Văn bản của chủ địa điểm (triển lãm ngoài trời); - Giấy mời hoặc văn bản thỏa thuận (trường hợp triển lãm nước ngoài); - Văn bản trả lời (Kết quả). 	
699.	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	1.001778	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp phép; - Bản sao chứng thực hợp đồng sử dụng tác phẩm hoặc văn bản đồng ý của chủ sở hữu tác phẩm mẫu; - Giấy phép (Kết quả). 	
700.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	1.001755	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp phép; - Giấy phép (Kết quả). 	
701.	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1.001738	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép; - Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Thể lệ; - Giấy phép (Kết quả). 	
702.	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1.001704	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam; - Danh sách tác phẩm bằng tiếng Việt; - Văn bản xác nhận địa điểm (đối với triển lãm không phải là nhà triển lãm); - Văn bản thỏa thuận (đối với triển lãm nhiếp ảnh khóa thân); 	

				- Giấy phép (Kết quả).	
703.	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1.001671	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	- Đơn đề nghị cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm; - Danh sách tác phẩm bằng tiếng Việt; - Thư mời, thông báo, sách ảnh, văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng với đối tác nước ngoài đã dịch ra TV; - Văn bản thỏa thuận (đối với triển lãm nhiếp ảnh khỏa thân); - Giấy phép (Kết quả).	
704.	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	1.001229	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm; - Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu; - Văn bản thỏa thuận hoặc thư mời, thông báo, hợp đồng của phía nước ngoài về việc tổ chức triển lãm; - Giấy phép (Kết quả).	
705.	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	1.001211	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm; - Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu; - Văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng thuê, mượn địa điểm triển lãm; - Phương án bảo đảm các điều kiện về trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ; - Giấy phép (Kết quả).	
706.	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	1.001191	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm; - Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung; - Giấy phép (Kết quả).	
707.	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	1.001182	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm; - Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung; - Giấy phép (Kết quả).	

708.	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	1.001147	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	- Thông báo tổ chức triển lãm; - Trường hợp không đồng ý thì có văn bản trả lời (Kết quả).
709.	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	1.009397	Nghệ thuật biểu diễn	- Văn bản đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật; - Kịch bản, danh mục tác phẩm gắn với tác giả, người chịu trách nhiệm chính về nội dung chương trình; - Văn bản chấp thuận (Kết quả).
710.	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	1.009398	Nghệ thuật biểu diễn	- Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan; - Đề án tổ chức cuộc thi, liên hoan; - Văn bản chấp thuận (Kết quả).
711.	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	1.009399	Nghệ thuật biểu diễn	- Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi; - Đề án tổ chức cuộc thi; - Văn bản chấp thuận (Kết quả).
712.	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	1.009403	Nghệ thuật biểu diễn	- Tờ khai về việc ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu; - Phiếu lý lịch tư pháp số 1; - Bản sao giấy mời dự thi kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch; - Văn bản xác nhận (Kết quả).
713.	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội	1.003676	Văn hóa, Quảng	- Văn bản đăng ký nêu rõ tên lễ hội, sự cần thiết,

	cấp tỉnh		cáo	thời gian, địa điểm, quy mô, nội dung hoạt động lễ hội, dự kiến thành phần số lượng khách mời; - Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường; - Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội; - Văn bản chấp thuận hoặc văn bản trả lời nếu không chấp thuận (Kết quả).	
714.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	1.003654	Văn hóa, Quảng cáo	- Tên lễ hội, sự cần thiết về việc tổ chức lễ hội; - Thời gian, địa điểm, quy mô và các hoạt động của lễ hội; - Dự kiến thành phần, số lượng khách mời; - Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội; - Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường. - Văn bản chấp thuận hoặc văn bản trả lời nếu không chấp thuận (Kết quả).	
715.	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	1.001029	Văn hóa, Quảng cáo	- Giấy phép (Kết quả).	
716.	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	1.001008	Văn hóa, Quảng cáo	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường; - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự; - Giấy phép (Kết quả).	
717.	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	1.000963	Văn hóa, Quảng cáo	- Giấy phép điều chỉnh (Kết quả).	
718.	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	1.000922	Văn hóa, Quảng cáo	- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;	

				- Giấy phép điều chỉnh (Kết quả).	
719.	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	1.004650	Văn hóa, Quảng cáo	- Văn bản thông báo sản phẩm quảng cáo ghi rõ nội dung, hình thức, thời gian, địa điểm quảng cáo, số lượng bảng quảng cáo, băng-rôn; - Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo; - Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng bảng quảng cáo; quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng địa điểm quảng cáo đối với băng-rôn; - Giấy phép xây dựng công trình quảng cáo; - Văn bản trả lời (Kết quả).	
720.	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	1.004645	Văn hóa, Quảng cáo	- Văn bản thông báo; - Văn bản trả lời (Kết quả).	
721.	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	1.004639	Văn hóa, Quảng cáo	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài; - Bản sao giấy đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi doanh nghiệp thành lập hoặc đăng ký kinh doanh xác nhận; - Giấy phép (Kết quả).	
722.	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	1.004666	Văn hóa, Quảng cáo	- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài ký theo mẫu do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định; - Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện có chứng thực; - Giấy phép (Kết quả).	
723.	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện	1.004662	Văn hóa, Quảng cáo	- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do người đại diện có thẩm quyền	

	của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam			của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài ký theo mẫu do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định; - Giấy phép (Kết quả).	
724.	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1.003784	Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa	- Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm; - Bản sao vận đơn hoặc giấy báo nhận hàng (nếu có). - Giấy phép nhập khẩu VHP (Kết quả).	
725.	Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh	1.003743	Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa	- Đơn đề nghị giám định văn hóa phẩm xuất khẩu; - Bản sao quyết định cho phép xuất khẩu di vật, cổ vật; - Biên bản giám định và niêm phong VHP (Kết quả).	
726.	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	2.001496	Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa	- Đơn đề nghị Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh; - Văn bản phê duyệt (Kết quả).	
727.	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	1.003560	Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa	- Đơn đề nghị nhập khẩu sản phẩm; - Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các loại giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý có giá trị tương đương khác và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; - Văn bản chấp thuận (Kết quả).	
728.	Thủ tục thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	1.008895	Thư viện	- Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo thành lập thư viện (dành cho thư viện của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở giáo dục) (thư viện ngoài công lập); - Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo thành lập thư viện (dành cho thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam) - Văn bản trả lời (Kết quả).	

729.	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	1.008896	Thư viện	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo sáp nhập/hợp nhất/chia/tách thư viện - Văn bản trả lời (Kết quả).
730.	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	1.008897	Thư viện	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc văn bản thông báo; - Văn bản trả lời (Kết quả).
731.	Thủ tục cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	1.012080	Gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lần đầu giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình; - Dự thảo quy chế hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình; - Bảng giá dịch vụ; - Giấy chứng nhận (Kết quả).
732.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	1.012081	Gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình; - Giấy chứng nhận (Kết quả).
733.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	1.012082	Gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận thành lập cơ sở cung cấp ịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình; - Giấy chứng nhận (Kết quả).
734.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	1.006412	Hợp tác quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị thành lập chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;

				- Báo cáo kết quả hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoặc Giấy phép đến thời điểm đề nghị thành lập chi nhánh; - Giấy Chứng nhận (Kết quả)	
735.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	1.001082	Hợp tác quốc tế	- Đơn đề nghị cấp lại; - Giấy chứng nhận và các tài liệu chứng minh việc thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận; - Giấy Chứng nhận (Kết quả)	
736.	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt	1.001091	Hợp tác quốc tế	- Đơn đề nghị gia hạn; - Báo cáo kết quả hoạt động của chi nhánh kể từ khi có Giấy chứng nhận đến thời điểm đề nghị gia hạn; - Giấy Chứng nhận (Kết quả)	
737.	Thủ tục công nhận điểm du lịch	1.004528	Du lịch	(1) Đơn đề nghị công nhận điểm du lịch (<i>mẫu số 01, phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017</i>). (2) Bản thuyết minh về điều kiện công nhận điểm du lịch.	
738.	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	2.001628	Du lịch	(1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (<i>Mẫu số 04, phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017</i>) (2) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (3) Giấy chứng nhận ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành (4) Bản sao có chứng thực quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành với người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành (5) Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung	

				cấp trở lên chuyên ngành về lễ hành của người phụ trách kinh doanh dịch vụ lễ hành; hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác và phải có bản sao có chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa. Văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.	
739.	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lễ hành nội địa	2.001616	Du lịch	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ lễ hành nội địa (<i>Mẫu số 05, phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017</i>)	
740.	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lễ hành nội địa	2.001622	Du lịch	(1) Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lễ hành nội địa (<i>Mẫu số 05, phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017</i>) (2) Giấy phép kinh doanh dịch vụ lễ hành nội địa của doanh nghiệp (3) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	
741.	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lễ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lễ hành	2.001611	Du lịch	(1) Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lễ hành nội địa (<i>Mẫu số 06, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017</i>) (2) Giấy phép kinh doanh dịch vụ lễ hành nội địa đã được cấp	
742.	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lễ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	2.001589	Du lịch	(1) Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lễ hành nội địa (<i>Mẫu số 06, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017</i>) (2) Giấy phép kinh doanh dịch vụ lễ hành nội địa đã được cấp	

				(3) Quyết định giải thể, biên bản họp của doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp giải thể theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 201 của Luật Doanh nghiệp; Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định giải thể của Tòa án trong trường hợp doanh nghiệp giải thể theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 201 của Luật Doanh nghiệp	
743.	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	1.003742	Du lịch	(1) Quyết định của Tòa án về việc mở thủ tục phá sản (2) Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa đã được cấp	
744.	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	1.001837	Du lịch	(1) Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký (2) Bản sao văn bản của Cơ quan cấp Giấy phép không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (<i>đối với trường hợp Hết thời gian hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà không được Cơ quan cấp Giấy phép đồng ý gia hạn</i>) hoặc bản sao Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Cơ quan cấp Giấy phép (<i>đối với trường hợp Bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện</i>) (3) Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện	
745.	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	1.001440	Du lịch	(1) Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (2) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú	
746.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận	1.004605	Du lịch	Đăng ký tham dự khóa cập nhật kiến thức cho	

	khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế			hướng dẫn viên du lịch (mẫu số 13, phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017)	
747.	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	1.003717	Du lịch	<p>(1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-01, phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 5/7/2016) do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài ký</p> <p>(2) Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài</p> <p>(3) Văn bản của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện</p> <p>(4) Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong năm tài chính gần nhất</p> <p>(5) Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện bao gồm:</p> <p>+ Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện;</p>	

				<p>+ Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định: Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài phải phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam về điều kiện an ninh, trật tự, an toàn vệ sinh lao động và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật; Văn phòng đại diện, Chi nhánh không được cho mượn, cho thuê lại trụ sở.</p> <p><i>Thành phần hồ sơ (2), (3), (4) (đối với trường hợp bản sao hộ chiếu của người đứng đầu Văn phòng đại diện là người nước ngoài) phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài phải được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.</i></p>	
748.	<p>Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện</p>	1.003240	Du lịch	<p>(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (mẫu MĐ-01, phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 5/7/2016).</p> <p>(2) Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện gửi Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi theo quy định</p> <p>(3) Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp</p> <p>(4) Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện nơi chuyển đến:</p> <p>+ Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện;</p>	

				+ Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện: Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài phải phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam về điều kiện an ninh, trật tự, an toàn vệ sinh lao động và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật; Văn phòng đại diện không được cho mượn, cho thuê lại trụ sở	
749.	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	1.003275	Du lịch	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (mẫu MĐ-02, phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 5/7/2016) do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài ký	
750.	Thủ tục điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	1.005161	Du lịch	(1) Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (mẫu MĐ-03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 5/7/2016) (2) Các tài liệu chứng minh về nội dung thay đổi, cụ thể: + Trường hợp điều chỉnh Giấy phép về thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài: Bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài. + Trường hợp điều chỉnh Giấy phép về thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện: Văn bản của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài cử/bỏ nhiệm người đứng đầu mới của Văn	

				<p>phòng đại diện, Chi nhánh; bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện/Chi nhánh; giấy tờ chứng minh người đứng đầu cũ của Văn phòng đại diện, Chi nhánh đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân đến thời điểm thay đổi.</p> <p>+ Trường hợp điều chỉnh Giấy phép về thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện; bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện: Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài phải phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam về điều kiện an ninh, trật tự, an toàn vệ sinh lao động và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật; Văn phòng đại diện không được cho mượn, cho thuê lại trụ sở.</p> <p>(3) Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh</p>	
751.	Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	1.003002	Du lịch	<p>(1) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký</p> <p>(2) Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài</p> <p>(3) Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn</p>	

				<p>bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước trong năm tài chính gần nhất</p> <p>(4) Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp</p> <p><i>Thành phần hồ sơ số (2) phải dịch ra tiếng Việt và được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam. Thành phần hồ sơ số (3) phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định pháp luật Việt Nam</i></p>	
752.	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	1.004628	Du lịch	<p>(1) Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên</p> <p>(2) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú</p> <p>(3) Bản sao có chứng thực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bằng Tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế; <p>(4) Bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành ngoại ngữ; + Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên theo chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài; + Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ở nước ngoài theo chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ 	

				<p>chính thức của nước sở tại. Trường hợp được đào tạo bằng ngôn ngữ khác với ngôn ngữ chính thức của nước sở tại, cần bổ sung giấy tờ chứng minh ngôn ngữ được sử dụng để đào tạo;</p> <p>+ Có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ đạt mức yêu cầu theo quy định tại Phụ lục I Thông tư này còn thời hạn, do tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp.</p> <p>Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.</p>	
753.	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	1.004623	Du lịch	<p>(1) Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên</p> <p>(2) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú</p> <p>(3) Bản sao có chứng thực: Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa</p>	
754.	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	1.001432	Du lịch	<p>(1) Đơn đề nghị đổi thẻ hướng dẫn viên</p> <p>(2) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú</p> <p>(3) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đã qua khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp</p> <p>(4) Thẻ hướng dẫn viên du lịch đã được cấp</p>	
755.	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	1.004614	Du lịch	<p>(1) Đơn đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên</p> <p>(2) Bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan đến nội</p>	

				dung thay đổi trong trường hợp cấp lại thẻ do thay đổi thông tin trên thẻ hướng dẫn viên du lịch	
756.	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	1.003490	Du lịch	(1) Đơn đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh (Mẫu số 02, phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017). (2) Bản thuyết minh về điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh	
757.	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1.004551	Du lịch	(1) Đơn đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định (2) Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	
758.	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1.004503	Du lịch	(1) Đơn đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định (2) Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	
759.	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1.001455	Du lịch	(1) Đơn đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định (2) Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	
760.	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1.004580	Du lịch	(1) Đơn đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định (2) Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	
761.	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1.004572	Du lịch	(1) Đơn đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định (2) Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	
762.	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1-3 sao	1.004594	Du lịch	(1) Đơn đề nghị công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch (phụ lục kèm theo)	

	đối với cơ sở lưu trú du lịch (khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch)			(2) Bảng tự đánh giá chất lượng cơ sở lưu trú du lịch quy định trong Tiêu chuẩn quốc gia về xếp hạng các loại cơ sở lưu trú du lịch (3) Danh sách người quản lý và nhân viên trong cơ sở lưu trú du lịch (4) Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ và giấy chứng nhận thời gian làm việc trong lĩnh vực du lịch của người quản lý, trưởng bộ phận trong cơ sở lưu trú du lịch	
763.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	1.002445	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình các điều kiện kinh doanh; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
764.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	1.002396	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình các điều kiện kinh doanh; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
765.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	1.003441	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị; - Giấy chứng nhận đã được cấp; - Tài liệu chứng minh sự thay đổi; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
766.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	1.000983	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị; - Giấy chứng nhận đã được cấp trường hợp hư, hỏng; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
767.	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.001782	Thẻ dực thể thao	- Đơn xin đăng cai; - Điều lệ giải; - Chương trình thi đấu; - Văn bản hành chính (Kết quả).	
768.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận	1.001782	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;	

	đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga			- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
769.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	1.000936	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
770.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	1.000920	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
771.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	1.001195	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
772.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	1.000904	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
773.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	1.000883	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
774.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	1.000863	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
775.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	1.000847	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
776.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù	1.000830	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;	

	lượn và Điều bay			- Giấy chứng nhận (Kết quả).	
777.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	1.000814	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
778.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thẻ dực thẩm mỹ	1.000644	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
779.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	1.000842	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
780.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thẻ dực thể hình và Fitness	1.005163	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
781.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	2.002188	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
782.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	1.000594	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
783.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	1.000560	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
784.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	1.000544	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	

785.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	1.000518	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
786.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	1.000501	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
787.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	1.000485	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
788.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	1.001801	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
789.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	1.001500	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
790.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	1.005162	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
791.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	1.001517	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
792.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	1.001527		- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
793.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động	1.001056		- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;	

	động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao			- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
XI. Thủ tục hành chính do Ban Dân tộc quản lý					
794.	Thủ tục Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	1.012222.000.00.0 0.H10	Công tác dân tộc	<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản hội nghị dân cư thôn Đề cử người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; - Biên bản họp liên tịch thôn Bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; - Biên bản kiểm tra Kết quả bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín năm - Tổng hợp danh sách bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số năm - Danh sách công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số 	
795.	Thủ tục Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	1.012223 000.00.00.H10	Công tác dân tộc	<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản họp liên tịch thôn Bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; - Biên bản kiểm tra Kết quả bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín năm; - Đơn đề nghị Rút khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; - Biên bản họp liên tịch thôn Đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số năm - Biên bản kiểm tra Đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số năm - Tổng hợp danh sách Đề nghị đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số 	

				- Danh sách đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số + Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín; + Danh sách thay thế, bổ sung người có uy tín.	
XII. Thủ tục hành chính do Sở Ngoại vụ quản lý					
796.	Cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử)	2.002352	Lãnh sự	- Quyết định cử đi công tác nước ngoài của cơ quan có thẩm quyền - Tờ khai của người đề nghị cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ Kết quả: Hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ được cấp mới	
797.	Gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử)	2.002353	Lãnh sự	- Quyết định cử đi công tác nước ngoài của cơ quan có thẩm quyền - Tờ khai của người đề nghị gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ Kết quả: Hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ được gia hạn	
798.	Cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực	2.002354	Lãnh sự	- Quyết định cử đi công tác nước ngoài của cơ quan có thẩm quyền - Tờ khai của người đề nghị cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực Kết quả: Công hàm của cơ quan có thẩm quyền	
XIII. Thủ tục hành chính do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý					
STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
799.	Tuyển sinh trung học phổ thông	3.000181	Lĩnh vực Giáo dục trung học	- 01 Phiếu đăng ký dự thi;	

				- Các giấy chứng nhận hợp lệ để được hưởng chế độ ưu tiên (nếu có).
800.	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục	1.006388	Lĩnh vực Giáo dục trung học	- Tờ trình về việc thành lập trường; - Đề án thành lập trường; - Sơ yếu lý lịch và văn bằng, chứng chỉ hợp lệ của người dự kiến làm hiệu trưởng.
801.	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục	1.005074	Lĩnh vực Giáo dục trung học	- Tờ trình đề nghị cho phép nhà trường hoạt động giáo dục; - Quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường
802.	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại	1.005067	Lĩnh vực Giáo dục trung học	- Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại
803.	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông	1.005070	Lĩnh vực Giáo dục trung học	- Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan - Tờ trình về việc sáp nhập, chia, tách - Đề án sáp nhập, chia, tách, trong đó có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên;
804.	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường trung học phổ thông)	1.006389	Lĩnh vực Giáo dục trung học	- Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân.
805.	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông	2.002478	Lĩnh vực Giáo dục trung học	- Đơn xin chuyển trường do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ ký; - Học bạ (bản chính); - Giấy chứng nhận trúng tuyển vào lớp đầu cấp trung học phổ thông quy định cụ thể loại hình trường được tuyển (công lập hoặc tư thục) - Giấy giới thiệu chuyển trường do Hiệu trưởng nhà trường nơi đi cấp; - Giấy giới thiệu chuyển trường do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ

				thông) nơi đi cấp (trường hợp xin chuyển đến từ tỉnh, thành phố khác).
806.	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông Việt Nam về nước	2.002479	Lĩnh vực Giáo dục trung học	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin học do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ ký; - Học bạ hoặc giấy xác nhận của nhà trường về kết quả học tập các lớp học trước đó (bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực); - Giấy chứng nhận tốt nghiệp của lớp hoặc bậc học dưới tại nước ngoài (bản gốc và bản dịch sang tiếng Việt); - Bằng tốt nghiệp bậc học dưới tại Việt Nam trước khi ra nước ngoài; - Bản sao giấy khai sinh, kể cả học sinh được sinh ra ở nước ngoài.
807.	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông người nước ngoài	2.002480	Lĩnh vực Giáo dục trung học	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin học do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ ký; - Bản tóm tắt lý lịch; - Bản sao và bản dịch sang tiếng Việt các giấy chứng nhận cần thiết theo quy định tại Điều 13 của Quyết định 51/2002/QĐ-BGDĐT (có công chứng hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước gửi đào tạo); - Học bạ hoặc giấy xác nhận của nhà trường về kết quả học tập các lớp học trước đó (bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực); - Giấy chứng nhận sức khỏe (do cơ quan y tế có thẩm quyền của nước gửi đào tạo cấp trước khi đến Việt Nam không quá 6 tháng); - Ảnh cỡ 4 x 6 cm (chụp không quá 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ).
808.	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	1.001088.	Lĩnh vực Giáo dục trung học	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin học lại học sinh ký; - Học bạ của lớp hoặc cấp học đã học (bản chính); - Bằng tốt nghiệp cấp học dưới (bản công chứng).

809.	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú	1.005084	Lĩnh vực giáo dục dân tộc	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình về việc thành lập trường - Đề án thành lập trường - Sơ yếu lý lịch, văn bằng, chứng chỉ hợp lệ của người dự kiến làm hiệu trưởng - Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan về việc thành lập hoặc cho phép thành lập trường - Báo cáo giải trình việc tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan và báo cáo bổ sung theo ý kiến chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có).
810.	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	1.005081	Lĩnh vực giáo dục dân tộc	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị cho phép nhà trường hoạt động giáo dục; - Quyết định cho phép thành lập trường; - Văn bản thẩm định của các cơ quan liên quan về các điều kiện để trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục.
811.	Sáp nhập, chia tách trường phổ thông dân tộc nội trú	1.005079	Lĩnh vực giáo dục dân tộc	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình về việc sáp nhập, chia, tách; - Đề án sáp nhập, chia, tách, trong đó có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên - Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan.
812.	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1.005076	Lĩnh vực giáo dục dân tộc	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân.
813.	Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên	1.005065	Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên	<ul style="list-style-type: none"> - Công văn đề nghị thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh của Sở Giáo dục và Đào tạo; - Đề án thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên nêu rõ nhu cầu của việc cho phép hoạt động trung tâm giáo dục thường xuyên; phương hướng hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên; những

				điều kiện về cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên theo quy định.	
814.	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại	1.005062	Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên	- Tờ trình cho phép trung tâm GDTX hoạt động trở lại	
815.	Sáp nhập, chia tách trung tâm giáo dục thường xuyên	1.000744	Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên	- Công văn đề nghị sáp nhập, chia tách trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh. - Đề án sáp nhập, chia tách trung tâm giáo dục thường xuyên nêu rõ nhu cầu của việc cho phép hoạt động trung tâm giáo dục thường xuyên; phương hướng hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên; những điều kiện về cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên theo quy định.	
816.	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên	1.005057	Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên	- Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân.	
817.	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục	1.005015	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	- Tờ trình về việc thành lập trường - Đề án thành lập trường - Sơ yếu lý lịch kèm bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ hợp lệ của người dự kiến làm hiệu trưởng.	
818.	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	1.005008	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	- Tờ trình đề nghị cho phép nhà trường hoạt động giáo dục; - Quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường.	
819.	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	1.004988	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	- Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại. - Quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường	

820.	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên	1.004999	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	- Tờ trình về việc sáp nhập, chia, tách - Đề án sáp nhập, chia, tách, trong đó có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên; - Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan.
821.	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1.004991	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	- Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân
822.	Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương	1.005017	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	- Tờ trình về việc thành lập trường; - Đề án thành lập trường xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung giáo dục; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến xây dựng trường; tổ chức bộ máy; nguồn lực và tài chính; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.
823.	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học	1.005053	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	- Tờ trình đề nghị thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học - Đề án thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học - Dự thảo nội quy tổ chức hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học.
824.	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục	1.005049	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	- Tờ trình đề nghị cấp phép hoạt động giáo dục - Nội quy hoạt động giáo dục của trung tâm - Báo cáo về cơ sở vật chất, trang thiết bị, chương trình, tài liệu dạy học; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; văn bản chứng minh về quyền sử dụng hợp pháp đất, nhà; nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động của trung tâm.
825.	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục	1.005025	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	- Tờ trình đề nghị cấp phép hoạt động giáo dục

	ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại		dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	<ul style="list-style-type: none"> - Nội quy hoạt động giáo dục của trung tâm - Báo cáo về cơ sở vật chất, trang thiết bị, chương trình, tài liệu dạy học; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; văn bản chứng minh về quyền sử dụng hợp pháp đất, nhà; nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động của trung tâm. - Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tham gia giảng dạy 	
826.	Sáp nhập, chia tách trung tâm ngoại ngữ, tin học	1.005043	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học - Đề án sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học - Dự thảo nội quy tổ chức hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học. 	
827.	Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học.	1.005036		<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị giải thể trung tâm của tổ chức cá nhân 	
828.	Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	1.005466	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập; - Đề án thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập theo quy định hiện hành về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập 	
829.	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục	1.005195	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cho phép hoạt động giáo dục, trong đó nêu rõ điều kiện đáp ứng hoạt động tương ứng với các nhiệm vụ; - Quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trung tâm. 	
830.	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại	1.005359	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cho phép hoạt động giáo dục, trong đó nêu rõ điều kiện đáp ứng hoạt động tương ứng với các nhiệm vụ; - Quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trung tâm. 	

831.	Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập	1.004712	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị cho phép tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập. - Quyết định cho phép thành lập Trung tâm.
832.	Giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập.	2.001805		<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân.
833.	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	1.000181	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Nội dung tờ trình nêu rõ: mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung đào tạo, bồi dưỡng; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm, tổ chức bộ máy, tài chính và các nguồn lực khác; cam kết đảm bảo an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, thực hiện nghiêm túc quy định của các cấp quản lý nơi tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa; - Danh sách, lý lịch trích ngang kèm theo các minh chứng hợp lệ về ban lãnh đạo, các giáo viên, huấn luyện viên, báo cáo viên (ghi rõ họ tên, trình độ học vấn, chức vụ, nghề nghiệp, năng lực sư phạm và am hiểu các lĩnh vực kỹ năng sống hoặc hoạt động giáo dục có liên quan) tham gia tổ chức và thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa; - Kế hoạch hoạt động của tổ chức,
834.	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	1.001000	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Công văn đăng ký tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa; - Danh sách, lý lịch trích ngang kèm theo các minh chứng hợp lệ về đội ngũ giáo viên, huấn luyện viên, báo cáo viên (ghi rõ họ tên, trình độ học vấn,

			thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	chức vụ, nghề nghiệp, năng lực sư phạm và am hiểu các lĩnh vực kỹ năng sống hoặc hoạt động giáo dục có liên quan) tham gia tổ chức và thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa; - Kế hoạch hoạt động của tổ chức	
835.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	1.005061	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	- Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học; với những nội dung chủ yếu gồm: Mục tiêu, nội dung hoạt động; khả năng khai thác và phát triển dịch vụ du học ở nước ngoài; kế hoạch và các biện pháp tổ chức thực hiện; phương án giải quyết khi gặp vấn đề rủi ro đối với người được tư vấn du học; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; - Danh sách đội ngũ nhân viên trực tiếp tư vấn du học bao gồm các thông tin chủ yếu sau đây: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, vị trí công việc sẽ đảm nhiệm tại tổ chức dịch vụ tư vấn du học; văn bằng tốt nghiệp đại học, chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn du học.	
836.	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	2.001985	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	- Văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học; với những nội dung chủ yếu gồm: Mục tiêu, nội dung hoạt động; khả năng khai thác và phát triển dịch vụ du học ở nước ngoài; kế hoạch và các biện pháp tổ chức thực hiện; phương án giải quyết khi gặp vấn đề rủi ro đối với người được tư vấn du học; - Danh sách đội ngũ nhân viên trực tiếp tư vấn du học bao gồm các thông tin chủ yếu sau đây: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, vị trí công việc sẽ đảm	

				nhiệm tại tổ chức dịch vụ tư vấn du học; văn bằng tốt nghiệp đại học, chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn du học.	
837.	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	2.001987	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	- Tờ trình đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại. Tờ trình nêu rõ việc khắc phục các nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ và kèm theo các tài liệu minh chứng (nếu có).	
838.	Cấp chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1.000715	Lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục	- Báo cáo tự đánh giá - Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường mầm non để được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục.	
839.	Cấp chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1.000713	Lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục	- Báo cáo tự đánh giá - Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường tiểu học để được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia.	
840.	Cấp chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1.000711	Lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục	- Báo cáo tự đánh giá - Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường trung học để được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia.	
841.	Cấp chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	1.000259	Lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục	- Báo cáo tự đánh giá của trung tâm giáo dục thường xuyên. - Công văn đăng ký đánh giá ngoài của trung tâm giáo dục thường xuyên;	
842.	Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối	1.009002	Lĩnh vực giáo	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi - phí học tập.	

	với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên		dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
843.	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	1.000288	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tự đánh giá - Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường mầm non để được công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia.
844.	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	1.000280	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tự đánh giá - Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường tiểu học để được công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia.
845.	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia	1.000691	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tự đánh giá - Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường trung học để được công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia.
846.	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	1.000729	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị xếp hạng của trung tâm giáo dục thường xuyên; - Quyết định thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên; - Bản báo cáo kết quả hoạt động và hiệu quả hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên trong thời gian 3 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị xếp hạng; - Bảng tự đánh giá tính điểm theo tiêu chí xếp hạng của trung tâm giáo dục thường xuyên (trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh theo Phụ lục I,

			dân	<p>trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện theo Phụ lục II);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số liệu thống kê số lượng học viên theo học các chương trình trong 3 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị xếp hạng; - Danh sách cán bộ, giáo viên, viên chức trong biên chế và giáo viên hợp đồng kèm theo trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ-tin học; - Số liệu thống kê chi tiết về diện tích đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.
847.	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	2.000011	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình cấp huyện đề nghị Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. - Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ kèm theo các biểu thống kê. - Biên bản kiểm tra kết quả phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ của huyện đối với xã. - Quyết định công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ.
848.	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	1.005143	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án tổ chức thực hiện chương trình dạy và học bằng tiếng nước ngoài; - Đề án tổ chức thực hiện chương trình dạy và học bằng tiếng nước ngoài, trong đó làm rõ các nội dung: Chương trình và tài liệu; người dạy, người học, cơ sở vật chất; kiểm tra, thi, đánh giá, công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ; kiểm định chất lượng giáo dục; học phí, quản lý và sử dụng học phí và việc tổ chức thực hiện Đề án; - Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng của chương trình đào tạo đối với các chương trình đào tạo sử dụng của nước ngoài (nếu có) do cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài

				cấp và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận.	
849.	Xét, cấp học bổng chính sách	1.002407	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao giấy khai sinh. - Đơn đề nghị cấp học bổng. - Kết quả: Văn bản chấp thuận 	
850.	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	1.001714	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị hỗ trợ - Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước; - Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp. 	
851.	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh	1.004435	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị hỗ trợ. - Giấy tờ minh chứng là hộ nghèo do Ủy ban nhân dân xã cấp hoặc xác nhận cho đối tượng. 	
852.	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số	1.004436	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị hỗ trợ. - Giấy tờ minh chứng là hộ nghèo do Ủy ban nhân dân xã cấp hoặc xác nhận cho đối tượng. 	
853.	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	1.002982	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị hỗ trợ. 	
854.	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp	1.005144.	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập. 	

	và giáo dục đại học			
855.	Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh	2.002593	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Báo cáo tổng hợp kết quả (kèm theo minh chứng phù hợp với các tiêu chí) đánh giá kết quả “Đơn vị học tập” cấp tỉnh. - Biên bản kiểm tra, đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh;
856.	Đề nghị đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện	2.002597	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện; - Báo cáo (kèm theo minh chứng phù hợp với các tiêu chí) đánh giá kết quả xây dựng “Cộng đồng học tập” cấp huyện. - Biên bản kiểm tra, đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện;
857.	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	1.00492	Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài theo Mẫu số 20 tại Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; - Quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện và hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền cho phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài đã gửi cho Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Quyết định bổ nhiệm Trưởng văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài và lý lịch cá nhân của người được bổ nhiệm; - Địa điểm cụ thể đặt văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài và giấy tờ pháp lý có liên quan.
858.	Phê duyệt liên kết giáo dục	1.001499		<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị phê duyệt liên kết giáo dục với nước ngoài do các bên liên kết cùng ký theo Mẫu số 01 Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP - Thỏa thuận (Hợp đồng) hợp tác giữa các bên liên kết trong đó có thông tin chi tiết về các bên liên kết, trách nhiệm của các bên đối với nội dung cam kết cụ thể về chương trình, tài liệu học tập và giảng dạy, giáo viên, cơ sở vật chất, kiểm tra, đánh giá,

			<p>Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài</p>	<p>văn bản, thông tin về tài chính và các nội dung khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của các bên liên kết: Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục hoặc các tài liệu tương đương khác - Chương trình giáo dục của nước ngoài có nội dung, môn học đưa vào chương trình giáo dục tích hợp và chương trình giáo dục tích hợp dự kiến thực hiện - Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của chương trình giáo dục nước ngoài hoặc giấy tờ phê duyệt chương trình giáo dục nước ngoài của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền - Văn bản, tài liệu thuyết minh việc tích hợp chương trình giáo dục - Đề án thực hiện liên kết giáo dục với nước ngoài do các bên liên kết xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP, bao gồm các nội dung chủ yếu: Sự cần thiết, giới thiệu các bên liên kết; nội dung liên kết; cơ sở vật chất, thiết bị; danh sách giáo viên dự kiến kèm theo lý lịch chuyên môn; đối tượng, tiêu chí và quy mô tuyển sinh; văn bản, chứng chỉ sẽ cấp, tính tương đương của văn bản, chứng chỉ của nước ngoài đối với văn bản, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam (nếu có); biện pháp đảm bảo quyền lợi của người học và người lao động; bộ phận phụ trách liên kết, lý lịch cá nhân của người đại diện cơ sở giáo dục Việt Nam và cơ sở giáo dục nước ngoài tham gia quản lý chương trình; mức học phí, sự hỗ trợ tài chính của cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài (nếu có), dự toán kinh phí, cơ chế quản lý tài chính; trách nhiệm và quyền hạn của các bên 	
--	--	--	--	---	--

				liên kết; trách nhiệm và quyền hạn của giáo viên và học sinh.
859.	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	1.001497	Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết giáo dục do các bên liên kết cùng ký tại Mẫu số 04 của Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP - Báo cáo tổng kết hoạt động liên kết trong thời gian được cấp phép - Thỏa thuận (Hợp đồng) hợp tác đang còn hiệu lực giữa các bên liên kết trong đó có thông tin theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.
860.	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	1.001496	Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị chấm dứt hoạt động cơ sở giáo dục - Phương án giải thể, chấm dứt hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài trong đó nêu rõ các biện pháp bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người học, nhà giáo cán bộ quản lý và nhân viên; phương án giải quyết tài chính, tài sản.
861.	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài	1.00939	Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Đề án thành lập cơ sở giáo dục theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 86/2018/NĐ-CP, trong đó xác định rõ: Tên gọi của cơ sở giáo dục; mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục; phạm vi hoạt động giáo dục; văn bằng, chứng chỉ sẽ cấp; dự kiến cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý, điều hành; - Dự kiến cụ thể kế hoạch xây dựng, phát triển và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục trong từng giai đoạn, trong đó làm rõ khả năng đáp ứng các nội dung bảo đảm chất lượng giáo dục quy định tại các Điều 36, 37 và 38 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; - Đơn đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 86/2018/NĐ-CP - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; - Văn bản chấp thuận cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp xây dựng cơ sở vật

				<p>chất (trong đó xác định rõ địa chỉ, diện tích, mốc giới của khu đất) hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 36 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP và các giấy tờ pháp lý liên quan;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch về cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục hoặc dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bao gồm phần thuyết minh và thiết kế chi tiết cơ sở giáo dục - Văn bản chứng minh năng lực tài chính theo mức quy định tại Điều 35 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.
862.	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.000716	Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị giải thể cơ sở giáo dục - Phương án giải thể, chấm dứt hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài trong đó nêu rõ các biện pháp bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người học, nhà giáo cán bộ quản lý và nhân viên; phương án giải quyết tài chính, tài sản.
863.	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1.008722	Lĩnh vực đào	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục chuyển sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm thực hiện hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phần lợi nhuận tích lũy hằng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục. - Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận. - Tờ trình đề nghị chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục sang nhà trẻ, trường

			<p>tạo với nước ngoài</p>	<p>mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó nêu rõ sự cần thiết phải chuyển đổi; tôn chỉ, mục đích hoạt động không vì lợi nhuận; phần vốn góp, phần tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực (nếu có).</p> <p>- Báo cáo kết quả kiểm toán; thỏa thuận giải quyết phần vốn góp cho nhà đầu tư không đồng ý chuyển đổi sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (nếu có); các giấy tờ, tài liệu về đất đai, tài sản, tài chính, tổ chức và nhân sự của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực chuyển đổi sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.</p> <p>- Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý.</p> <p>- Quyết định thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực và các tài liệu liên quan khác (nếu có).</p>	
864.	<p>Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thực, trường phổ thông tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi</p>	1.008723		<p>- Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với cơ sở giáo dục phổ thông tư thực chuyển sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm thực hiện hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phần lợi nhuận tích lũy hằng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở giáo dục phổ thông tư thực.</p>	

	nhuận.		Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thực sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó nêu rõ sự cần thiết phải chuyển đổi; tôn chỉ, mục đích hoạt động không vì lợi nhuận; phân vốn góp, phần tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của nhà trường (nếu có). - Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận. - Báo cáo kết quả kiểm toán; thỏa thuận giải quyết phân vốn góp cho nhà đầu tư không đồng ý chuyển đổi sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (nếu có); các giấy tờ, tài liệu về đất đai, tài sản, tài chính, tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục phổ thông tư thực chuyển đổi sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận. - Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý. - Quyết định thành lập cơ sở giáo dục phổ thông tư thực, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của cơ sở giáo dục phổ thông tư thực và các tài liệu liên quan khác (nếu có). 	
865.	Cho phép hoạt động giáo dục đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.006446		<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký hoạt động giáo dục theo Mẫu số 16 tại Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP - Quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non/cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài - Báo cáo tiến độ thực hiện dự án đầu tư, tình hình góp vốn, vay vốn, tổng số vốn đầu tư đã thực hiện - Báo cáo giải trình về việc cơ sở giáo dục mầm non/cơ sở giáo dục phổ thông đã đáp ứng các nội 	

			Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài	<p>dung quy định tại các Điều 35, 36, 37, 38 của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP, đồng thời gửi kèm: - Danh sách Hiệu trưởng (Giám đốc), Phó Hiệu trưởng (Phó Giám đốc), trưởng các khoa, phòng, ban và kế toán trưởng; - Danh sách và lý lịch cá nhân của cán bộ, giáo viên (cơ hữu, thỉnh giảng); - Mô tả cấp học, trình độ đào tạo, ngành đào tạo; - Chương trình, kế hoạch giảng dạy, tài liệu học tập, danh mục sách giáo khoa và tài liệu tham khảo chính; - Đối tượng tuyển sinh, quy chế và thời gian tuyển sinh; - Quy chế đào tạo; - Quy mô đào tạo (học sinh, học viên); - Các quy định về học phí và các loại phí liên quan; - Quy định về kiểm tra, đánh giá, công nhận hoàn thành chương trình môn học, mô đun, trình độ đào tạo;</p> <p>- Mẫu văn bằng, chứng chỉ sẽ được sử dụng.</p>
866.	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với: cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.	1.000718	Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài	<p>- Đơn đề nghị trong đó có nội dung và lý do bổ sung, điều chỉnh kèm theo giấy tờ;</p> <p>- Quyết định cho phép thành lập đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài; giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài;</p> <p>- Quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục.</p> <p>- Báo cáo tiến độ thực hiện dự án đầu tư, tình hình góp vốn, vay vốn, tổng số vốn đầu tư đã thực hiện. Báo cáo giải trình về việc cơ sở giáo dục đã đáp ứng các nội dung quy định tại các Điều 35, 36, 37 và 38 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.</p>
867.	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt	1.001495	Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài	<p>- Đơn đề nghị cho phép hoạt động giáo dục trở lại, trong đó nêu rõ kết quả khắc phục vi phạm dẫn đến bị đình chỉ</p> <p>- Quyết định thành lập đoàn kiểm tra</p> <p>- Biên bản kiểm tra.</p>

	Nam			
868.	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.001493	Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài	- Đơn đề nghị chấm dứt hoạt động cơ sở giáo dục - Phương án giải thể, chấm dứt hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài
869.	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.	1.003734.	Lĩnh vực thi, tuyển sinh	- Không đề nghị chuẩn hóa
870.	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú (Xét tuyển sinh vào trường PTDTNT)	1.005090	Lĩnh vực thi, tuyển sinh	- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ - Học bạ cấp tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ; - Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có); - Học bạ cấp trung học cơ sở; - Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở tạm thời.
871.	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông.	1.005098	Lĩnh vực thi, tuyển sinh	- Đơn đề nghị xét đặc cách của thí sinh. - Hồ sơ nhập viện, ra viện do bệnh viện từ cấp huyện trở lên cấp (nếu bị tai nạn, bị ốm) hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú (nếu có việc đột xuất đặc biệt). Biên bản đề nghị xét đặc cách tốt nghiệp THPT của trường phổ thông nơi đăng ký dự thi; Hồ sơ minh chứng về xếp loại học lực, hạnh kiểm ở lớp 12.
872.	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông.	1.005142	Lĩnh vực thi, tuyển sinh	- 02 Phiếu đăng ký dự thi giống nhau. - Các giấy chứng nhận hợp lệ để được hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích (nếu có).

873.	Phúc khảo bài thi trung học phổ thông.	1.005095	Lĩnh vực thi, tuyển sinh	- Đơn xin phúc khảo có xác nhận của thủ trưởng cơ quan (đơn vị) nơi đăng ký dự thi, điểm bài thi phúc khảo
874.	Xét tuyển học sinh vào trường dự bị đại học.	2.001806	Lĩnh vực thi, tuyển sinh	Đã công bố hồ sơ mã hóa. Không điều chỉnh
875.	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	1.009394	Lĩnh vực thi, tuyển sinh	Đã công bố hồ sơ mã hóa. Không điều chỉnh
876.	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	1.005092	Lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ	- Đơn đề nghị cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ. - Bản chính hoặc bản sao có chứng thực CCCD/hộ chiếu
877.	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	2.001914	Lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ	- Đơn đề nghị chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ - Văn bằng, chứng chỉ đề nghị chỉnh sửa - Trích lục hoặc quyết định thay đổi hoặc cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính đối với trường hợp chỉnh sửa văn bằng, chứng chỉ do thay đổi hoặc cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính - Giấy khai sinh đối với trường hợp chỉnh sửa văn bằng, chứng chỉ do bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch, đăng ký lại việc sinh, đăng ký khai sinh quá hạn - Bản chính hoặc bản sao có chứng thực CCCD/hộ chiếu
878.	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	1.004889	Lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ	- Đơn đề nghị công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp - Một (01) văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp kèm theo bản dịch ra tiếng Việt được cơ quan có thẩm quyền chứng thực; - Một (01) kết quả quá trình học tập tại cơ sở giáo dục nước ngoài kèm theo bản dịch ra tiếng Việt được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. - Hồ sơ minh chứng thời gian học ở nước ngoài.

XIV. Thủ tục hành chính do Sở Tư pháp quản lý					
STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
879.	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	1.002010	Luật sư	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu thống nhất; - Dự thảo Điều lệ của công ty luật (đối với trường hợp là công ty luật); - Bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư, bản sao Thẻ luật sư của luật sư thành lập văn phòng luật sư, thành lập hoặc tham gia thành lập công ty luật; - Giấy tờ chứng minh về trụ sở của tổ chức hành nghề luật sư 	
880.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	1.002032	Luật sư	Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	
881.	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	1.002055	Luật sư	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật; - Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên; - Văn bản thỏa thuận giữa người đại diện theo pháp luật cũ và người dự kiến là đại diện theo pháp luật đối với việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của văn phòng luật sư, công ty luật; - Họ, tên, số và ngày cấp Thẻ luật sư của người dự kiến là đại diện theo pháp luật. 	
882.	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	1.002079	Luật sư	Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	
883.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	1.002099	Luật sư	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh; - Bản sao Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư thành lập chi nhánh; - Quyết định thành lập chi nhánh; - Bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư và bản sao Thẻ luật sư của Trưởng chi nhánh; 	

				- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của chi nhánh	
884.	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	1.002153	Luật sư	- Đơn đề nghị đăng ký hành nghề luật sư; - Bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư, bản sao Thẻ luật sư; - Bản sao Hợp đồng lao động ký kết với cơ quan, tổ chức	
885.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	1.002181	Luật sư	- Bản sao Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài; - Giấy tờ chứng minh về trụ sở	
886.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	1.002198	Luật sư	- Giấy đề nghị thay đổi đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài; - Bản sao Giấy phép thành lập của chi nhánh, công ty luật nước ngoài; - Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Bộ Tư pháp	
887.	Hợp nhất công ty luật	1.002218	Luật sư	- Giấy đề nghị hợp nhất công ty luật; - Hợp đồng hợp nhất, trong đó phải quy định rõ về thủ tục, thời hạn và điều kiện hợp nhất; phương án sử dụng lao động; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các công ty luật bị hợp nhất; - Giấy đăng ký hoạt động của các công ty luật bị hợp nhất; - Điều lệ của công ty luật hợp nhất	
888.	Sáp nhập công ty luật	1.002234	Luật sư	- Giấy đề nghị sáp nhập công ty luật; - Hợp đồng sáp nhập công ty luật, trong đó phải quy định rõ về thủ tục, thời hạn và điều kiện sáp nhập; phương án sử dụng lao động; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các công ty luật bị sáp nhập; - Giấy đăng ký hoạt động của các công ty luật bị sáp nhập và công ty luật nhận sáp nhập	
889.	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh,	1.008709	Luật sư	- Giấy đề nghị chuyển đổi trong đó nêu rõ mục đích, lý do chuyển đổi và cam kết về việc kế thừa toàn bộ	

	chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật			quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các công ty luật/văn phòng luật sư được chuyển đổi; - Dự thảo Điều lệ của công ty luật chuyển đổi; - Giấy đăng ký hoạt động của công ty luật/văn phòng luật sư được chuyển đổi; - Danh sách thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu; bản sao Thẻ luật sư của các luật sư thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu của công ty luật chuyển đổi; - Bản sao giấy tờ chứng minh về trụ sở trong trường hợp có thay đổi về trụ sở.	
890.	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	1.002398	Luật sư	- Giấy đề nghị chuyển đổi; - Văn bản chấp thuận của Bộ Tư pháp; - Dự thảo Điều lệ của công ty luật Việt Nam	
891.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	1.002384	Luật sư	- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam; - Bản sao Giấy phép thành lập chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam; - Giấy tờ chứng minh trụ sở của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	
892.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	1.002368	Luật sư	- Giấy đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài, trong đó nêu rõ lý do, số Giấy đăng ký hoạt động; - Các giấy tờ theo quy định tại Điều 79 của Luật Luật sư (Bản sao Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài; Giấy tờ chứng minh về trụ sở).	
893.	Cấp Thẻ đấu giá viên	2.001815	Đấu giá tài sản	- Giấy đề nghị cấp Thẻ đấu giá viên; - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Chứng chỉ hành nghề đấu giá của đấu giá viên được đề nghị cấp Thẻ; - 01 ảnh màu cỡ 2cm x 3cm (ảnh chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp ảnh).	
894.	Cấp lại Thẻ đấu giá viên	2.001807	Đấu giá tài sản	- Giấy đề nghị cấp lại Thẻ đấu giá viên; - 01 ảnh màu cỡ 2cm x 3cm (ảnh chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp ảnh)	

895.	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	2.001395	Đấu giá tài sản	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký hoạt động; - Điều lệ của doanh nghiệp đối với công ty đấu giá hợp danh; - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Chứng chỉ hành nghề đấu giá của chủ doanh nghiệp đấu giá tư nhân, Chứng chỉ hành nghề đấu giá của thành viên hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty đấu giá hợp danh; + Giấy tờ chứng minh về trụ sở của doanh nghiệp đấu giá tài sản, cam kết bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cho hoạt động đấu giá tài sản
896.	Cấp lại Giấy đăng Ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	2.001258	Đấu giá tài sản	Giấy đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản
897.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	2.001247	Đấu giá tài sản	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh; - Quyết định thành lập chi nhánh; - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp; - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Chứng chỉ hành nghề đấu giá của Trưởng chi nhánh; + Giấy tờ chứng minh về trụ sở của chi nhánh
898.	Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	2.001225	Đấu giá tài sản	Đề án thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến
899.	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	2.002139	Đấu giá tài sản	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá. - Báo cáo kết quả tập sự hành nghề đấu giá
900.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	2.001333	Đấu giá tài sản	Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản (mẫu TP-DGTS-07) ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BTP
901.	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	1.001633	Quản tài viên	Văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản

902.	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	1.001600	Quản tài viên	<p>- Văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.</p> <p>Trong trường hợp bổ sung Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp thì doanh nghiệp nộp thêm hồ sơ đăng ký hành nghề cho quản tài viên được bổ sung bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền chứng chỉ hành nghề quản tài viên của Quản tài viên được bổ sung; - Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp yêu cầu doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản nộp Phiếu lý lịch tư pháp của những quản tài viên được bổ sung. <p>Trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp thì xuất trình bản chính các giấy tờ nêu trên để đối chiếu.</p> <p>Trường hợp doanh nghiệp gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Sở Tư pháp khi có yêu cầu thì phải xuất trình bản chính giấy tờ nêu trên để đối chiếu.</p>	
903.	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	1.002626	Quản tài viên	<p>- Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân.</p> <p>- Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền chứng chỉ hành nghề Quản tài viên.</p> <p>Trong trường hợp cần thiết, người đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân nộp Phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của Sở Tư pháp</p>	
904.	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	1.001842	Quản tài viên	<p>- Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. - Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của thành 	

				<p>viên hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty hợp danh quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 13 của Luật Phá sản; Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của những người khác hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong công ty hợp danh (nếu có); Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của chủ doanh nghiệp tư nhân quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 của Luật Phá sản; Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của những người khác hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong doanh nghiệp tư nhân (nếu có).</p> <p>Trong trường hợp cần thiết, doanh nghiệp đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản nộp Phiếu lý lịch tư pháp của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty hợp danh quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 13 của Luật Phá sản; Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của những người khác hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong công ty hợp danh (nếu có); Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của chủ doanh nghiệp tư nhân quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 của Luật Phá sản; Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của những người khác hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong doanh nghiệp tư nhân theo yêu cầu của Sở Tư pháp.</p>	
905.	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	1.009284	Hòa giải thương mại	- Giấy đề nghị đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;	

				<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng sau đại học; + Giấy tờ chứng minh đã qua thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 02 năm trở lên có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc. + Giấy tờ do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp hoặc công chứng, chứng thực ở nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên 	
906.	Tự chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	2.000515	Hòa giải thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại; - Báo cáo về việc thanh toán xong các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác, thanh lý các hợp đồng, hoàn tất các vụ việc đã nhận của Trung tâm hòa giải thương mại 	
907.	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	2.002047	Hòa giải thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chấp thuận của Bộ Tư pháp về việc thay đổi tên gọi của Trung tâm hòa giải thương mại có hiệu lực. - Văn bản đề nghị thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động 	
908.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	2.001716	Hòa giải thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành; - Quyết định thành lập chi nhánh của Trung tâm hòa giải thương mại 	
909.	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung	1.008913	Hòa giải thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành; - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy phép thành lập Trung tâm; - Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Trung tâm 	

	ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác				
910.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	1.008914	Hòa giải thương mại	Giấy đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	
911.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác	1.008915	Hòa giải thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành; - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy phép thành lập chi nhánh; + Giấy tờ chứng minh về trụ sở của chi nhánh 	
912.	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	1.008916	Hòa giải thương mại	Văn bản đề nghị thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động	
913.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	1.009283	Hòa giải thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; - Báo cáo về việc thanh toán xong các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác, thanh lý các hợp đồng lao động, hoàn tất các vụ việc đã nhận 	

914.	Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	2.000954	Trợ giúp pháp lý	Đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BTP (Mẫu TPTGPL-05)
915.	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	2.000596	Trợ giúp pháp lý	- Đơn đề nghị tham gia trợ giúp pháp lý theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BTP (Mẫu TP-TGPL-01); - Danh sách luật sư, tư vấn viên pháp luật đủ điều kiện thực hiện trợ giúp pháp lý theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BTP (Mẫu TP-TGPL-02); - Bản sao thẻ luật sư, thẻ tư vấn viên pháp luật
916.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	1.001233	Trợ giúp pháp lý	- Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BTP (Mẫu TP-TGPL-04); - Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý đã được cấp
917.	Cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	2.000587	Trợ giúp pháp lý	- Đơn đề nghị làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BTP (Mẫu TP-TGPL-10); - Giấy tờ chứng minh là người đã nghỉ hưu theo quy định; - Sơ yếu lý lịch cá nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú và 02 ảnh màu chân dung cỡ 2 cm x 3 cm
918.	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	2.000518	Trợ giúp pháp lý	- Đơn đề nghị cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý và Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp

				lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý (mẫu TP-TGPL-11); - 02 ảnh màu chân dung cỡ 2 cm x 3 cm.
919.	Thủ tục chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	2.000840	Trợ giúp pháp lý	- Văn bản thông báo về việc chấm dứt thực hiện trợ giúp pháp lý - Bản chính Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý đã được cấp.
920.	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp	1.001122	Giám định tư pháp	- Văn bản đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp. - Bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được đề nghị bổ nhiệm. - Bản sao điện tử có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền các giấy tờ: Sơ yếu lý lịch và Phiếu Lý lịch tư pháp. - Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc. - Chứng chỉ đào tạo hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ giám định đối với người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự. - Văn bản thỏa thuận của Sở Tư pháp thống nhất đề nghị bổ nhiệm Giám định viên tư pháp
921.	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	2.000894	Giám định tư pháp	- Văn bản đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức đã đề nghị bổ nhiệm người đó; - Văn bản, giấy tờ chứng minh giám định viên tư pháp thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Giám định tư pháp: - Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Giám định tư pháp. - Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật Giám định tư pháp. - Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt hành chính do cố ý vi phạm quy định của pháp luật về giám định tư pháp.

				<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện một trong các hành vi quy định tại Điều 6 Luật Giám định tư pháp. - Theo đề nghị của giám định viên tư pháp là công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng có quyết định nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí hoặc thôi việc. - Văn bản thỏa thuận của Sở Tư pháp thống nhất đề nghị miễn nhiệm Giám định viên tư pháp 	
922.	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	2.000890	Giám định tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin phép thành lập; - Bản sao Quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp; - Dự thảo Quy chế tổ chức, hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp; - Đề án thành lập Văn phòng giám định tư pháp phải nêu rõ mục đích thành lập; dự kiến về tên gọi, nhân sự, địa điểm đặt trụ sở; điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định theo quy định của bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định và kế hoạch triển khai thực hiện 	
923.	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	2.000823	Giám định tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị đăng ký hoạt động. - Quy chế tổ chức, hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp. + Giấy tờ chứng minh có đủ điều kiện bảo đảm hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp theo Đề án thành lập quy định tại điểm d khoản 2 Điều 16 của Luật giám định tư pháp. - Bản sao quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp 	
924.	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	2.000568	Giám định tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin phép thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định; - Đề án về việc thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định, trong đó nêu rõ điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định theo quy định của Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên môn về 	

				<p>lĩnh vực giám định và kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với việc thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp phù hợp với việc thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định; - Quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp đã được cấp 	
925.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng	2.000555	Giám định tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động; - Giấy đăng ký hoạt động cũ. 	
926.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	1.001117	Giám định tư pháp	Đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động	
927.	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	1.000627	Tư vấn pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký hoạt động; - Quyết định của tổ chức chủ quản về việc thành lập Trung tâm tư vấn pháp luật; về việc cử Giám đốc của Trung tâm tư vấn pháp luật; - Dự thảo quy chế tổ chức, hoạt động của Trung tâm tư vấn do tổ chức chủ quản ban hành; - Danh sách kèm theo hồ sơ của người được đề nghị cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật, của luật sư làm việc theo hợp đồng lao động cho Trung tâm 	
928.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	1.000588	Tư vấn pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Giấy ĐKHD của Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh; - Giấy xác nhận trụ sở mới của Trung tâm, Chi nhánh trong trường hợp thay đổi trụ sở; - Quyết định về việc cử Giám đốc Trung tâm, Trưởng Chi nhánh trong trường hợp thay đổi Giám đốc Trung tâm, Trưởng Chi nhánh; 	

				- Hồ sơ đề nghị cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật, hồ sơ của luật sư trong trường hợp bổ sung tư vấn viên pháp luật, luật sư. Sở Tư pháp xem xét, cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật cho người được đề nghị	
929.	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	1.000426	Tư vấn pháp luật	- Giấy đề nghị cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật; - Bản sao Bằng cử nhân luật; - Giấy xác nhận về thời gian công tác pháp luật của người được đề nghị	
930.	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	1.000390	Tư vấn pháp luật	- Giấy đề nghị cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật, trong đó có xác nhận của Trung tâm tư vấn pháp luật hoặc Chi nhánh về tình trạng của Thẻ tư vấn viên pháp luật; - Hai ảnh chân dung cỡ 2cm x 3cm; - Thẻ tư vấn viên pháp luật cũ (trong trường hợp Thẻ bị hư hỏng)	
931.	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	1.000404	Tư vấn pháp luật	Văn bản đề nghị của Trung tâm tư vấn pháp luật.	
932.	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	1.001071	Công chứng	- Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-01a) hoặc (Mẫu TP-TSCC-01b) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP; - Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng hoặc quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu).	
933.	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	1.001446	Công chứng	- Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-01a hoặc Mẫu TP-TSCC-01b) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP. - Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi	

				dưỡng nghề công chứng hoặc quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu).	
934.	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1.001125	Công chứng	Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-03) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP	
935.	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	1.001153	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với Sở Tư pháp nơi đã đăng ký tập sự: Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-03) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP. - Đối với Sở Tư pháp nơi chuyển đến: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy đề nghị đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-01a hoặc Mẫu TP-TSCC-01b) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP. + Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khoá bồi dưỡng nghề công chứng hoặc quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu). + Quyết định xoá đăng ký tập sự hành nghề công chứng của Sở Tư pháp nơi đã đăng ký tập sự (Mẫu TP-TSCC-04). 	
936.	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	1.001438	Công chứng	Báo cáo bằng văn bản về việc chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	

937.	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	1.012019	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị công nhận hoàn thành tập sự; - Báo cáo kết quả tập sự và Sổ nhật ký tập sự (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu). 	
938.	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	1.001721	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-10); - Quyết định công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng; - Báo cáo kết quả tập sự hành nghề công chứng; - Giấy tờ chứng minh đã nộp phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng. <p>Các giấy tờ quy định trên là bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu. Người được hoãn tham dự kỳ kiểm tra trước nộp Giấy đăng ký tham dự kiểm tra, trong đó có ghi rõ việc được hoãn tham dự kỳ kiểm tra trước đó.</p>	
939.	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	1.001756	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên theo Mẫu TPCC-06 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng; - Quyết định bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm lại công chứng viên (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu); - 01 ảnh chân dung cỡ 2cm x 3cm của công chứng viên được đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ (ảnh chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ); 	

				<ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ chứng minh công chứng viên là hội viên Hội công chứng viên tại địa phương hoặc hội viên Hiệp hội công chứng viên Việt Nam; - Giấy tờ chứng minh nơi cư trú của công chứng viên tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức hành nghề công chứng đăng ký hoạt động; - Quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư, Chứng chỉ hành nghề đấu giá, quyết định miễn nhiệm Thừa phát lại, giấy tờ chứng minh đã chấm dứt công việc thường xuyên khác; giấy tờ chứng minh đã được Sở Tư pháp xóa đăng ký hành nghề ở tổ chức hành nghề công chứng trước đó hoặc văn bản cam kết chưa đăng ký hành nghề công chứng kể từ khi được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chứng viên. 	
940.	Cấp lại Thẻ công chứng viên	1.001799	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp lại Thẻ công chứng viên theo Mẫu TP-CC-07 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP; - 01 ảnh chân dung cỡ 2cm x 3cm (ảnh chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp ảnh); - Thẻ công chứng viên đang sử dụng (trong trường hợp Thẻ bị hỏng); 	
941.	Xóa đăng ký hành nghề và thu hồi thẻ công chứng viên trong trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng	2.002387	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo của tổ chức hành nghề công chứng; - Biên bản chấm dứt hợp danh/hợp đồng lao động giữa công chứng viên và Trưởng tổ chức hành nghề công chứng 	
942.	Thành lập Văn phòng công chứng	1.001877	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị thành lập Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-08 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP; - Đề án thành lập Văn phòng công chứng, trong đó nêu rõ sự cần thiết thành lập, dự kiến về tổ chức, tên 	

				<p>gọi, nhân sự, địa điểm đặt trụ sở, các điều kiện vật chất và kế hoạch triển khai thực hiện;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao quyết định bổ nhiệm công chứng viên tham gia thành lập Văn phòng công chứng. - Biên bản hợp danh thành lập Văn phòng công chứng
943.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	2.000789	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-09 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng; - Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng phù hợp với nội dung đã nêu trong đề án thành lập; - Hồ sơ đăng ký hành nghề của các công chứng viên hợp danh, công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại Văn phòng công chứng (nếu có)
944.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	2.000778	Công chứng	<p>Hồ sơ bao gồm giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng, giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng (bản chính) và một hoặc một số giấy tờ sau đây tùy thuộc vào nội dung đăng ký hoạt động được đề nghị thay đổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký hành nghề và cấp Thẻ cho công chứng viên được bổ sung cho Văn phòng công chứng, cụ thể: - Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ cho công chứng viên; - Quyết định bổ nhiệm của công chứng viên được đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên (bản sao có chứng thực hoặc Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền kèm theo bản chính để đối chiếu); - 01 ảnh chân dung cỡ 2cm x 3cm của mỗi công chứng viên được đề nghị đăng ký hành nghề và cấp

				<p>Thẻ (ảnh chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp ảnh);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thẻ Hội viên hoặc giấy tờ khác chứng minh công chứng viên đã là Hội viên của Hội công chứng viên; - Chứng minh nhân dân; Giấy tờ chứng minh nơi cư trú của công chứng viên tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở; + Giấy tờ chứng minh đã chấm dứt hành nghề đối với người đang hành nghề luật sư, đấu giá, thừa phát lại; <i>đang hành nghề công chứng tại tổ chức hành nghề công chứng khác</i> hoặc công việc thường xuyên khác; - Văn bản thỏa thuận về việc chấm dứt tư cách thành viên hợp danh của công chứng viên, văn bản thanh lý hợp đồng lao động với công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng; giấy tờ chứng minh công chứng viên của Văn phòng công chứng bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết trong trường hợp thay đổi danh sách công chứng viên; + Giấy tờ chứng minh công chứng viên dự kiến là Trưởng Văn phòng đã hành nghề công chứng từ 02 năm trở lên trong trường hợp thay đổi Trưởng Văn phòng công chứng; + Giấy tờ chứng minh về trụ sở trong trường hợp thay đổi trụ sở của Văn phòng công chứng; trường hợp thay đổi trụ sở Văn phòng công chứng sang địa bàn cấp huyện khác thì phải có văn bản chấp thuận của UBND cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật công chứng. 	
945.	Hợp nhất Văn phòng công chứng	1.001688	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng hợp nhất Văn phòng công chứng, trong đó có các nội dung chủ yếu sau: Tên, địa chỉ trụ sở của các Văn phòng công chứng được hợp nhất; tên, địa chỉ trụ sở của Văn phòng công chứng hợp nhất; thời gian thực hiện hợp nhất; phương án chuyển tài 	

				<p>sản của các Văn phòng công chứng được hợp nhất sang Văn phòng công chứng hợp nhất; phương án sử dụng lao động của Văn phòng công chứng hợp nhất; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các Văn phòng công chứng được hợp nhất và các nội dung khác có liên quan;</p> <ul style="list-style-type: none"> - kê khai thuế, báo cáo tài chính trong 03 (ba) năm gần nhất đã được kiểm toán của các Văn phòng công chứng được hợp nhất tính đến ngày đề nghị hợp nhất; - Biên bản kiểm kê các hồ sơ công chứng và biên bản kiểm kê tài sản hiện có của các Văn phòng công chứng được hợp nhất; - Danh sách các công chứng viên hợp danh và công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng tại các Văn phòng công chứng được hợp nhất; - Quyết định cho phép thành lập và giấy đăng ký hoạt động của các Văn phòng công chứng được hợp nhất 	
946.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	2.000766	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC- 09 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP; - Quyết định cho phép hợp nhất Văn phòng công chứng; + Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng; - Giấy đăng ký hành nghề của các công chứng viên 	
947.	Sáp nhập Văn phòng công chứng	1.001665	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng sáp nhập Văn phòng công chứng, trong đó có các nội dung chủ yếu sau: Tên, địa chỉ trụ sở của các Văn phòng công chứng bị sáp nhập; tên, địa chỉ trụ sở của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập; thời gian thực hiện sáp nhập; phương án chuyển tài sản của các Văn phòng công chứng bị sáp nhập sang Văn phòng công chứng nhận sáp nhập; phương án sử dụng lao động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích 	

				<p>hợp pháp của các Văn phòng công chứng bị sáp nhập và các nội dung khác có liên quan;</p> <ul style="list-style-type: none"> - kê khai thuế, báo cáo tài chính trong 03 (ba) năm gần nhất đã được kiểm toán của các Văn phòng công chứng tính đến ngày đề nghị sáp nhập; - Biên bản kiểm kê hồ sơ công chứng và biên bản kiểm kê tài sản hiện có của các Văn phòng công chứng; - Danh sách các công chứng viên hợp danh và công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng tại các Văn phòng công chứng; - Quyết định cho phép thành lập và giấy đăng ký hoạt động của các Văn phòng công chứng 	
948.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	2.000758	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-10 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP; - Quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng; + Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập; - Giấy đăng ký hành nghề của các công chứng viên đang hành nghề tại các Văn phòng công chứng bị sáp nhập 	
949.	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	1.001647	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng công chứng, trong đó có nội dung chủ yếu sau: Tên, địa chỉ trụ sở, danh sách công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng; tên, số Quyết định bổ nhiệm công chứng viên của các công chứng viên nhận chuyển nhượng; giá chuyển nhượng, việc thanh toán tiền và bàn giao Văn phòng công chứng được chuyển nhượng; quyền, nghĩa vụ của các bên và các nội dung khác có liên quan; <p>Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng công chứng phải có chữ ký của công chứng viên hợp danh đại</p>	

				<p>diện cho các công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng, các công chứng viên nhận chuyển nhượng và phải được công chứng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản cam kết của các công chứng viên nhận chuyển nhượng về việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ, tiếp nhận toàn bộ yêu cầu công chứng đang thực hiện và hồ sơ đang được lưu trữ tại Văn phòng công chứng được chuyển nhượng; - Biên bản kiểm kê hồ sơ công chứng của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng; - Bản sao Quyết định bổ nhiệm công chứng viên của các công chứng viên nhận chuyển nhượng; giấy tờ chứng minh đã hành nghề công chứng từ 02 năm trở lên đối với công chứng viên nhận chuyển nhượng dự kiến là Trưởng Văn phòng công chứng; - Quyết định cho phép thành lập và giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng; - Kê khai thuế, báo cáo tài chính trong 03 (ba) năm gần nhất đã được kiểm toán của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng 	
950.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của văn phòng công chứng được chuyển nhượng	2.000743	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-10 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP; - Quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng công chứng; + Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng; - Giấy đăng ký hành nghề của các công chứng viên 	
951.	Thành lập Hội công chứng viên	1.003118	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Đề án thành lập Hội công chứng viên; - Tờ trình Đề án; - Báo cáo thẩm định Đề án 	

952.	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	1.008889	Trọng tài thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài (Mẫu số 04/TP-TTTM); - Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài; trong trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu; - Bản sao có chứng thực Điều lệ Trung tâm trọng tài; trong trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu 	
953.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	1.008890	Trọng tài thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài/Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (Mẫu số 05/TP-TTTM); - Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài; trong trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu; - Bản chính Quyết định thành lập Chi nhánh của Trung tâm trọng tài; - Bản chính Quyết định của Trung tâm trọng tài về việc cử Trưởng Chi nhánh 	
954.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	1.008904	Trọng tài thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài/Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (Mẫu số 10/TP-TTTM); - Bản chính Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Trung tâm trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; - Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài; trong trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu; Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Chi nhánh của Trung tâm trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; trong trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu. 	
955.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh,	1.008905	Trọng tài thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; - Bản chính Giấy đăng ký hoạt động; 	

	địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương			- Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài; trong trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu	
956.	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác	1.008906	Trọng tài thương mại	- Đơn đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài/Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (Mẫu số 05/TP-TTTM); - Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Chi nhánh, trong trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu	
957.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	1.001248	Trọng tài thương mại	- Đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài/Chi nhánh Trung tâm trọng tài/Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (Mẫu số 12/TP-TTTM); - Giấy xác nhận về việc bị mất Giấy đăng ký hoạt động của công an cấp xã nơi mất giấy tờ (trong trường hợp bị mất)	
958.	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	1.008925	Thừa phát lại	- Thành phần hồ sơ: - Giấy đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định; - Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền kèm bản chính chứng chỉ tốt nghiệp đào tạo nghề Thừa phát lại hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề Thừa phát lại hoặc quyết định công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa phát lại ở nước ngoài để đối chiếu	
959.	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	1.008926	Thừa phát lại	Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định	
960.	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	1.008927	Thừa phát lại	- Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;	

				<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền kèm bản chính Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thừa phát lại để đối chiếu; - 01 ảnh chân dung của Thừa phát lại cỡ 2cm x 3cm chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ 	
961.	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	1.008928	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp lại Thẻ Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định; - 01 ảnh chân dung của Thừa phát lại cỡ 2cm x 3cm chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ; - Bản chính Thẻ Thừa phát lại trong trường hợp Thẻ bị hỏng 	
962.	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	1.008929	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị thành lập Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định; - Bản thuyết minh về tổ chức, tên gọi, nhân sự, địa điểm đặt trụ sở, các điều kiện vật chất và kế hoạch triển khai thực hiện; - Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền kèm bản chính Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thừa phát lại để đối chiếu 	
963.	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	1.008930	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định; - Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền kèm bản chính Quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại để đối chiếu; - Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện quy định tại khoản 3, 4 Điều 17 của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP; - Hồ sơ đăng ký hành nghề của Thừa phát lại theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP 	

964.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	1.008931	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định; - Giấy tờ chứng minh việc thay đổi và bản chính Giấy đăng ký hoạt động
965.	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	1.008932	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị chuyển đổi loại hình Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định; - Bản thuyết minh về việc chuyển đổi loại hình hoạt động, trong đó nêu rõ phương án chuyển đổi, tình hình tổ chức và hoạt động của Văn phòng tính đến ngày đề nghị chuyển đổi, dự kiến về tổ chức, tên gọi, địa điểm đặt trụ sở, nhân sự, các điều kiện vật chất; - Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền kèm bản chính Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thừa phát lại để đối chiếu; - Bản chính Quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại.
966.	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	1.008933	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định; - Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền kèm bản chính Quyết định cho phép chuyển đổi để đối chiếu; + Giấy tờ chứng minh có đủ điều kiện bảo đảm hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP.
967.	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	1.008934	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị hợp nhất, giấy đề nghị sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định; - Hợp đồng hợp nhất, hợp đồng sáp nhập trong đó có các nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở của các Văn phòng bị hợp nhất, sáp nhập; thời gian thực hiện hợp nhất, sáp nhập; phương án xử lý tài sản, sử

				<p>dụng lao động của các Văn phòng; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các Văn phòng và các nội dung khác có liên quan;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản kê khai thuế, báo cáo tài chính trong năm gần nhất đã được kiểm toán của các Văn phòng tính đến ngày đề nghị hợp nhất, sáp nhập; - Biên bản kiểm kê các hồ sơ nghiệp vụ và biên bản kiểm kê tài sản hiện có của các Văn phòng bị hợp nhất, sáp nhập; - Danh sách Thừa phát lại hợp danh và Thừa phát lại làm việc theo chế độ hợp đồng (nếu có) tại các Văn phòng; - Bản chính Quyết định cho phép thành lập và Giấy đăng ký hoạt động của các Văn phòng
968.	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	1.008935	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký hoạt động, Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định; - Quyết định cho phép hợp nhất, Quyết định cho phép sáp nhập; + Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng Thừa phát lại; - Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền kèm bản chính Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại của các Thừa phát lại đang hành nghề tại Văn phòng Thừa phát lại để đối chiếu
969.	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	1.008936	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định; - Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại có công chứng theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định; - Biên bản kiểm kê hồ sơ nghiệp vụ của Văn phòng được chuyển nhượng; - Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao có chứng thực điện tử của cơ quan có thẩm quyền kèm bản chính

				<p>Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thừa phát lại của các Thừa phát lại nhận chuyển nhượng đề đổi chiếu;</p> <p>- Bản chính Quyết định cho phép thành lập và Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại được chuyển nhượng;</p> <p>- Bản kê khai thuế, báo cáo tài chính trong 02 năm gần nhất đã được kiểm toán của Văn phòng được chuyển nhượng;</p> <p>- Văn bản cam kết của Thừa phát lại nhận chuyển nhượng với nội dung quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 28 của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP</p>	
970.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	1.008937	Thừa phát lại	<p>- Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;</p> <p>- Quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại;</p> <p>+ Giấy tờ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ thuế đối với việc chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại;</p> <p>+ Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng Thừa phát lại được chuyển nhượng (trong trường hợp thay đổi trụ sở);</p> <p>- Hồ sơ đăng ký hành nghề của các Thừa phát lại theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP</p>	
971.	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	2.001680	Trợ giúp pháp lý	Đơn rút yêu cầu trợ giúp pháp lý	
972.	Lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	2.000977	Trợ giúp pháp lý	<p>- Giấy đề nghị tham gia lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý có xác nhận của tổ chức hành nghề luật sư nơi luật sư đang làm việc hoặc cơ quan, tổ chức mà luật sư ký hợp đồng lao động đồng ý cho luật sư tham gia ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý;</p> <p>- Bản sao thẻ luật sư;</p>	

				<ul style="list-style-type: none"> - Bản giới thiệu về quá trình hành nghề của luật sư, vụ việc tham gia tố tụng, kinh nghiệm tham gia trợ giúp pháp lý; - Các tài liệu khác theo thông báo lựa chọn luật sư (nếu có) 	
973.	Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	2.000970	Trợ giúp pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị tham gia lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý; - Bản sao Giấy đăng ký hoạt động; - Bản giới thiệu về tổ chức và hoạt động của tổ chức tham gia lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, trong đó nêu rõ số luật sư, số tư vấn viên pháp luật làm việc tại tổ chức (kèm theo bản sao thẻ luật sư, thẻ tư vấn viên pháp luật), vụ việc 436 tham gia tố tụng, kinh nghiệm tham gia trợ giúp pháp lý, cơ sở vật chất và các nội dung khác; - Các tài liệu khác theo thông báo lựa chọn tổ chức (nếu có) 	
974.	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	2.000829	Trợ giúp pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý; + Giấy tờ chứng minh người thuộc diện trợ giúp pháp lý quy định tại Điều 33 Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; - Các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý 	
975.	Thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	2.001687	Trợ giúp pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý. - Giấy tờ, tài liệu liên quan đến yêu cầu thay đổi 	
976.	Giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	2.000592	Trợ giúp pháp lý	Đơn khiếu nại và các giấy tờ có liên quan	
977.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	2.000635	Hộ tịch	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đề nghị bản sao Trích lục hộ tịch theo mẫu trong trường hợp người yêu cầu là cá nhân hoặc Văn bản yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch nêu rõ lý 	

				<p>do trong trường hợp người yêu cầu là cơ quan, tổ chức.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực. - Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu cấp xác nhận thông tin hộ tịch (trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính). 	
978.	Xác nhận thông tin hộ tịch	2.002516	Hộ tịch	<ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu cấp xác nhận thông tin hộ tịch (trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Tờ khai đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch theo mẫu; - Giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch; - Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc xin cấp xác nhận thông tin hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực. 	
979.	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	2.001895	Quốc tịch	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam, kèm 02 ảnh 4x6 chụp chưa quá 06 tháng; - Giấy tờ về nhân thân của người đó như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, giấy tờ cư trú, 	

				<p>thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp;</p> <p>- Giấy tờ được cấp trước đây để chứng minh người đó đã từng có quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ để chứng minh khi sinh ra người đó có cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam. Trường hợp không có bất kỳ giấy tờ nào nêu trên thì tùy từng hoàn cảnh cụ thể, có thể nộp bản sao giấy tờ về nhân thân, quốc tịch, hộ tịch do chế độ cũ ở miền Nam cấp trước ngày 30/4/1975; giấy tờ do chính quyền cũ ở Hà Nội cấp từ năm 1911 đến năm 1956; giấy bảo lãnh của Hội đoàn người Việt Nam ở nước ngoài nơi người đó đang cư trú, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam; giấy bảo lãnh của người có quốc tịch Việt Nam, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam; giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp trong đó ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam.</p> <p>* Lưu ý: Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu. Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.</p>	
980.	Nhập quốc tịch Việt Nam	2.002039	Quốc tịch	<p>- Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam;</p> <p>- Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế. Giấy tờ khác có giá trị thay thế</p>	

			<p>Giấy khai sinh, Hộ chiếu đối với người không quốc tịch xin nhập quốc tịch Việt Nam là giấy tờ có thông tin về họ tên, ngày tháng năm sinh, có dán ảnh của người đó và đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản khai lý lịch; - Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ; <p>Giấy tờ chứng minh trình độ Tiếng Việt (bản sao văn bằng, chứng chỉ để chứng minh người đó đã học bằng tiếng Việt tại Việt Nam như bản sao bằng tiến sĩ, bằng thạc sĩ, bằng cử nhân hoặc bằng tốt nghiệp đại học, bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp (bao gồm bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp hoặc trung cấp chuyên nghiệp); bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở của Việt Nam; bản sao chứng chỉ tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài do cơ sở giáo dục của Việt Nam cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>Trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam không có giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt thì Sở Tư pháp tổ chức kiểm tra, phỏng vấn về khả năng nghe, nói, đọc viết tiếng Việt của người đó bảo đảm đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 16/2020/NĐ-CP.</p>	
--	--	--	---	--

			<p>Thành phần tham gia phỏng vấn có đại diện của Sở Tư pháp và Sở Giáo dục đào tạo. Kết quả kiểm tra, phỏng vấn phải được lập thành văn bản. Những người trực tiếp kiểm tra, phỏng vấn chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, phỏng vấn và ý kiến đề xuất của mình;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam (Bản sao Thẻ thường trú); - Giấy tờ chứng minh bảo đảm cuộc sống ở Việt Nam (gồm một trong các giấy tờ sau: giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản; giấy tờ do cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc xác nhận về mức lương hoặc thu nhập; giấy tờ bảo lãnh của tổ chức, cá nhân tại Việt Nam; giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú về tình trạng nhà ở, công việc, thu nhập của người xin nhập quốc tịch Việt Nam). - Bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên cùng nhập quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con. - Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ nhập quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia. - Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự; 	
--	--	--	--	--

			<p>- Những người được miễn một số điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì được miễn các giấy tờ tương ứng với điều kiện được miễn, nhưng phải nộp một số giấy tờ sau để chứng minh điều kiện được miễn, cụ thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Người có vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam thì phải nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; + Nếu có cha, mẹ, con là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con; + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành. + Người mà việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: (phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương hoặc được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được nhập quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được nhập quốc tịch Việt Nam).
--	--	--	---

			<p>- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ chứng minh:</p> <p>+ Đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam;</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam và việc nhập quốc tịch đồng thời giữ quốc tịch nước ngoài là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi nhập quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó. Việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước có quốc tịch bị ảnh hưởng;</p> <p>+ Bản cam kết của người đó về nội dung: Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>- Giấy tờ có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được công chứng hoặc chứng</p>
--	--	--	---

				<p>thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>- Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu.</p>	
981.	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	2.002038	Quốc tịch	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam; - Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế; - Bản khai lý lịch; - Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ; - Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam (Các giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau đây: bản sao Giấy khai sinh; bản sao Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy xác nhận mất quốc tịch Việt Nam; giấy tờ khác có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó); - Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau: 	

			<p>+ Người có vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam phải nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn chứng minh quan hệ hôn nhân hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân;</p> <p>+ Người là cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam phải nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con;</p> <p>+ Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hoặc việc trở lại quốc tịch Việt Nam là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì nộp giấy tờ tương ứng: Người có công lao đặc biệt đóng góp lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành; Người mà việc trở lại quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương hoặc được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được trở lại quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói</p>	
--	--	--	---	--

			<p>trên của Việt Nam sau khi được trở lại quốc tịch Việt Nam;</p> <p>+ Giấy tờ chứng minh việc thực hiện đầu tư tại Việt Nam: phải có dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy tờ chứng nhận việc đầu tư đó.</p> <p>- Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam vì lý do đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì phải có giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận rõ về lý do không được nhập quốc tịch nước ngoài. Trong trường hợp không được nhập quốc tịch nước ngoài là do lỗi chủ quan của người đó thì phải có văn bản bảo lãnh của một trong những người là cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc anh, chị, em ruột là công dân Việt Nam đang thường trú tại Việt Nam, kèm theo đơn của người đó tự nguyện về cư trú tại Việt Nam.</p> <p>- Con chưa thành niên cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ thì phải nộp bản sao Giấy khai sinh của người con hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con.</p> <p>Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ trở lại quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sống cùng người đó trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận của cha mẹ về việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận phải có đầy đủ chữ ký của cha và mẹ, chữ ký không phải chứng thực nhưng người đứng đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.</p> <p>Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng</p>	
--	--	--	---	--

			<p>minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.</p> <p>- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ chứng minh:</p> <p>+ Đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam.</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi trở lại quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó. Việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước có quốc tịch bị ảnh hưởng.</p> <p>+ Bản cam kết của người đó về nội dung: Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>* Lưu ý</p> <p>Giấy tờ có trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc</p>
--	--	--	--

				<p>tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu.</p> <p>Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.</p>	
982.	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	2.002036	Quốc tịch	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam; - Bản khai lý lịch; - Bản sao Hộ chiếu Việt Nam, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ khác quy định tại Điều 11 của Luật quốc tịch năm 2008 như Giấy khai sinh; trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ; Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài, Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi. - Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ; - Giấy tờ xác nhận về việc người đó đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định về việc cấp giấy này (Giấy tờ xác nhận việc người xin thôi quốc tịch Việt Nam đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài 	

			<p>xác nhận hoặc bảo đảm cho người đó được nhập quốc tịch nước ngoài trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định việc cấp giấy này. Trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam đã có quốc tịch nước ngoài thì nộp bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân khác do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp để chứng minh người đó đang có quốc tịch nước ngoài).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy xác nhận không nợ thuế do Cục thuế nơi người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú cấp; - Đối với người trước đây là cán bộ, công chức, viên chức hoặc phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã nghỉ hưu, thôi việc, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên chưa quá 5 năm thì còn phải nộp giấy của cơ quan, tổ chức, đơn vị đã ra quyết định cho nghỉ hưu, cho thôi việc, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên xác nhận việc thôi quốc tịch Việt Nam của người đó không phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam. - Bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên cùng thôi quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con. - Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ thôi quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó thôi quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia. 	
--	--	--	---	--

				<p>- Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.</p> <p>* Lưu ý: Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính thì các giấy tờ là bản sao từ bản chính phải được chứng thực.</p> <p>Giấy tờ có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu. Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.</p>	
983.	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	1.005136	Quốc tịch	<p>- Trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch + Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, kèm 02 ảnh 4x6;</p>	

			<p>+ Bản sao giấy tờ về nhân thân của người đó như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp;</p> <p>+ Bản sao giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam (Giấy khai sinh; trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ; Giấy chứng minh nhân dân; Hộ chiếu Việt Nam; Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài, Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi) hoặc giấy tờ tương tự do chính quyền cũ trước đây cấp, kể cả Giấy khai sinh trong đó không có mục quốc tịch hoặc mục quốc tịch bỏ trống nhưng trên đó ghi họ tên Việt Nam của người yêu cầu và cha, mẹ của người đó.</p> <p>- Trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, nhưng có giấy tờ làm cơ sở để xác định có quốc tịch Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP:</p> <p>+ Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, kèm 02 ảnh 4x6;</p> <p>+ Bản khai lý lịch;</p> <p>+ Bản sao giấy tờ về nhân thân của người đó như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp;</p>	
--	--	--	---	--

				<p>+Một trong các giấy tờ để làm cơ sở xác minh về quốc tịch, gồm: bản sao giấy tờ về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu, căn cước hoặc giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho công dân Việt Nam qua các thời kỳ từ năm 1945 đến trước ngày 01/7/2009, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc thông tin liên quan đến quốc tịch, công dân Việt Nam; bản sao giấy tờ về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu, căn cước hoặc giấy tờ khác do chế độ cũ ở miền Nam Việt Nam cấp trước ngày 30/4/1975 hoặc giấy tờ do chính quyền cũ ở Hà Nội cấp từ năm 1911 đến năm 1956, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc thông tin liên quan đến quốc tịch, công dân Việt Nam.</p> <p>* Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu. Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật. <p>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính thì các giấy tờ là bản sao từ bản chính phải được chứng thực.</p>	
984.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp đối với công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	2.000488	Lý lịch tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký LLTP theo mẫu (nhập Biểu mẫu trên hệ thống trực tuyến theo quy định hoặc đính kèm tờ khai đã ký số hoặc bản scan, bản chụp). - Bản chụp Thẻ căn cước công dân và bản chụp Xác nhận về thông tin cư trú/trường hợp các thông tin 	

				<p>này đã được xác thực và cung cấp bởi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì không phải tải lên.</p> <p>- Văn bản ủy quyền trong trường hợp ủy quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (trường hợp người được ủy quyền là cha, mẹ, vợ, chồng, con của người ủy quyền thì không cần văn bản ủy quyền nhưng phải có giấy tờ chứng minh mối quan hệ). Văn bản ủy quyền phải được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>Cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 không được ủy quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.</p> <p>- Bản chụp chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người được ủy quyền (trường hợp ủy quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1).</p> <p>* Lưu ý: Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký LLTP trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p>	
985.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội yêu cầu (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	2.001417	Lý lịch tư pháp	Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 dành cho cơ quan, tổ chức	
986.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	2.000505	Lý lịch tư pháp	Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 dành cho cơ quan tiến hành tố tụng	

987.	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	1.003976	Nuôi con nuôi	<p>* Hồ sơ của người nhận con nuôi gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (Sử dụng cho trường hợp nhận trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng, song ngữ Việt - Anh); - Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; - Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam; - Bản điều tra về tâm lý, gia đình; - Văn bản xác nhận tình trạng sức khỏe; - Văn bản xác nhận thu nhập và tài sản; - Phiếu lý lịch tư pháp; - Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân: <p>+ Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn.</p> <p>+ Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi cư trú tại Việt Nam và giấy tờ, tài liệu khác để chứng minh người nhận con nuôi là người nước ngoài đang làm việc, học tập liên tục tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm, tính đến ngày nộp hồ sơ tại Vụ Con nuôi (đối với trường hợp người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm). <p>Lưu ý: Các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp phải được:</p> <ul style="list-style-type: none"> *) Hợp pháp hoá lãnh sự tại Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao Việt Nam, Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại. *) Dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam về chứng thực chữ ký.
------	---	----------	---------------	--

				<p>* Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy khai sinh; - Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp; - Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng; - Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự; - Quyết định tiếp nhận trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng; - Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em; - Tài liệu chứng minh đã thực hiện việc tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em theo quy định nhưng không thành đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu. - Trường hợp nhận đích danh trẻ em là anh, chị, em ruột của con nuôi trước đó: Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho người nhận con nuôi nhận con nuôi trước đó và giấy tờ, tài liệu để chứng minh người con nuôi đó với trẻ em được nhận làm con nuôi là anh, chị em ruột. 	
988.	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ	1.004878	Nuôi con nuôi	Hồ sơ của người nhận con nuôi:	

	<p>hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài (sử dụng cho trường hợp nhận con riêng, cháu ruột, song ngữ Việt-Anh); - Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; - Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam; - Bản điều tra về tâm lý, gia đình; - Văn bản xác nhận về tình trạng sức khỏe; - Văn bản xác nhận về thu nhập và tài sản; - Phiếu lý lịch tư pháp; - Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân: + Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn. + Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. - Tài liệu chứng minh thuộc trường hợp được xin đích danh, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> +) Bản sao giấy chứng nhận kết hôn của cha đẻ hoặc mẹ kế với mẹ đẻ hoặc cha đẻ của người được nhận làm con nuôi. +) Giấy tờ, tài liệu để chứng minh người nhận con nuôi là cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi. <p>Lưu ý Các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp phải được:</p> <ul style="list-style-type: none"> *) Hợp pháp hoá lãnh sự tại Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao Việt Nam, Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại. *) Dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam. 	
--	---	--	---	--

				<p>Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy khai sinh; - Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp; - Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng; - Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự; <p>Văn bản lấy ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi của cha mẹ đẻ, người giám hộ và của trẻ em từ đủ 9 tuổi trở lên;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản của Sở Tư pháp xác nhận trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi nước ngoài. - Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em được nhận làm con nuôi (đối với trường hợp cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi). - Trường hợp nhận đích danh trẻ em là anh, chị, em ruột của con nuôi trước đó : Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho người nhận con nuôi nhận con nuôi trước đó và giấy tờ, tài liệu để chứng minh người con nuôi đó với trẻ em được nhận làm con nuôi là anh, chị em ruột. 	
989.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	1.003179	Nuôi con nuôi	<p>Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi (Trường hợp yêu cầu đăng ký lại tại Sở Tư pháp không phải là nơi trước đây đã đăng ký việc nuôi con nuôi, thì Tờ khai</p>	

				phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng)
990.	Giải quyết người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	1.003160	Nuôi con nuôi	<p>Hồ sơ của người nhận con nuôi :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin nhận con nuôi; - Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; - Phiếu lý lịch tư pháp; - Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân: <p>+ Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn.</p> <p>+ Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (trừ trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi); - Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp (trừ trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi). <p>Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy khai sinh; - Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp; - Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng; - Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của

				<p>trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>- Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>Trường hợp phải chứng minh nơi thường trú của người nhận con nuôi/người được giới thiệu làm con nuôi khi đề nghị UBND cấp xã cấp Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế hoặc khi nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.</p> <p>Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nhận con nuôi nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú, bao gồm: Thẻ căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</p>	
991.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của	2.002349	Nuôi con nuôi	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin nhận con nuôi; - Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; - Phiếu lý lịch tư pháp; 	

	nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi			<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân: + Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn. + Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. - Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp; - Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp; - Các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật nước láng giềng. <p>Lưu ý: Trường hợp phải chứng minh nơi thường trú của người nhận con nuôi khi đề nghị UBND cấp xã lập Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế hoặc khi nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nhận con nuôi nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú, bao gồm: Thẻ căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</p>	
992.	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường	2.002193	Bồi thường nhà nước	Yêu cầu xác định cơ quan giải quyết bồi thường của người yêu cầu bồi thường hoặc hồ sơ do các cơ quan	

				<p>không thống nhất được cơ quan giải quyết bồi thường chuyên sang khi có một trong các căn cứ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp xác định cơ quan theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP, Sở Tư pháp giúp UBND cấp tỉnh xác định cơ quan giải quyết bồi thường thì khi có một trong các căn cứ sau: <ul style="list-style-type: none"> + Không có sự thống nhất về cơ quan giải quyết bồi thường trong trường hợp có nhiều người thi hành công vụ thuộc nhiều cơ quan trong phạm vi quản lý của địa phương mình cùng gây thiệt hại; + Cơ quan nhà nước ở địa phương bị giải thể theo quyết định của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. - Trường hợp xác định cơ quan theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP, Sở Tư pháp thực hiện việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường khi người yêu cầu bồi thường chưa xác định ngay được cơ quan giải quyết bồi thường thì người yêu cầu bồi thường gửi hồ sơ yêu cầu bồi thường quy định tại Điều 41 Luật TNBTCNN năm 2017. 	
993.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	2.002192	Bồi thường nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp người bị thiệt hại trực tiếp yêu cầu bồi thường thì hồ sơ yêu cầu bồi thường (sau đây gọi là hồ sơ) bao gồm: Văn bản yêu cầu bồi thường; Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường, trừ trường hợp người bị thiệt hại không được gửi hoặc không thể có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường; Giấy tờ chứng minh nhân thân của người bị thiệt hại; Tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc yêu cầu bồi thường (nếu có). - Trường hợp người yêu cầu bồi thường là người thừa kế (nếu có nhiều người thừa kế thì những người thừa kế đó phải cử ra một người đại diện) hoặc là người đại diện của người bị thiệt hại thì ngoài các tài liệu quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều 41 	

				<p>Luật TNBTCNN năm 2017, hồ sơ còn phải có các tài liệu sau đây: Giấy tờ chứng minh nhân thân của người thừa kế, người đại diện của người bị thiệt hại; Văn bản ủy quyền hợp pháp trong trường hợp đại diện theo ủy quyền; Trường hợp người bị thiệt hại chết mà có di chúc thì người yêu cầu bồi thường phải cung cấp di chúc, trường hợp không có di chúc thì phải có văn bản hợp pháp về quyền thừa kế.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu bồi thường trực tiếp nộp hồ sơ thì các giấy tờ, tài liệu và chứng cứ quy định tại các điểm b, c, d khoản 1 và khoản 2 Điều 41 Luật TNBTCNN năm 2017 là bản sao nhưng phải có bản chính để đối chiếu; trường hợp người yêu cầu bồi thường gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính thì các giấy tờ, tài liệu và chứng cứ quy định tại các điểm b, c, d khoản 1 và khoản 2 Điều 41 Luật TNBTCNN năm 2017 là bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật về chứng thực.</p>	
994.	Phục hồi danh dự	2.002191	Bồi thường nhà nước	<p>* Chủ động phục hồi danh dự</p> <p>- Thông báo về việc tổ chức thực hiện phục hồi danh dự (mẫu 17/BTNN ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTP);</p> <p>- Biên bản trả lời thông báo tổ chức thực hiện phục hồi danh dự (mẫu 18/BTNN ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTP).</p> <p>Trường hợp cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại đã Thông báo nhưng người bị thiệt hại chưa đề nghị chưa thực hiện phục hồi danh dự mà yêu cầu sau thì thành phần hồ sơ gồm: Thông báo về việc tổ chức thực hiện phục hồi danh dự (mẫu 17/BTNN ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTP); Ý kiến của người bị thiệt hại đề nghị chưa thực hiện phục hồi danh dự; Văn bản đề nghị phục hồi danh dự.</p>	

				* Phục hồi danh dự theo yêu cầu của người bị thiệt hại Văn bản yêu cầu bồi thường (mẫu 01/BTNN ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTP).	
XV. Thủ tục hành chính do Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý					
STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
995.	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	1.004217	Đất đai	- Giấy chứng nhận đã cấp; - Trích lục hoặc trích đo địa chính thửa đất (nếu có). - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thẩm quyền của cơ quan thuế). - Kết quả: Quyết định gia hạn; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	
996.	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	1.001990	Đất đai	- - Giấy chứng nhận đã cấp; - Bản sao Quyết định đầu tư bổ sung hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư,... có thể hiện thời hạn; - Trích lục hoặc trích đo địa chính thửa đất (nếu có). - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế) - Kết quả: Quyết định giao đất, cho thuê đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng thuê đất.	
997.	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	1.001991	Đất đai	- Hợp đồng, văn bản mua bán, góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự; - Giấy chứng nhận đã cấp; - Hợp đồng thuê đất đã ký với Nhà nước;	

				<ul style="list-style-type: none"> - Trích lục hoặc trích đo địa chính thửa đất (nếu có). - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế) - Kết quả: Quyết định thu hồi đất, cho thuê đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng thuê đất 	
998.	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	1.001134	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đã cấp; - Hợp đồng thuê đất đã lập; - Trích lục hoặc trích đo địa chính thửa đất (nếu có). - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế). <p>Kết quả: Quyết định chuyển hình thức; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng thuê đất hoặc phụ lục hợp đồng thuê đất hoặc biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất (nếu có).</p>	
999.	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	2.001938	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc giao đất để quản lý; - Trích lục hoặc trích đo địa chính thửa đất (nếu có). - Kết quả: Ghi vào sổ địa chính và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý 	
1000.	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	1.004238	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thanh lý hợp đồng cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc hợp đồng cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất có xác nhận đã được thanh lý hợp đồng; - Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và trường hợp góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản 	

				<p>gắn liền với đất;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trích lục hoặc trích đo địa chính thửa đất (nếu có). - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế) - Kết quả: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. 	
1001.	<p>Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận</p>	1.004227	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đã cấp; - Một trong các giấy tờ liên quan đến nội dung biến động. - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế). - Kết quả: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất 	
1002.	<p>Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề</p>	1.004221	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đã cấp của một bên hoặc các bên liên quan; - Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập hoặc thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề; - Sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thửa đất mà người sử dụng thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế. - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế) 	

				- Kết quả: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	
1003.	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	1.004203	Đất đai	- Giấy chứng nhận đã cấp; - Trích lục hoặc trích đo địa chính thửa đất (nếu có). - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế) - Kết quả: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	
1004.	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	1.004199	Đất đai	- Giấy chứng nhận đã cấp; - Bản sao hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thay cho Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận sau khi đo đạc lập bản đồ địa chính mà Giấy chứng nhận đã cấp đang thế chấp tại tổ chức tín dụng; - Trích lục hoặc trích đo địa chính thửa đất (nếu có). - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế). - Kết quả: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	
1005.	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	1.004193	Đất đai	Giấy chứng nhận đã cấp;	
1006.	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận phát hiện	1.004177	Đất đai	Giấy chứng nhận đã cấp. - Kết quả: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận	

1007.	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	1.011616	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định đầu tư dự án hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy phép đầu tư,... theo quy định của pháp luật về đầu tư; - Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập hoặc thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề (nếu có); - Sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thửa đất mà người sử dụng thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế (nếu có); - Hợp đồng thuê đất (nếu có); - Trích lục hoặc trích đo địa chính thửa đất. - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế) - Kết quả: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. 	
1008.	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	2.000983	Đất đai	<p>Một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định đầu tư dự án hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy phép đầu tư,... theo quy định của pháp luật về đầu tư; - Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có); - Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập hoặc thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề (nếu có); 	

				<ul style="list-style-type: none"> - Sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thửa đất mà người sử dụng thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế (nếu có); - Hợp đồng thuê đất (nếu có); - Trích lục hoặc trích đo địa chính thửa đất. - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế). - Kết quả: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. 	
1009.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	1.002255	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; - Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng, tạo lập tài sản được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật; - Giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế). - Kết quả: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. 	
1010.	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	2.000976	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đã cấp; - Giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; - Sơ đồ về tài sản gắn liền với đất; - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc 	

				thẩm quyền của cơ quan thuế) - Kết quả: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	
1011.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng là tổ chức trong các dự án phát triển nhà ở và trong các dự án kinh doanh bất động sản không phải dự án phát triển nhà ở	1.002273	Đất đai	- Giấy chứng nhận đã cấp; - Hợp đồng về chuyển nhượng; - Biên bản bàn giao nhà, đất, công trình xây dựng không phải là nhà ở. - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế). - Kết quả: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	
1012.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng đã có Giấy chứng nhận	2.000889	Đất đai	- Hợp đồng, văn bản về việc chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định; - Giấy chứng nhận đã cấp; - Văn bản chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư; - Văn bản của người sử dụng đất đồng ý cho chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, góp vốn tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất;	

				<ul style="list-style-type: none"> - Trích lục hoặc trích đo địa chính thửa đất (nếu có). - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế). - Kết quả: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. 	
1013.	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp</p>	2.000880	Đất đai	<p>Giấy chứng nhận đã cấp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một trong các loại giấy tờ gồm: Biên bản hòa giải thành (trường hợp hòa giải thành mà có thay đổi ranh giới thửa đất thì có thêm quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền) hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai theo quy định của pháp luật; văn bản bàn giao tài sản thế chấp theo thỏa thuận (nếu có) và văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng thế chấp có nội dung thỏa thuận về xử lý tài sản thế chấp; văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng góp vốn có nội dung thỏa thuận về xử lý tài sản góp vốn và văn bản bàn giao tài sản góp vốn theo thỏa thuận; quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành có nội dung xác định người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; văn bản kết quả đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo yêu cầu của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản hoặc yêu cầu của Tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án đã được thi hành; hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận phân chia hoặc hợp nhất hoặc chuyển giao quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của tổ chức trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức, chuyển đổi công ty; 	

				<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản của các thành viên trong hộ gia đình sử dụng đất đồng ý chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư nhân đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật đối với trường hợp hộ gia đình đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp; - Hợp đồng thuê đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp. - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế). - Kết quả: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. 	
1014.	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	1.005194	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ chứng minh đã đăng tin 03 lần trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương về việc mất Giấy chứng nhận hoặc Trang bổ sung của Giấy chứng nhận đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, cá nhân nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; - Giấy xác nhận của UBND cấp xã về việc thiên tai, hỏa hoạn đối với trường hợp mất Giấy chứng nhận hoặc Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do thiên tai, hỏa hoạn. - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế) - Kết quả: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. 	
1015.	Đăng ký đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng	1.001045	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đã cấp; 	

	đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền			<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định đầu tư dự án hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy phép đầu tư,... theo quy định của pháp luật về đầu tư; - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế). - Kết quả: GCNQSD đất 	
1016.	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	1.001009	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đã cấp; - Văn bản về chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; - Trích lục hoặc trích đo địa chính thửa đất (nếu có). - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế). - Kết quả: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. 	
1017.	Cung cấp dữ liệu đất đai	1.004269	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin hoặc văn bản yêu cầu cung cấp thông tin; - Trường hợp cung cấp thông tin bằng hình thức hợp đồng, thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự giữa cơ quan quản lý thông tin và tổ chức có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin. - Kết quả: Thông tin, dữ liệu đất đai cung cấp cho tổ chức, cá nhân hoặc văn bản từ chối cung cấp. 	
1018.	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	1.004267	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai; - Biên bản hòa giải tại UBND cấp xã; biên bản làm việc với các bên tranh chấp và người có liên quan; biên bản kiểm tra hiện trạng đất tranh chấp; biên bản cuộc họp các ban, ngành có liên quan đề tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai đối với trường hợp hòa giải không thành; biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết tranh chấp; 	

				<ul style="list-style-type: none"> - Trích lục bản đồ, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ liên quan đến diện tích đất tranh chấp và các tài liệu làm chứng cứ, chứng minh trong quá trình giải quyết tranh chấp; - Báo cáo đề xuất; - Kết quả: Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai hoặc quyết định công nhận hòa giải thành. 	
1019.	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư, nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	1.003010	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Trích lục hoặc trích đo địa chính thửa đất; - Giấy chứng nhận đã cấp hoặc xác minh về nguồn gốc đất (đối với trường hợp khu đất chưa được cấp Giấy chứng nhận). - Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có). - Kết quả: Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất. Văn bản thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc để cho thuê hoặc để bán kết hợp cho thuê theo quy định của pháp luật về nhà ở; dự án đầu tư kinh doanh bất động sản gắn với quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản; dự án sản xuất, kinh doanh không sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước. 	
1020.	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải	1.002253	Đất đai	<p>Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao Quyết định phê duyệt dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư kèm theo bản thuyết minh dự án đầu tư. Trường hợp xin giao đất để sử dụng 	

	<p>cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p>			<p>vào mục đích quốc phòng, an ninh thì không phải nộp kèm bản sao bản thuyết minh dự án đầu tư nhưng phải nộp bản sao quyết định đầu tư xây dựng công trình quốc phòng, an ninh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền gồm các nội dung liên quan đến việc sử dụng đất hoặc quyết định phê duyệt quy hoạch vị trí đóng quân của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Trường hợp dự án sử dụng đất cho hoạt động khoáng sản thì phải có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Trường hợp dự án chuyển đổi rừng nghèo kiệt sang trồng rừng cao su thì phải có giấy phép khai thác lâm sản (hoặc xác nhận không có lâm sản cần khai thác).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất; văn bản thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê. - Hồ sơ về nghĩa vụ trồng rừng thay thế (nếu có). - Hồ sơ về ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư (nếu có). - Biên bản của Sở Tài nguyên và Môi trường về kiểm tra hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng (nếu có). - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế). - Kết quả: Quyết định giao đất, cho thuê đất; Biên bản bàn giao đất ngoài thực địa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng thuê đất (nếu có). 	
1021.	<p>Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường</p>	1.002040	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất. - Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất; văn bản thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất. - Quyết định chủ trương đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền 	

	<p>hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p>			<p>(nếu có). Trường hợp xin giao đất cho cơ sở tôn giáo thì phải có báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình tôn giáo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ về nghĩa vụ trồng rừng thay thế (nếu có). - Hồ sơ về ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư (nếu có). - Biên bản của Sở Tài nguyên và Môi trường về kiểm tra hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng (nếu có). - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế). - Kết quả: Quyết định giao đất, cho thuê đất; Biên bản bàn giao đất ngoài thực địa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng thuê đất (nếu có). 	
1022.	<p>Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức</p>	1.004257	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đã cấp; - Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất (nếu có). - Biên bản xác minh thực địa hoặc Biên bản của Sở Tài nguyên và Môi trường về kiểm tra hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng (đối với trường hợp có chuyển mục đích đất rừng). - Bản sao bản thuyết minh dự án đầu tư đối với dự án không phải trình cơ quan có thẩm quyền xét duyệt, dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; bản sao báo cáo kinh tế - kỹ thuật của tổ chức sử dụng đất đối với trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Quyết định chủ trương đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. - Văn bản thẩm định điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. - Hồ sơ nghĩa vụ trồng rừng thay thế (nếu có). - Hồ sơ về ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư (nếu 	

				<p>có).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế) - Kết quả: Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Biên bản bàn giao đất ngoài thực địa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có). 	
1023.	<p>Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004</p>	1.004688	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đã cấp (nếu có); - Giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã cấp; - Văn bản của cơ quan có thẩm quyền đề nghị điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ (nếu có); - Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất; - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế). - Kết quả: Quyết định điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. 	
1024.	<p>Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty nông, lâm nghiệp</p>	2.000962	Đất đai	<p>Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án sử dụng đất; Báo cáo thuyết minh tổng hợp phương án sử dụng đất và Biểu kèm theo; Bản đồ phương án sử dụng đất của Công ty nông, lâm nghiệp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả: Thông báo kết quả thẩm định phương án sử 	

				dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp.	
1025.	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	1.001007	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản giới thiệu địa điểm (chấp thuận chủ trương đầu tư) hoặc dự án khai thác khoáng sản được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép và sơ đồ kèm theo; - Thông báo thu hồi đất; - Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được thẩm định và bản tổng hợp ý kiến đóng góp của người có đất bị thu hồi; - Báo cáo của UBND cấp huyện kèm theo danh sách các đối tượng có đất bị thu hồi (tên đối tượng, số tờ, số thửa, diện tích thu hồi, loại đất); - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 Luật Đất đai và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (nếu có); - Trích lục bản đồ địa chính khu đất hoặc trích đo địa chính khu đất. - Kết quả: Quyết định thu hồi đất 	
1026.	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.001039	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ về chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất; - Giấy chứng nhận đã cấp; - Kết quả: Quyết định thu hồi đất 	

1027.	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.000964	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định mức độ ô nhiễm môi trường, sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người; - Giấy chứng nhận đã cấp hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất; - Biên bản xác minh thực địa do Sở Tài nguyên và Môi trường lập (nếu có); - Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất; - Kết quả: Quyết định thu hồi đất 	
1028.	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	1.005398	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định đầu tư dự án hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy phép đầu tư,... theo quy định của pháp luật về đầu tư; - Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập hoặc thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề (nếu có); - Sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thửa đất mà người sử dụng thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế (nếu có); - Hợp đồng thuê đất (nếu có); - Trích lục hoặc trích đo địa chính thửa đất. - Kết quả: Ghi vào sổ địa chính và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý 	
1029.	Cấp gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo	1.000049	Đo đạc bản đồ	* Về cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II:	

đặc và bản đồ hạng				<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ theo Mẫu - Văn bằng, chứng chỉ về chuyên môn do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp; giấy chứng nhận đủ sức khỏe hành nghề do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện theo quy định. - Bản khai kinh nghiệm nghề nghiệp theo Mẫu. - Giấy tờ chứng minh là người được miễn sát hạch kinh nghiệm nghề nghiệp, kiến thức pháp luật. - kết quả sát hạch đạt yêu cầu trong trường hợp đã sát hạch trước ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. <p>* Về gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ theo Mẫu. - Bản khai tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ hoặc chứng nhận liên quan đến việc cập nhật kiến thức theo Mẫu . - Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện theo quy định. - Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đã được cấp. <p>* Về cấp lại chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo Mẫu. <p>* Về cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp đổi chứng chỉ hành nghề theo Mẫu. - Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đã được cấp. 	
--------------------	--	--	--	--	--

				- Kết quả: Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	
1030.	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	1.011671	Đo đạc bản đồ	- Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ - Giấy giới thiệu hoặc công văn của cơ quan, tổ chức. - Kết quả: Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	
1031.	Cấp giấy phép môi trường	1.010727	Môi trường		
	<i>Giai đoạn tiếp nhận hồ sơ, thẩm định</i>	1.010727		- Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>) - Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở; Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường). - Kết quả: Văn bản thông báo kết quả thẩm định.	
	<i>giai đoạn thẩm định cấp Giấy phép môi trường sau khi chỉnh sửa, bổ sung</i>	1.010727		- Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung. - Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở đã được chỉnh sửa, bổ sung (chủ dự án đầu tư ký vào phía dưới của từng trang báo cáo hoặc đóng giáp lai báo cáo kể cả phụ lục).	

				- Kết quả: Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ cho Chủ dự án đầu tư, cơ sở và nêu rõ lý do trong trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường.	
1032.	Cấp đổi giấy phép môi trường	1.010728	Môi trường	- Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của Chủ dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>). Hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi trong trường hợp có thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoặc thay đổi Chủ dự án đầu tư, cơ sở. - Kết quả: Giấy phép môi trường cấp đổi	
1033.	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	1.010729	Môi trường	- Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>). - Kết quả: Giấy phép môi trường điều chỉnh	
1034.	Cấp lại giấy phép môi trường	1.010730	Môi trường		
	<i>giai đoạn tiếp nhận hồ sơ, thẩm định</i>	1.010730		- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>) - Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở; - Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường). - Kết quả: Văn bản thông báo kết quả thẩm định.	

	<i>giai đoạn thẩm định cấp Giấy phép môi trường sau khi chỉnh sửa, bổ sung</i>	1.010730		<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung. - Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở đã được chỉnh sửa, bổ sung (chủ dự án đầu tư ký vào phía dưới của từng trang báo cáo hoặc đóng giáp lai báo cáo kể cả phụ lục). - Kết quả: Giấy phép môi trường cấp lại hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ cho Chủ dự án đầu tư, cơ sở và nêu rõ lý do trong trường hợp không đủ điều kiện cấp lại giấy phép môi trường 	
1035.	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	1.010733	Môi trường		
	<i>Giai đoạn tiếp nhận hồ sơ, thẩm định</i>	1.010733		<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản của Chủ dự án đầu tư, cơ sở đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (<i>mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>). - Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật của dự án đầu tư hoặc các tài liệu tương đương; - Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (<i>mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>) - <i>Kết quả:</i> Văn bản thông báo kết quả thẩm định 	
	<i>giai đoạn tiếp nhận thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt sau khi chỉnh sửa, bổ sung</i>	1.010733		<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết quả thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung; 	

				<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn chỉnh, tổ chức/cá nhân ký vào phía dưới của từng trang hoặc đóng dấu giáp lai báo cáo kể cả phụ lục. - Kết quả: Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định. 	
1036.	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ)	1.010735	Môi trường		
	<i>Giai đoạn tiếp nhận hồ sơ, thẩm định</i>	1.010735		<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản của Chủ dự án đầu tư, cơ sở đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường (<i>mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>) - Báo cáo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (<i>mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>) - Bản sao Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt hoặc xác nhận. - Kết quả: Văn bản thông báo kết quả thẩm định. 	
	<i>giai đoạn tiếp nhận thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt sau khi chỉnh sửa, bổ sung</i>	1.010735		<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết luận của Hội đồng 	

				<p>thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung;</p> <p>Báo cáo phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn chỉnh và được đóng dấu giáp lai của Chủ dự án đầu tư, cơ sở.</p> <p>- Kết quả: Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và báo cáo phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định .</p>	
1037.	Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	1.008675	Môi trường	<p>- Đơn xin cấp Giấy phép Trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ;</p> <p>- Giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của mẫu vật;</p> <p>- Văn bản thỏa thuận về trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài được ưu tiên bảo vệ;</p> <p>Ấn sao có chứng thực giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân hợp lệ.</p> <p>- Kết quả: Quyết định cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.</p>	
1038.	Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	1.008682	Môi trường	<p>- Đơn đăng ký thành lập, chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học;</p> <p>- Hồ sơ dự án thành lập cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học;</p> <p>- Giấy tờ chứng minh có đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Đa dạng sinh học.</p> <p>- Kết quả: Quyết định cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.</p>	
1039.	Cấp giấy phép hoạt động	1.000987	KTTV		

	<p>dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn</p>		<p>*Đối với tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo Mẫu số 2 Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2016/NĐ-CP; - Bản chính hoặc Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Quyết định thành lập tổ chức (không áp dụng đối với các công ty, doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký kinh doanh); - Bản chính hoặc Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của đội ngũ nhân viên; - Bản khai cơ sở vật chất, kỹ thuật; thông tin, dữ liệu phục vụ dự báo, cảnh báo; quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; quy trình quản lý, đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo theo Mẫu số 06 Phụ lục kèm theo Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ; - Bản khai kinh nghiệm công tác của nhân viên tham gia dự báo, cảnh báo, có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý nhân sự nơi đã từng làm việc. <p>* Đối với cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo Mẫu số 2 Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2016/NĐ-CP; - Bản chính hoặc Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Văn bằng, chứng chỉ đào tạo chuyên ngành phù hợp với nội dung xin cấp 	
--	--	--	---	--

				<p>phép hoạt động dự báo, cảnh báo;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản khai cơ sở vật chất, kỹ thuật; thông tin, dữ liệu phục vụ dự báo, cảnh báo; quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; quy trình quản lý, đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo theo Mẫu số 06 Phụ lục kèm theo Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ; - Bản khai kinh nghiệm công tác, có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý nhân sự nơi đã từng làm việc. - Kết quả: Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn hoặc văn bản từ chối cấp phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn cho tổ chức, cá nhân. 	
1040.	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	1.000970	KTTV	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn giấy phép theo Mẫu số 2 Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2016/NĐ-CP; - Báo cáo kết quả hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn kể từ khi được cấp giấy phép hoặc được sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ; - Bản sao giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đã được cấp. - Kết quả: Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn hoặc văn bản từ chối cấp phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn cho tổ chức, cá nhân 	

1041.	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	1.000943	KTTV	<p>- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo Mẫu số 2 Phụ lục kèm theo Nghị định số 22/2023/NĐ-CP.</p> <p>- Kết quả: Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn hoặc văn bản từ chối cấp phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn cho tổ chức, cá nhân.</p>
1042.	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	1.012500	Tài nguyên nước	<p>Đơn đề nghị tạm dừng có thời hạn hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất/ khai thác tài nguyên nước: Mẫu 11 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 54/2024/NĐ-CP.</p> <p>- Kết quả: Quyết định chấp thuận tạm dừng/ tạm dừng hiệu lực Giấy phép khai thác tài nguyên nước.</p>
1043.	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	1.012501	Tài nguyên nước	<p>Đơn đề nghị cấp lại/ trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất: Mẫu 51 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 54/2024/NĐ-CP.</p> <p>- Kết quả: Quyết định chấp thuận đề nghị trả lại Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.</p>
1044.	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	1.012502	Tài nguyên nước	<p>Tờ khai đăng ký sử dụng mặt nước: Mẫu 16 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 54/2024/NĐ-CP; Tờ khai đăng ký đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch để tạo không gian thu, trữ nước, dẫn nước, tạo cảnh quan: Mẫu 17 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 54/2024/NĐ-CP.</p> <p>- Kết quả: Giấy xác nhận đăng ký sử dụng mặt nước; Giấy xác nhận đăng ký đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch để tạo không gian thu, trữ nước, dẫn nước, tạo cảnh quan.</p>
1045.	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	1.012503	Tài nguyên nước	<p>Phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất: Quy định tại khoản 1 Điều 28 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày</p>

				16/5/2024. - Kết quả: Văn bản cho ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất.	
1046.	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	1.012504	Tài nguyên nước	Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất bao gồm: mô tả kết quả vận hành thử nghiệm; đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về lượng nước, chất lượng nước bổ sung nhân tạo: Quy định tại khoản 3 Điều 29 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024. - Kết quả: Văn bản cho ý kiến đối với kết quả vận hành thử nghiệm của công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất và việc đáp ứng yêu cầu để vận hành chính thức.	
1047.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	1.012505	Tài nguyên nước	- Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: Mẫu 57 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 54/2024/NĐ-CP. - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế) - Kết quả: Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.	
1048.	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	1.004232	Tài nguyên nước	- Đơn đề nghị cấp giấy phép (theo Mẫu 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 54/2024/NĐ-CP); - Đề án thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 200 m ³ /ngày đêm trở lên (theo Mẫu 35 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 54/2024/NĐ-CP); thiết kế giếng thăm dò đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m ³ /ngày đêm (theo Mẫu 36 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 54/2024/NĐ-CP); - Kết quả: Giấy phép thăm dò nước dưới đất	

1049.	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	1.004228	Tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép (theo Mẫu 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 54/2024/NĐ-CP); - Báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép (theo Mẫu 37 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 54/2024/NĐ-CP); - Kết quả: Giấy phép Gia hạn, điều chỉnh thăm dò nước dưới đất 	
1050.	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	1.004223	Tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu 03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 54/2024/NĐ-CP); - Sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất; - Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất (đối với công trình có quy mô từ 200 m³/ngày đêm trở lên) (Mẫu 38 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 54/2024/NĐ-CP), Báo cáo kết quả thi công giếng khai thác (đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm) (Mẫu 39 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 54/2024/NĐ-CP) hoặc Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất (đối với trường hợp công trình khai thác đang hoạt động) (Mẫu 40 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 54/2024/NĐ-CP); - Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ; - Kết quả: Giấy phép khai thác nước dưới đất 	
1051.	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	1.004211	Tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép (Mẫu 04 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 54/2024/NĐ-CP); - Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất và tình hình thực hiện giấy phép (Mẫu 41 tại Phụ lục kèm theo Nghị 	

				<p>định 54/2024/NĐ-CP);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất (trừ trường hợp gia hạn giấy phép khai thác nước dưới đất); - Kết quả: Giấy phép Gia hạn, điều chỉnh khai thác nước dưới đất 	
1052.	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	1.004122	Tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất theo Mẫu 49, Phụ lục II Nghị định số 54/2024/NĐ-CP; - Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định của pháp luật và hợp đồng lao động giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật; - Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép theo Mẫu 52, Phụ lục II Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Kết quả: Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ 	
1053.	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	2.001738	Tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép theo Mẫu 50, Phụ lục II Nghị định số 54/2024/NĐ-CP; - Trường hợp gia hạn mà có sự thay đổi người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật và đề nghị điều chỉnh còn phải nộp: <ul style="list-style-type: none"> + Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có 	

				<p>chứng thực từ bản chính hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định của pháp luật và hợp đồng lao động giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật.</p> <p>+ Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo <i>Mẫu 52 Phụ lục II</i> kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.</p> <p>- - Kết quả: Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (gia hạn/điều chỉnh)</p>	
1054.	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	1.004253	Tài nguyên nước	<p>- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo <i>Mẫu 51, Phụ lục II</i> Nghị định số 54/2024/NĐ-CP;</p> <p>- Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép (đối với trường hợp đổi tên, nhận chuyển nhượng, bàn giao, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức);</p> <p>- Kết quả: Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (Cấp lại).</p>	
1055.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	1.009669	Tài nguyên nước	<p>- Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo <i>Mẫu 57</i> tại <i>Phụ lục III</i> Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.</p> <p>- Các tài liệu để chứng minh.</p> <p>- Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế)</p> <p>- Kết quả: Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p>	
1056.	Tính tiền cấp quyền khai	2.001770	Tài nguyên	- Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên	

	thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành		nước	nước theo <i>Mẫu 57 tại Phụ lục III Nghị định số 54/2024/NĐ-CP</i> - Các tài liệu để chứng minh. - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế). - Kết quả: Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.	
1057.	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	1.004283	Tài nguyên nước	- Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo <i>Mẫu 57 tại Phụ lục III Nghị định số 54/2024/NĐ-CP</i> - Các tài liệu để chứng minh. - Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế). - Kết quả: Quyết định điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.	
1058.	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt	1.011516	Tài nguyên nước	Tờ khai đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển: <i>Mẫu 15, Mẫu 16, Mẫu 17 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 54/2024/NĐ-CP.</i> - Kết quả: Giấy xác nhận đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển	
1059.	Cấp giấy phép khai thác nước mặt (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024)	1.004179	Tài nguyên nước	- Đơn đề nghị cấp giấy phép (<i>Mẫu 05, Mẫu 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 54/2024/NĐ-CP</i>); - Đề án khai thác nước theo <i>Mẫu 42, Mẫu 46 (đối với trường hợp công trình chưa khai thác nước), Mẫu 43, Mẫu 47 (đối với trường hợp công trình đã khai thác nước), Mẫu 44 (đối với trường hợp công trình thủy lợi gồm: hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, cống thủy lợi,... vận hành trước năm 2013), Phụ lục I, Nghị định số</i>	

				<p>54/2024/NĐ-CP.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sơ đồ vị trí công trình khai thác nước; - Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá 6 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ (trừ khai thác nước biển; trừ khai thác nước mặt cho thủy điện, làm mát máy, thiết bị, tạo hơi, gia nhiệt, ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan, thi công công trình). - Hồ sơ lấy ý kiến và văn bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến cộng đồng (<i>đối với trường hợp phải lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 3 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP</i>). - Kết quả: Giấy phép khai thác nước mặt 	
1060.	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt	1.004167	Tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép (Mẫu 06 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 54/2024/NĐ-CP); - Đề án khai thác nước và tình hình thực hiện giấy phép theo Mẫu 45 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 54/2024/NĐ-CP; - Sơ đồ vị trí công trình khai thác nước (trừ trường hợp gia hạn giấy phép khai thác nước mặt). - Kết quả: Giấy phép Gia hạn, điều chỉnh khai thác nước mặt. 	
1061.	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	1.011518	Tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (Mẫu 10 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 54/2024/NĐ-CP); - Tài liệu chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và các nghĩa vụ khác có liên quan (nếu có). 	

				- Kết quả: Quyết định chấp thuận đề nghị trả lại giấy phép.	
1062.	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	1.000824	Tài nguyên nước	- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu 09 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 54/2024/NĐ-CP; - Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép (đối với trường hợp đổi tên, nhận chuyển nhượng, bàn giao, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức); Đối với trường hợp cấp lại giấy phép do chuyển nhượng, hồ sơ còn phải bao gồm giấy tờ chứng minh việc chuyển nhượng công trình, việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính liên quan đến hoạt động khai thác nước và các tài liệu có liên quan (nếu có). - Kết quả: Giấy phép thăm dò nước dưới đất/giấy phép khai thác tài nguyên nước (Cấp lại).	
1063.	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện	2.001850	Tài nguyên nước	- Phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện (nội dung phương án theo quy định khoản 3 Điều 28 Nghị định 53/2024/NĐ-CP). - Kết quả: Quyết định phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện.	
1064.	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1.001740	Tài nguyên nước	- Kết quả: Văn bản tổng hợp các ý kiến góp ý.	
1065.	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản	1.000778	Khoáng sản	- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính của Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi	

				<p>nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản; Đề án thăm dò khoáng sản; Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản; - Văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản; - Các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016. <p>- Kết quả: Giấy phép thăm dò</p>	
1066.	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	1.004481	Khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản; - Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị gia hạn và kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo; - Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản. <p>- Kết quả: Giấy phép gia hạn thăm dò</p>	
1067.	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	2.001814	Khoáng sản	<p>Đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng 	

				<p>nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; các văn bản chứng minh việc tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành nghĩa vụ quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều 42; khoản 3 Điều 43 Luật Khoáng sản (Theo khoản 8 điều 4 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2023 của Chính phủ).</p> <p>- Kết quả: Giấy phép chuyển nhượng</p>	
1068.	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	1.005408	Khoáng sản	<p>Đơn đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản;</p> <p>- Giấy phép thăm dò khoáng sản; Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị trả lại;</p> <p>- Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản, kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo (trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò).</p> <p>- Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị trả lại (Theo khoản 7 điều 4 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2023 của Chính phủ).</p> <p>- Kết quả: Quyết định cho phép trả lại Giấy phép</p>	
1069.	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	2.001787	Khoáng sản	<p>Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản; báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản hoặc báo cáo kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản, các phụ lục, bản vẽ và tài liệu nguyên thủy có liên quan; tài liệu luận giải chỉ tiêu tính trữ lượng khoáng sản hoặc báo cáo khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản;</p> <p>- Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình</p>	

				<p>thăm dò khoáng sản đã thi công của tổ chức, cá nhân; báo cáo kết quả giám sát thi công đề án thăm dò khoáng sản; Đề án thăm dò khoáng sản đã được thẩm định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép thăm dò khoáng sản. - Giấy phép khai thác khoáng sản trong trường hợp thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản trong khu vực được phép khai thác. - Kết quả: Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản 	
1070.	Chấp thuận tiến hành khảo sát tại thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	1.004083	Khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Văn bản đề nghị khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản; - Bản đồ khu vực lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích thăm dò; - Bản chính Kế hoạch khảo sát, lấy mẫu để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản. - Kết quả: Văn bản chấp thuận của UBND tỉnh 	
1071.	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	1.004446	Khoáng sản	<p><i>Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản; Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt; + Các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu theo quy định tại Điều 9 Nghị định này gồm: Bản phô tô kèm bản chính để đối chiếu của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; + Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; + Văn bản xác nhận trúng 	

				<p>đầu giá trong trường hợp đầu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực đã có kết quả thăm dò;</p> <p>+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>+ Thông báo nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế)</p> <p>+ Quyết định chủ trương đầu tư (đối với trường hợp nhà đầu tư trong nước), Giấy đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài).</p> <p>+ Kết quả: Giấy phép khai thác khoáng sản</p> <p>- Đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản</p> <p>+ Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản;</p> <p>+ Dự án đầu tư điều chỉnh theo trữ lượng mới được phê duyệt hoặc theo công suất điều chỉnh, thay đổi phương pháp khai thác, công nghệ khai thác kèm theo quyết định phê duyệt;</p> <p>+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>+ Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản, nghĩa vụ đã thực hiện tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản và các văn bản phê duyệt, cho phép điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền.</p>	
--	--	--	--	---	--

				<p>+ Thuyết minh báo cáo, các bản vẽ kèm theo và quyết định phê duyệt kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; các văn bản, tài liệu liên quan đến thay đổi tên gọi, cơ cấu tổ chức của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản.</p> <p>+ Thông báo nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế).</p> <p>+ Kết quả: Quyết định điều chỉnh</p> <p>- Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:</p> <p>+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản;</p> <p>+ Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản trên đó thể hiện phạm vi, diện tích xây dựng dự án công trình; phương án khai thác khoáng sản trong diện tích dự án kèm theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, văn bản quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình (nếu có);</p> <p>+ Quyết định phê duyệt dự án xây dựng công trình của cơ quan có thẩm quyền; bản đồ quy hoạch tổng thể khu vực xây dựng dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản nằm trong diện tích xây dựng công trình của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có);</p> <p>+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	
--	--	--	--	---	--

				<p>+ Thông báo nghĩa vụ tài chính (nếu có, thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế).</p> <p>+ Kết quả: Giấy phép</p>	
1072.	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	1.004434	Khoáng sản	<p>Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản;</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; hồ sơ giới thiệu năng lực kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; bản giới thiệu năng lực tài chính và khả năng huy động tài chính;</p> <p>- Kế hoạch sơ bộ về đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến sâu, tiêu thụ sản phẩm và bản cam kết thực hiện nếu trúng đấu giá.</p> <p>Kết quả: Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá</p>	
1073.	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	1.004433	Khoáng sản	<p>Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản;</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; văn bản giới thiệu năng lực kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; bản giới thiệu năng lực tài chính và khả năng huy động tài chính;</p> <p>- Chương trình sơ bộ việc đầu tư khai thác, chế biến sâu, tiêu thụ sản phẩm và bản cam kết thực hiện dự án nếu trúng đấu giá.</p> <p>Kết quả: Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá</p>	
1074.	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản	2.001783	Khoáng sản	<p>- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản;</p> <p>Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị gia</p>	

				<p>hạn; Báo cáo kết quả hoạt động khai thác tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.</p> <p>- Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn;</p> <p>- Văn bản đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép; Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Kết quả: Giấy phép gia hạn</p>	
1075.	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	1.004345	Khoáng sản	<p>Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản; Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng; Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị chuyển nhượng; báo cáo kết quả khai thác khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản;</p> <p>- Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm chuyển nhượng của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng, bao gồm: Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>- Văn bản đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép.</p>	

				<p>- Giấy đăng ký hoạt động kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng; Giấy đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (<i>đối với trường hợp tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài</i>).</p> <p>- Kết quả: Giấy phép cho chuyển nhượng</p>
1076.	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	1.004135	Khoáng sản	<p>Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị trả lại; Giấy phép khai thác khoáng sản; Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại; Đề án đóng cửa mỏ hoặc Đề án đóng cửa mỏ một phần khu vực khai thác, trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác.</p> <p>- Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại (<i>bao gồm: Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật</i>)</p> <p>- Kết quả: Quyết định của UBND tỉnh</p>
1077.	Đóng cửa mỏ khoáng sản	1.004367	Khoáng sản	<p>Đơn đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ; báo cáo tình hình thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường đến thời điểm đóng cửa mỏ; Giấy phép khai thác khoáng sản;</p>

				<p>- Phương án cải tạo, phục hồi môi trường kèm theo quyết định phê duyệt;</p> <p>- Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ. (Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>- Văn bản đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho UBND các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện; Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản.</p> <p>- Kết quả: Quyết định đóng cửa mỏ</p>	
1078.	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	2.001781	Khoáng sản	<p>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; Bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản; Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt. Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo quyết định phê duyệt hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Kết quả: Giấy phép</p>	
1079.	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	1.004343	Khoáng sản	<p>Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; Báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn;</p>	

				<p>- Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn (<i>bao gồm: Nộp lệ phí cấp Giấy phép, các khoản thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>).</p> <p>- Kết quả: Giấy phép</p>	
1080.	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	2.001777	Khoáng sản	<p>- Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; Báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm trả lại giấy phép; Đề án đóng cửa mỏ;</p> <p>- Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại Khoản 2 Điều 69 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại Giấy phép (<i>Nộp lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác tại Sở Tài nguyên và Môi trường và thông báo cho UBND các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện; Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản theo quy định</i>).</p> <p>- Kết quả: Quyết định cho trả lại Giấy phép</p>	
1081.	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc	1.004132	Lĩnh vực Khoáng sản – DVC Toàn trình	<p>- Đối với thủ tục đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình:</p> <p>+ Bản đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản;</p>	

	<p>cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch</p>			<p>+ Bản vẽ quy hoạch tổng thể khu vực xây dựng dự án và quyết định phê duyệt dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>- Đối với thủ tục đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch:</p> <p>+ Đơn đề nghị thu hồi cát, sỏi, kèm theo bản vẽ vị trí, phạm vi khu vực dự án nạo vét, khơi thông luồng; bản đăng ký khối lượng, kế hoạch, phương pháp, thiết bị dùng để thu hồi cát, sỏi;</p> <p>+ Kế hoạch, thời gian thực hiện dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch và quyết định phê duyệt dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; hợp đồng thuê bến bãi chứa cát (nếu có).</p> <p>- Kết quả: Văn bản chấp thuận của UBND tỉnh</p>	
1082.	<p>Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường</p>	1.004237	<p>Tổng hợp</p>	<p>- Phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu hoặc văn bản yêu cầu cung cấp dữ liệu theo mẫu.</p> <p>- Giấy giới thiệu và phiếu yêu cầu phải có xác nhận của đơn vị, tổ chức (Trường hợp là cá nhân đại diện cho tổ chức yêu cầu cung cấp dữ liệu).</p> <p>- Trường hợp cung cấp dữ liệu bằng hình thức hợp đồng, thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự giữa cơ quan quản lý thông tin và tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng dữ liệu.</p>	

				- Thông tin, giấy tờ theo yêu cầu cung cấp thông tin.	
XVI. Thủ tục hành chính do Sở Xây dựng quản lý					
STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
1083.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	1.008891. 000.00.00.H10	QH-KT	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu số 02 Phụ lục III của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc. - Bằng đại học phù hợp với nội dung chứng chỉ đề nghị cấp. Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và phải có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản được xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai. - Giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với trường hợp cá nhân là người nước ngoài. - Kết quả sát hạch đạt yêu cầu còn hiệu lực (có giá trị tối đa 12 tháng kể từ ngày cấp giấy chứng nhận kết quả sát hạch). <p>* Lưu ý: Ngoài trừ Đơn đề nghị, các văn bằng đào tạo, tài liệu khác phải là bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao (xuất trình bản chính để đối chiếu).</p>	
1084.	Thủ tục cấp lại chứng	1.008989.	QH-KT	- Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo mẫu số 03	

	chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc)	000.00.00.H10		<p>Phụ lục III của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.</p> <p>- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu chứng chỉ hành nghề đã cấp.</p> <p>- Giấy tờ chứng minh thông tin cần thay đổi (Trường hợp thay đổi thông tin cá nhân được ghi trên chứng chỉ hành nghề).</p>	
1085.	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp	1.008990. 000.00.00.H10	QH-KT	<p>- Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo mẫu số 03 Phụ lục III của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.</p> <p>- Bản gốc chứng chỉ hành nghề kiến trúc đã được cấp.</p>	
1086.	Thủ tục gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	1.008991. 000.00.00.H10	QH-KT	<p>- Đơn đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề theo mẫu số 02 Phụ lục III của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.</p> <p>- Chứng chỉ (hoặc chứng nhận) tham gia hoạt động phát triển nghề nghiệp liên tục lĩnh vực kiến trúc do tổ chức xã hội nghề nghiệp về hành nghề kiến trúc, cơ sở nghiên cứu đào tạo về kiến trúc cấp. Trường hợp tham gia các hoạt động phát triển nghề nghiệp liên tục tại nước ngoài thì cần có văn bản, chứng chỉ hoặc tài liệu chứng minh việc tham gia đó, được dịch ra tiếng Việt và công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu chứng chỉ hành nghề đã được cấp.</p>	
1087.	Thủ tục công nhận chứng chỉ hành nghề	1.008992. 000.00.00.H10	QH-KT	- Đơn đề nghị công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo	

	kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam			<p>mẫu số 04 Phụ lục III của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.</p> <p>- Bản sao văn bằng được đào tạo, chứng chỉ hành nghề do cơ quan tổ chức người nước ngoài cấp, dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp theo quy định.</p>	
1088.	Thủ tục chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	1.008993. 000.00.00.H10	QH-KT	<p>- Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo mẫu số 04 Phụ lục III của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.</p> <p>- Bản sao văn bằng được đào tạo, chứng chỉ hành nghề do cơ quan tổ chức người nước ngoài cấp, dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp theo quy định.</p>	
1089.	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	1.002701. 000.00.00.H10	QH-KT	<p>- Tờ trình đề nghị thẩm định;</p> <p>- Thuyết minh nội dung nhiệm vụ</p> <p>- Các bản vẽ in màu thu nhỏ</p> <p>- Các văn bản pháp lý có liên quan.</p>	

1090.	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.	1.003011. 000.00.00.H10	QH-KT	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án. - Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ. - Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định - Các văn bản pháp lý có liên quan. 	
1091.	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	1.008432. 000.00.00.H10	QH-KT	Đơn đề nghị cung cấp thông tin quy hoạch (trong đó ghi rõ thông tin về vị trí, địa điểm lô đất cần cung cấp thông tin).	
1092.	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh.	1.009972. 000.00.00.H10	HĐXD	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo Mẫu số 1 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP. - Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình theo quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư; - Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu); - Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây: Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương án tuyển công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng; - Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của thiết kế cơ sở; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường). 	

				<p>Các thủ tục về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình các văn bản này tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, nhưng phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định 05 ngày làm việc. Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thực hiện thủ tục lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của thiết kế cơ sở theo cơ chế một cửa liên thông khi thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng thì chủ đầu tư nộp bổ sung 01 bộ hồ sơ theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chương ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có); - Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có) - Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt; thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế cơ sở hoặc thiết kế khác theo thông lệ quốc tế phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (gồm bản vẽ và thuyết minh); danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án; - Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra; - Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu xem xét tổng mức đầu tư, hồ sơ trình thẩm định còn phải có các nội dung sau: tổng mức đầu tư; các 	
--	--	--	--	--	--

				thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có).
1093.	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh.	1.009973. 000.00.00.H10	HĐXD	<p>- Tờ trình thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 4 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP;</p> <p>- Các văn bản pháp lý kèm theo, gồm: quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được phê duyệt; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của nhà thầu tư vấn thẩm tra được chủ đầu tư xác nhận (nếu có yêu cầu); văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường) và các văn bản khác có liên quan.</p> <p>Thủ tục về phòng cháy và chữa cháy được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, song phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước, thời hạn thông báo kết quả thẩm định 05 ngày làm việc;</p> <p>- Hồ sơ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt; hồ sơ thiết kế xây dựng của bước thiết kế xây dựng trình thẩm định;</p> <p>- Mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra; mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra; Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có);</p> <p>- Đối với các công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu thẩm định dự toán xây dựng, ngoài các nội dung quy định tại nêu trên, hồ sơ phải có thêm dự toán xây dựng; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định dự toán xây dựng; báo giá, kết quả</p>

				<p>thẩm định giá (nếu có).</p> <p>- Đối với điều chỉnh thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, chủ đầu tư phải nộp báo cáo tình hình thực tế thi công xây dựng công trình (trường hợp công trình đã thi công xây dựng).</p>	
1094.	<p>Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).</p>	<p>1.009974. 000.00.00.H10</p>	HDXD	<p>- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ (riêng đối với mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn thì tiêu đề của đơn đổi thành “Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn”); thành phần hồ sơ khác cho từng loại công trình, cụ thể như sau:</p> <p>(1.1) Đối với công trình không theo tuyến:</p> <p>- Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>- Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.</p> <p>- 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.</p>	

				<p>- Trường hợp chủ đầu tư thuê đất để đầu tư xây dựng thì bổ sung thêm hợp đồng thuê đất hợp pháp. Trường hợp đầu tư xây dựng công trình gắn vào công trình, bộ phận của công trình hiện hữu thì bổ sung giấy tờ chứng minh quyền sở hữu công trình, bộ phận công trình hoặc hợp đồng thuê công trình, bộ phận công trình hợp pháp (nếu chủ đầu tư thuê công trình, bộ phận công trình để đầu tư xây dựng); báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình và bản vẽ thể hiện giải pháp liên kết của công trình với công trình hiện hữu.</p> <p>(*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p> <p>(1.2)Đối với công trình theo tuyến:</p> <p>- Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến hoặc Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>- Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.</p> <p>- 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: sơ đồ vị trí tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình; bản vẽ</p>	
--	--	--	--	--	--

				<p>các mặt cắt dọc và mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.</p> <p>(*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p> <p>(1.3) Đối với công trình tín ngưỡng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy kèm theo bản vẽ thẩm duyệt trong trường hợp pháp luật về phòng cháy và chữa cháy có yêu cầu; báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng trong trường hợp pháp luật về xây dựng có yêu cầu, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất kèm theo sơ đồ vị trí công trình; + Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chính của công trình; + Bản vẽ mặt bằng móng và mặt cắt móng kèm theo sơ đồ đầu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình gồm cấp nước, thoát nước, cấp điện; + Đối với công trình xây dựng có công trình liền kề phải có bản cam kết bảo đảm an toàn đối với công trình liền kề. - Văn bản của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng đối với công trình tín ngưỡng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng. - Công trình tín ngưỡng thuộc dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, phải bổ sung văn bản về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa. 	
--	--	--	--	---	--

				<p>(*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p> <p>(1.4) Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. - 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án. - Văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa. <p>- Trường hợp chủ đầu tư thuê đất để đầu tư xây dựng thì bổ sung thêm hợp đồng thuê đất hợp pháp. Trường hợp đầu tư xây dựng công trình gắn vào công trình, bộ phận của công trình hiện hữu thì bổ sung giấy tờ chứng minh quyền sở hữu công trình, bộ phận công trình hoặc hợp đồng thuê công trình,</p>	
--	--	--	--	---	--

				<p>bộ phận công trình hợp pháp (nếu chủ đầu tư thuê công trình, bộ phận công trình để đầu tư xây dựng); báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình và bản vẽ thể hiện giải pháp liên kết của công trình với công trình hiện hữu.</p> <p>(*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p> <p>(1.5) Đối với công trình của các cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc trường hợp chủ đầu tư thuê đất để đầu tư xây dựng thì bổ sung thêm hợp đồng thuê đất hợp pháp. Trường hợp đầu tư xây dựng công trình gắn vào công trình, bộ phận của công trình hiện hữu thì bổ sung giấy tờ chứng minh quyền sở hữu công trình, bộ phận công trình hoặc hợp đồng thuê công trình, bộ phận công trình hợp pháp (nếu chủ đầu tư thuê công trình, bộ phận công trình để đầu tư xây dựng); báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình và bản vẽ thể hiện giải pháp liên kết của công trình với công trình hiện hữu. - Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. - 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của 	
--	--	--	--	--	--

				<p>pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.</p> <p>- Các điều khoản quy định của Hiệp định hoặc thỏa thuận đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam.</p> <p>(*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p>
1095.	<p>Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).</p>	<p>1.009975. 000.00.00.H10</p>	<p>HĐXD</p>	<p>- Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</p> <p>Một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Bản vẽ hiện trạng của các bộ phận công trình dự kiến sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (kích thước tối thiểu 10 x 15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo.</p> <p>(1.1.) Đối với công trình không theo tuyến:</p> <p>- Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>- Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo</p>

				<p>quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.</p> <p>- 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.</p> <p>- Trường hợp chủ đầu tư thuê đất để đầu tư xây dựng thì bổ sung thêm hợp đồng thuê đất hợp pháp. Trường hợp đầu tư xây dựng công trình gắn vào công trình, bộ phận của công trình hiện hữu thì bổ sung giấy tờ chứng minh quyền sở hữu công trình, bộ phận công trình hoặc hợp đồng thuê công trình, bộ phận công trình hợp pháp (nếu chủ đầu tư thuê công trình, bộ phận công trình để đầu tư xây dựng); báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình và bản vẽ thể hiện giải pháp liên kết của công trình với công trình hiện hữu.</p> <p>(*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p> <p>(1.2) Đối với công trình theo tuyến:</p> <p>- Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến hoặc Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>- Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của</p>	
--	--	--	--	--	--

				<p>Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.</p> <p>- 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: sơ đồ vị trí tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình; bản vẽ các mặt cắt dọc và mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.</p> <p>(*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p> <p>(1.3) Đối với công trình tín ngưỡng:</p> <p>- Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>- 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy kèm theo bản vẽ thẩm duyệt trong trường hợp pháp luật về phòng cháy và chữa cháy có yêu cầu; báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng trong trường hợp pháp luật về xây dựng có yêu cầu, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất kèm theo sơ đồ vị trí công trình; + Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chính của công trình; + Bản vẽ mặt bằng móng và mặt cắt móng kèm theo sơ đồ đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình gồm cấp nước, thoát nước, cấp điện; 	
--	--	--	--	--	--

			<p>+ Đối với công trình xây dựng có công trình liền kề phải có bản cam kết bảo đảm an toàn đối với công trình liền kề.</p> <p>- Văn bản của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng đối với công trình tín ngưỡng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng.</p> <p>- Công trình tín ngưỡng thuộc dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, phải bổ sung văn bản về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.</p> <p>(*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p> <p>(1.4) Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:</p> <p>- Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>- Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.</p> <p>- 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình;</p>	
--	--	--	--	--

				<p>bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa. - Trường hợp chủ đầu tư thuê đất để đầu tư xây dựng thì bổ sung thêm hợp đồng thuê đất hợp pháp. Trường hợp đầu tư xây dựng công trình gắn vào công trình, bộ phận của công trình hiện hữu thì bổ sung giấy tờ chứng minh quyền sở hữu công trình, bộ phận công trình hoặc hợp đồng thuê công trình, bộ phận công trình hợp pháp (nếu chủ đầu tư thuê công trình, bộ phận công trình để đầu tư xây dựng); báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình và bản vẽ thể hiện giải pháp liên kết của công trình với công trình hiện hữu. <p>(*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p> <p>(1.5) Đối với công trình của các cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc trường hợp chủ đầu tư thuê đất để đầu tư xây dựng thì bổ sung thêm hợp đồng thuê đất hợp pháp. Trường hợp đầu tư xây dựng công trình gắn vào công trình, bộ phận của công trình hiện hữu thì bổ sung giấy tờ chứng minh quyền sở hữu công trình, bộ phận công trình hoặc hợp đồng thuê công trình, bộ phận công trình hợp pháp (nếu chủ đầu tư thuê công trình, bộ phận công trình để đầu tư xây dựng); báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình và bản vẽ thể hiện giải pháp liên kết của công trình với công trình hiện hữu. - Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản
--	--	--	--	--

				<p>4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.</p> <p>- 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.</p> <p>- Các điều khoản quy định của Hiệp định hoặc thỏa thuận đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam.</p> <p>(*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p>	
1096.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô	1.009976. 000.00.00.H10	HĐXD	<p>- Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</p> <p>- Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về sở hữu công trình theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Bản vẽ hoàn công công trình (nếu có) hoặc bản vẽ thiết kế mô tả thực trạng công trình được di dời, gồm mặt bằng, mặt cắt móng và bản vẽ kết cấu chịu lực chính; bản vẽ tổng mặt bằng địa điểm công trình sẽ được di dời tới; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng tại địa điểm công trình sẽ di dời đến.</p> <p>- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của</p>	

	thị/Dự án).			<p>công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện.</p> <p>- Phương án di dời do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện gồm:</p> <p>+ Phân thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình;</p> <p>+ Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.</p> <p>*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử</p>	
1097.	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	1.009977. 000.00.00.H10	HĐXD	<p>- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</p> <p>- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;</p> <p>-Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200</p> <p>-Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của người có thẩm quyền theo quy định kèm theo Bản kê khai điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế đối với trường hợp thiết kế không do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.</p> <p>*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử</p>	
1098.	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II	1.009978. 000.00.00.H10	HĐXD	<p>-Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ</p>	

	(công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).			-Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp	
1099.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	1.009979. 000.00.00.H10	HĐXD	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp đối với trường hợp bị rách nát. Bản cam kết tự chịu trách nhiệm về việc thất lạc giấy phép xây dựng của chủ đầu tư đối với trường hợp bị thất lạc giấy phép xây dựng 	
1100.	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	1.009982. 000.00.00.H10	HĐXD	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục VII Nghị định số 35/NĐ-CP. - Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin có chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu: Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp; trường hợp trên văn bản không ghi chuyên ngành đào tạo thì phải nộp kèm bảng điểm để làm cơ sở kiểm tra, đánh giá. Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và phải có bản dịch sang tiếng Việt được công 	

				<p>chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin có chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu: Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai. - Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin có chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu: Giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với trường hợp cá nhân là người nước ngoài. - Bản sao kết quả sát hạch đạt yêu cầu trong trường hợp đã sát hạch trước ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. 	
1101.	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	1.009983. 000.00.00.H1	HĐXD	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục VII Nghị định số 35/NĐ-CP. - Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin có chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng: Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp; trường hợp trên văn bằng không ghi chuyên ngành đào tạo thì phải nộp kèm bảng điểm để làm cơ sở kiểm tra, đánh giá. - Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng. - Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin có chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu: Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân 	

				<p>đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin có chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu: Giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với trường hợp cá nhân là người nước ngoài. - Bản sao kết quả sát hạch đạt yêu cầu trong trường hợp đã sát hạch trước ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. 	
1102.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)	1.009984. 000.00.00.H10	HĐXD	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục VII Nghị định số 35/NĐ-CP. - Bản gốc chứng chỉ hành nghề còn thời hạn nhưng bị hư hỏng. Trường hợp bị mất chứng chỉ hành nghề thì phải có cam kết của người đề nghị cấp lại. - Trong trường hợp cấp lại chứng chỉ nhưng lĩnh vực cấp có thay đổi nội dung thì bổ sung các tài liệu sau: <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu: Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp. Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và phải có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. + Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu: Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. 	

				<p>Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai</p> <p>+ Bản sao có chứng thực hoặc lệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu: Giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với trường hợp cá nhân là người nước ngoài;</p>
1103.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (bị ghi sai thông tin)	1.009985. 000.00.00.H10	HĐXD	<p>- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục VII Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.</p> <p>- Bản gốc chứng chỉ hành nghề của cá nhân còn thời hạn nhưng bị ghi sai thông tin.</p>
1104.	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	1.009986. 000.00.00.H10	HĐXD	<p>- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục VII Nghị định số 35/NĐ-CP.</p> <p>- Các tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 87 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 29 Điều 12 Nghị định số 35/NĐ-CP.</p>
1105.	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III của cá nhân là người nước ngoài	1.009987. 000.00.00.H10	HĐXD	<p>- Đơn đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 03 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục VII Nghị định 35/2023/NĐ-CP.</p> <p>- Bản sao văn bằng được đào tạo, chứng chỉ hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp đã được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp theo quy định.</p>
1106.	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II,	1.009928. 000.00.00.H10	HĐXD	<p>- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục VII Nghị định 35/2023/NĐ-CP.</p>

	hạng III			<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu: Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp; trường hợp trên văn bằng không ghi chuyên ngành đào tạo thì phải nộp kèm bảng điểm để làm cơ sở kiểm tra, đánh giá. - Mã số chứng chỉ hành nghề. - Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu: Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai. - Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu: Giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với trường hợp cá nhân là người nước ngoài. - Bản sao kết quả sát hạch đạt yêu cầu trong trường hợp đã sát hạch trước ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.
1107.	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	1.009988. 000.00.00.H10	HĐXD	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo Mẫu số 4 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ. - Bản sao điện tử có giá trị pháp lý: Quyết định thành lập tổ chức trong trường hợp có quyết định thành lập. - Bản sao điện tử có giá trị pháp lý: Quyết định công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của tổ chức hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc liên kết thực hiện công việc thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng với phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận (đối với tổ chức đề

				<p>ngiht cấp chứng chỉ năng lực khảo sát địa chất công trình).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao điện tử có giá trị pháp lý: Chứng chỉ hành nghề kèm theo bản kê khai và tự xác định hạng chứng chỉ theo Mẫu số 05 Phụ lục IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ hoặc kê khai mã số chứng chỉ hành nghề trong trường hợp đã được cấp chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 của các chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề; các văn bằng được đào tạo của cá nhân tham gia thực hiện công việc. - Bản sao điện tử có giá trị pháp lý: Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu công việc đã thực hiện theo nội dung kê khai (đối với tổ chức khảo sát xây dựng, lập thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng, tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây dựng hạng I, hạng II). - Bản sao điện tử có giá trị pháp lý: Hợp đồng; Biên bản nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng hoặc bộ phận công trình (trong trường hợp thi công công tác xây dựng chuyên biệt) đã thực hiện theo nội dung kê khai (đối với tổ chức thi công xây dựng hạng I, hạng II). 	
1108.	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng)	1.009989. 000.00.00.H10	HĐXD	<ul style="list-style-type: none"> - Cam kết của tổ chức đề nghị cấp lại - Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo Mẫu số 4 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ. 	
1109.	Cấp cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp)	1.009990. 000.00.00.H10	HĐXD	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo Mẫu số 4 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ. - Bản gốc chứng chỉ năng lực đã được cấp. Trường hợp bị mất chứng chỉ năng lực thì phải có cam kết của tổ chức đề nghị cấp lại 	
1110.	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	1.009991. 000.00.00.H10	HĐXD	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo Mẫu số 4 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ. 	

	hạng II, hạng III			- Bản gốc chứng chỉ năng lực đã được cấp và bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý các tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 87 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.
1111.	Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III	1.009936. 000.00.00.H10	HĐXD	- Đơn đề nghị gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo Mẫu số 4 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý hoặc kê khai mã số chứng chỉ năng lực đã được cấp.
1112.	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài.	1.011976. 000.00.00.H10	HĐXD	- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng theo Mẫu số 01 (đối với tổ chức) hoặc Mẫu số 04 (đối với cá nhân) Phụ lục số III Nghị định số 15/2021/NĐ-CP. Đơn phải làm bằng tiếng Việt. - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hợp pháp (nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam). - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với tổ chức và chứng chỉ hành nghề (nếu có) của nước nơi mà nhà thầu nước ngoài mang quốc tịch cấp và phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam và các nước có liên quan là thành viên có quy định về miễn trừ hợp pháp hóa lãnh sự. - Chứng chỉ hành nghề (nếu có) của nước mà nhà thầu mang quốc tịch cấp, được dịch ra tiếng Việt, bản dịch được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động liên quan đến các công việc nhận thầu theo Mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử báo cáo tổng hợp kiểm toán tài chính trong 03 năm gần nhất (đối với trường hợp không thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu).

				<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử Hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc hợp đồng chính thức hoặc hợp đồng nguyên tắc với nhà thầu phụ Việt Nam để thực hiện công việc nhận thầu (đã có trong hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ chào thầu) nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Giấy ủy quyền hợp pháp đối với người không phải là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư của dự án/công trình. 	
1113.	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài.	1.011977. 000.00.00.H10	HĐXD	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng theo Mẫu số 08 Phụ lục số III Nghị định số 15/2021/NĐ-CP. - Các tài liệu chứng minh cho nội dung đề nghị điều chỉnh. Các tài liệu phải được dịch ra tiếng Việt và được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. 	
1114.	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đầu tư	1.010746. 000.00.00.H10	BDS	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản của chủ đầu tư; - Dự thảo hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản; - Hồ sơ dự án, phần dự án đề nghị cho chuyển nhượng bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản cho phép đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bản sao điện tử có giá trị pháp lý); + Quyết định phê duyệt dự án (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có công chứng, chứng thực); + Quy hoạch chi tiết 1/500 hoặc bản vẽ tổng mặt bằng (Bản sao điện tử có giá trị pháp lý); + Giấy tờ chứng minh đã hoàn thành việc giải phóng mặt bằng của dự án (Bản sao điện tử có giá trị pháp lý); 	

				<ul style="list-style-type: none"> + Giấy tờ chứng minh đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật tương ứng theo tiến độ ghi trong dự án đối với trường hợp chuyển nhượng toàn bộ dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng (Bản sao điện tử có giá trị pháp lý); + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của toàn bộ hoặc phần dự án bất động sản đề nghị chuyển nhượng (Bản sao điện tử có giá trị pháp lý); - Báo cáo quá trình thực hiện dự án bất động sản của chủ đầu tư tính đến thời điểm chuyển nhượng. - Hồ sơ của bên nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án; + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ chứng minh việc thành lập tổ chức (Bản sao điện tử có giá trị pháp lý), trừ trường hợp nhà đầu tư nước ngoài chưa thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về đầu tư; + Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính; chứng minh các nguồn vốn huy động (nếu có) theo quy định của pháp luật để đảm bảo việc tiếp tục triển khai thực hiện dự án theo đúng tiến độ đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận; đối với doanh nghiệp kinh doanh bất động sản nhận chuyển nhượng thì phải có giấy tờ chứng minh năng lực tài chính quy định tại Khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 02/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ. 	
1115.	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh quyết định việc đầu tư	1.010747. 000.00.00.H10	BDS	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản của chủ đầu tư; - Dự thảo hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản; - Hồ sơ dự án, phần dự án đề nghị cho chuyển nhượng bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản 	

				<p>cho phép đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bản sao điện tử có giá trị pháp lý);</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định phê duyệt dự án (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có công chứng, chứng thực); + Quy hoạch chi tiết 1/500 hoặc bản vẽ tổng mặt bằng (Bản sao điện tử có giá trị pháp lý); + Giấy tờ chứng minh đã hoàn thành việc giải phóng mặt bằng của dự án (Bản sao điện tử có giá trị pháp lý); + Giấy tờ chứng minh đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật tương ứng theo tiến độ ghi trong dự án đối với trường hợp chuyển nhượng toàn bộ dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng (Bản sao điện tử có giá trị pháp lý); + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của toàn bộ hoặc phần dự án bất động sản đề nghị chuyển nhượng (Bản sao điện tử có giá trị pháp lý); - Báo cáo quá trình thực hiện dự án bất động sản của chủ đầu tư tính đến thời điểm chuyển nhượng. - Hồ sơ của bên nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án; + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ chứng minh việc thành lập tổ chức (Bản sao điện tử có giá trị pháp lý), trừ trường hợp nhà đầu tư nước ngoài chưa thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về đầu tư; + Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính; chứng minh các nguồn vốn huy động (nếu có) theo quy định của pháp luật để đảm bảo việc tiếp tục triển khai thực hiện dự án theo đúng tiến độ đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận; đối với doanh nghiệp kinh doanh bất động sản nhận chuyển nhượng thì phải có giấy tờ chứng minh năng lực tài chính quy định tại Khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 02/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 	
--	--	--	--	---	--

				của Chính phủ.	
1116.	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	1.002572. 000.00.00.H10	BDS	<ul style="list-style-type: none"> + 01 Đơn đăng ký dự thi có dán ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi; + 01 Bản sao điện tử có giá trị pháp lý Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học về đào tạo bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản (nếu có); + Bản sao điện tử có giá trị pháp lý bằng tốt nghiệp từ Trung học phổ thông (hoặc tương đương) trở lên; + Bản sao và bản dịch điện tử có giá trị pháp lý chứng chỉ do nước ngoài cấp (đối với người nước ngoài và người Việt Nam có chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do nước ngoài cấp đang còn giá trị); + Kết quả bài thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản với phần kiến thức cơ sở đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100); phần kiến thức chuyên môn đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100). 	
1117.	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	1.002625. 000.00.00.H10	BDS	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hết hạn (hoặc gần hết hạn) + 01 Đơn đăng ký dự thi có dán ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi (theo mẫu tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng).; + 01 Bản sao điện tử có giá trị pháp lý Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học về đào tạo bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản (nếu có); + Bản sao điện tử có giá trị pháp lý bằng tốt nghiệp từ Trung học phổ thông (hoặc tương đương) trở lên; + Bản sao và bản dịch điện tử có giá trị pháp lý chứng chỉ do nước ngoài cấp (đối với người nước ngoài và người Việt Nam có chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do nước ngoài cấp đang còn giá trị); + Chứng chỉ cũ (bản gốc) đối với trường hợp đã hết hạn, hoặc bản sao có chứng thực đối với trường hợp chứng chỉ chưa hết hạn + Kết quả bài thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới 	

				<p>bất động sản với phần kiến thức cơ sở đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng + Chứng chỉ cũ đã cấp (nếu có) + Đơn xin cấp lại chứng chỉ có dán ảnh 	
1118.	Gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài	1.007748. 000.00.00.H10	NO	<ul style="list-style-type: none"> * Đối với cá nhân: <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở; - Bản sao điện tử có giá trị pháp lý Giấy chứng nhận đối với nhà ở. * Đối với tổ chức: <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở; - Bản sao điện tử có giá trị pháp lý Giấy chứng nhận đối với nhà ở; - Bản sao điện tử có giá trị pháp lý Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. 	
1119.	Thủ tục thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	1.007750. 000.00.00.H10	NO	<ul style="list-style-type: none"> + Văn bản gửi Trung tâm phục vụ hành chính công, Sở Xây dựng đề nghị thông báo nhà ở đủ điều kiện bán, cho thuê mua; + Các giấy tờ chứng minh bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> ♦ Giấy tờ về quyền sử dụng đất, hồ sơ dự án, thiết kế bản vẽ thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Giấy phép xây dựng đối với trường hợp phải có Giấy phép xây dựng, giấy tờ về nghiệm thu việc hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tương ứng theo tiến độ; trường hợp là nhà chung cư, tòa nhà hỗn hợp có mục đích để ở hình thành trong tương lai thì phải có biên bản nghiệm thu hoàn thành xong phần móng của tòa nhà đó; ♦ Trường hợp có thể chấp dự án đầu tư xây dựng hoặc thế chấp nhà ở sẽ bán, cho thuê mua thì chủ đầu tư phải gửi kèm theo giấy tờ chứng minh đã giải chấp hoặc biên bản thống nhất của bên mua, bên thuê mua nhà ở và bên nhận thế chấp về việc không phải giải chấp và được mua bán, thuê mua nhà ở đó; 	
1120.	Giải quyết bán phần diện	1.010005.	NO	-Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại phụ lục ban hành kèm	

	tích nhà đất sử dụng chung đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	000.00.00.H10		theo Nghị định số 30/2021/NĐ-CP của Chính phủ; -Giấy chứng nhận đối với phần diện tích nhà đất đã mua. Trường hợp chưa có Giấy chứng nhận thì phải có hợp đồng mua bán phần diện tích nhà ở đã ký kết với cơ quan có thẩm quyền. -Trường hợp đã được cấp số định danh cá nhân và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu về đăng ký đầu tư, đăng ký doanh nghiệp được kết nối, vận hành thì được sử dụng số định danh cá nhân thay thế cho các giấy tờ liên quan đến nhân thân khi thực hiện thủ tục này.	
1121.	Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất liền kề với nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	1.010006. 000.00.00.H10	NO	-Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 30/2021/NĐ-CP của Chính phủ; -Giấy chứng nhận đối với nhà ở đã mua. Trường hợp chưa có Giấy chứng nhận thì phải có giấy tờ chứng minh đã được thanh lý, hóa giá nhà ở hoặc hợp đồng mua nhà bán ở. Trường hợp thuộc diện đang thuê nhà ở mà có nhu cầu mua nhà và giải quyết phần diện tích đất liền kề thì phải có hợp đồng thuê nhà ở. -Trường hợp đã được cấp số định danh cá nhân và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu về đăng ký đầu tư, đăng ký doanh nghiệp được kết nối, vận hành thì được sử dụng số định danh cá nhân thay thế cho các giấy tờ liên quan đến nhân thân khi thực hiện thủ tục này.	
1122.	Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại Khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	1.010007. 000.00.00.H10	NO	-Đơn đề nghị có xác nhận của UBND cấp xã về việc sử dụng nhà ở, đất ở không có tranh chấp, khiếu kiện, phù hợp với quy hoạch xây dựng nhà ở (theo mẫu quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 30/2021/NĐ-CP của Chính phủ); -Trường hợp đã được cấp số định danh cá nhân và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu về đăng ký đầu tư, đăng ký doanh nghiệp được kết nối, vận hành thì được sử dụng số định danh cá nhân thay thế cho các giấy tờ liên quan đến nhân thân khi thực hiện thủ tục này.	
1123.	Công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc	1.010009. 000.00.00.H10	NO	- Văn bản đề nghị của nhà đầu tư (trong đó ghi rõ tên, địa chỉ nhà đầu tư, các đề xuất, dự kiến tiến độ thực hiện dự án);	

	thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại được chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư)			<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao điện tử có giá trị pháp lý; + Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của cơ quan có thẩm quyền; + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; + Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất để thực hiện dự án, hợp đồng ủy quyền; + Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đất đai; + Giấy tờ chứng minh có vốn ký quỹ hoặc bảo lãnh ngân hàng về nghĩa vụ ký quỹ thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư. <p>Trường hợp cơ sở dữ liệu về dân cư, về đăng ký đầu tư, về doanh nghiệp được kết nối vận hành và công dân đã được cấp số định danh cá nhân thì được sử dụng số định danh cá nhân thay thế cho các giấy tờ liên quan đến nhân thân nêu trên.</p>	
1124.	Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án không sử dụng nguồn vốn hoặc hình thức quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 6 Điều 99 của Luật PPP số 64/2020/QH14 trên phạm vi địa bàn tỉnh.	1.007762. 000.00.00.H10	NO	<ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; + Hồ sơ pháp lý của chủ đầu tư (bao gồm: Căn cứ pháp lý của Dự án; tổng quan về dự án); + Phương án xác định giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội do chủ đầu tư xây dựng. 	
1125.	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh	1.007763. 000.00.00.H10	NO	<ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đăng ký thuê nhà ở công vụ của cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người có nhu cầu thuê nhà ở công vụ; + Đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ đã có xác nhận của cơ quan đang trực tiếp quản lý cán bộ, công chức về thực trạng nhà ở 	

				+ Bản sao điện tử quyết định bổ nhiệm, điều động, luân chuyển công tác có xác nhận của cơ quan ra quyết định hoặc cơ quan đang trực tiếp quản lý cán bộ, công chức.
1126.	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước	1.007764. 000.00.00.H10	NO	+ Đơn đăng ký thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước; + Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng và có đủ điều kiện về nhà ở, cư trú, thu nhập; + Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê nhà ở xã hội (nếu có).
1127.	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	1.007765. 000.00.00.H10	NO	- Đơn đề nghị thuê nhà ở sinh viên - Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có)
1128.	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	1.007767. 000.00.00.H10	NO	+ Đơn đề nghị mua nhà ở cũ; + Hợp đồng thuê nhà ở được lập hợp pháp; giấy tờ chứng minh đã nộp đủ tiền thuê nhà ở và chi phí quản lý vận hành nhà ở đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mua nhà ở; + Trường hợp người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài thì phải có văn bản ủy quyền (có xác nhận của cơ quan công chứng hoặc chứng thực theo quy định) cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở; nếu có thành viên có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã chết thì phải có giấy chứng tử kèm theo. + Trường hợp có thành viên thuê nhà ở khước từ quyền mua và đứng tên trong Giấy chứng nhận thì phải có văn bản khước từ quyền mua, không đứng tên trong Giấy chứng nhận và cam kết không có tranh chấp, khiếu kiện về việc mua bán nhà ở này. + Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền mua nhà ở (nếu có). Trường hợp đã được cấp số định danh cá nhân và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu về đăng ký đầu tư, đăng ký doanh nghiệp được kết nối, vận hành thì được sử dụng số định danh cá nhân thay thế cho các giấy tờ liên quan đến nhân thân khi thực hiện thủ tục này.

1129.	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	1.007766. 000.00.00.H10	NO	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị thuê nhà ở cũ; - Giấy tờ chứng minh việc sử dụng nhà ở; - Bản sao điện tử giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê nhà ở (nếu có). <p>Trường hợp đã được cấp số định danh cá nhân và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu về đăng ký đầu tư, đăng ký doanh nghiệp được kết nối, vận hành thì được sử dụng số định danh cá nhân thay thế cho các giấy tờ liên quan đến nhân thân khi thực hiện thủ tục này;</p>	
1130.	Công nhận hạng/ công nhận lại hạng nhà chung cư	1.006873. 000.00.00.H10	NO	<ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD; Bản sao điện tử có giá trị pháp lý Giấy phép xây dựng nhà chung cư (đối với nhà chung cư thuộc diện phải có Giấy phép xây dựng); + Bản sao điện tử có giá trị pháp lý quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hoặc văn bản chấp thuận tổng mặt bằng khu vực có nhà chung cư (đối với trường hợp không phải lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500) kèm theo bản vẽ tổng mặt bằng nhà chung cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; + Bản sao điện tử có giá trị pháp lý văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền kèm theo bản vẽ thiết kế cơ sở nhà chung cư theo quy định của pháp luật về xây dựng; + Bản sao điện tử có giá trị pháp lý văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình nhà chung cư của cơ quan chuyên môn về xây dựng. Trường hợp nhà chung cư được nghiệm thu đưa vào sử dụng trước thời điểm Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 6/2/3013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng có hiệu lực thi hành, nếu không có Bản sao có chứng thực văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình nhà chung cư của cơ quan chuyên môn về xây dựng thì có thể nộp các giấy tờ khác thay thế như: Hồ sơ nghiệm thu chất lượng toàn bộ công trình, Biên bản nghiệm thu công trình xây dựng hoàn thành, Biên bản tổng nghiệm thu bàn giao công 	

				trình theo quy định của pháp luật tại thời điểm công trình được đưa vào sử dụng (quy định tại các Quyết định của Bộ Xây dựng ban hành trong từng thời điểm); + Bản tự kê khai, đánh giá phân hạng nhà chung cư của tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận hạng nhà chung cư theo mẫu hướng dẫn tham khảo quy định tại phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD.	
1131.	Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư	1.006876. 000.00.00.H10	NO	- Đơn đề nghị điều chỉnh hạng nhà chung cư theo mẫu quy định tại phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD; - Bản tự kê khai, đánh giá phân hạng nhà chung cư của tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh hạng nhà chung cư theo mẫu quy định tại phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD; - Bản sao điện tử có giá trị pháp lý quyết định công nhận hạng nhà chung cư đang còn thời hạn.	
1132.	Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên	1.009794. 000.00.00.H10	QLCL	- Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục VIa Nghị định số 06/2021/NĐ-CP - Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định tại Phụ lục VIb Nghị định số 06/2021/NĐ-CP	

	ngành).			
1133.	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	2.001116. 000.00.00.H10	QLCL	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị bổ nhiệm, cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng hoặc đơn đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của cá nhân đã là giám định viên tư pháp nhưng bị miễn nhiệm do nghỉ hưu hoặc thôi việc để thành lập Văn phòng giám định tư pháp (theo mẫu số 02 kèm theo Quyết định này); - Bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được đề nghị bổ nhiệm; - Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp. Trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp đang là công chức, viên chức thì không cần có Phiếu lý lịch tư pháp; - Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc; - Bản sao Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hoặc bản kê khai điều kiện năng lực phù hợp với tiêu chuẩn giám định viên tư pháp xây dựng quy định (nếu có).
1134.	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh	1.009788. 000.00.00.H10	QLCL	Báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình
1135.	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	1.009791. 000.00.00.H10	QLCL	Báo cáo kết quả thực hiện công việc tổ chức kiểm tra, kiểm định để đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình và đề xuất phương án gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng công trình (nếu có), xác định thời gian được tiếp tục sử dụng công trình sau khi sửa chữa, gia cố; tổ chức gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng công trình (nếu có) để đảm bảo công năng và an toàn sử dụng.
1136.	Thủ tục miễn nhiệm, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	1.011675. 000.00.00.H10	QLCL	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức quản lý giám định viên tư pháp hoặc đơn xin miễn nhiệm của giám định viên tư pháp (theo mẫu số 01 kèm theo Quyết định này); - Văn bản, giấy tờ chứng minh giám định viên tư pháp thuộc

				<p>một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Giám định tư pháp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật số 56/2020/QH14, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Giám định tư pháp; + Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Giám định tư pháp; + Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính do cố ý vi phạm quy định của pháp luật về giám định tư pháp; + Thực hiện một trong các hành vi quy định tại Điều 6 của Luật Giám định tư pháp; + Có quyết định nghỉ hưu hoặc quyết định thôi việc, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nguyện vọng tiếp tục tham gia hoạt động giám định tư pháp và cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có nhu cầu sử dụng phù hợp với quy định của pháp luật; + Chuyển đổi vị trí công tác hoặc chuyển công tác sang cơ quan, tổ chức khác mà không còn điều kiện phù hợp để tiếp tục thực hiện giám định tư pháp; + Theo đề nghị của giám định viên tư pháp. Trường hợp giám định viên tư pháp là công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng thì phải được sự chấp thuận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp; + Giám định viên tư pháp được bổ nhiệm để thành lập Văn phòng giám định tư pháp nhưng sau thời hạn 01 năm, kể từ ngày được bổ nhiệm không thành lập Văn phòng hoặc sau thời hạn 01 năm, kể từ ngày có quyết định cho phép thành lập Văn phòng mà không đăng ký hoạt động. 	
1137.	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: Cấp lần đầu	1.011705. 000.00.00.H10	Thí nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Mẫu số 01 Phụ lục 1 kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP . - Danh sách cán bộ quản lý trực tiếp (trưởng/phó phòng thí nghiệm), thí nghiệm viên kèm theo các văn bằng, chứng chỉ, 	

	hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động).			<p>chứng nhận được đào tạo liên quan.</p> <p>- Các tài liệu chứng minh năng lực hoạt động thí nghiệm đáp ứng các yêu cầu chung của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 và đáp ứng các yêu cầu cụ thể phù hợp với các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký.</p>	
1138.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng).	1.011708. 000.00.00.H10	Thí nghiệm	<p>Đơn đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.</p>	
1139.	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được	1.011710. 000.00.00.H10	Thí nghiệm	<p>- Đơn đăng ký cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.</p> <p>- Các hồ sơ liên quan</p>	

1140.	<p>cấp).</p> <p>Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng).</p>	1.011711. 000.00.00.H10	Thí nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP . - Danh sách cán bộ quản lý trực tiếp (trưởng/phó phòng thí nghiệm), thí nghiệm viên kèm theo các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận được đào tạo liên quan. - Các tài liệu chứng minh năng lực hoạt động thí nghiệm đáp ứng các yêu cầu chung của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 và đáp ứng các yêu cầu cụ thể phù hợp với các chỉ tiêu. 	
1141.	<p>Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.</p>	1.006871. 000.00.00.H10	VLXD	<p>* Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận được chỉ định (bên thứ ba), hồ sơ công bố hợp quy bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng (theo Mẫu 2. CBHC/HQ quy định tại phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật); + Bản sao y bản chính giấy tờ chứng minh về việc thực hiện sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy (Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật); + Bản sao y bản chính giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn 	

				<p>kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp kèm theo mẫu dấu hợp quy của tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>Trong quá trình xem xét hồ sơ, nếu cần thiết sẽ xem xét, đối chiếu với bản gốc hoặc yêu cầu bổ sung bản sao có công chứng;</p> <p>* Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh (bên thứ nhất), hồ sơ công bố hợp quy bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản công bố hợp quy (theo Mẫu 2. CBHC/HQ quy định tại phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật); + Bản sao y bản chính giấy tờ chứng minh về việc thực hiện sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy (Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật); + Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy chưa được tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý (ISO 9001, ISO 22000, HACCP...), thì hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân phải có quy trình sản xuất kèm theo kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng, áp dụng (theo Mẫu 1. KHKSCL quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật) và kế hoạch giám sát hệ thống quản lý; + Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy được tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý (ISO 9001, ISO 22000, HACCP...), 	
--	--	--	--	--	--

				<p>thì hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân phải có bản sao y bản chính giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý còn hiệu lực;</p> <p>+ Bản sao y bản chính phiếu kết quả thử nghiệm mẫu trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức thử nghiệm đã đăng ký;</p> <p>+ Báo cáo đánh giá hợp quy (theo Mẫu 5. BCĐG quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật) kèm theo mẫu dấu hợp quy và các tài liệu có liên quan;</p> <p>Trong quá trình xem xét hồ sơ, nếu cần thiết sẽ xem xét, đối chiếu với bản gốc hoặc yêu cầu bổ sung bản sao có công chứng.</p>
XVII. Thủ tục hành chính do Ban Quản lý Khu kinh tế quản lý				
STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa
1142.	Chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.	1.009748	Đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận. - Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư. - Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. - Đề xuất dự án đầu tư. - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. - Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).
1143.	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 4 Điều 30 của Nghị định	1.009755	Đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư; - Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; - Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; - Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thâm định, lấy ý kiến về công nghệ

	số 31/2021/NĐ-CP			theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC; - Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).	
1144.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.	1.009756	Đầu tư tại Việt Nam	- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận. - Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư. - Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. - Đề xuất dự án đầu tư hoặc Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư từ thời điểm triển khai đến thời điểm đề nghị cấp Giấy CNĐKĐT (Đối với dự án đã triển khai hoạt động). - Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ. - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. - Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).	
1145.	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	1.009757	Đầu tư tại Việt Nam	- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh. - Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức. - Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có).	
1146.	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý.	1.009759	Đầu tư tại Việt Nam	- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh. - Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức.	

				- Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có).
1147.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý.	1.009760	Đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> * Đối với Trường hợp 1: - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Tài liệu liên quan đến việc thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư. * Đối với Trường hợp 2: - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh - Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức. - Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có).
1148.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	1.009762	Đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư; - Hợp đồng hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư; - Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có); - Bản sao Hợp đồng BCC (đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BCC); - Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư

				tu.	
1149.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý .	1.009763	Đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư giữa bên nhận bảo đảm và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng. - Hợp đồng cho vay hoặc hợp đồng cấp tín dụng hoặc hợp đồng mua bán nợ (nếu có). - Hợp đồng hoặc văn bản xác nhận giao dịch bảo đảm (nếu có). - Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư chuyển nhượng và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng. - Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng. - Văn bản xác nhận của bên nhận bảo đảm về tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm. 	
1150.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý.	1.009764	Đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư. - Quyết định của nhà đầu tư về việc chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương. - Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư. - Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có). 	
1151.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý.	1.009765	Đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Nghị quyết hoặc quyết định của nhà đầu tư là tổ chức kinh tế bị tổ chức lại về việc tổ chức lại, trong đó có nội dung về việc xử lý tài sản, quyền và nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư. - Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có). 	
1152.	Điều chỉnh dự án đầu tư	1.009766	Đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. 	

	trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý.		Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm góp vốn. - Thỏa thuận của các cổ đông, thành viên về việc sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đang hoạt động. - Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư góp vốn, nhà đầu tư nhận góp vốn. 	
1153.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý.	1.009767	Đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm hợp tác kinh doanh. - Hợp đồng hợp tác kinh doanh. - Tài liệu về tư cách pháp lý của các bên tham gia hợp tác kinh doanh. - Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của bên tham gia hợp tác kinh doanh. 	
1154.	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).	1.009768	Đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư. - Bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án, trọng tài. 	
1155.	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được	1.009769	Đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư. - Bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án, trọng tài. 	

	cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).				
1156.	Gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý.	1.009770	Đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư. - Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư. - Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. 	
1157.	Ngừng hoạt động của dự án đầu tư	1.009771	Đầu tư tại Việt Nam	Văn bản thông báo về việc ngừng hoạt động dự án đầu tư.	
1158.	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	1.009772	Đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thông báo về việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư. - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. - Quyết định của nhà đầu tư về việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư. 	
1159.	Cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	1.009774	Đầu tư tại Việt Nam	- Văn bản đề nghị cấp lại hoặc hiệu đính.	
1160.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	1.009773	Đầu tư tại Việt Nam	- Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	
1161.	Thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với	1.009775	Đầu tư tại Việt Nam	- Văn bản đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp gồm những nội dung: thông tin về đăng ký doanh nghiệp của tổ chức kinh tế mà nhà đầu tư nước ngoài dự kiến góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; ngành, nghề kinh doanh;	

	nhà đầu tư nước ngoài.			<p>danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông sáng lập, danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (nếu có); tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trước và sau khi góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào tổ chức kinh tế; giá trị giao dịch dự kiến của hợp đồng góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; thông tin về dự án đầu tư của tổ chức kinh tế (nếu có).</p> <p>- Giấy tờ pháp lý của cá nhân, tổ chức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp.</p> <p>- Văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp giữa nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp hoặc giữa nhà đầu tư nước ngoài với cổ đông hoặc thành viên của tổ chức kinh tế đó.</p>	
1162.	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.	1.009776	Đầu tư tại Việt Nam	<p>- Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành gồm: tên và địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC; tên, địa chỉ văn phòng điều hành; nội dung, thời hạn, phạm vi hoạt động của văn phòng điều hành; họ, tên, nơi cư trú, số Giấy chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của người đứng đầu văn phòng điều hành.</p> <p>- Quyết định của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC về việc thành lập văn phòng điều hành.</p> <p>- Quyết định bổ nhiệm người đứng đầu văn phòng điều hành.</p> <p>- Hợp đồng BCC.</p>	
1163.	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.	1.009777	Đầu tư tại Việt Nam	<p>- Quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành trong trường hợp văn phòng điều hành chấm dứt hoạt động trước thời hạn.</p> <p>- Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán.</p> <p>- Danh sách người lao động, quyền và lợi ích của người lao động đã được giải quyết.</p> <p>- Xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ về thuế.</p>	

				<ul style="list-style-type: none"> - Xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội về việc đã hoàn thành nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội. - Hợp đồng BCC. 	
1164.	Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000063	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký; - Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài; - Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện; - Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất; - Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam; - Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện; + Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ và quy định pháp luật có liên quan. 	
1165.	Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước	2.000450	Thương mại quốc tế	<p>Trường hợp 1: Chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý đến</p>	

	ngoài tại Việt Nam			<p>một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý khác; bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký; - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện gửi Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 36 Nghị định này; - Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp; - Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện nơi chuyển đến theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ. <p>Trường hợp 2: Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới mọi hình thức, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký. 	
1166.	Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000327	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký; - Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài; - Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất; 	

				- Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh đã được cấp.
1167.	Điều chỉnh giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000347	Thương mại quốc tế	<p>- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;</p> <p>- Các tài liệu chứng minh về nội dung thay đổi, cụ thể:</p> <p>+ Trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ: Bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài.</p> <p>+ Trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ: Bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi nội dung hoạt động của thương nhân nước ngoài.</p> <p>+ Trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ: Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bỏ nhiệm người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện; bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện; giấy tờ chứng minh người đứng đầu cũ của Văn phòng đại diện đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân đến thời điểm thay đổi.</p> <p>+ Trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại Khoản 6 và Khoản 7 Điều 15 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ: Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện; bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của</p>

				<p>Chính phủ và quy định pháp luật có liên quan.</p> <p>- Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.</p>	
1168.	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	2.000314	Thương mại quốc tế	<p>- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo mẫu;</p> <p>- Bản sao văn bản của Cơ quan cấp Giấy phép không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (đối với trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP) hoặc bản sao Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Cơ quan cấp Giấy phép (đối với trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP);</p> <p>- Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;</p> <p>- Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động;</p> <p>- Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.</p>	
1169.	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn dưới 90 ngày	1.005132	Lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước	<p>- Văn bản đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập (theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH);</p> <p>- Bản sao Hợp đồng nhận lao động thực tập, có bản dịch bằng tiếng Việt;</p> <p>- Tài liệu chứng minh việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề phù hợp với pháp luật của nước tiếp nhận lao động theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH, cụ thể gồm một trong các giấy tờ sau:</p> <p>+ 01 bản sao văn bản cho phép cơ sở tiếp nhận lao động thực tập được tiếp nhận lao động nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại cấp.</p> <p>+ Giấy tờ khác thể hiện cơ sở tiếp nhận lao động thực tập được phép tiếp nhận người lao động theo quy định của nước sở tại;</p> <p>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>- Giấy tờ chứng minh việc ký quỹ của doanh nghiệp theo Mẫu</p>	

				số 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP (bản chính)	
1170.	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	2.001955	Lĩnh vực lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị đăng ký nội quy lao động; - Các văn bản của người sử dụng lao động có quy định liên quan đến kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất (nếu có); - Văn bản góp ý kiến của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở; - Nội quy lao động. 	
1171.	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.	1.009972	Quản lý hoạt động xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021. - Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình theo quy định pháp luật về đầu tư. - Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo của Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của thiết kế cơ sở; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường); - Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án; - Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có) + mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra. 	
1172.	Cấp giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo	1.009974	Lĩnh vực Quản lý hoạt động xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; - Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); 	

	/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).			<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; - Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng; 	
1173.	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án). Mã số hồ sơ:	1.009.975	Lĩnh vực Quản lý hoạt động xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở riêng lẻ theo Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP. -Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); - Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; - Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng; 	
1174.	Cấp giấy phép điều chỉnh xây dựng công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài,	1.009977	Lĩnh vực Quản lý hoạt động xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP. - Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp; - Báo cáo kết quả thẩm định và văn bản phê duyệt thiết kế xây dựng điều chỉnh (trừ nhà ở riêng lẻ) của chủ đầu tư, trong đó phải có nội dung về bảo đảm an toàn chịu lực, an toàn phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường. 	

	tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)				
1175.	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	1.009978	Lĩnh vực Quản lý hoạt động xây dựng	- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.	
1176.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	1.009979	Lĩnh vực Quản lý hoạt động xây dựng	- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cấp lại theo Mẫu số 02 Phụ lục II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; - Giấy phép xây dựng đã được cấp đối với trường hợp bị rách, nát. Bản cam kết tự chịu trách nhiệm về việc thất lạc giấy phép xây dựng của chủ đầu tư đối với trường hợp bị thất lạc giấy phép xây dựng.	

1177.	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra Nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành).	1.009794	Lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo Phụ lục VIa Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. (Bản chính) - Danh mục liệt kê hồ sơ hoàn thành công trình. 	
1178.	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh. Mã số hồ sơ:	1.003011	Lĩnh vực quy hoạch xây dựng, kiến trúc	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án. 2. Bản vẽ quy hoạch: <ul style="list-style-type: none"> - Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất theo tỷ lệ thích hợp. - Bản đồ hiện trạng sử dụng đất; tỷ lệ 1/500. - Các bản đồ hiện trạng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường: Giao thông, cung cấp năng lượng và chiếu sáng đô thị, thông tin liên lạc, cấp nước, cao độ nền và thoát nước mưa, thoát nước thải; quản lý chất thải rắn, nghĩa trang và môi trường. Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500. - Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/500. - Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan, tỷ lệ 1/500. - Bản đồ quy hoạch hệ thống công trình giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, tỷ lệ 1/500. 	

				<ul style="list-style-type: none"> - Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác: Chuẩn bị kỹ thuật, cấp nước, cấp năng lượng và chiếu sáng, thoát nước, quản lý chất thải rắn, hạ tầng viễn thông thụ động và công trình hạ tầng kỹ thuật khác, tỷ lệ 1/500. - Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật, tỷ lệ 1/500. - Bản vẽ xác định các khu vực xây dựng công trình ngầm, tỷ lệ thích hợp. - Các bản vẽ quy định việc kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan trong khu vực lập quy hoạch, tỷ lệ thích hợp. 3. Thuyết minh quy hoạch + Phụ lục kèm theo thuyết minh. 4. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng. 5. Dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án. 6. Ý kiến của công an PCCC. 7. Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng 	
1179.	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.	1.002253	Lĩnh vực đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trương cho thuê đất của UBND tỉnh; - Bản đồ địa chính thửa đất (đã được các Sở ngành liên quan ký xác nhận); - Đơn xin giao đất, cho thuê đất theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; - Bản cam kết thực hiện tiến độ dự án; - Bản cam kết chứng minh năng lực tài chính; - Giấy đăng ký kinh doanh của chủ đầu tư; - Thuyết minh dự án đầu tư (Trường hợp xin giao đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh thì không phải nộp kèm bản sao bản thuyết minh dự án đầu tư nhưng phải nộp bản sao quyết định đầu tư xây dựng công trình quốc phòng, an ninh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền gồm các nội dung liên quan đến việc sử dụng đất hoặc quyết định phê duyệt quy hoạch vị trí đóng quân của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an). 	
1180.	Miễn, giảm tiền thuê đất	3.000020	Lĩnh vực công	* Hồ sơ miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản:	

	trong Khu kinh tế.		sản	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản; trong đó ghi rõ: Diện tích đất thuê, thời hạn thuê đất; lý do miễn và thời gian miễn tiền thuê đất . - Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư (trừ trường hợp thuộc đối tượng không phải cấp các loại giấy tờ này theo pháp luật về đầu tư) (bản sao). - Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản sao). - Dự án đầu tư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư làm cơ sở để được Nhà nước cho thuê đất (bản sao). * Hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định pháp luật về đầu tư: <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị được miễn, giảm tiền thuê đất, trong đó ghi rõ: Diện tích đất thuê, thời hạn thuê đất; lý do miễn, giảm và thời gian miễn, giảm tiền thuê đất . - Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư (trừ trường hợp không phải cấp các loại giấy tờ này theo pháp luật về đầu tư và trường hợp được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất nay chuyển sang thuê đất hoặc được Nhà nước cho thuê đất nay thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất) (bản sao). - Dự án đầu tư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư (trừ trường hợp được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất nay chuyển sang thuê đất hoặc được Nhà nước cho thuê đất nay thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất) (bản sao). - Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản sao). - Chứng từ chứng minh đã giải ngân được tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong 03 năm đối với trường hợp được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 15 Luật đầu tư (bản sao). 	
--	--------------------	--	-----	--	--

				<ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ chứng minh sử dụng số lao động bình quân trong năm từ 500 người trở lên có xác nhận của cơ quan quản lý lao động có thẩm quyền trên địa bàn thực hiện dự án với trường hợp được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định Điểm d Khoản 2 Điều 15 Luật đầu tư (bản sao). * Hồ sơ miễn tiền thuê đất trong thời gian tạm ngừng hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị được miễn tiền thuê đất trong thời gian tạm ngừng hoạt động . - Văn bản xác nhận của cơ quan đăng ký đầu tư về thời gian tạm ngừng hoạt động của dự án. - Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản sao). 	
1181.	Cấp giấy phép môi trường	1.010727	Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính) - Trường hợp dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm: Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm (mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính) - Trường hợp dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính) - Trường hợp cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II: Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt 	

				<p>động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II (mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p> <p>- Giấy phép môi trường (mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở và nêu rõ lý do trong trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường.</p>
1182.	Cấp đổi giấy phép môi trường	1.010728	Môi trường	<p>- Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p> <p>Giấy phép môi trường cấp đổi (mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)</p>
1183.	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	1.010729	Môi trường	<p>- Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p> <p>Giấy phép môi trường điều chỉnh (mẫu số 41 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)</p>
1184.	Cấp lại giấy phép môi trường	1.010730	Môi trường	<p>- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p> <p>- Trường hợp dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p> <p>Trường hợp cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II: Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm</p>

				<p>I hoặc nhóm II (mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p> <p>- Giấy phép môi trường (mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở và nêu rõ lý do trong trường hợp không đủ điều kiện cấp lại giấy phép môi trường</p>	
--	--	--	--	---	--